

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: **Lâm học**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Lâm học**
Mã ngành: **7620201**

*(Ban hành theo Quyết định số 1724/QĐ-ĐHHĐ ngày 01/9/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong lĩnh vực lâm nghiệp theo định hướng ứng dụng, có thái độ lao động nghiêm túc, có đạo đức nghề nghiệp và khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan, doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ kỹ thuật về lâm nghiệp, góp phần phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Sinh viên được cung cấp hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2: Người học có các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, bao gồm các suy luận logic, các định luật, tính chất hóa học và các quy luật của tự nhiên, thống kê sinh học, mô hình toán học để giải quyết các bài toán kinh tế, kỹ thuật lâm nghiệp; kiến thức cơ bản, kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm Word, Excel, Powerpoint, phần mềm ứng dụng SPSS, Mapinfor để phân tích và xử lý thông tin trong lâm nghiệp.

PO3: Thiết kế, chỉ đạo thực hiện được các biện pháp kỹ thuật tạo giống cây trồng, kỹ thuật trồng rừng, xây dựng và phát triển rừng.

PO4: Xây dựng được phương án và hướng dẫn thực hiện các biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý bảo vệ bền vững tài nguyên rừng.

PO5: Xây dựng được kế hoạch khai thác, sử dụng rừng và đánh giá hiệu quả các mô hình trong sản xuất lâm nghiệp, từ đó lập quy hoạch phát triển rừng phù hợp với Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ.

PO6: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về chính sách, đầu tư, tài chính; tham gia tập huấn, chuyển giao kỹ thuật trong lâm nghiệp, đề xuất, lựa chọn giải pháp, cải tiến

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Lâm học: Trình độ Đại học

(Ban hành theo QĐ số: 1724/QĐ-ĐHHD ngày 01/9/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHHD)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo kỹ sư Lâm học được xây dựng lần đầu năm 2008 với mục tiêu đào tạo kỹ sư lâm học phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước. Chương trình đã bốn lần được điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động qua các năm 2009, 2015, 2017 và 2020. Chương trình được xây dựng dựa trên các điều tra khảo sát về kiến thức, kỹ năng sinh viên cần đạt được để đáp ứng nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động, góp ý từ các chuyên gia, giảng viên, cựu sinh viên và sinh viên. Chương trình xây dựng có sự tham khảo các chương trình đào tạo của các trường Đại học trong nước như: Đại học Lâm nghiệp, Đại học Nông Lâm TP HCM, Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

Chương trình đào tạo hiện hành bao gồm 150 tín chỉ, trong đó khối kiến thức đại cương 42 tín chỉ (có 40 tín chỉ bắt buộc và 2 tín chỉ tự chọn); kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 108 tín chỉ (có 76 tín chỉ bắt buộc và 32 tín chỉ tự chọn). Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được phân bổ cụ thể như sau: kiến thức cơ sở ngành 23 tín chỉ, kiến thức ngành 53 tín chỉ, kiến thức bổ trợ 9 tín chỉ, thực tập nghề nghiệp 9 tín chỉ và thực tập tốt nghiệp/ đồ án tốt nghiệp 14 tín chỉ. Khối lượng kiến thức trong chương trình đào tạo được bố trí học trong 9 học kỳ (kỳ 1: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 2: gồm 7 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 3: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 4: gồm 6 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 5: gồm 6 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 6: gồm 6 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 7: gồm 5 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 8: gồm 6 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 9: gồm 2 học phần, 14 tín chỉ).

Ngoài các học phần đại cương và cơ sở do nhiều cán bộ giảng viên có trình độ và kinh nghiệm giảng dạy, các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành được giảng dạy bởi 11 giảng viên có trình độ cao (5 TS, và 6 ThS). Hệ thống phòng học và trang thiết bị phục vụ dạy học được Nhà trường trang bị đồng bộ, đáp ứng tốt công tác giảng dạy. Hệ thống phòng thí nghiệm được đầu tư hiện đại với các phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Lâm nghiệp; Phòng TN nuôi cấy mô; Phòng TN nông hoá thổ nhưỡng; Phòng TN vi sinh vật.....Đặc biệt các thiết bị thí nghiệm được trang bị tương đối đầy đủ và hiện đại, đáp ứng tốt trong công tác giảng dạy. Khu thực hành thực tập được bố trí nhiều mô hình sản xuất đáp ứng nhu cầu thực hành, rèn kỹ năng nghề nghiệp cho người học. Thư viện và phòng đọc có tương đối đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo.

công nghệ, nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm từ rừng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi.

PO7: Người học nắm vững kiến thức Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh tương đối thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội.

2. Thời gian đào tạo: 4.5 năm (54 tháng)

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 150 tín chỉ (không tính GDQP; GDTC)

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Kiểm tra, đánh giá và thang điểm: Theo quy chế đào tạo và quy định hiện hành.

7. Cấu trúc kiến thức của chương trình

Khối kiến thức	Số tín chỉ
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương	42
7.1.1. Lý luận chính trị	13
7.1.2. Ngoại ngữ:	10
7.1.3. Toán, Tin học, khoa học TN, XH, CN, MT	19
- Bắt buộc	17
- Tự chọn	2
7.1.4. Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)	
7.1.5. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)	
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	108
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành	23
- Bắt buộc	17
- Tự chọn	6
7.2.2. Kiến thức ngành	53
- Bắt buộc	35
- Tự chọn	18
7.2.3. Kiến thức bổ trợ	9
Tự chọn	9
7.2.4. Thực tập nghề nghiệp	9
7.2.5. Thực tập tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp	14
Tổng	150

8. Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				Học kỳ	ĐK tiên quyết	BM quản lý học phần
				LT	BT, TL	TH	Tự học			
A	KHÔI KIẾN THỨC GDĐC		42							
I	Lý luận chính trị		13							
1	196055	Triết học Mác-Lê nin	3	32	26		135	1		LL Mác-LN
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18		90	2	1	LL Mác-LN
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	2	2	LL Mác-LN
4	198030	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2	21	18		90	4	3	LSD-TT
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18		90	3	3	LSD-TTHCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90	3		Luật
II	Ngoại ngữ		10							
7	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180	1		Ngoại ngữ KC
8	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	2	7	Ngoại ngữ KC
9	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	3	8	Ngoại ngữ KC
III	KHTN-KHXX-Tin-Môi trường		19							
10	114005	Xác suất - Thống kê	3	27	36		135	1		Toán ứng dụng
11	173080	Tin học	2	10		40	90	1		Tin ứng dụng
12	116010	Hoá học	2	18	24		90	2		Hoá học
13	163305	Hoá sinh học	3	21	27	21	135	2		KH vật nuôi
14	163045	Công nghệ sinh học	3	21	27	21	135	3		LN & PTNT
15	Chọn 1 trong 2 học phần									
	163175	Sinh thái môi trường	2	15	18	12	90	1		KH Đất & MT
	162093	Khoa học môi trường	2	15	18	12	90	1		KH Đất & MT
16	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	18	6	90	1		VN học Du lịch
17	181160	Tâm lý lao động	2	18	12	12	90	2		Tâm lý GD
IV	Giáo dục thể chất									
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	10		20	90	1		Bóng - ĐK
	Giáo dục thể chất 2 (Chọn 1 trong 5 HP)		2							
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90	2		Bóng - ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90	2		Bóng - ĐK
c	191033	Bóng đá	2			30	90	2		Bóng - ĐK
d	191034	Bóng rổ	2			30	90	2		Bóng - ĐK
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90	2		Bóng - ĐK
V	Giáo dục quốc phòng (tiết)		165							TT GDQP
B	KHÔI KIẾN THỨC GDCN		108							
I	Kiến thức cơ sở ngành		23							

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				Học kỳ	ĐK tiên quyết	BM quản lý học phần
				LT	BT, TL	TH	Tự học			
18	161084	PP nghiên cứu khoa học và Thống kê lâm nghiệp	3	27	36		135	2	10	LN & PTNT
19	165212	Thực vật học	3	21	27	21	135	3		KHCT
20	163069	Sinh lý thực vật	3	21	27	21	135	3		LN & PTNT
21	Chọn 1 trong 2 học phần									
	161082	Khí tượng thủy văn rừng	3	21	27	21	135	4	20	LN & PTNT
	163309	Khí tượng nông nghiệp	3	21	27	21	135	4	20	Khoa học CT
22	Chọn 1 trong 2 học phần									
	161083	Sinh thái rừng	3	21	27	21	135	4	15	LN & PTNT
	161012	Sinh thái cảnh quan	3	21	27	21	135		15	LN & PTNT
23	162025	Vĩ sinh vật học	2	15	18	12	90	4		LN & PTNT
24	262002	Thổ nhưỡng	3	21	27	21	135	4		KH Đất & MT
25	161112	Đo đạc lâm nghiệp	3	21	27	21	135	4	10	LN & PTNT
II	Kiến thức ngành		53							
26	164110	Nuôi trồng thủy sản Đại cương	2	15	18	12	90		6	KH Vật nuôi
27	Chọn 1 trong 2 học phần									
	161086	Cây rừng	3	21	27	21	135	5	19	LN & PTNT
	161031	Cây xanh đô thị	3	21	27	21	135	5	19	LN & PTNT
28	161092	Giống cây rừng	3	21	27	21	135	5	14,19	LN & PTNT
29	161093	Trồng rừng	4	30	30	30	180	5	22	LN & PTNT
30	161088	Động vật rừng	3	21	27	21	135	6	27	LN & PTNT
31	161089	Sâu bệnh hại cây rừng	4	30	30	30	180	6	27	LN & PTNT
32	161201	Quản trị trang trại	3	21	27	21	135	8		LN & PTNT
33	161091	Điều tra rừng	4	30	30	30	180	7	18,27	LN & PTNT
34	161095	Quy hoạch lâm nghiệp	3	21	27	21	135	7	25	LN & PTNT
35	161094	Khai thác lâm sản	3	21	27	21	135	7	22	LN & PTNT
36	161087	Kỹ thuật lâm sinh	4	30	30	30	180	7	22	LN & PTNT
37	161097	Sản lượng rừng	3	21	27	21	135	8	18,33	LN & PTNT
38	Chọn 1 trong 2 học phần									
	163118	Chế phẩm sinh học trong NN	3	21	27	21	135	5	23	KH cây trồng
	163213	CN vi sinh vật trong SX NN	3	21	27	21	135	5	23	KH cây trồng
39	Chọn 1 trong 2 học phần									
	161085	Đa dạng sinh học	2	15	18	12	90	6		LN & PTNT
	161098	Chăn nuôi động vật hoang dã	2	15	18	12	90	6		LN & PTNT
40	Chọn 1 trong 2 học phần									

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ tín chỉ				Học kỳ	ĐK tiên quyết	BM quản lý học phần
				LT	BT, TL	TH	Tự học			
	161081	Nông lâm kết hợp	3	21	27	21	135	8	34	LN & PTNT
	163071	Hệ thống nông nghiệp	3	21	27	21	135			KH cây trồng
41	Chọn 1 trong 2 học phần									
	161101	Lừa rừng	3	21	27	21	135	6	27	LN & PTNT
	161077	Dự báo tài nguyên và quản lý thảm họa rừng	3	21	27	21	135	6		LN & PTNT
42	Chọn 1 trong 2 học phần									
	161102	Kinh tế lâm nghiệp	3	21	27	21	135	8		LN & PTNT
	161096	Pháp luật lâm nghiệp	3	21	27	21	135	6		LN & PTNT
III	Kiến thức bổ trợ		9							
43	Chọn 1 trong 2 học phần									
	163199	Cây dược liệu	3	21	27	21	135	5		KH cây trồng
	163097	Công nghệ nuôi trồng nấm ăn và nấm dược liệu	3	21	27	21	135	5		KH cây trồng
44	Chọn 1 trong 2 học phần									
	163295	Marketing nông nghiệp	3	21	27	21	135	8		LN & PTNT
	163316	Khuyến nông	3	21	27	21	135	8		KH cây trồng
45	Chọn 1 trong 2 học phần									
	163317	Lập và quản lý dự án phát triển nông thôn	3	21	27	21	135	8		LN & PTNT
	163067	Phát triển nông thôn	3	21	27	21	135	8		LN & PTNT
IV	Thực tập nghề nghiệp		9							
46	161106	Rèn nghề	3			135		6		LN & PTNT
47	161107	Công trình tổng hợp	3			135		7		LN & PTNT
48	161108	Thực tập giáo trình	3			135		8		LN & PTNT
V	Thực tập/ Đồ án tốt nghiệp		14							
49	161109	Thực tập tốt nghiệp	4			180		9		LN & PTNT
50	161111	Đồ án tốt nghiệp	10			450		9		LN & PTNT
Tổng			150							

Kế hoạch giảng dạy theo năm học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1 (16TC)	Học kỳ 2 (17TC)	Học kỳ 1 (16TC)	Học kỳ 2 (16TC)
1. Triết học MLN (3TC) 2. Tiếng Anh 1(4TC) 3. XS -Thống kê (3TC) 4. Cơ sở VHVN (2TC) 5. Tin học (2TC) 6. Sinh thái MT/Khoa học môi trường (2TC)	1.Kinh tế CT MLN (2TC) 2.CNXH khoa học (2TC) 3. Tiếng Anh 2 (3TC) 4. Hóa học (2TC) 5. Hóa sinh học (3TC) 6. Tâm lý lao động (2TC) 7. PP NCKH và Thống kê LN (3TC)	1. Tư tưởng HCM (2TC) 2. Pháp luật ĐC (2TC) 3. Tiếng Anh 3 (3TC) 4. Sinh lý thực vật (3TC) 5. Thực vật học (3TC) 6. Công nghệ SH (3TC)	1. Lịch sử ĐCSVN (2TC) 2. Khí tượng nông nghiệp / Khí tượng TV R (3TC) 3. Thổ nhưỡng (3TC) 4. Đo đạc LN (3TC) 5. Sinh thái rừng/ Sinh thái cảnh quan (3TC) 6. Vi sinh vật học (2TC)
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 1 (18TC)	Học kỳ 2 (18TC)	Học kỳ 1 (17TC)	Học kỳ 2 (18TC)
1.Đa dạng sinh học (2TC) 2. Cây rừng/ Cây xanh đô thị (3TC) 3. Cây dược liệu /CNNT Nấm (3TC) 4. Chế phẩm sinh học trong NN/CN vi sinh vật trong SXNN(3TC) 5. Giống cây rừng (3TC) 6. Trồng rừng (4TC)	1. Lừa rừng/Dự báo TN & QL thảm họa rừng (3TC) 2. Sâu bệnh hại cây rừng (4TC) 3. Động vật rừng (3TC) 4. Pháp luật LN (3TC) 5. Nuôi trồng thủy sản ĐC/ Chăn nuôi động vật hoang dã (2TC) 6. Rèn nghề (3TC)	1. Điều tra rừng (4TC) 2. Quy hoạch LN (3TC) 3. Khai thác lâm sản (3TC) 4. Kỹ thuật lâm sinh (4TC) 5. CT tổng hợp (3TC)	1. Sản lượng rừng (3TC) 2. Nông lâm kết hợp/ Hệ thống nông nghiệp (3TC) 3. Lập và QLDA PT nông thôn/ PT nông thôn (3TC) 4. Marketing NN /Khuyến nông(3TC) 5. Kinh tế LN/Quản trị trang trại (3TC) 6. Thực tập giáo trình (3TC)
Năm thứ năm			
Học kỳ 1 (14TC)			
1. Thực tập TN (4TC) 2. Đồ án TN (10TC)			

9. Mô tả nội dung học phần

9.1. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN / Philosophy of Marxism and Leninism

- Số tín chỉ: 3 (32,26)
- Mã học phần: 196055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Má - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Má - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Má - Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.

- Năng lực đạt được: Người học nắm vững lý luận triết học Má - Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Về kiến thức: Khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển và vai trò của triết học Má - Lênin trong đời sống xã hội. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; bản chất của nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và con người.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường DVBC và phương pháp luận biện chứng duy vật.

- Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo;

- Biết vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng;

- Nhìn nhận một cách khách quan về vai trò của chủ nghĩa Má-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

(9LT:08TL)

1. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

- 1.1. Khái lược về triết học
- 1.2. Vấn đề cơ bản của triết học
- 1.3. Biện chứng và siêu hình

2. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

- 2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mac – Lênin
- 2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mac – Lênin
- 2.3. Vai trò của triết học Mac – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

(9LT:08TL)

1. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

- 1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất
- 1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức
- 1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

- 2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật
- 2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật

3. LÝ LUẬN NHẬN THỨC

- 3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng
- 3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức
- 3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức
- 3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức
- 3.5. Tính chất của chân lý

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

(14LT:10TL)

1. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

- 1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội
- 1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- 1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
- 1.4. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

2. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC

- 2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp
- 2.2. Dân tộc
- 2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại

3. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI

- 3.1. Nhà nước
- 3.2. Cách mạng xã hội

4. Ý THỨC XÃ HỘI

- 4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội
- 4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội

5. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

- 5.1. Khái niệm con người và bản chất con người
- 5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người
- 5.3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò cá nhân chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử

5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Học liệu bắt buộc:

1. Bộ GD & ĐT, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

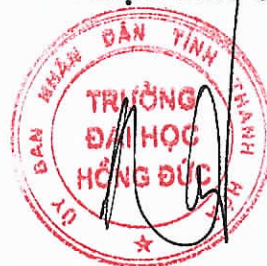
2. Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015.

9.2. Học liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui *Giáo trình triết học Mác-LêNin* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) H: CTQG; 2005.

2. Nguyễn Hữu Vui, *Lịch sử triết học*, NXB CTQG, 1997

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.2. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN / Political economics of Marxism and Leninism.

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mácx - Lênin
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mácx-Lênin

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần gồm:* Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mácx - Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mácx - Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

- *Năng lực đạt được:* Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Khái quát lịch sử hình thành, đối tượng, phương pháp, chức năng của kinh tế chính trị Mácx - Lênin. Quan điểm của chủ nghĩa Mácx - Lênin về hàng hóa, tiền tệ, thị trường, các quy luật kinh tế chủ yếu của sản xuất hàng hóa; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Ý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Xây dựng và nâng cao lập trường tư tưởng chính trị, ý thức hệ của chủ nghĩa Mácx - Lênin đối với người học.

- Người học nhận thức rõ hơn về con đường đi lên CNXH ở nước ta hiện nay.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN (4LT:3TL)

I. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mácx - Lênin

1. Chủ nghĩa trọng thương
2. Chủ nghĩa trọng nông
3. Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh
4. Kinh tế chính trị Mácx - Lênin

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mácx - Lênin

1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mácx - Lênin
2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mácx - Lênin

III. Chức năng của kinh tế chính trị Mácx - Lênin

1. Chức năng nhận thức
2. Chức năng thực tiễn
3. Chức năng tư tưởng

4. Chức năng phương pháp luận

Chương 2: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG (4LT:3TL)

I. Lý luận của C.Mác về hàng hóa

1. Điều kiện ra đời, tồn tại của sản xuất hàng hoá
2. Hàng hoá
3. Tiền tệ

II. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

1. Thị trường
2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường

Chương 3: GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG (4LT:3TL)

I. Nguồn gốc, bản chất của giá trị thặng dư.

1. Công thức chung của tư bản
2. Hàng hoá sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản
3. Sản xuất giá trị thặng dư
4. Tư bản bất biến và tư bản khả biến
5. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư
6. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa

II. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động

1. Tuần hoàn của tư bản
2. Chu chuyển của tư bản
3. Tư bản cố định và tư bản lưu động

III. Tích lũy tư bản

1. Thực chất của tích lũy tư bản và các nhân tố quyết định quy mô tích lũy tư bản
2. Quy luật chung của tích lũy tư bản

IV. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường

1. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận
2. Lợi nhuận bình quân
3. Các hình thái tư bản và lợi nhuận của chúng

Chương 4: CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG (4LT:3TL)

I. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền
2. Đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước
2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

III. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

1. Vai trò tích cực của chủ nghĩa tư bản
2. Giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản
3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

Chương 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM (3LT:3TL)

I. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

III. Các quan hệ lợi ích ở Việt nam

1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế

2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích

Chương 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

(3LT:3TL)

I. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa

2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

II. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế

2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam

3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Học liệu bắt buộc:

1- Bộ GD & ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, NXB CTQG, 2004.

9.2. Học liệu tham khảo:

1. Văn kiện đảng toàn tập : 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.3. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ Scientific socialism

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)

- Mã học phần: 196065

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

- Năng lực đạt được: Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Người học có được kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Người học có khả năng luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu của một khoa học và của một vấn đề nghiên cứu, phân biệt được những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện thực.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng; Có niềm tin vào mục tiêu và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo; tin tưởng con đường XHCN mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (4LT:0TL)

1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học

2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXHKKH

3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH

CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN (3LT:3TL)

1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân.

1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân

1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

1.3. Những điều kiện và quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.

2.1. Giai cấp công nhân hiện nay.

2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay

3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH (3LT:3TL)

1. Chủ nghĩa xã hội

1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái KT-XH cộng sản chủ nghĩa.

1.2. Điều kiện ra đời của CNXH

1.3. Những đặc trưng cơ bản của CNXH

2. Thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH

2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH

3. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam

3.1. Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

3.2. Những đặc trưng của CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (3LT:3TL)

1. Dân chủ và dân chủ XHCN

1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước XHCN.

2.2. Mối quan hệ giữa XHCN và nhà nước XHCN

3. Dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam

3.1. Dân chủ XHCN ở Việt Nam

3.2. Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam

3.3. Phát huy dân chủ XHCN, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN XHCN (3LT:3TL)

1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội

1.2. Sự biến đổi có tính qui luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN XHCN (3LT:3TL)

1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH

1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc

1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo

2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước hiện nay

3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH

1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

1.1. Khái niệm gia đình

1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội

1.3 Chức năng cơ bản của gia đình

2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội

2.2. Cơ sở chính trị - xã hội

2.3. Cơ sở văn hóa

2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Học liệu bắt buộc :

1. Bộ GD & ĐT, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

9.2. Học liệu tham khảo:

1. Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015.

2. Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: Dùng trong các trường ĐH, CĐ/ Bộ giáo dục đào tạo H: CTQG, 2008.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM HISTORY OF VIETNAMESE COMMUNIST PARTY

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)
- Mã học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung của học phần:* Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Chương 1: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975). Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (1975- đến nay).

- *Năng lực đạt được:* Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. *Mục tiêu về kiến thức:* Cung cấp cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930) và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Những nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (1945 -1975) Đồng thời cũng thấy được vai trò lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

2.2. *Mục tiêu về kỹ năng:* Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề đặt ra, có phương pháp nhận thức biện chứng khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay; phê phán những quan điểm sai trái về lịch sử của Đảng, đồng thời giúp người học gắn tư duy lý luận với thực tiễn, vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo; Vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

2.3. *Mục tiêu về thái độ:* Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương nhập môn: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(6LT:5TL)

1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- 1.1. Đối tượng nghiên cứu
- 1.2. Phạm vi nghiên cứu
- II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**
 - 2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng
 - 2.2. Nhiệm vụ của môn học
- III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**
 - 3.1. Phương pháp luận
 - 3.2 Các phương pháp cụ thể
- IV. Mục đích, yêu cầu của môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam**
- Chương 1: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945) (6LT:5TL)**
 - 1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)**
 - 1.1.1. Bối cảnh lịch sử
 - 1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng
 - 1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng
 - 1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
 - 1.2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)**
 - 1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932- 1935
 - 1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939
 - 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945
 - 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945
- Chương 2: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975) (6LT:5TL)**
 - 2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)**
 - 2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946
 - 2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950
 - 2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951-1954
 - 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ
 - 2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)**
 - 2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965
 - 2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975
 - 2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954- 1975
- Chương 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018) (3LT:3TL)**
 - 3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)**
 - 3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981

3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982- 1986

3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)

3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội 1986-1996

3.2.2 Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế 1996 đến nay.

3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Bộ GD&ĐT (2021), *Lịch sử Đảng CSVN*, Nxb CTQGST.
2. Bộ GD&ĐT (2006), *Lịch sử Đảng CSVN*, Nxb CTQG.

9.2. Sách tham khảo:

1. Bộ GD&ĐT (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*, tập I,II,III, Nxb CTQG.
2. Văn kiện Đảng toàn tập tập tập: I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII,IX,X,XI,XII,XIII (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.5. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH/ HO CHI MINH'S IDEOLOGY

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử Đảng - Tư tưởng Hồ Chí Minh .
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung môn học gồm 6 chương*: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học

- *Năng lực đạt được*: Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2LT, 0 TL)

I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh
 - a) Thống nhất tính Đảng và tính khoa học
 - b) Thống nhất lý luận và thực tiễn
 - c) Quan điểm lịch sử - cụ thể
 - d) Quan điểm toàn diện và hệ thống

e) Quan điểm kế thừa và phát triển

2. Một số phương pháp cụ thể

IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận

2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước

3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác

Chương II: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

(2 LT, 2 TL)

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở thực tiễn

a) Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

b) Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

2. Cơ sở lý luận

a) Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam

b) Tinh hoa văn hóa nhân loại

c) Chủ nghĩa Mác - Lênin

3. Nhân tố chủ quan của Hồ Chí Minh

a) Phẩm chất Hồ Chí Minh

b) Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thời kỳ trước ngày 5- 6- 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm đường cứu nước mới

2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản

3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam

4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua sóng gió, thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo

5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta

III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Đối với cách mạng Việt Nam

a) Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta

b) Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay

2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại

a) Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội

b) Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới

Chương III: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

(2LT, 4TL)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

1. Vấn đề độc lập dân tộc
 - a) Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc
 - b) Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân
 - c) Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để
 - d) Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
2. Về cách mạng giải phóng dân tộc
 - a) Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản
 - b) Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của cách mạng Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo
 - c) Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công – nông làm nền tảng
 - d) Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc
 - e) Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội
 - a) Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội
 - b) Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan
 - c) Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - a) Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - b) Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
 - a) Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ
 - b) Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội
2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc
3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định
2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa
3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị

4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

Chương IV: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN (2 LT, 4TL)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam
2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh
 - a) Đảng là đạo đức, là văn minh
 - b) Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng
 - c) Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1. Nhà nước dân chủ
 - a) Bản chất giai cấp của nhà nước
 - b) Nhà nước của dân, do dân, vì dân
2. Nhà nước pháp quyền
 - a) Nhà nước hợp hiến, hợp pháp
 - b) Nhà nước thượng tôn pháp luật
 - c) Pháp quyền nhân nghĩa
3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh
 - a) Kiểm soát quyền lực nhà nước
 - b) Phòng, chống tiêu cực trong nhà nước

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC

1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh
2. Xây dựng nhà nước

Chương V: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ (2LT, 2TL)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc
 - a) Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng
 - b) Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam
2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc
 - a) Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc
 - b) Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc
3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc
4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất
 - a) Mặt trận dân tộc thống nhất
 - b) Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế

a) Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho cách mạng.

b) Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại.

2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức

a) Các lực lượng cần đoàn kết

b) Hình thức tổ chức

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

a) Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình.

b) Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng.

2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng.

3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế

Chương VI: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI (5LT, 6 TL)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

a) Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hoá

b) Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

a) Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng

b) Văn hóa là một mặt trận

c) Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng

a) Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng

b) Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội

2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

a) Trung với nước, hiếu với dân

b) Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

c) Thương yêu con người, sống có tình, có nghĩa

d) Tinh thần quốc tế trong sáng

3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

a) Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức

b) Xây đi đôi với chống

c) Tu dưỡng đạo đức suốt đời

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

a) Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho cách mạng.

b) Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại.

2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức

a) Các lực lượng cần đoàn kết

b) Hình thức tổ chức

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế

a) Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích, có lý, có tình.

b) Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ.

III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng.

2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng.

3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế

Chương VI: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI (SLT, 6 TL)

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA

1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

a) Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hoá

b) Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

a) Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng

b) Văn hóa là một mặt trận

c) Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng

a) Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng

b) Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội

2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

a) Trung với nước, hiếu với dân

b) Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

c) Thương yêu con người, sống có tình, có nghĩa

d) Tinh thần quốc tế trong sáng

3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

a) Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức

b) Xây đi đôi với chống

c) Tu dưỡng đạo đức suốt đời

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người

IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người

2. Về xây dựng đạo đức cách mạng

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. TL bắt buộc:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị quốc gia sự thật.

9.2. TL tham khảo:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)*

2. Hồ Chí Minh (2016), *Biên niên tiểu sử* (10 tập). Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

4. Võ Nguyên Giáp (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG/ GENERAL LAW

- Số tín chỉ: 2 (18,12, 12)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương xã hội.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Sinh viên nắm vững và phân tích được những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật. Đồng thời trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học trong việc giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi học tập, làm việc, và trong cộng đồng dân cư. Biết phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày. Có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

2.3 Mục tiêu thái độ: Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản để từ đó giúp cho sinh viên tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật; Vận dụng kiến thức của học phần Pháp luật đại cương vào trong quá trình học tập và công tác trên thực tiễn sau này.

3. Nội dung chi tiết học phần:

PHẦN I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

(LT: 02; TL: 01)

I. Nguồn gốc nhà nước.

1. Một số quan điểm phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước.
2. Quan điểm của học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước.

II. Bản chất, các dấu hiệu cơ bản và chức năng của nhà nước.

1. Bản chất của nhà nước.
 - a. Tính giai cấp
 - b. Tính xã hội.
2. Khái niệm và các dấu hiệu cơ bản của nhà nước.
 - a. Khái niệm
 - b. Những dấu hiệu cơ bản của nhà nước.
3. Chức năng của nhà nước.

- a. Khái niệm
- b. Các chức năng của nhà nước
- III. Nhà nước CHXHCN Việt Nam.**
 - 1. Bản chất nhà nước CHXHCN Việt Nam.
 - a. Khái niệm
 - b. Bản chất của nhà nước CHXHCN Việt Nam
 - 2. Chức năng của nhà nước ta.

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT

(LT: 04; TL: 04)

I. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật.

- 1. Nguồn gốc của pháp luật.
- 2. Bản chất của pháp luật.
 - a. Tính giai cấp
 - b. Tính xã hội

II. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của pháp luật.

- 1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của pháp luật
- 2. Quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác.

III. Hình thức pháp luật.

- 1. Khái niệm
- 2. Các hình thức pháp luật.

IV. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật xhcn.

- 1. Quy phạm pháp luật.
 - a. Khái niệm, đặc điểm của quy phạm pháp luật.
 - b. Cơ cấu của quy phạm pháp luật.
- 2. Văn bản quy phạm pháp luật XHCN.
 - a. Khái niệm, đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật.
 - b. Phân loại văn bản quy phạm pháp luật.

V. Quan hệ pháp luật.

- 1. Khái niệm quan hệ pháp luật.
- 2. Thành phần của quan hệ pháp luật.

VI. Thực hiện pháp luật. Vi phạm pháp luật. Trách nhiệm pháp lý.

- 1. Thực hiện pháp luật.
 - a. Khái niệm.
 - b. Các hình thức thực hiện pháp luật.
- 2. Vi phạm pháp luật.
 - a. Khái niệm và các dấu hiệu của vi phạm pháp luật.
 - b. Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật.
 - c. Các loại vi phạm pháp luật.
- 3. Trách nhiệm pháp lý.
 - a. Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm pháp lý.
 - b. Các loại trách nhiệm pháp lý

VII. Pháp chế XHCN.

- 1. Khái niệm.
- 2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế XHCN.

3. Các biện pháp tăng cường pháp chế XHCN.

CHƯƠNG 3: LUẬT HIẾN PHÁP

(LT: 02; TL: 02)

I. Khái quát chung về luật hiến pháp.

1. Định nghĩa Luật hiến pháp.

2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

1. Khái quát về bộ máy nhà nước chxhcn việt Nam

a. Khái niệm

b. Phân loại hệ thống các cơ quan nhà nước

2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta

a. Nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

b. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo

c. Nguyên tắc tập trung, dân chủ

d. Nguyên tắc pháp chế XHCN

e. Nguyên tắc đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc

3. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước

a. Vị trí, tính chất

b. Chức năng

III. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

1. Khái niệm, nguồn gốc, bản chất và tính chất của quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;

2. Quy định của Liên hợp quốc và điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;

3. Quy định Hiến pháp 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;

4. Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (sau đây viết tắt là XHCN);

5. Trách nhiệm, nghĩa vụ của các chủ thể (nhà nước, tổ chức, cá nhân) trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

CHƯƠNG 4: LUẬT HÀNH CHÍNH

(LT: 01; TL: 01)

I. Khái quát chung về luật hành chính.

1. Định nghĩa Luật hành chính

2. Đối tượng điều chỉnh phương pháp điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính

1. Quan hệ pháp luật hành chính

2. Trách nhiệm hành chính

III. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính

1. Định nghĩa vi phạm hành chính

2. Xử lý vi phạm hành chính

a. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính

b. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính

c. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

III. Cán bộ, công chức. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ công chức.

1. Khái niệm cán bộ, công chức
2. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ, công chức.

CHƯƠNG 5: LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

(LT: 01; TL: 01)

I. Khái niệm, đặc điểm của tham nhũng

1. Khái niệm tham nhũng
2. Đặc điểm của tham nhũng
3. Những hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật hiện hành

II. Nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tham nhũng

1. Nguyên nhân khách quan
2. Nguyên nhân chủ quan

III. Tác hại của tham nhũng

1. Chính trị
2. Kinh tế
3. Xã hội

IV. Các biện pháp phòng chống tham nhũng

1. Nhóm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng
2. Nhóm các biện pháp phòng chống tham nhũng

CHƯƠNG 6: LUẬT DÂN SỰ - LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

(LT: 04; TL: 01; TH 6)

A. Luật dân sự.

I. Khái quát chung về luật dân sự.

1. Định nghĩa luật dân sự
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Nội dung cơ bản của luật dân sự.

1. Quyền sở hữu
 - a. Khái niệm quyền sở hữu
 - b. Nội dung quyền sở hữu
2. Thừa kế.
 - a. Khái niệm thừa kế
 - b. Người để lại di sản thừa kế
 - c. Người hưởng thừa kế
 - d. Hình thức thừa kế
3. Hợp đồng dân sự.
 - a. Khái niệm hợp đồng dân sự
 - b. Hình thức hợp đồng dân sự
 - c. Nội dung hợp đồng dân sự
4. Trách nhiệm dân sự
 - a. Khái niệm trách nhiệm dân sự
 - b. Các hình thức trách nhiệm dân sự

B. Luật hôn nhân và gia đình

I. Khái quát chung về luật hôn nhân và gia đình.

1. Định nghĩa luật hôn nhân gia đình
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Nội dung cơ bản.

1. Kết hôn.
 - a. Khái niệm kết hôn
 - b. Điều kiện kết hôn
2. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con.
 - a. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng
 - b. Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con
3. Chấm dứt hôn nhân.
 - a. Khái niệm
 - b. Các trường hợp chấm dứt hôn nhân
 - c. Hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hôn nhân

CHƯƠNG 7: LUẬT HÌNH SỰ

(LT: 02; TL: 01; TH: 03)

I. Khái quát chung về luật hình sự.

1. Định nghĩa Luật hình sự
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Tội phạm.

1. Khái niệm, đặc điểm của tội phạm.
 - a. Khái niệm
 - b. Đặc điểm
2. Phân loại tội phạm.

III. Hình phạt và các biện pháp tư pháp.

1. Hình phạt.
 - a. Khái niệm
 - b. Các loại hình phạt
2. Các biện pháp tư pháp khác

CHƯƠNG 8: LUẬT LAO ĐỘNG

(LT: 02; TL: 01; TH: 03)

I. Khái quát chung về luật lao động.

1. Định nghĩa luật lao động
2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

II. Những nội dung cơ bản.

1. Hợp đồng lao động.
 - a. Khái niệm
 - b. Hình thức
 - c. Nội dung
2. Quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.
 - a. Quyền, nghĩa vụ của người lao động
 - b. Quyền, nghĩa vụ của người sử dụng lao động.
3. Công đoàn.
 - a. Khái niệm
 - b. Vị trí, tính chất, chức năng của Công đoàn

4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
 - a. Thời giờ làm việc
 - b. Thời giờ nghỉ ngơi
5. Tiền lương và phụ cấp
 - a. Tiền lương
 - b. Phụ cấp
6. Kỷ luật lao động. Trách nhiệm vật chất.
 - a. Kỷ luật lao động
 - b. Trách nhiệm vật chất
4. **Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
5. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.
6. **Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.
7. **Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
8. **Phương pháp đánh giá môn học**
 - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
 - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
 - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), *Pháp luật đại cương*, Nxb Lao động (Quyển 1).

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), *Giáo trình pháp luật đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia (Quyển 1).
2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan, (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Công an nhân dân (Quyển 2).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.7. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH 1/ENGLISH 1

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Elementary (3rd edition) và giáo trình *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: đại từ nhân xưng, động từ “to be”, danh từ, tính từ sở hữu, mạo từ, động từ, tân ngữ, đại từ sở hữu, đại từ phản thân, tính từ, trạng từ, so sánh tính từ, trạng từ, giới từ, hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, be going to, tương lai đơn, hiện tại hoàn thành. Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.

- *Năng lực đạt được:* Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ tiền A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

Người học nhớ và hiểu kiến thức về ngữ âm tiếng Anh trong phát âm, nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, nhớ và hiểu các kỹ thuật Nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, nhớ và hiểu cách thức giao tiếp trong khi Nói biết cách giao tiếp những chủ đề quen thuộc liên quan đến bản thân và cuộc sống hàng ngày, có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản như đề nghị, lời mời, xin lỗi, người học nhớ và hiểu các kỹ thuật Viết những văn bản ngắn như tin nhắn, thư tín, văn miêu tả, văn kể chuyện trình độ tiền A2 theo khung NLNNVN. Người học nhớ, hiểu định dạng bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ tiền A2.

2.2 Mục tiêu kỹ năng:

Người học vận dụng lý thuyết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã nhớ và hiểu để sử dụng cho kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ tiền A2. Cụ thể: có thể theo dõi và hiểu được ý chính của những bài hội thoại ngắn, chỉ dẫn, tin nhắn thoại diễn ra chậm và rõ ràng, hiểu và sử dụng phương tiện giao thông công cộng đơn giản. Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, mô tả ngắn gọn về bản thân, gia đình, nơi chốn, sở thích, giao dịch hàng hóa và dịch vụ đơn giản. Có thể hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề quen thuộc hàng ngày, xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản ngắn, hiểu được biển báo, thông báo, hướng dẫn sử dụng đơn giản. Có thể viết các cụm từ, câu đơn giản về những chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, trường lớp, công việc, sở thích,...có thể yêu cầu hoặc cung cấp thông tin cá nhân

bằng văn bản, viết và trả lời tin nhắn, bưu thiếp, điền thông tin cá nhân vào biểu mẫu đơn giản. Người học biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ tiền A2.

Người học vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: Tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; Làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá.

Người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần: Hoạt động tự học trên lớp; Hoạt động theo cặp, theo nhóm trên lớp; Hoạt động tự học của cá nhân ở nhà; Hoạt động tự học theo nhóm dự án ở nhà.

3. Nội dung học phần

Nội dung của học phần giúp người học củng cố, luyện tập và thiết lập các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trình độ tiền A2., đồng thời người học còn có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực, tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập Portfolio, thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

3.1. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1:

(2LT: 2,5TH: 1,5TL)

1.1. Course Introduction

1.2. Orientation

1.3. Diagnostic test

1.4. - IPA: phonemic chart

+ vowels

+ consonants

+ monothongs +

diphthongs

Nội dung 2: Unit 1A – My name's Hannah, not Anna (3LT: 1,5TH: 1,5TL)

2.1. Grammar: verb *to be*, subject pronoun, possessive adjectives

2.2. Listening: Listen & fill in a number or a day in each space

2.3. Reading: Days of the week; Numbers 1 – 20; Greetings

2.4. Speaking: making small talks, Days of the week; tel Number; Greetings

2.5. Writing: describing a stage of life

Nội dung 3: Unit 1B; Unit 1C (3LT: 1,5TH: 1,5TL)

3.1. Grammar: verb *be* ? and -, comparatives

3.2. Listening: grammar focus on verb *be* and comparatives, possessive adjectives

3.3. Reading: grammar focus on verb *be* and comparatives, , possessive adjectives

3.4. Speaking: talking about favorite words, talking about people description

3.5. Writing: describing people

Nội dung 4: Unit 2A (2LT: 2,5TH: 1,5TL)

4.1. Grammar: a/an, plurals; this/that/these/those

4.2. Listening: grammar focus on plurals

4.3. Reading: grammar focus on plurals

4.4. Speaking: things

4.5. Writing: describing things

Nội dung 5: Unit 2B; unit 2C

(3LT: 1,5TH: 1,5TL)

5.1. Grammar: adjectives, imperatives, let's

5.2. Listening: colors, adjectives, modifiers, feelings

5.3. Reading: colors, adjectives, modifiers, feelings

5.4. Speaking: describing your unforgettable experience

Nội dung 6: Unit 3A

(3LT: 1,5TH: 1,5TL)

6.1. Grammar: present simple

6.2. Listening: third person -s

6.3. Reading: present simple

6.4. Speaking: describing favorite things, people

6.5. Writing: describing favorite things, people

Nội dung 7: Unit 3B; Unit 3C

(2LT: 2,5TH: 1,5TL)

7.1. Grammar: word order in questions, sentence stress

7.2. Listening : word order in questions, sentence stress, jobs

7.3. Reading: job, love online

7.4. Speaking: describing job, love online

7.5. Writing: describing job, Love online

Nội dung 8: Unit 4A, Unit 4B, Unit 4C

(3LT: 1,5TH: 1,5TL)

8.1. Grammar: Whose...?, possessives, prepositions,

8.2. Listening: possessions, prepositions of places and time, everyday activities

8.3. Reading: possessions, prepositions of places and time, everyday activities

8.4. Speaking: sayings about everyday activities

8.5. Writing: everyday activities

Nội dung 9: Unit 5A, Unit 5B, Unit 5C

(3LT: 1,5TH: 1,5TL)

9.1. Grammar: can, can't, present continuous

9.2. Listening: sentence stress, buying a newspaper, weather and seasons

9.3. Reading: buying a newspaper, weather and seasons

9.4. Speaking: weather and seasons

9.5. Writing: weather and seasons

Nội dung 10: Unit 6A, Unit 6B, Unit 6C

(3LT: 1,0TH: 2,0TL)

10.1. Grammar: object pronouns,

10.2. Listening: phone language, the dates, numbers

10.3. Reading: : phone language, the dates, numbers

10.4. Speaking: discussing views on : phone language, the dates, numbers

10.5. Writing: describing places

Nội dung 11: Unit 7A, Unit 7B, Unit 7C

(3LT: 1,5TH: 1,5TL)

11.1. Grammar: past simple

11.2. Listening: sentence stress, time expressions

11.3. Reading: a memorable night

11.4. Speaking: discussing a memorable night

11.5. Writing: a memorable night

Nội dung 12: Unit 9A, Unit 9B, Unit 9C

(2LT: 2TH: 2TL)

12.1. Grammar: nouns, comparatives

12.2. Listening & Reading : nouns, comparatives

12.3. Speaking: comparing landscapes,

12.4. Writing: describing a meal

Nội dung 13: Unit 10A, Unit 10B, Unit 10C

(2LT: 2TH: 2TL)

13.1. Grammar: superlative adjectives

13.2. Listening & Reading : holiday, places

13.3. Speaking: holiday, places

Nội dung 14: Unit 12A, Unit 12B, Unit 12C

(2LT: 1,0TH: 2,0TL)

14.1. Grammar: relative clauses, defining and non-defining clauses

14.2. Listening & Reading : films, personal information, episode

14.3. Speaking: fortune-telling, make an interview

14.4. Instruction for final test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Học liệu bắt buộc (HLBB)

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson., 2012., *English File-Elementary 3rd*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)
2. Nguyễn Thị Quyết., 2018., *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1)*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

9.2. Học liệu tham khảo (HLTK)

1. Raymond Murphy (2013). *Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành*. NXB Thời đại
2. Cambridge ESOL (2011). *Cambridge Preliminary English Test 2*. Cambridge University Press.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.8. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH 2/ENGLISH 2

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)

- Mã học phần: 133032

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình Ngữ Pháp căn bản Tiếng Anh (Trình độ B) và English File Pre-Intermediate (3rd edition). Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA, trọng âm từ, trọng âm câu. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: các thì trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện, câu giả định, thể bị động, lời nói gián tiếp, danh động từ và động từ nguyên thể, cấu trúc used to, be used to.... Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Elementary 3rd Edition*. Oxford University Press.

- *Năng lực đạt được:* Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

Người học nhớ và hiểu kiến thức về ngữ âm tiếng Anh trong phát âm, nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trình độ A2. Người học có thể nghe hiểu từ khóa, nghe hiểu và nhận biết được các thông tin chính trong hội thoại và đoạn nói ngắn, các cách thức giao tiếp trong khi Nói: biết cách giao tiếp những chủ đề quen thuộc liên quan tới bản thân, công việc và cuộc sống hàng ngày; có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản; có thể mời, đề nghị, xin lỗi, cảm ơn. Người học nhớ và hiểu các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận... Người học biết cách đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Người học nhớ và hiểu các kỹ thuật Viết những dạng văn bản ngắn như tin nhắn, thư tín, văn miêu tả, văn kể chuyện. Người học biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ A2.

2.2 Mục tiêu kỹ năng:

Người học vận dụng lý thuyết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã nhớ và hiểu để sử dụng cho kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ A2. Cụ thể: Có thể hiểu những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày, hiểu được ý chính trong các thông báo hay tin nhắn thoại ngắn, rõ ràng, đơn giản, hiểu những hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng đơn giản, có thể xác định thông tin chính của các bản tin trên đài và truyền hình tường thuật các sự kiện, tai nạn v.v... Người học có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan đến

công việc và thời gian rảnh rỗi, truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn nhưng chưa thể duy trì được các cuộc hội thoại, xử lý những tình huống hằng ngày khi đi du lịch như về chỗ ở, ăn uống và mua sắm. Người học có thể hiểu các đoạn văn ngắn và đơn giản, định vị thông tin trong quá trình đọc, hiểu được thư từ, biển báo, thông báo..., viết các cụm từ, câu đơn giản về các chủ đề quen thuộc, viết được các ghi chú, biểu mẫu, thư cá nhân. Biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ A2.

Người học vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: Tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; Làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá.

Người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần: Hoạt động tự học trên lớp; Hoạt động theo cặp, theo nhóm trên lớp; Hoạt động tự học của cá nhân ở nhà; Hoạt động tự học theo nhóm dự án ở nhà.

3. Nội dung học phần: Các nội dung phân bố đều trong 13 tuần. Mỗi nội dung bài học bao gồm các phần ngữ pháp và thực hành nghe, nói, đọc, viết

3.1 Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Grammar

(3LT: 1,0TH: 1,0TL)

- 1.1. Present perfect vs. past simple tense
- 1.2. Present perfect continuous
- 1.3. Present perfect continuous or present perfect simple
- 1.4. Past perfect
- 1.5. Past perfect continuous
- 1.6. Future perfect and future perfect continuous

Nội dung 2: Grammar

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 2.1. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to
- 2.2. Conditional sentences type 1 and 2
- 2.3. Conditional sentences type 3
- 2.4. Subjunctive
- 2.5. Passive

Nội dung 3: Grammar

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

- 3.1. Reported speech
- 3.2. -ing and the infinitive
- 3.3. Be/get used to **something** (I'm used to...)
- 3.4. Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something
- 3.5. Defining relative clauses
- 3.6. Non-defining relative clauses

Nội dung 4: Grammar, Unit 1A, 1B

(2LT: 1TH: 1TL)

- 4.1. Grammar: Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/ though/even though, In spite of / despite, Even, word order in questions,
- 4.2. Listening: Spelling and numbers
- 4.3. Speaking: common verb phrases, giving information about a friend

4.4. Reading: "Who know you better- your mother or your best friend?"

4.5. Writing: Describe a person

Nội dung 5: Unit 1C, 2A, 2B

(3LT: 1,0TH: 1,0TL)

5.1. Grammar: Present continuous, Past simple: regular and irregular verbs, Past continuous

5.2. Listening: Listen to a description of a picture and holidays

5.3. Speaking: Describe a picture and a holiday

5.4. Reading: Read about holidays and a description of a photo

5.5. Writing: Describe a favourite photo

Nội dung 6: Unit 2C, 3A

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

6.1. Grammar: time sequences and connectors, be going to (plans and predictions)

6.2. Listening: Listen to three travellers' plans and dreams

6.3. Speaking: using picture to retell a story

6.4. Reading: Read the story of *Hannah and Jamie* and read about *Top airports in the world*

Nội dung 7: Unit 3B; Unit 3C

(2LT: 1,0TH: 1,0TL)

7.1. Grammar: present continuous, defining relative clause

7.2. Listening: the dates, guessing words

7.3. Reading: the dates, the ways to create new words

7.4. Speaking: make arrangement, defining words

7.5. Writing: write an informal email

Nội dung 8: Unit 4A; Unit 4B

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

8.1. Grammar: present perfect or past simple

8.2. Listening: teenage carers, shopping

8.3. Reading: annoying habits of teenagers, the style interview

8.4. Speaking: teenagers and their parents, shopping

8.5. Writing: teenagers' habits

Nội dung 9: Unit 4C; Revise \$ check, Progress test 2

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

9.1. Grammar: something, anything, nothing

9.2. Listening: Sven's weekend

9.3. Reading: spending weekend in the UK

9.4. Speaking: making weekend more interesting

9.5. Writing: your weekend

Nội dung 10: Unit 5A, 5B

(2LT: 1,0TH: 1,0TL)

10.1. Grammar: comparative adjectives and adverbs, as...as, superlatives (+ ever + present perfect)

10.2. Listening: Listen to a talk about how to live more slowly

10.3. Speaking: Talk about changes in life

10.4. Reading: Read the article *We're living faster, but are we living better?* and *All capital cities are unfriendly – or are they?*

10.5. Writing: Write a description of the place

Nội dung 11: Unit 5C, 6A

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

11.1. Grammar: quantifiers, too, not enough, Will/won't (predictions)

11.2. Listening: Listen to a radio programme

11.3. Speaking: Do the questionnaire about diet and lifestyle

11.4. Reading: Read the article *Everything bad is good for you* and *A pessimist plays a pessimist*

Nội dung 12: Unit 6B, 6C

(3LT: 1,0TH: 1,0TL)

12.1. Grammar: Will/won't (decisions, offers, promises), Reviewing of verb forms: present, past, future

12.2. Listening: Listen to a news programme, listen to a psychoanalyst talking to a patient about his dreams.

12.3. Speaking: Talk about decisions, offers, promises, Roleplay interpreting partners' dreams

12.4. Reading: Read and match dreams with interpretations

Nội dung 13: Revise & Check 5&

(0LT: 1,0TH: 1,0TL)

13.1. Revise & Check

13.2. Progress test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. **Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. **Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, loa đài và tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Christina Latham –Kooeing, Clive Oxenden and Paul Seligson (2011), *English File. Pre-intermediate, 3rd edition*. Nxb Văn Hóa Thông Tin.

2. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2018). *Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B*, Nhà xuất bản Thanh Hoá

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Raymond Murphy (2013), *Grammar In Use*. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành. NXB Thời đại.

2. Cambridge ESOL (2013), Cambridge Preliminary English Test. Cambridge University Press.

3. Cambridge ESOL (2014), Cambridge Preliminary English Test. Cambridge University Press.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.9. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH 3//ENGLISH 3

- Số tín chỉ: 3 (27, 18, 18)

- Mã học phần: 133033

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Pre-Intermediate (3rd edition) và Target PET. Từ vựng: Bổ sung hệ thống từ vựng sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp thông thường. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình trung cấp. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình: *Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Pre-intermediate 3rd Edition. Oxford University Press* và *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

- *Năng lực đạt được:* Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN, có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo tiền đề nghiên cứu tiếp những bậc cao hơn, có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ của mình.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

Người học nhớ và hiểu kiến thức về ngữ âm tiếng Anh trong phát âm, nghĩa các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, nhớ và hiểu các kỹ thuật Nghe hiểu từ khóa, thông tin chính trong hội thoại, nhớ và hiểu cách thức giao tiếp, thông tin trình bày trên đài, ti vi, biết cách giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc, trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề văn hóa, hiểu cách tham gia đàm thoại, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin cá nhân, nhớ và hiểu các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận... Người học biết cách đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực quan tâm, yêu thích. nhớ và hiểu các kỹ thuật Viết những dạng văn bản như văn miêu tả, thư cá nhân, văn kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử, hiểu và nhớ cách thức ghi truyền đạt thông tin, ý kiến về những chủ đề cụ thể. Người học nhớ, hiểu định dạng bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1 Khung NLNNVN.

2.2 Mục tiêu kỹ năng:

Người học vận dụng lý thuyết về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã nhớ và hiểu để sử dụng cho kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1. Cụ thể: có thể hiểu được ý chính của hội thoại mở rộng, theo dõi và hiểu được dàn ý của những bài nói ngắn, đơn giản về chủ đề quen thuộc, làm theo được các thông tin kỹ thuật đơn giản như hướng dẫn vận hành các thiết kế thông dụng, hiểu được các chỉ dẫn chi tiết, các ý chính của các chương trình điểm tin trên đài phát thanh và những nội dung phỏng vấn, phóng sự, phim thời sự có hình ảnh minh họa bằng ngôn ngữ đơn giản. Người học có thể giao tiếp tương đối tự tin và tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình, mô tả đơn giản, trình bày bằng các diễn ngôn đơn giản về một câu truyện ngắn có nội dung gần gũi với các chủ đề quen thuộc, kể chi tiết về kinh nghiệm bản thân, cốt truyện của một cuốn sách, bộ phim hay và cảm xúc của mình, sử dụng những câu hỏi và trả lời đã được chuẩn bị trước để thực hiện một cuộc phỏng vấn. Người học có thể xác

định được các kết luận chính trong các văn bản, nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc dù không nhất thiết phải thật chi tiết, hiểu các thông tin trong các văn bản sử dụng hàng ngày như thư từ, tờ thông tin và các công văn ngắn. Người học có thể viết thư cá nhân hoặc lời nhắn với các mục đích như mời rù, nhắc nhở, xin lỗi, gợi ý, đề nghị, giải thích, viết các ghi chú để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản. Người học có thể sáng tác các câu chuyện bắt đầu với câu chủ đề cho trước về sự kiện nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày, thế giới tự nhiên hoặc tình huống bất ngờ xảy ra. Người học biết phương pháp làm bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết trình độ B1.

Người học vận dụng kiến thức đã có để giải quyết những khó khăn trong khi học. Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất khi làm việc nhóm để hoàn thành các bài tập lớn, bài thuyết trình. Người học vận dụng kỹ năng giao tiếp để thực hiện các hoạt động trong quá trình làm việc nhóm. Người học vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc. Người học có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học chấp hành nghiêm túc các quy định của học phần: Tham gia 80% số giờ quy định trong lớp học; Hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, các dự án; Làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá.

Người học chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần: Hoạt động tự học trên lớp; Hoạt động theo cặp, theo nhóm trên lớp; Hoạt động tự học của cá nhân ở nhà; Hoạt động tự học theo nhóm dự án ở nhà.

3. Nội dung học phần

Các nội dung phân bố đều trong 13 tuần. Mỗi nội dung bài học bao gồm các phần ngữ pháp và thực hành nghe, nói, đọc, viết.

3.1. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: Bài 7A & Bài 1.2

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

1.1. Course Introduction

1.2. Course Orientation

1.3. Unit 7 & Unit 1.2;

1.3.1. Grammar: Infinitive with “to”

1.3.2. Listening: First meeting with girlfriend’s parents

1.3.3. Reading: How to survive for the first meeting, a story about friendship

1.3.4. Speaking: describing people

1.3.5. Writing: words and phrases for writing an email.

Nội dung 2: Bài 7B & Bài 1.1

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

2.1. Grammar: use of gerund

2.2. Listening: an interview on a singing course

2.3. Reading: Happiness is...

2.4. Speaking: giving opinion

2.5. Writing: 10 sentences about likes/dislikes

Nội dung 3: Bài 7C & Bài 8.1

(2LT: 1,5TH: 1,5TL)

3.1. Grammar: have to, must

3.2. Listening: Max talking about his learning foreign language.

3.3. Vocabulary: modifiers

3.4. Speaking: Talk to a partner about his/her learning English

3.5. Writing: A formal email

Nội dung 4: Bài 8A & Bài 5.1

(2LT: 2TH: 1TL)

4.1. Grammar: Should

4.2. Listening: Listen to a radio program

- 4.3. Reading: Too macho to talk
 4.4. Speaking: compare with a partner how to give advice
 4.5. Writing: write a response to one of the problems and giving advice
Nội dung 5: Bài 8B & Bài 9.2 (2LT: 1,5TH: 1,5TL)
 5.1. Topics: Environment
 5.2. Grammar: If + present, will + infinitive (first conditional)
 5.3. Listening: 3 things that could go wrong when you are on holiday.
 5.4. Reading: It always happen
 5.5. Speaking: confusing verbs
Nội dung 6: Bài 9A & Bài 10.1 (2LT: 1,5TH: 1,5TL)
 6.1. Grammar: If + past, would + infinitive (second conditional)
 6.2. Listening: Understand a conversation
 6.3. Reading: Would you know what to do
 6.4. Speaking: About situation with "would do"
 6.5. Pronunciation: word stress
Nội dung 7: Bài 9C & Bài 7.2 (2LT: 2TH: 1TL)
 7.1. Topics: Leisure
 7.2. Grammar: present perfect or past simple
 7.3. Listening: famous singers
 7.4. Vocabulary: biographies
 7.5. Speaking: Talk about a member of you family
 7.6. Writing: A biography
Nội dung 8: Bài 10B & Bài 3.1 (2LT: 1,5TH: 1,5TL)
 8.1. Grammar: used to
 8.2. Listening: reports of famous people
 8.3. Reading: Could do better
 8.4. Speaking: You at primary school
 8.5. Writing: writing a haiku
Nội dung 9: Bài 10C & Bài 10.2 (2LT: 1,5TH: 1,5TL)
 9.1. Topics: Music and festival
 9.2. Grammar: might
 9.3. Listening: music and festival
 9.4. Reading: Is too much choice making us happy?
 9.5. Speaking: Interview a partner with a questionnaire
 9.6. Writing: a paragraph about festival
Nội dung 10: Bài 11A & Bài 7.1 (2LT: 1TH: 2TL)
 10.1. Grammar: expressing movement
 10.2. Listening: sport commentaries
 10.3. Reading: Bad losers
 10.4. Speaking: Your role as a sport player
 10.5. Writing: An opinion essay
Nội dung 11: Bài 11B & Bài 4.1 (2LT: 1,5TH: 1,5TL)
 11.1. Topics: Morning person
 11.2. Grammar: word order or phrasal verbs
 11.3. Reading: Early bird!
 11.4. Speaking: Your wake-up
 11.5. Writing: write a letter
Nội dung 12: Bài 12A & Bài 12.1 (3LT: 1TH: 1TL)
 12.1. Grammar: past perfect

- 12.2. Listening: news story
- 12.3. Reading: News around the world
- 12.4. Speaking: Practice telling news
- 12.5. Writing: a story

Nội dung 13: Bài 12B & Bài 12.2

(2LT: 1TL)

- 12.1. Grammar: reported speech
- 12.2. Listening: conversation
- 12.3. Reading: Here's a secret
- 12.4. Speaking: Practice telling a gossip
- 12.5. Writing: a gossip of a famous person

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của SV.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu

9.1. Học liệu bắt buộc (HLBB)

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File-Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (1)
2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing. (2)

9.2. Học liệu tham khảo (HLTK)

1. Raymond Murphy (1997), *Ngữ Pháp thông dụng tiếng Anh: English Grammar In Use*, Nhà Xuất Bản Hà Nội (3)
2. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test*, Cambridge University Press (4)
3. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test*, Cambridge University Press (5).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.10. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN XÁC SUẤT – THỐNG KÊ Probability statistics

- Số tín chỉ: 03 (27,36)
- Mã học phần: 114005
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Toán ứng dụng – Khoa khoa học tự nhiên
- Học phần tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: sự kiện ngẫu nhiên, sự kiện sơ cấp, không gian sự kiện sơ cấp, khái niệm xác suất, các tính chất của xác suất, biến ngẫu nhiên, hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, các tính chất của hàm phân phối, các số đặc trưng, luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm; một số vấn đề thống kê toán học, mẫu ngẫu nhiên, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, (kiểm định về trung bình, kiểm định về xác suất, ...)

Năng lực đạt được: có kiến thức cơ bản về xác suất, có khả năng xử lý số liệu thống kê để có những kết luận đúng đắn và từ đó đưa ra các quyết định với độ tin cậy cao; có khả năng vận dụng tốt kiến thức xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề chuyên ngành như: giáo dục, kinh tế, kỹ thuật.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Hiểu được bản chất xác suất và cách tính xác suất bằng định nghĩa (Định nghĩa cổ điển, hình học) và bằng các công thức xác suất (Cộng, Nhân, Xác suất toàn phần và công thức Bayes, Phép thử lặp - công thức Bernoulli, Các định lý giới hạn Moivre-Laplace và Poisson)
- Lập được dãy phân phối xác suất, tìm được kỳ vọng số, phương sai, Số trội, số trung vị của một tập hợp số liệu quan sát.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Biết sắp xếp số liệu thu được qua thực nghiệm để xử lý thống kê
- Hiểu được bản chất các loại số trung bình thường gặp (Trung bình cộng, trung bình nhân, trung bình các bình phương) và tính được chúng
- Biết ước lượng và kiểm định các tham số thống kê (Trung bình cộng, phân suất), so sánh phân phối
- Biết cách tìm hệ số tương quan về số lượng cũng như chất lượng của hai tập hợp; lập được phương trình hồi quy một tham số và đa tham số

Sử dụng đúng và thành thạo các bảng số thường dùng trong xác suất và thống kê

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Nhìn thấy được giá trị chuyên môn và giá trị xã hội của học phần đang học.
- Tự nghiên cứu trước ở nhà, trước mỗi giờ lên lớp.
- Dự lớp để nắm vững các nội dung quan trọng của từng chương.
- Làm việc theo nhóm để giải quyết các bài tập trong các giờ bài tập.

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG I: XÁC SUẤT

(7LT:9BT)

1. Sơ lược về giải tích tổ hợp
2. Phép thử và sự kiện ngẫu nhiên
3. Định nghĩa xác suất.
4. Xác suất có điều kiện. Sự độc lập của các sự kiện. Dãy phép thử Bernoulli.
5. Xác suất của tích các sự kiện.
6. Xác suất của tổng các sự kiện.

7. Xác suất toàn phần (xác suất đầy đủ) và công thức Bayes.

8. Phép thử lặp.

CHƯƠNG II: ĐẠI LƯỢNG NGẪU NHIÊN

(6LT:9BT)

1. Những khái niệm cơ bản.

2. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.

3. Một số phân phối xác suất thường dùng.

4. Một số định lý giới hạn. Xấp xỉ một số phân phối xác suất.

PHẦN II: THỐNG KÊ

CHƯƠNG I: TẬP HỢP MẪU VÀ TÍNH ĐẠI DIỆN CỦA NÓ

(4LT:5BT)

1. Tập hợp mẫu và bảng biến thiên.

1.1. Tập hợp tổng quát và tập hợp mẫu.

1.2. Thu thập số liệu.

1.3. Bảng biến thiên.

2. Số trung vị và số trội.

3. Các loại số trung bình.

3.1. Công thức tổng quát của số trung bình.

3.2. Sử dụng số trung bình.

4. Trung bình cộng.

4.1. Sự tương quan giữa số trung bình cộng và kỳ vọng số.

4.2. Tính chất của số trung bình cộng:

4.3. Cách tính số trung bình cộng:

5. Sự biến thiên của tập hợp

5.1. Phương sai:

5.2. Sai số trung bình cộng và sai số cho phép:

5.3. Hệ số biến thiên và biến chuẩn hóa:

6. Các loại phân bố của tập hợp

6.1. Phân bố chuẩn.

6.2. Phân phối Poisson.

6.3. Phân phối bất đối xứng.

CHƯƠNG II : ƯỚC LƯỢNG

(4LT:5BT)

1. Các loại ước lượng

2. Ước lượng khoảng tin cậy

2.1. Định nghĩa.

2.2. Ước lượng khoảng tin cậy của trung bình tổng quát.

2.3. Ước lượng khoảng tin cậy phương sai tổng quát của phân phối chuẩn.

2.4. Ước lượng khoảng tin cậy của phân suất (tỉ lệ).

CHƯƠNG III : KIỂM ĐỊNH

(4LT:5BT)

1. Tổng quát về kiểm định.

2. Kiểm định số trung bình cộng.

2.1. So sánh kỳ vọng số của hai mẫu độc lập.

2.2. So sánh trung bình mẫu với trung bình lý thuyết.

3. Kiểm định phân suất.

3.1. So sánh hai phân phối xác suất độc lập.

3.2. So sánh phân phối xác suất mẫu với phân phối xác suất lý thuyết.

3.3. So sánh hai phân phối xác suất trong trường hợp mẫu rất lớn.

4. Kiểm định hai phân phối.

4.1. So sánh hai phân phối xác suất độc lập.

4.2. So sánh phân phối xác suất mẫu với phân phối xác suất lý thuyết.

CHƯƠNG IV: BÀI TOÁN TƯƠNG QUAN HỒI QUY (2LT:3BT)

1. Phân tích tương quan.

2. Hàm hồi quy và phương pháp bình phương bé nhất.

3. Tỷ số tương quan và độ sai số dự báo

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

9.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Đào Hữu Hồ (2001). *Xác suất và Thống kê*, Đại học Quốc gia HN.

9.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Văn Kiều, Lê Thiên Hương (2001), *Xác suất thống kê*, NXB GD.

[3] Tống Đình Quý (2000). *Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê*, NXB Giáo dục.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.11. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIN HỌC/ INFORMATICS

- Số tín chỉ: 2.(10, 0,40)
- Mã học phần: 173080
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Mạng máy tính & Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính. Tìm kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint.

- *Năng lực đạt được:* sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu kiến thức

Nắm vững các khái niệm cơ bản về: tin học, thông tin, dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet ...

Hiểu được các nguyên lý thiết kế, cấu trúc tổng quát của máy tính; cấu tạo, chức năng của các thành phần cơ bản trong máy tính, biểu diễn và xử lý thông tin trong máy tính.

Nắm được vai trò, chức năng của hệ điều hành, hiểu biết về một số hệ điều hành thông dụng.

Nắm được kiến thức về hệ điều hành Windows và các phần mềm phục vụ công tác văn phòng gồm: phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình chiếu và phần mềm xử lý bảng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sử dụng thành thạo máy tính, khai thác các phần mềm trong máy tính, khai thác và sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows, Internet.

Sử dụng thành thạo các phần mềm Word, Excel và Powerpoint để soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu bài thuyết trình, báo cáo.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Hình thành tư duy khoa học và thực tiễn về tin học và công nghệ thông tin, vai trò của môn học đối với việc nghiên cứu và học tập những học phần kế tiếp.

Hình thành ý thức bảo vệ và phát triển tài nguyên thông tin cũng như khai thác sử dụng tài nguyên thông tin và các sản phẩm công nghệ thông tin.

Hình thành ý thức lao động hợp tác, làm việc theo nhóm, kích thích niềm say mê nghiên cứu và có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của từng công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.

Có thái độ văn minh, lịch sự khi tham gia vào các hoạt động cộng đồng mạng.

3. Nội dung học phần:

Module A1: Các khái niệm cơ bản về CNTT

(1,0,0)

1.1. Thông tin và dữ liệu

1.1.1. Khái niệm thông tin, dữ liệu

1.1.2. Xử lý thông tin bằng máy tính

1.1.3. Một số khái niệm cơ bản về CNTT

1.2. Biểu diễn thông tin trong máy tính

1.2.1. Biểu diễn số trong các hệ đếm

1.2.2. Chuyển đổi số giữa các hệ đếm

1.2.3. Các phép toán đối với số nhị phân

1.2.4. Biểu diễn thông tin trong máy tính

1.3. Hệ thống máy tính

1.3.1. Các bộ phận cơ bản của máy tính

1.3.2. Bộ xử lý trung tâm - CPU

1.3.3. Bộ nhớ

1.3.4. Các thiết bị nhập, xuất

1.3.5. Cấu hình máy

Module A2: Hệ điều hành Windows

(2,0,3)

2.1. Các thao tác cơ bản

2.1.1. Khởi động máy tính và tắt máy tính

2.1.2. Màn hình nền (desktop)

2.1.3. Khởi động một chương trình

2.1.4. Cửa sổ và các thao tác với cửa sổ

2.2. Quản lý tệp và thư mục

2.2.1. Tổ chức dữ liệu trong máy tính

2.2.2. Sử dụng Windows Explorer

2.2.3. Khái niệm tệp tin, thư mục

2.2.4. Các thao tác với tệp tin và thư mục

2.2.5. Các kiểu hiển thị của tệp và thư mục

2.3. Tìm kiếm trong Windows

2.4. Quản lý thanh Taskbar

2.5. Thiết lập Control Panel

2.6. Cài đặt và gỡ bỏ chương trình

2.7. Tiếng Việt trên máy tính

2.7.1. Cài đặt và sử dụng Unikey

2.7.2. Kiểu gõ

2.7.3. Bảng mã và font chữ

2.7.4. Chuyển đổi mã tiếng Việt

2.8. Một số phím tắt trong Windows

Module A3: Internet và một số ứng dụng

(2,0,2)

3.1. Mạng máy tính

3.1.1. Khái niệm mạng máy tính

3.1.2. Phân loại mạng máy tính

3.2. Internet

3.2.1. Khái niệm Internet

3.2.2. Nhà cung cấp dịch vụ Internet

3.2.3. Một số khái niệm thường dùng

3.2.4. Khai thác thông tin từ Internet

3.2.5. Thư điện tử - Email

3.3. Virus máy tính

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Nguyên lý lây lan

3.3.3. Phân loại

3.3.4. Cách nhận biết và phòng tránh

3.5. Một số phần mềm ứng dụng khác

Module A4: Phần mềm soạn thảo văn bản

(2,0,15)

4.1. Giới thiệu

4.1.1. Khởi động và thoát khỏi

4.1.2. Cửa sổ làm việc

4.1.3. Các thao tác với tệp văn bản

4.1.4. Các thao tác trên một khối văn bản

4.1.5. Soạn thảo và điều chỉnh văn bản

4.2. Định dạng và in ấn văn bản

4.2.1. Định dạng ký tự

4.2.2. Định dạng đoạn văn bản

4.2.3. Một số định dạng khác

4.2.4. Định dạng trang in và in văn bản

4.3. Chèn đối tượng vào văn bản

4.3.1. Chèn ký tự đặc biệt

4.3.2. Chèn chữ nghệ thuật

4.3.3. Chèn tranh

4.3.4. Chèn các hình ảnh đồ họa

4.3.5. Chèn công thức toán học

4.3.6. Chèn biểu đồ

4.4. Bảng biểu

4.4.1. Tạo bảng mới

4.4.2. Hiệu chỉnh và định dạng bảng

4.4.3. Sắp xếp dữ liệu trong bảng

4.4.4. Tính toán trong bảng

4.5. Một số xử lý khác

4.5.1. Tìm kiếm và thay thế văn bản

4.5.2. Chèn số trang, tiêu đề đầu, tiêu đề cuối

4.5.3. Tạo và sử dụng AutoCorrect

4.5.4. Tạo và sử dụng Macro

4.5.5. Trộn văn bản

Tạo mục lục tự động

Module A5: Phần mềm trình chiếu

(1,0,5)

5.1. Giới thiệu

- 5.1.1. Khởi động và thoát khỏi
- 5.1.2. Một số thuật ngữ thường dùng
- 5.1.3. Cửa sổ làm việc
- 5.1.4. Các thao tác với tệp trình chiếu

5.2. Các thao tác với slide

- 5.2.1. Các chế độ hiển thị Slide
- 5.2.2. Các thao tác với slide
- 5.2.3. Định dạng slide trình chiếu
- 5.2.4. Chèn đối tượng vào slide

5.3. Tạo hiệu ứng

- 5.3.1. Thiết lập template
- 5.3.2. Thiết lập hiệu ứng cho slide
- 5.3.3. Thiết lập hiệu ứng cho từng đối tượng
- 5.3.4 Tạo liên kết

5.4. Trình chiếu slide và in ấn

- 5.4.1. Thiết lập một bài trình chiếu
- 5.4.2. Trình chiếu slide
- 5.4.3. Định dạng trang in và in ấn

Module A6: Phần mềm xử lý bảng tính

(2,0,15)

6.1. Giới thiệu

- 6.1.1. Khởi động và thoát khỏi
- 6.1.2. Cửa sổ làm việc
- 6.1.3. Một số khái niệm cơ bản
- 6.1.4. Các thao tác với tệp bảng tính

6.2. Các thao tác với cửa sổ bảng tính

- 6.2.1. Các thao tác với WorkSheet
- 6.2.2. Nhập, sửa dữ liệu
- 6.2.3. Các thao tác với vùng dữ liệu

6.3. Định dạng bảng tính và in ấn

- 6.3.1. Định dạng dữ liệu
- 6.3.2. Các kiểu dữ liệu
- 6.3.3. Định dạng các kiểu dữ liệu
- 6.3.4. Căn chỉnh dữ liệu
- 6.3.5. Kẻ khung cho vùng dữ liệu
- 6.3.6. Định dạng trang in và in bảng tính

6.4. Các hàm thông dụng

- 6.4.1. Nguyên tắc sử dụng hàm
- 6.4.2. Một số hàm thông dụng

6.5. Biểu đồ

- 6.5.1. Các bước xây dựng biểu đồ
- 6.5.2. Hiệu chỉnh biểu đồ

6.6. Quản trị dữ liệu bảng tính

6.6.1. Các khái niệm cơ bản

6.6.2. Sắp xếp dữ liệu

6.6.3. Trích lọc dữ liệu

6.6.4. Tổng hợp dữ liệu theo nhóm Subtotal

6.6.5. Phân tích dữ liệu bảng kỹ thuật Pivot Table

6.6.6. Một số hàm trong cơ sở dữ liệu

6.7. Một số xử lý khác

6.7.1. Tính toán trên nhiều bảng tính

6.7.2. Tìm kiếm và thay thế

6.7.3. Một số lỗi thường gặp

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận (nếu có), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ, thành phần và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang, 2015, *Giáo trình tin học cơ sở*, NXB ĐHSP.

9.2. Giáo trình, sách tham khảo:

1. Lê Thị Hồng (CB) – Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng, 2010. *Tin học căn bản*, Nxb KH&KT.

2. Hàn Viết Thuận (2007), *Giáo trình Tin học đại cương*, Nxb ĐHQTKD.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.12. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN HÓA HỌC/CHEMISTRY

Số tín chỉ: 2 (18, 24)

Mã số học phần: 116010

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Hóa học

Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:*

+ Hóa học phân tích: Các phương pháp nhận biết cation, anion trong dung dịch. Các phương pháp phân tích định lượng, phương pháp lấy mẫu nước, đất, cách xử lý và phân tích mẫu.

+ Hóa học hữu cơ: các khái niệm cơ bản về lý thuyết hóa hữu cơ, tính chất hóa học và phương pháp điều chế các hợp chất hữu cơ quan trọng: Hydrocacbon, dẫn xuất halogen, ancol và phenol, andehit và xeton, axit cacboxylic, glucit, các hợp chất chứa nitơ, các hợp chất dị vòng. Tính chất của một số hợp chất quan trọng trong thiên nhiên, các hợp chất có liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật.

* *Năng lực đạt được:* Phân tích định tính, định lượng, chuẩn độ thể tích được các mẫu phân tích như mẫu nước, mẫu đất; Hiểu và phân tích tính chất các chất hữu cơ cơ bản, viết sơ đồ và điều chế được các hợp chất hữu cơ cơ bản quan trọng và có trong thiên nhiên như: hydrocacbon, dẫn xuất halogen, ancol và phenon, andehit và xeton, axit cacboxylic, glucit, các hợp chất chứa nitơ.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Người học có được hệ thống kiến thức về phân tích cơ bản như phân tích định tính, định lượng các mẫu chất đơn giản (mẫu đất, nước....); có hệ thống kiến thức về các hợp chất hữu cơ cơ bản về danh pháp, điều chế, tính chất, ứng dụng trong nông nghiệp và nguồn gốc một số chất cơ bản có trong thiên nhiên.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Người học trình bày được kiến thức lý thuyết hóa học cơ bản về hóa học phân tích, hóa học hữu cơ.

- Người học trình bày được các khái niệm cơ bản về lý thuyết hóa hữu cơ, tính chất hóa học và phương pháp điều chế các hợp chất hữu cơ quan trọng. Có thể viết sơ đồ điều chế các chất có ứng dụng trong thực tiễn và nông nghiệp.

- Người học hệ thống hóa được các phương pháp nhận biết cation, anion trong dung dịch. Các phương pháp phân tích định lượng, phương pháp lấy mẫu nước, đất, cách xử lý và phân tích mẫu.

2.2.2. Về kỹ Năng

- Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực hành nội dung hóa phân tích vào lĩnh vực chuyên ngành chăn nuôi thú y; trồng trọt; lâm học; bảo vệ thực vật, cao đẳng quản lý đất đai.

- Có khả năng giao tiếp, làm việc nhóm và làm việc độc lập để hoàn thành công việc. Khả năng kiểm thông tin, xử lý thông tin và đưa ra nhận xét phù hợp về thông tin cần tìm.

2.2.3. Về thái độ

- Năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ các nguyên tắc an toàn khi làm việc với dụng cụ hóa chất.

- Tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, cập nhật thông tin. Hình thành lòng yêu nghề thực sự, tư tưởng không ngừng học hỏi, rèn luyện.

3. Nội dung chi tiết học phần

Phần thứ nhất.
Hoá phân tích

Chương I. Phân tích định tính

(LT: 3, BT:3)

1. Phương pháp thực nghiệm nghiên cứu tính chất các ion.

2. Phân loại các cation theo nhóm.

2.1. Phân loại theo phương pháp H_2S .

2.2. Phân loại theo phương pháp axit- bazơ.

3. Kỹ thuật thực nghiệm.

4. Phân tích cation theo nhóm.

4.1. Phân tích cation nhóm 1(K^+ , Na^+ , NH_4^+)

4.2. Phân tích cation nhóm 2(Ca^{2+} , Ba^{2+} , Sr^{2+})

4.3. Phân tích cation nhóm 3(Ag^+ , Pb^{2+} , Hg_2^{2+})

4.4. Phân tích cation nhóm 4(Zn^{2+} , Al^{3+} , Cr^{3+} , Sn^{2+} , Sn^{4+}).

4.5. Phân tích cation nhóm 5(Cu^{2+} , Cd^{2+} , Ni^{2+} , Co^{2+} , Hg^{2+}).

4.6. Phân tích cation nhóm 6(Fe^{2+} , Fe^{3+} , Mg^{2+} , Mn^{2+}).

4.7. Sơ đồ phân tích hỗn hợp cation từ nhóm 2 đến nhóm 6.

5. Phân tích một số anion: Cl^- , Br^- , I^- , NO_3^- , CO_3^{2-} , SO_4^{2-} , PO_4^{3-} , SO_3^{2-} .

Chương II. Đại cương về phân tích định lượng và phân tích khối lượng

(LT: 2, BT: 3, TL:1)

1. Đại cương về phân tích định lượng.

1.1. Nhiệm vụ; chức năng của phân tích định lượng

1.2. Quá trình phân tích và lưu ý sử dụng dụng cụ trong phân tích định lượng

1.3. Phân loại các phương pháp phân tích định lượng.

2. Biểu diễn kết quả phân tích

2.1. Biểu diễn hóa học

2.2. Biểu diễn số học

3. Biểu diễn nồng độ trong phân tích định lượng

3.1. Nồng độ phần trăm

3.2. Nồng độ mol/l

3.3. Nồng độ đương lượng

3.4. Độ chuẩn

4. Lấy mẫu và xử lý mẫu phân tích

4.1. Lấy mẫu

4.2. Lập hồ sơ mẫu

4.3. Khoáng hóa mẫu

5. Phân tích khối lượng.

5.1. Nguyên tắc chung. Dạng kết tủa và dạng cân.

5.2. Lựa chọn điều kiện làm kết tủa.

5.3. Lọc và rửa kết tủa.

5.4. Chuyển dạng kết tủa thành dạng cân.

Chương III. Phân tích thể tích

(LT: 3, BT: 4, TL: 1)

1. Phân tích thể tích.

1.1. Những khái niệm cơ bản

1.2. Cách pha dung dịch tiêu chuẩn

1.3. Phản ứng và thuốc thử dùng trong phân tích chuẩn độ

1.4. Điểm cuối trong phân tích chuẩn độ

2. Chuẩn độ axit – bazơ.

2.1. Chất chỉ thị trong chuẩn độ axit – bazơ.

2.2. Chuẩn độ axit mạnh bằng bazơ mạnh.

2.3. Chuẩn độ bazơ mạnh bằng axit mạnh.

2.4. Chuẩn độ đơn axit và đơn bazơ yếu.

3. Chuẩn độ oxi hóa khử

3.1. Đường chuẩn độ oxi hóa – khử.

3.2. Chất chỉ thị dùng trong chuẩn độ oxi hóa – khử.

3.3. Các phương pháp chuẩn độ oxi hóa – khử.

4. Chuẩn độ kết tủa

4.1. Đường chuẩn độ.

4.2. Các phương pháp xác định điểm cuối chuẩn độ trong chuẩn độ đo bạc.

Phần thứ hai. Hóa hữu cơ

Chương IV. Đại cương về hóa học hữu cơ và hydrocacbon (LT: 3, BT: 4, TL:1)

1. Khái niệm cơ bản

1.1. Hợp chất hữu cơ.

1.2. Các loại công thức hợp chất hữu cơ

1.3. Phản ứng hữu cơ.

2. Hydrocacbon

2.1. Hydrocacbon no.

2.2. Hydrocacbon không no.

2.3. Hydrocacbon thơm.

2.4. Các hydrocacbon có trong thiên nhiên

Chương V. Dẫn xuất hydrocacbon

(LT: 4, BT: 3, TL:1)

1. Ancol - Phenol

1.1. Ancol

1.2. Phenol

2. Andehit và xeton .

2.1. Andehit

2.2. Xeton

3. Axit cacboxylic.

3.1. Dẫn xuất của axit cacboxylic.

3.2. Giới thiệu một số chất điều hòa sinh trưởng thực vật: 2,4-D; 2,4,5-T...

3.3. Lipit. Khái niệm chung về lipit. Phân loại. Tính chất vật lý. Phản ứng thủy phân. Phản ứng hydro hóa. Sơ lược về sự trao đổi lipit trong cơ thể.

4. Amin.

5. Các dẫn xuất hydrocacbon trong tự nhiên

Chương VI. Hợp chất tạp chức

(LT: 3, BT:3)

1. Gluxit

1.1. Khái niệm chung về gluxit.

1.2. Monosacarit.

1.3. Disaccarit. Sản xuất saccarozơ từ mía.

1.4. Polisaccarit.

1.5. Sơ lược về sự trao đổi gluxit trong cơ thể.

2. Aminoaxit.

2.1. Aminoaxit

2.2. Peptit

2.3. Protit.

2.4. Sơ lược về sự trao đổi protit trong cơ thể

4. Chính sách đối với môn học: Yêu cầu sinh viên:

- Lên lớp tối thiểu 80 % số tiết của chương trình đào tạo môn học:

+ Lên lớp lý thuyết: 18 tiết, yêu cầu tích cực tham gia xây dựng bài.

+ Làm bài tập, thảo luận 24 tiết, yêu cầu tích cực tham gia thảo luận trong các giờ xemine, làm đầy đủ các bài tập và báo cáo trên lớp.

- Tự NC, tự học: 90 tiết.

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu chính, tài liệu tham khảo và tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, các tiết thảo luận, các buổi thực hành.

- Làm đầy đủ các bài tập và bài kiểm tra theo quy định.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan. Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Giáo trình bắt buộc

[1]. Nguyễn Tinh Dung, 2000. *Hóa học phân tích phần II, III*. NXB Giáo dục.

[2]. Trần Quốc Sơn, Đặng Văn Liễu, 2005. *Hóa học hữu cơ*. NXB ĐHQG.

9.2. Học liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Hữu Đĩnh, 2008. *Bài tập hóa hữu cơ*. NXB Giáo dục.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.13. HÓA SINH HỌC / Biochemistry

- Số tín chỉ: 3TC (21,27,21)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Cấu tạo, tính chất và chức năng sinh học của protein; Vitamin; Enzyme; Hormon; Đại cương về trao đổi chất và trao đổi năng lượng; Glucid và sự trao đổi glucid; Lipit và sự trao đổi lipit; Axit nucleic và sự trao đổi axit nucleic; Sự trao đổi acid amin và protein.
- *Năng lực đạt được:* Sinh viên hiểu được cấu tạo hóa học, tính chất và chức năng của các chất cấu tạo nên cơ thể sinh vật; Thực hiện được các bước thao tác kỹ thuật trong thí nghiệm định tính các chất cấu tạo nên cơ thể sinh vật. Sử dụng được một số máy móc thiết bị phòng thí nghiệm để phân tích hàm lượng đạm và lipid trong mô động, thực vật.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Hiểu và trình bày đầy đủ, chính xác các nội dung về:

- Định nghĩa, chức năng sinh học của protein; cấu tạo và tính chất của acid amin và protein trong cơ thể sinh vật.
- Bản chất hóa học, chức năng sinh học và nguồn cung cấp một số vitamin (vitamin B1, B2, B6, B12, C, A, D, E, K).
- Bản chất hóa học, tính đặc hiệu, cơ chế xúc tác, cách phân loại của enzyme và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt tính xúc tác của enzyme.
- Cấu tạo hóa học, chức năng sinh học, phân loại và cơ chế tác động của hormon.
- Đặc tính chung của quá trình trao đổi chất và trao đổi năng lượng trong cơ thể sống. Vai trò của các hợp chất cao năng trong trao đổi chất ở sinh vật; Cơ chế tạo năng lượng trong cơ thể sinh vật.
- Đặc điểm cấu tạo, tính chất, chức năng sinh học và các quá trình chuyển hóa của glucid, lipid, axit nucleic trong cơ thể sinh vật.
- Quá trình phân giải và sinh tổng hợp acid amin và protein trong cơ thể sinh vật.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Thành thạo các thao tác kỹ thuật cho một quy trình thí nghiệm hóa sinh.
- Thực hiện được các phản ứng định tính protein, glucid, lipid, VTM...
- Xác định được hàm lượng protein, glucid, lipid, vitamin ... trong các mẫu vật.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Người học nhận thức được vai trò quan trọng của học phần Hóa sinh đại cương trong chương trình đào tạo kỹ sư Nông, Lâm, Ngư nghiệp để có thái độ học tập nghiêm túc, có trách nhiệm.
- Chuẩn bị đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo lịch trình (thảo luận, bài viết chuyên đề,...)
- Tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ, có chất lượng.

3. Nội dung chi tiết học phần (Liệt kê theo chương mục)

A. Phần lý thuyết:

CHƯƠNG I. CẤU TẠO, TÍNH CHẤT VÀ CHỨC NĂNG CỦA PROTEIN

số tiết: 5 (LT: 3; TL: 2)

1.1. Khái niệm và chức năng sinh học của protein

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Chức năng sinh học

- 1.1.2.1. Chức năng xúc tác
- 1.1.2.2. Chức năng vận chuyển
- 1.1.2.3. Chức năng điều hoà
- 1.1.2.4. Chức năng bảo vệ
- 1.1.2.5. Chức năng chuyển động
- 1.1.2.6. Chức năng truyền xung thần kinh
- 1.1.2.7. Chức năng kiến tạo và chống đỡ cơ học
- 1.1.2.8. Chức năng dự trữ dinh dưỡng

1.2. Cấu tạo protein

- 1.2.1. Thành phần nguyên tố của protein
- 1.2.2. Acid amin - đơn vị cấu tạo cơ sở của protein
 - 1.2.2.1. Định nghĩa
 - 1.2.2.2. Phân loại acid amin
 - 1.2.2.3. Các tính chất của acid amin
- 1.2.3. Cấu tạo phân tử protein
 - 1.2.3.1. Peptit và thuyết polypeptit
 - 1.2.3.2. Các bậc cấu trúc của protein

1.3. Một số tính chất quan trọng của phân tử protein

- 1.3.1. Khối lượng và hình dạng phân tử protein
- 1.3.2. Tính chất lưỡng tính của acid amin và protein
- 1.3.3. Tính chất dung dịch keo, sự kết tủa protein
- 1.3.4. Sự biến tính của protein
- 1.3.5. Tính hấp phụ trên bề mặt phân tử protein

1.4. Phân loại protein

- 1.4.1. Phân loại theo hình dạng
- 1.4.2. Phân loại theo thành phần hoá học

Chương 2. VITAMIN

số tiết: 4 (LT: 1; TL: 3)

2.1. Giới thiệu chung về Vitamin

2.2. Phân loại

- 2.2.1. Các vitamin hoà tan trong nước
 - 2.2.1.1. Vitamin B1 (Thiamine)
 - 2.2.1.2. Vitamin B2 (Riboflavin)
 - 2.2.1.3. Vitamin B3 (pantothenic axit)
 - 2.2.1.4. Vitamin B5 hay vitamin PP (nicotinic axit, niacin)
 - 2.2.1.6. Vitamin B6 (pyridoxine)
 - 2.2.1.7. Vitamin B12 (Cyanocobalamin)
 - 2.2.1.8. Vitamin C (ascorbic axit)
 - 2.2.1.9. Vitamin H (Biotin)
- 2.2.2. Vitamin hoà tan trong chất béo
 - 2.2.2.1. Vitamin A (Retinol)
 - 2.2.2.2. Vitamin D (Calciferol)
 - 2.2.2.3. Vitamin E (Tocopherol)
 - 2.2.2.4. Vitamin K (Phylloquinone)
 - 2.2.2.5. Vitamin Q (Ubiquinol)

Chương 3. ENZYM

số tiết: 5 (LT: 2; TL: 3)

3.1. Giới thiệu chung

3.2. Enzym là chất xúc tác sinh học có bản chất protein

- 3.2.1. Khái niệm về sự xúc tác nói chung
- 3.2.2. Bản chất của enzym
- 3.2.3. Trung tâm hoạt động (TTHĐ) của enzym

3.2.4. Trung tâm điều hòa

3.3. Tính đặc hiệu của enzym

3.3.1. Đặc hiệu kiểu phản ứng

3.3.2. Đặc hiệu cơ chất

3.4. Cơ chế tác dụng của enzym

3.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt độ xúc tác của enzym

3.5.1. Ảnh hưởng của nồng độ E

3.5.2. Ảnh hưởng của nồng độ cơ chất

3.5.3. Ảnh hưởng của nhiệt độ

3.5.4. Ảnh hưởng của pH

3.5.5. Ảnh hưởng của chất kìm hãm (inhibitor)

3.5.6. Ảnh hưởng của chất hoạt hóa (activator)

3.5.7. Các yếu tố khác

3.6. Cách gọi tên và phân loại enzym

3.6.1. Cách gọi tên enzym

3.6.2. Phân loại enzym

Chương 4. HORMONE

số tiết: 3 (LT: 2; TL: 1)

4.1. Đại cương về hormone

4.2. Hormone động vật

4.2.1. Phân loại hormon động vật

4.2.2. Cơ chế tác dụng của hormon động vật

4.3. Hormone thực vật (phytohormone)

4.3.1. Auxin

4.3.2. Gibberellin

4.3.3. Cytokinin

4.3.4. Axit Abscicic

4.3.5. Ethylene (C_2H_4)

Chương 5. ĐẠI CƯƠNG VỀ TRAO ĐỔI CHẤT VÀ TRAO ĐỔI NĂNG LƯỢNG

số tiết 2 (LT: 1; TL: 1)

5.1. Sự trao đổi chất

5.2. Sự trao đổi năng lượng

5.2.1. Năng lượng sinh học

5.2.2. Liên kết cao năng và vai trò của ATP

5.2.3. Quá trình hô hấp

5.2.4. Quan niệm hiện đại về quá trình oxy hóa khử sinh học

5.2.5. Chuỗi hô hấp

5.2.6. Phosphoryl hóa (quá trình tích lũy năng lượng)

Chương 6. GLUXIT VÀ SỰ TRAO ĐỔI GLUXIT

số tiết: 9 (LT: 5; TL: 4)

6.1. Giới thiệu về Gluxit

6.2. Monosaccarit

6.2.1. Định nghĩa

6.2.2. Đồng phân quang học của monosaccarit

6.2.3. Cấu trúc vòng của monosaccarit

6.2.4. Một số monosaccarit phổ biến

6.2.5. Một số tính chất của monosaccarit

6.2.5.1. Lý tính

6.2.5.2. Hoá tính

6.3. Oligosaccarit và polysaccarit

6.3.1. Disaccarit

6.3.1.1. Saccarose

6.3.1.2. Lactose

6.3.1.3. Mantose (đường mạch nha)

6.3.1.4. Xenlobiose

6.3.2. Trisaccarit

6.3.3. Polysaccarit

6.3.3.1. Tinh bột

6.3.3.2. Glycogen

6.3.3.3. Cennulose

6.3.3.4. Hemixenlulose

6.3.3.5. Pectin

6.3.3.6. Acid hyaluronic

6.3.3.7. Chondroitin

6.4. Sự phân giải glucit

6.4.1. Sự phân giải polysaccharide và disaccharide

6.4.2. Sự oxy hóa monosaccarit

6.4.2.1. Quá trình đường phân, lên men rượu và lên men lactic

6.4.2.2. Phân giải hiếu khí monosaccarit (Chu trình Krebs)

6.5.2.3. Chu trình pentosephosphate- oxy hoá trực tiếp glucose

6.4. Sự tổng hợp glucit

6.4.1. Tổng hợp glucit đơn giản (quá trình quang hợp)

6.4.1.1. Pha sáng của quang hợp và sự photphoril hóa quang hợp

6.4.1.2. Pha tối của quang hợp - Sự đồng hóa CO₂ trong quang hợp

6.4.2. Tổng hợp disaccarit và polisaccarit

6.4.2.1. Tổng hợp disaccarit

6.4.2.2. Tổng hợp polisaccarit

Chương 7. LIPIT VÀ SỰ TRAO ĐỔI LIPIT

số tiết: 7 (LT: 3; TL: 4)

7.1. Giới thiệu chung về lipit

7.2. Triaxilglixerol và sự chuyển hóa của chúng

7.2.1. Cấu tạo và tính chất của Triaxilglixerol

7.2.1.1. Các axit béo

7.2.1.2. Các tính chất của triaxilglixerol

7.2.2. Phân giải triaxilglixerin

7.2.2.1. Phản ứng thủy phân triglycerid

7.2.2.2. Phân giải glycerine

7.2.2.3. Phân giải axit béo

7.2.3. Sinh tổng hợp triaxilglixerin

7.2.3.1. Tổng hợp glycerophosphat

7.2.3.2. Tổng hợp acid béo theo vòng xoắn lypen - wakil

7.3. Phospholipit

7.3.1. Cấu tạo Phospholipit

7.3.2. Phân giải phospholipit

7.3.3. Sinh tổng hợp phospholipit

7.3.3.1. Sinh tổng hợp phosphatidil - choline

7.3.3.2. Sinh tổng hợp phosphatidil - ethanolamin

7.3.3.3. Sinh tổng hợp Phosphatidil - serine

7.3.3.4. Sinh tổng hợp Phosphatidil - inositol

Chương 8. AXIT NUCLEIC VÀ TRAO ĐỔI AXIT NUCLEIC

số tiết 7 (LT: 2; TL: 5)

8.1. Thành phần hóa học của axit nucleic

8.1.1. Các bazơ nitơ

8.1.2. Đường pentose

8.1.3. Nucleoside

8.1.4. Nucleotide

8.1.5. Một số nucleotide quan trọng không tham gia cấu tạo axit nucleic

8.2. Cấu trúc của các axit nucleic

8.2.1. Cấu trúc của ADN

8.2.2. ARN (Axit ribonucleic)

8.3. Sinh tổng hợp axit nucleic

8.3.1. Sinh tổng hợp nucleotide dạng purin

8.3.2. Sinh tổng hợp các nucleotide kiểu pyrimidin

8.3.3. Sinh tổng hợp các nucleotide thymidin

8.3.4. Sinh tổng hợp các deoxyribonucleotide

8.3.5. Sinh tổng hợp ADN (sự tái bản ADN)

8.3.5.1. Giai đoạn mở đầu

8.3.5.2. Giai đoạn kéo dài

8.3.5.3. Giai đoạn kết thúc

8.3.6. Sinh tổng hợp ARN (sự phiên mã-Transcription)

8.4. Phân giải các axit nucleic

Chương 9. SỰ TRAO ĐỔI ACID AMIN VÀ PROTEIN

Số tiết: 6 (LT: 2 tiết; TL: 4)

9.1. Sự phân giải protein và amino acid

9.1.1. Phân giải protein

9.1.2. Phân giải amino acid

9.1.2.1. Khử amin

9.1.2.2. Khử carboxyl

9.1.2.3. Chuyển amine

9.1.2.4. Sự biến đổi các sản phẩm của quá trình phân giải amino acid

9.2. Sinh tổng hợp axit amin

9.2.1. Quá trình khử nitrat (NO_3^-)

9.2.2. Sự cố định nitơ phân tử

9.2.3. Sinh tổng hợp amino acid

9.3. Sinh tổng hợp protein

9.3.1. Các thành phần tham gia tổng hợp protein

9.3.2. Tổng hợp chuỗi polypeptit tại ribosome

B. Phần thực hành (21 tiết)

Bài 1: Khảo sát sự biến tính của protein, định lượng protein bằng phương pháp kjeldahl.

Bài 2: Một số phản ứng định tính VTM, định lượng vitamin C trong mẫu động vật, thực vật.

Bài 3: Khảo sát sự hòa tan của chất béo, định lượng lipit bằng máy Soxhlet.

Bài 4: Phản ứng định tính polysaccarit, định lượng tinh bột.

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình; Thảo luận; Thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu;
- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ.
- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%, trong đó: Bài 1: Tuần 3 (15p), Bài 2: ĐG kết quả thực hiện các chuyên đề thảo luận; Bài 3: Kiểm tra miệng trong suốt thời gian dạy; Bài 4: Tuần 15 (Bài thu hoạch thực hành)
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%, 01 bài kiểm tra trắc nghiệm ở tuần thứ 8;
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%, 01 bài thi trắc nghiệm (45P) theo lịch của nhà trường.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Phạm Thị Trân Châu - Trần Thị Áng, 2016, *Hoá sinh học*, Nhà xuất bản Giáo dục.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Ngô Xuân Mạnh, Vũ Kim Bảng, Nguyễn Đặng Hùng, Vũ Kim Thư, Giáo trình: *Hoá sinh thực vật*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 2006.
2. Trần Tố, Cù Thị Thúy Nga. *Sinh hóa học động vật*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 2008.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.14. CÔNG NGHỆ SINH HỌC /Biotechnology

- Số tín chỉ: 3TC (21;27;21)
- Bộ môn phụ trách học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: LN & PTNT
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần gồm:* Cung cấp cho người học khái niệm về công nghệ sinh học, các kỹ thuật nền của công nghệ sinh học hiện đại; ứng dụng của công nghệ sinh học trong trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi thú y, nuôi trồng thủy sản và công nghệ vi sinh vật; an toàn sinh học trong công nghệ sinh học.

- *Năng lực đạt được:* Trình bày được các kỹ thuật nền của công nghệ sinh học hiện đại và ứng dụng của công nghệ sinh học trong cải tiến giống cây trồng vật nuôi. Vận dụng trong nhân giống *invitro* một số đối tượng thực vật; tách và vào mẫu tế bào động vật; phân lập một số chủng vi sinh vật.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Về kiến thức

- Hiểu và trình bày được khái niệm, nội dung và ứng dụng của các kỹ thuật nền trong công nghệ sinh học.

- Hiểu và giải thích được khả năng ứng dụng của công nghệ sinh học trong trồng trọt, trong công nghệ vi sinh vật và trong chăn nuôi thú y.

- Trình bày được khái niệm và các quy định về an toàn sinh học trong công nghệ sinh học, những thuận lợi và rủi ro khi sử dụng sinh vật chuyển gen.

2.2. Về kỹ năng

- Sử dụng an toàn và đúng kỹ thuật các dụng cụ, thiết bị và máy móc trong phòng công nghệ sinh học.

- Thực hiện được quy trình pha chế một số loại môi trường dùng trong nuôi cấy *invitro* mô tế bào thực vật và động vật;

- Thực hiện được quy trình vào mẫu nuôi cấy, nhân giống *invitro* một số đối tượng thực vật; tách và vào mẫu tế bào động vật; phân lập một số chủng vi sinh vật.

2.3. Về thái độ

Người học nhận thức được tầm quan trọng và xu thế phát triển của công nghệ sinh học, là tiền đề để tiếp thu các môn học tiếp theo.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. MỞ ĐẦU

5 (LT: 2; TL: 3)

1.1. Khái niệm và định nghĩa công nghệ sinh học

1.2. Sơ lược lịch sử phát triển

1.3. Phân loại Công nghệ sinh học

1.4. Thành tựu và xu thế phát triển

CHƯƠNG 2. CÁC KỸ THUẬT NỀN CỦA CÔNG NGHỆ SINH HỌC

15 (LT: 5; TL: 5; TH: 5)

2.1. Các enzym chủ yếu sử dụng trong kỹ thuật di truyền

2.1.1. Các enzym giới hạn (restriction enzyme)

2.1.2. Enzym nối (Ligase)

2.1.3. Các enzym sửa đổi ADN

2.1.4. Các enzym thủy phân (nuclease)

2.2. ADN tái tổ hợp và tách dòng gen (cloning gene)

2.2.1. Khái niệm ADN tái tổ hợp

2.2.2. Vector nhân dòng (cloning vector)

2.3. Thu nhận gen

- 2.3.1. Tách các đoạn DNA từ gennom
- 2.3.2. Thu nhận gen từ mARN của gen tương ứng
- 2.3.3. Tổng hợp gen bằng phương pháp hóa học
- 2.4. Phản ứng chuỗi trùng hợp PCR (Polymerase Chain Reaction)
 - 2.4.1. Khái niệm về kỹ thuật PCR
 - 2.4.2. Nguyên lý của kỹ thuật PCR
 - 2.4.3. Thành phần của phản ứng PCR
 - 2.4.4. Các bước tiến hành PCR
 - 2.4.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến phản ứng PCR
 - 2.4.6. Ứng dụng của kỹ thuật PCR
- 2.5. Các kỹ thuật xác định tính đa hình ADN dựa trên PCR
 - 2.5.1. Kỹ thuật đa hình các đoạn ADN nhân bản ngẫu nhiên RAPD (Random Amplified Polymorphism DNA)
 - 2.5.2. Kỹ thuật đa hình chiều dài của các đoạn ADN được nhân bản AFLP (Amplified Fragment Length Polymorphism)

CHƯƠNG 3: CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG TRỒNG TRỌT

17 (LT: 5; TL: 6; TH: 6)

- 3.1. Công nghệ nuôi cấy mô, tế bào thực vật
 - 3.1.1. Khái niệm nuôi cấy mô, tế bào thực vật
 - 3.1.2. Cơ sở của kỹ thuật nuôi cấy mô, tế bào thực vật
 - 3.1.3. Nhân giống cây trồng bằng nuôi cấy mô
 - 3.1.4. Làm sạch bệnh virus qua nuôi cấy meristem (mô phân sinh đỉnh)
 - 3.1.5. Chọn tạo giống nhờ công nghệ tế bào
 - 3.1.6. Kỹ thuật thụ phấn trong ống nghiệm và nuôi cấy phôi in vitro
 - 3.1.7. Công nghệ tế bào trong bảo quản nguồn gen
- 3.2. Kỹ thuật chuyển gen vào thực vật
 - 3.2.1. Kỹ thuật chuyển gen là gì
 - 3.2.2. Các phương pháp chuyển gen
 - 3.2.3. Các hướng chính trong tạo giống bằng chuyển gen

CHƯƠNG 4: CÔNG NGHỆ SINH HỌC VI SINH VẬT

12 (LT: 2; TL: 5; TH: 5)

- 4.1. Lịch sử công nghệ vi sinh vật
- 4.2. Ứng dụng công nghệ vi sinh vật
 - 4.2.1. Trong lĩnh vực nông nghiệp
 - 4.2.2. Trong lĩnh vực công nghiệp
 - 4.2.3. Trong lĩnh vực y tế
- 4.3. Sơ đồ nguyên lý công nghệ vi sinh vật
- 4.4. Tuyển chọn và bảo quản giống vi sinh vật
 - 4.4.1. Phân lập giống vi sinh vật thuần chủng
 - 4.4.1. Bảo quản giống vi sinh vật
- 4.5. Dinh dưỡng và môi trường nuôi cấy vi sinh vật
- 4.6. Những sản phẩm của công nghệ vi sinh
 - 4.6.1. Sinh khối vi sinh vật
 - 4.6.2. Các sản phẩm lên men
 - 4.6.3. Các chế phẩm enzym
 - 4.6.4. Các sản phẩm trao đổi chất bậc 1, 2.

CHƯƠNG 5. CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

16 (LT: 5; TL: 6; TH: 5)

- 5.1. Kỹ thuật nuôi cấy tế bào động vật

- 5.1.1. Khái niệm nuôi cấy tế bào động vật
- 5.1.2. Đưa các tế bào vào nuôi cấy
- 5.1.3. Dòng tế bào liên tục
- 5.1.4. Môi trường nuôi cấy
- 5.1.5. Các cách nuôi cấy
- 5.1.6. Ứng dụng của nuôi cấy tế bào động vật
- 5.2. Sản xuất tế bào gốc
- 5.2.1. Tính toán năng của tế bào động vật
- 5.2.2. Định nghĩa tế bào gốc (stem cell)
- 5.2.3. Khả năng ứng dụng của tế bào gốc
- 5.3. Kỹ thuật cấy chuyển phôi
- 5.3.1. Đặc điểm phát triển phôi ở giai đoạn sớm
- 5.3.2. Kỹ thuật lấy phôi và cấy phôi
- 5.3.3. Ứng dụng của cấy chuyển phôi
- 5.4. Nhân bản động vật - kỹ thuật cloning
- 5.5. Công nghệ tạo vật nuôi chuyên gen
- 5.6. Công nghệ sinh học trong sản xuất kit chẩn đoán, thuốc điều trị bệnh và thức ăn cho vật nuôi
- 5.6.1. Công nghệ sản xuất kháng thể đơn dòng
- 5.6.2. Vacxin tái tổ hợp
- 5.6.3. Các sinh phẩm kích thích sinh trưởng vật nuôi
- 5.6.4. Sử dụng kỹ thuật PCR để chuẩn đoán virus gây bệnh của tôm

CHƯƠNG 6. AN TOÀN SINH HỌC TRONG CÔNG NGHỆ SINH HỌC

4 (LT: 2; TL: 2)

- 6.1. Đại cương về an toàn sinh học
- 6.1.1. Khái niệm an toàn sinh học
- 6.1.2. Nguyên lý an toàn sinh học
- 6.2. An toàn sinh học trong nghiên cứu và phát triển sinh vật biến đổi gen
- 6.2.1. Một số thành tựu và xu hướng của sinh vật biến đổi gen
- 6.2.2. Sinh vật biến đổi gen và an toàn sinh học
- 6.2.3. Những lợi ích và rủi ro của sinh vật biến đổi gen
- 6.3. Quản lý an toàn sinh học
- 6.3.1. Quản lý an toàn sinh học ở một số quốc gia trên thế giới
- 6.3.2. Quản lý an toàn sinh học ở Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học: Liệt kê các điều kiện để hoàn thành được nội dung học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

Đánh giá nhận thức, thái độ tham gia học trên lớp và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành

+ 3 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận

+ 1 bài kiểm tra vào giờ bài tập, thảo luận trên lớp

Tiêu chí đánh giá:

+ Kiểm tra mức độ nhớ, thuộc bài (hiểu và biết) của người học (2/10)

+ Đánh giá khả năng phân tích, suy xét, nhận định của người học về vấn đề đặt ra. (3/10)

+ Đánh giá khả năng ứng dụng, giải quyết vấn đề của người học trong từng trường hợp cụ thể. (5/10)

- **Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ:** Trọng số 20%

Hình thức: kiểm tra viết 50 phút

- **Kiểm tra đánh giá cuối kỳ:** Trọng số 50%

Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy : 45 phút

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham dạy học:

9.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Quang Thạch, Nguyễn Thị Lý Anh (2009), *Giáo trình Công nghệ sinh học nông nghiệp*. NXB Nông Nghiệp.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Đình Lương, Quyền Đình Thi (2004), *Kỹ thuật di truyền ứng dụng*. NXB Đại học Khoa học tự nhiên Hà Nội.

2. Đỗ Năng Vịnh (2002), *Công nghệ sinh học cây trồng*. NXB Nông Nghiệp.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.15. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. SINH THÁI MÔI TRƯỜNG/Enviromental ecology

- Số tín chỉ: 02 (15;18;12)

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Bộ môn phụ trách học phần: KH đất & MT.

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Kiến thức cơ bản về sinh thái học, các quy luật sinh thái học, mối tương tác giữa yếu tố sinh thái của môi trường sống và sinh vật và đặc điểm của các mức độ tổ chức sống của sinh giới: quần thể, quần xã và hệ sinh thái; Kiến thức cơ bản về môi trường và con người, mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường, thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; Kiến thức cơ bản về môi trường và các vấn đề chính về ô nhiễm môi trường trên thế giới và tại Việt Nam, luật và chính sách môi trường của Việt Nam.

- Năng lực đạt được: Học xong học phần này, sinh viên có khả năng trình bày và giải thích được các quy luật sinh thái học, mối tương tác giữa yếu tố sinh thái của môi trường sống và sinh vật và đặc điểm của các mức độ tổ chức sống của sinh giới, từ đó có khả năng ứng dụng nâng cao năng suất trong sản xuất nông nghiệp; Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về môi trường và con người, mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường, thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên từ đó có khả năng nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; Kiến thức cơ bản về môi trường và các vấn đề chính về ô nhiễm môi trường trên thế giới và tại Việt Nam, luật và chính sách môi trường của Việt Nam, từ đó có thể đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức

- Hiểu và trình bày được những khái niệm cơ bản của sinh thái học và những quy luật sinh thái học.

- Trình bày và giải thích được tác động của các nhân tố sinh thái đối với đời sống sinh vật và sự thích nghi của chúng.

- Hiểu và trình bày được các khái niệm và đặc điểm của các mức độ tổ chức sống của sinh giới: cá thể, quần thể, quần xã và hệ sinh thái.

- Trình bày và giải thích các vấn đề chính của ô nhiễm môi trường cũng như các vấn đề về khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trên thế giới và tại Việt Nam.

- Hiểu và trình bày được khái niệm, nguyên tắc của phát triển bền vững, các nội dung của các công ước về bảo vệ môi trường trên thế giới và Việt Nam.

2.2. Về kỹ năng

Dựa trên kiến thức học phần Sinh thái môi trường, học viên có thể:

+ Nhận diện, phân biệt một số hệ sinh thái trên cạn cũng như đánh giá được sự đa dạng sinh học của chúng.

+ Vận dụng các kiến thức cơ bản về sinh thái học để giải thích các vấn đề về liên quan đến sản xuất nông nghiệp.

+ Đánh giá được hiện trạng môi trường và đề xuất các giải pháp cho các vấn đề môi trường – xã hội tại Việt Nam.

2.3 Về thái độ

Sinh viên có nhận thức đúng đắn về các mối quan hệ giữa sinh thái và môi trường sống, từ đó ý thức tốt hơn trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: KHÁI NIỆM CHUNG VỀ SINH THÁI HỌC 3tiết (2LT;1TL)

1.1. Khái niệm và cấu trúc sinh thái học

1.1.1. Khái niệm sinh thái học

1.1.2. Cấu trúc sinh thái học

1.2. Lịch sử phát triển và ý nghĩa của sinh thái học

1.2.1. Lịch sử phát triển của sinh thái học

1.2.2. Ý nghĩa của sinh thái học

1.3. Một số khái niệm cơ bản trong sinh thái học

1.3.1. Môi trường và cấu trúc của nó

1.3.3. Yếu tố môi trường và yếu tố sinh thái

1.1.3. Nơi ở và ổ sinh thái

1.4. Các quy luật sinh thái cơ bản

1.4.1. Quy luật tối thiểu Liebig (1840)

1.4.2. Quy luật về tính chống chịu hay giới hạn sinh thái của Shelford

1.4.3. Quy luật tác động tổng hợp của các nhân tố sinh thái

1.4.4. Quy luật tác động không đồng đều của các nhân tố sinh thái lên chức phận của cơ thể sống

1.4.5. Quy luật tác động qua lại giữa sinh vật và môi trường

Chương 2: ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ SINH THÁI LÊN SINH VẬT VÀ SỰ THÍCH NGHI CỦA SINH VẬT 6 tiết (3LT; 3TL)

2.1. Các yếu tố sinh thái của môi trường vô sinh

2.1.1. Ánh sáng

2.1.2. Nhiệt độ

2.1.3. Nước

2.1.4. Đất

2.1.5. Một số yếu tố sinh thái vô sinh khác

2.2. Các yếu tố sinh thái của môi trường hữu sinh và giới hạn phản ứng của sinh vật

2.2.1. Môi quan hệ giữa các sinh vật sống

2.2.2. Quan hệ tương tác dương, cùng hỗ trợ nhau

2.2.3. Quan hệ tương tác trung tính

2.2.4. Quan hệ tương tác kìm hãm và đối chọi nhau

Chương 3: SINH THÁI HỌC QUẦN THỂ

2 tiết (1LT; 1TL)

3.1. Định nghĩa quần thể

3.2. Đặc điểm chung của quần thể

3.3. Phân loại quần thể

3.3.1. Quần thể dưới loài

3.3.2. Quần thể địa lí

3.3.3. Quần thể sinh thái

3.3.4. Quần thể cơ bản

3.4. Đặc trưng của quần thể

3.4.1. Kích thước và mật độ quần thể

3.4.2. Sự phân bố của cá thể trong quần thể

3.4.3. Cấu trúc tuổi của quần thể

3.4.4. Cấu trúc giới tính và cấu trúc sinh sản

3.5. Môi quan hệ của các cá thể trong quần thể

3.6. Động thái học của quần thể

3.6.1. Mức sinh sản của quần thể

3.6.2. Mức tử vong và mức sống sót

3.6.2. Biến động số lượng cá thể và các kiểu tăng trưởng của quần thể

Chương 4: SINH THÁI HỌC QUẦN XÃ

3 tiết (1.5LT; 1.5TL)

4.1. Định nghĩa quần xã

4.2. Phân loại quần xã

4.3. Tính chất cơ bản của quần xã

4.3.1. Những tính chất về thành phần loài

4.3.2. Những tính chất về cấu trúc không gian của quần xã

4.3.3. Những tính chất về sự biến đổi cấu trúc của sự phân bố theo chu kỳ hay nhịp sinh học của quần xã

4.4. Môi quan hệ sinh thái giữa các loài trong quần xã

4.5. Diễn thế sinh thái (sự biến động trong quần xã)

4.5.1. Khái niệm diễn thế

4.5.2. Phân loại diễn thế

4.5.3. Nguyên nhân của diễn thế

Chương 5: SINH THÁI HỌC HỆ SINH THÁI

4 tiết (1.5LT; 2.5 TL)

5.1. Khái niệm

5.2. Cấu trúc của hệ sinh thái

5.3. Chức năng của hệ sinh thái

5.3.1. Chức năng trao đổi vật chất

5.3.2. Chức năng trao đổi năng lượng

Chương 6: TÀI NGUYÊN SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN HỢP LÝ 8 tiết(3LT; 5TL)

6.1. Khái niệm về tài nguyên

6.2 Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên rừng

6.3 Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên đất

6.4 Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước

6.5 Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên khác.

Chương 7: CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

7

7.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu

7.1.1. Biến đổi khí hậu toàn cầu

7.1.2. Lắng đọng axit

7.1.3. Suy giảm tầng ôzôn

7.1.4. Suy giảm đa dạng sinh học

7.1.5. Gia tăng dân số

7.2. Phát triển bền vững

7.2.1. Cơ sở khoa học của sự bền vững

7.2.2. Khái niệm về phát triển bền vững

7.2.3. Các thước đo về phát triển bền vững

7.2.4. Các nguyên tắc phát triển bền vững

7.2.5. Phát triển bền vững ở Việt Nam

7.3. Các công ước quốc tế về môi trường và sự tham gia của việt nam

7.3.1. Tính toàn cầu của vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường

7.3.2. Hội nghị quốc tế về môi trường và bảo vệ môi trường

7.3.3. Các công ước quốc tế về môi trường và sự tham gia của Việt Nam

Thực hành:

Bài 1. Khảo sát một số hệ sinh thái tại 1 số khu vực Tỉnh Thanh Hóa (6 tiết)

Bài 2. Khảo sát tình hình môi trường tại 1 số khu vực tại Tp. Thanh Hóa (6 tiết)

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- | | |
|------------------------------------|--------------|
| - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: | Trọng số 30% |
| - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: | Trọng số 20% |
| - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: | Trọng số 50% |

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

*** Tài liệu bắt buộc**

1. Trần Đức Viên và CS, 2004. *Giáo trình Sinh thái học nông nghiệp*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

*** Tài liệu tham khảo**

1. Lê Văn Thăng, 2008. *Giáo trình Khoa học Môi trường đại cương*. NXB. Giáo dục và đào tạo.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

B. KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG/ Environment Science

- Số tín chỉ: 02 (15,18,12)
- Điều kiện tiên quyết: Các học phần cơ bản.
- Bộ môn quản lý: BM Khoa học đất và môi trường
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm khoa học môi trường, các thành phần chính của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học vận dụng vào khoa học môi trường; Các kiến thức cơ bản của khoa học môi trường như ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường, tài nguyên, dân số, lương thực, năng lượng và phát triển bền vững.

Năng lực đạt được: Phân tích được các vấn đề về môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường; các vấn đề liên quan đến môi trường và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Phân tích được những khái niệm liên quan đến khoa học môi trường, các thành phần chính của môi trường.
- Phân tích được các loại tài nguyên thiên nhiên tại một khu vực cụ thể. Đánh giá được hiện trạng và xác định được vấn đề đối với loại tài nguyên thiên nhiên tại một khu vực cụ thể.
- Phân tích được vấn đề về ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường.
- Xác định và phân tích được các vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Đánh giá được nguồn tài nguyên thiên nhiên tại một khu vực.
- Đánh giá được các vấn đề ô nhiễm môi trường và quản lý môi trường tại một khu vực.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của ngành khoa học môi trường.
- Tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Các vấn đề chung về khoa học môi trường (04 tiết; LT: 02; TL:2, TH:0)

- 1.1. Khái niệm về khoa học môi trường
- 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của khoa học môi trường
- 1.3. Các chức năng của môi trường
- 1.4. Khủng hoảng môi trường
- 1.5. Phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu và giải quyết những vấn đề môi trường
- 1.6. Những thách thức môi trường hiện nay

Chương 2. Các thành phần cơ bản của môi trường (05 tiết; LT:03, TL: 02, TH: 0)

2.1. Thạch quyển

2.1.1. Sự hình thành và cấu trúc của Trái Đất

2.1.2. Sự hình thành đá và quá trình tạo khoáng tự nhiên

2.1.3. Sự hình thành đất và biến đổi của địa hình cảnh quan

2.2. Thủy quyển

2.2.1. Cấu tạo hình thái, các thành phần của thủy quyển

2.2.2. Đới ven biển

2.2.3. Băng

2.3. Khí quyển

2.3.1. Sự hình thành và cấu trúc của khí quyển Trái Đất

2.3.2. Thành phần hóa học của khí quyển

2.3.3. Ozon khí quyển và các chất CFC

2.3.4. Chế nhiệt, bức xạ và hoàn lưu khí quyển

2.4. Sinh quyển

2.4.1. Khái niệm sinh quyển, sinh khối

2.4.2. Quang hợp và hô hấp

2.4.3. Năng lượng và sinh khối

2.4.4. Tác động tương hỗ giữa các sinh vật

Chương 3. Các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường

(05 tiết; LT: 02, TL: 03, TH: 0)

3.1. Sự hình thành, sự tiến hóa sinh vật và các sinh đới

3.2. Cơ chế hoạt động của hệ sinh thái

3.3. Dòng năng lượng và năng suất sinh học của hệ sinh thái

3.4. Các chu trình sinh-địa-hóa

3.5. Sự tăng trưởng của các quần thể sinh vật

3.6. Tương tác giữa các quần thể sinh vật

3.7. Sự phát triển và tiến hóa của hệ sinh thái

3.8. Tác động của con người lên hệ sinh thái

Chương 4: Tài nguyên thiên nhiên

(07 tiết; LT: 03, TL: 04, TH: 0)

4.1. Đặc điểm chung và phân loại tài nguyên thiên nhiên

4.2. Tài nguyên đất

4.3. Tài nguyên rừng

4.4. Tài nguyên sinh học và đa dạng sinh học

4.5. Tài nguyên nước

- 4.6. Tài nguyên khoáng sản
- 4.7. Tài nguyên năng lượng
- 4.8. Tài nguyên biển
- 4.9. Tài nguyên khí hậu, cảnh quan

Chương 5. Ô nhiễm môi trường (13 tiết; LT: 03, TL: 04, TH: 06)

- 5.1. Ô nhiễm nước
 - 5.1.1. Nguồn gây ô nhiễm, tác nhân ô nhiễm
 - 5.1.2. Ô nhiễm nước mặt
 - 5.1.3. Ô nhiễm và suy thoái nước ngầm
 - 5.1.4. Ô nhiễm biển
- 5.2. Ô nhiễm không khí
 - 5.2.1. Các nguồn gây ô nhiễm không khí
 - 5.2.2. Các tác nhân gây ô nhiễm không khí và tác động của chúng
 - 5.2.3. Sự lan truyền chất ô nhiễm trong khí quyển
- 5.3. Ô nhiễm môi trường đất
 - 5.3.1. Hệ sinh thái đất
 - 5.3.2. Ô nhiễm môi trường đất
- 5.4. Liên hệ tình hình ô nhiễm môi trường ở Việt Nam.

Chương 6. Quản lý môi trường và các vấn đề phát triển và môi trường, phát triển bền vững (11 tiết; LT: 02, TL: 03, TH: 06)

- 6.1. Quản lý môi trường
 - 6.1.1. Những khái niệm cơ bản về quản lý môi trường
 - 6.1.2. Cơ sở khoa học của công tác quản lý môi trường
- 6.2. Các công cụ quản lý môi trường
- 6.2. Các vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững
 - 6.2.1. Vấn đề dân số
 - 6.2.2. Vấn đề lương thực và thực phẩm của loài người
 - 6.2.3. Vấn đề năng lượng
 - 6.2.4. Phát triển bền vững

Thực hành (10 tiết)

Bài 1: Tham quan cơ sở sản xuất để đánh giá được thực trạng quản lý môi trường của cơ sở sản xuất tại một địa phương cụ thể (5 tiết).

Bài 2: Tham qua một vùng sinh thái và phân tích các vấn đề về môi trường của vùng sinh thái đó (5 tiết).

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- | | |
|------------------------------------|--------------|
| - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: | Trọng số 30% |
| - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: | Trọng số 20% |
| - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: | Trọng số 50% |

Thang điểm: 10

9. Học liệu

9.1. Giáo trình chính

1. Lê Văn Khoa (2008), *Khoa học môi trường*, Nxb Giáo dục.

9.2. Giáo trình tham khảo

1. Lưu Đức Hải (2000), *Cơ sở khoa học môi trường*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.16. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/BASIC OF VIETNAMESE CULTURE

- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 121005
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

-Nắm được một số khái niệm về văn hoá và những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam.

-Trình bày được những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Xây dựng được những kiến thức chung nhất về văn hoá Việt Nam, những tiền đề cơ bản của văn hoá cũng như bản sắc văn hoá.

- Vận dụng được những vấn đề về lý thuyết và phương pháp luận để tiếp cận nghiên cứu văn hoá Việt Nam,

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

Sinh viên nhận thức rõ bản sắc văn hoá dân tộc, bản lĩnh của dân tộc, tin tưởng vào sự phát triển và sự trường tồn của văn hoá Việt Nam. Góp phần vào việc bảo tồn và kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

3. Nội dung học phần

3.1. Nội dung chi tiết học phần

1. Văn hóa – những khái niệm cơ bản

(LT:3; TL:0)

1.1. Văn hoá học

1.1.1. Văn hoá học với tư cách là một chuyên ngành khoa học

1.1.2. Những thuật ngữ thường dùng trong văn hoá học

1.2. Văn hoá

1.2.1. Vấn đề thuật ngữ văn hoá

1.2.2. Con người - chủ thể sáng tạo văn hoá

1.2.3. Phân biệt văn hoá với văn minh, văn hiến, văn vật.

1.2.4. Văn hoá với biểu tượng

2. Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá

(LT:2; TL:0)

2.1. Cấu trúc

2.1.1. Các quan niệm về cấu trúc văn hoá

2.1.2. Một số cách tiếp cận cấu trúc của văn hoá

2.3.3. Văn hoá từ cái nhìn cấu trúc loại hình

2.2. Đặc trưng và chức năng của văn hoá

2.2.1. Tính hệ thống và chức năng tổ chức xã hội

2.2.2. Tính giá trị và chức năng điều tiết xã hội

2.2.3. Tính lịch sử gắn với chức năng giáo dục

2.2.4. Tính nhân bản gắn với chức năng giao tiếp

3. Định vị văn hoá Việt Nam

(LT:2, TL:1)

3.1 Không gian văn hoá Việt Nam

3.2. Thời gian văn hóa

3.3. Nguồn gốc dân tộc Việt - chủ thể văn hoá Việt Nam

B. Thực hành, thảo luận

1. Thuật ngữ văn hoá, phân biệt các khái niệm liên quan đến văn hoá

2. Mối quan hệ giữa các đặc trưng và chức năng của văn hoá

3. Con người - học văn - văn hoá

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Mối quan hệ giữa con người với môi trường và văn hoá

2. Quá trình hình thành các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam

3. Lựa chọn 9 biểu tượng văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên; 9 biểu tượng văn hoá ứng xử với môi trường xã hội và phân tích những biểu tượng văn hoá ấy.

4. Tiến trình văn hoá Việt Nam

(LT:2, TL:2)

A. Lí thuyết

1. Văn hoá Việt Nam thời tiền sử

2. Văn hoá Việt Nam thời sơ sử

3. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc

4. Thời kỳ phong kiến tự chủ (Đại Việt)

5. Văn hoá Việt Nam thời Pháp thuộc và chống Pháp thuộc

6. Văn hoá Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945

B. Thực hành, thảo luận

1. Tại sao nói Việt Nam là một Đông Nam Á thu nhỏ? Tại sao một nghìn năm Bắc thuộc Việt Nam không bị đồng hoá ?

2. Chứng minh giai đoạn Văn Lang - Âu Lạc là đỉnh cao của văn hoá Việt Nam thời tiền sử và sơ sử ?

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Văn hoá Đại Việt - đỉnh cao của văn hoá Việt Nam thời độc lập tự chủ?

2. Các đặc điểm của văn hóa Việt Nam khi giao lưu tiếp xúc với văn hóa nhân loại thời hiện đại?

5. Các vùng văn hoá Việt Nam

(LT:1, TL:1)

A. Lí thuyết

1. Vấn đề phân vùng văn hoá và khái niệm vùng văn hoá

1.1. Vấn đề phân vùng văn hoá ở Việt Nam

1.2. Khái niệm vùng văn hoá ?

2. Đặc trưng các vùng văn hoá Việt Nam

2.1. Vùng văn hoá Đồng bằng Bắc bộ

2.2. Vùng văn hoá Việt Bắc

2.3. Vùng văn hoá Tây Bắc và miền núi Bắc bộ

2.4. Vùng văn hoá duyên hải Bắc Trung bộ

2.5. Vùng văn hoá duyên hải Trung và Nam Trung bộ

2.6. Vùng văn hoá Trường Sơn - Tây Nguyên

2.7. Vùng văn hoá Nam bộ

B. Thực hành, thảo luận

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Trang phục của các dân tộc Việt Nam ?

2. Vấn đề môi trường, con người và văn hóa ?

6. Văn hoá nhận thức

(LT:2, TL:2)

A. Lí thuyết

1. Văn hoá Việt Nam với Đông Nam Á
2. Triết lí âm dương
2. Tam tài- ngũ hành
3. Lịch âm dương và hệ đếm can chi

B. Thực hành, thảo luận

C. Tự học, tự nghiên cứu

7. Học thực hành, thực tế tại các địa danh lịch sử - văn hóa (LT:0; TH, TT:6)

8. Văn hoá tổ chức đời sống

(LT:0; TL:2)

A. Lí thuyết

1. Tổ chức nông thôn
2. Tổ chức quốc gia
3. Tổ chức đô thị

B. Thảo luận, thực hành

C. Tự nghiên cứu:

9, 10. Văn hoá tín ngưỡng, tôn giáo

(LT:3, TL:2)

A. Lí thuyết

1. Vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo

2. Tín ngưỡng

- 2.1. Tín ngưỡng phồn thực
- 2.2. Tín ngưỡng thờ thần
- 2.3. Tín ngưỡng thờ Mẫu hay nguyên lí mẹ của văn hoá Việt Nam
- 2.4. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

3. Tôn giáo.

- 3.1. Phật giáo và văn hoá Việt Nam
- 3.2. Nho giáo và văn hoá Việt Nam
- 3.3. Đạo giáo và văn hoá Việt Nam
- 3.4. Thiên chúa giáo với văn hoá Việt Nam

4. Đặc trưng tín ngưỡng Việt Nam

5. Tích hợp văn hoá Đông – Tây: Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh

B. Thực hành, thảo luận

1. Tại sao nói Nho giáo khi vào Việt Nam đã bị khúc xạ bởi văn hoá Việt Nam ?
2. Những biểu hiện cụ thể của sự hoà đồng tôn giáo ?
3. Thế nào là tam giáo đồng qui ?

C. Tự học, tự nghiên cứu:

1. Vai trò, vị trí của tín ngưỡng, tôn giáo trong xã hội ngày nay ?
2. Cấu trúc của ngôi chùa thờ Phật, nhà thờ Thiên chúa giáo? Đạo Tin lành? Văn Miếu – Quốc tử giám?
3. Những biểu hiện về “sự khúc xạ” trong tiếp thu các tôn giáo ở Việt Nam (Đạo Phật, Đạo Nho, Đạo Lão, Đạo Thiên chúa giáo, Tin lành)

11. Văn hoá ẩm thực, văn hoá mặc, ở và đi lại

(LT:0, TL:2)

A. Lí thuyết

11.1. Văn hoá ẩm thực

- 11.1.1. Cơ cấu bữa ăn
- 11.1.2. Cách chế biến món ăn
- 11.1.3. Cách ăn
- 11.1.4. Đồ uống.

11.2. Văn hoá mặc

- 11.2.1. Chất liệu may mặc
- 11.2.2. Trang phục qua các thời đại và đặc trưng trong cách mặc
- 11.3. Văn hoá ở và đi lại
 - 11.3.1. Đặc điểm ngôi nhà Việt Nam
 - 11.3.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tâm lý đi lại, phương tiện đi lại

B. Thực hành, thảo luận

1. Tại sao ăn uống được gọi là văn hoá ẩm thực ? văn hoá ẩm thực Việt Nam là gì ?
2. Về một nét đẹp trong trang phục của người phụ nữ Việt Nam ?
3. Con thuyền và biểu tượng con thuyền trong truyền thống văn hoá Việt Nam
4. *Lấy vợ hiền hoà, làm nhà hướng Nam* hay *Lấy vợ đàn bà, làm nhà hướng Nam*?

C. Tự học, tự nghiên cứu:

1. Vai trò của trâu cau trong đời sống con người Việt Nam từ xưa đến nay.
2. Thuật phong thủy trong đời sống con người Việt Nam từ xưa đến nay.

12. Văn hoá giao tiếp, nghệ thuật và phong tục cổ truyền (LT:1, TL:2)

A. Lí thuyết

12.1. Văn hoá giao tiếp

- 12.1.1. Cơ tầng văn hoá nông nghiệp bản địa và sự thâm thấu trong văn hoá giao tiếp
- 12.1.2. Đặc điểm, cách thức giao tiếp
- 12.1.3. Nghệ thuật ngôn từ

12.2. Văn hoá nghệ thuật

- 12.2.1. Nghệ thuật trình diễn
- 12.2.2. Nghệ thuật sân khấu
- 12.2.3. Nghệ thuật tạo hình
- 12.2.4. Nghệ thuật kiến trúc

13. Phong tục

(LT:1, TL:2)

- 13.1. Phong tục hôn nhân
- 13.2. Phong tục tang ma.
- 13.3. Phong tục lễ tết, lễ hội.

B. Thực hành, thảo luận

1. Về một loại hình nghệ thuật cổ truyền mà anh/ chị thích ?
2. Về một lễ hội nơi quê hương, các bước tiến hành một lễ hội cổ truyền ?
3. Trọng tình và nước đôi trong giao tiếp của người Việt ?

C. Tự học, tự nghiên cứu:

1. Các loại hình nghệ thuật cổ truyền ?
2. Phong tục hôn nhân, tang ma ?
3. Phép xử thế của con người trong đời sống ?

14. Tổng kết

(LT:1, TL:2)

A. Lí thuyết

1. Các biểu tượng văn hoá Việt Nam
2. Bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong xu thế hội nhập và phát triển.
3. Vấn đề nguồn lực con người

B. Thực hành, thảo luận

1. Vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong thế giới hội nhập, CNH, HĐH?

C. Tự học, tự nghiên cứu

1. Vai trò của văn hoá du lịch trong xã hội hiện đại
2. Được và mất trong quá trình toàn cầu hóa, có toàn cầu hóa văn hóa không ?

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận,

thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm : 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

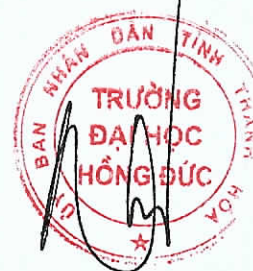
[1] Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hoá VN*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Quốc Vượng (2002), *Cơ sở văn hoá VN*, Nxb Giáo dục.

[2] Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa thông tin.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.17. TÂM LÝ LAO ĐỘNG/LABOUR PSYCHOLOGY

- Mã học phần: 181160
- Số tín chỉ: 2 (18; 12; 12)
- Bộ môn phụ trách học phần: BM Tâm lý học.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Những vấn đề chung của tâm lý học lao động; Một số vấn đề tâm lý học trong tổ chức khoa học lao động; Tuyển chọn và đào tạo nghề; Sự thích ứng của con người trong hệ thống người-máy- môi trường

Năng lực đạt được: Người học trình bày được các trạng thái tâm lý nảy sinh trong lao động ; phân tích được các bước xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý ; mô tả được nội dung và các bước tuyển chọn, đào tạo nghề ; phân tích được đặc điểm của lao động trong điều kiện kỹ thuật mới. Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các bài tập trong chương trình.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Kiến thức

- Phân tích được đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp nghiên cứu và hệ thống tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về TLHLD.
- Phân tích được tâm lý con người trong hoạt động lao động, với môi trường lao động và giữa con người với con người trong lao động.
- Xác định được các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động lao động nhằm giúp nhà quản lý, người lao động biết tổ chức hoạt động lao động của mình khoa học.
- Phân tích được vấn đề tuyển chọn, đào tạo nghề và công tác hướng nghiệp trong giai đoạn hiện nay.
- Trình bày được sự thích ứng của con người trong hệ thống người, máy và môi trường, tiêu chuẩn đánh giá, một số số liệu nhân trắc về bố trí nơi làm việc, ...
- Trình bày được các vấn đề về an toàn lao động.

2.2. Kỹ năng

- Phân tích, khái quát, đánh giá tâm lý con người trong lao động.
- Kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học lao động vào việc nghiên cứu tâm lý con người ở các ngành nghề, lĩnh vực lao động khác nhau.
- Vận dụng kiến thức vào việc nghiên cứu tâm lý của các đối tượng khác nhau trong lao động.
- Tổ chức hoạt động lao động của tập thể và của bản thân một cách khoa học.
- Tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng về tâm lý học, tự bồi dưỡng, tự rèn luyện và hoàn thiện tâm lý bản thân trong cuộc sống và nghề nghiệp sau này.

2.3. Mục tiêu về Thái độ

- Thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức tâm lý học lao động trong hoạt động nghề nghiệp.
- Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học lao động.
- Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề chung của tâm lý học lao động (LT: 3; TL: 3; TH: 3)

1. Khái niệm chung về lao động

- 1.1 Định nghĩa về lao động.
- 1.2. Bản chất của lao động.
- 1.3. Cấu trúc của hoạt động lao động.
- 1.4. Phân loại lao động.

2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học lao động

- 2.1. Định nghĩa tâm lý học lao động .
- 2.2. Đối tượng của tâm lý học lao động.
- 2.3. Nhiệm vụ của tâm lý học lao động.
- 3. Mối quan hệ của tâm lý học lao động với các khoa học khác**
- 3.1. Với các chuyên ngành tâm lý học
- 3.2. Với các khoa học khác về lao động.
- 4. Sơ lược lịch sử phát triển của tâm lý học lao động**
- 5. Các phương pháp của tâm lý học lao động**
- 5.1. Các nguyên tắc phương pháp luận.
- 5.2. Các phương pháp nghiên cứu.
- 5.2.1. Phương pháp quan sát.
- 5.2.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.
- 5.2.3. Phân tích sản phẩm hoạt động.
- 5.2.4. Phương pháp phân tích
- 5.2.5. Phương pháp thực nghiệm.

Chương 2: Một số vấn đề tâm lý học trong tổ chức khoa học lao động
(LT: 6; TL:3; TH:3)

- 1. Các trạng thái tâm lý nảy sinh trong lao động**
- 1.1. Trạng thái chú ý.
- 1.2. Tâm thế lao động.
- 1.3. Sự căng thẳng trong lao động.
- 1.4. Sự đơn điệu trong lao động.
- 1.5. Sự mệt mỏi trong lao động.
- 2. Khả năng lao động**
- 2.1. Khái niệm về khả năng lao động.
- 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng lao động.
- 2.3. Diễn biến của khả năng lao động.
- 3. Xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi**
- 3.1. Khái niệm chế độ lao động.
- 3.2. Chế độ lao động.
- 3.3. Chế độ nghỉ ngơi.
- 4. Môi trường lao động**
- 4.1. Môi trường tự nhiên.
- 4.2. Môi trường xã hội.
- 5. Vấn đề an toàn lao động**
- 5.1. Các yếu tố tâm lý cá nhân đối với các trường hợp xảy ra các sự cố ATLĐ
- 5.2. Những đặc điểm tâm lý mang tính tạm thời, tình huống.
- 5.3. Biện pháp phòng ngừa các sự cố an toàn lao động.

Chương 3: Tuyển chọn và đào tạo nghề (LT: 6; TL: 3; TH: 3)

- 1. Vấn đề chọn nghề và công tác hướng nghiệp**
- 1.1. Khái niệm nghề nghiệp.
- 1.2. Ý nghĩa và nguyên tắc tuyển chọn.
- 1.3. Công tác hướng nghiệp.
- 1.3.1. Nội dung hướng nghiệp.
- 1.3.2. Công tác hướng nghiệp.
- 2. Vấn đề đào tạo nghề nghiệp**
- 2.1. Khái niệm đào tạo nghề nghiệp.
- 2.2. Dạy nghề và chuyên môn hóa nghề.
- 3. Hình thành và phát triển các năng lực nghề nghiệp**

- 3.1 Khái niệm năng lực nghề nghiệp.
- 3.2. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo trong lao động.

Chương 4: Lao động trong điều kiện kỹ thuật mới (LT: 3 TL: 3; TH:3)

1. Hệ thống người, máy và môi trường.

- 1.1. Khái niệm hệ thống người - máy - môi trường.
- 1.2. Hoạt động điều khiển của con người trong hệ thống người, máy và môi trường.
- 1.3. Biểu hiện tâm lý của người điều khiển.
- 1.4. Tính ưu việt của con người.
- 1.5. Phân loại hoạt động của người điều khiển.

2. Tiêu chuẩn đánh giá người điều khiển.

- 2.1. Tiêu chuẩn
- 2.2. Chế độ.

3. Một số số liệu nhân trắc và bố trí nơi làm việc

- 3.1. Các số liệu nhân trắc
- 3.2. Vùng làm việc
- 3.3. Kích thước của thiết bị công nghiệp
- 3.4. Kích thước của không gian lao động

4. Yêu cầu môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất một buổi giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

9. Tài liệu tham khảo chính

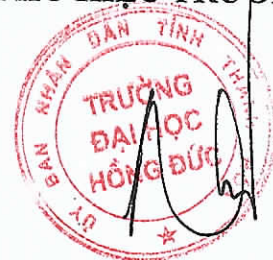
9.1. Giáo trình chính:

1. Lê Thị Dung, 2009. *Tâm lý học lao động* - NXB lao động xã hội Hà Nội.
2. Võ Hưng, Phạm Thị Bích Ngân, 2007. *Tâm lý học lao động* - Nxb ĐHQG TPHCM.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Đào Thị Oanh, 2003. *Tâm lý học lao động* - NXB ĐHQG Hà Nội.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

I. HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1/ Physical edycation 1

Số tín chỉ: 02 (3,27)

Mã học phần: 191004

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần:

Những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất.

Nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức thi đấu

Các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân.

Năng lực đạt được:

- Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác.
- Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ thuật nhảy xa.
- Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài các môn : Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa

Tài liệu tham khảo:**Học liệu bắt buộc:**

[1]. Nguyễn Đại Dương (2006), *Giáo trình Điền kinh*, NXB TDTT.

[2]. Ủy ban TDTT (2015), *Luật Điền kinh*, NXB TDTT.

Học liệu tham khảo:

[3]. Nguyễn Đại Dương (2000), *Giáo trình Điền kinh*, NXB TDTT.

[4]. Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), *Giáo trình Điền kinh*, NXB ĐH Sư phạm.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

II. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2/ Physical edycation

Chọn 1 trong 5 học phần:

A. Học phần tự chọn môn Bóng chuyền

Số tín chỉ: 02 (30, 0)

Mã học phần: 191031

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cao tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng)

Năng lực đạt được:

Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); biết được kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, chắn bóng, đập bóng cơ bản số 4. Tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.

Tài liệu tham khảo chính:

Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB DHSP, Hà Nội.

2. Ủy ban TDTT (2003), *Luật bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

3. Nguyễn Quang (2001), *Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền* NXB TDTT, Hà Nội.

4. Ủy ban TDTT (1998), *Bóng chuyền bóng rổ*, NXB TDTT Hà Nội.

B. Học phần tự chọn môn Bóng đá

Số tín chỉ: 02 (30, 0)

Mã học phần: 191033

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần Bóng đá bao gồm: Lịch sử phát triển, luật bóng đá (Sân 11 người, sân 7 người, sân 5 người), nguyên lý, các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá.

Phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá. Phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá.

Năng lực đạt được:

Sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu

Biết thực hiện một số kỹ thuật Bóng đá cơ bản

Hiểu được một số điểm của luật

Tài liệu tham khảo chính:

Học liệu bắt buộc

1. PGS.TS Trần Đức Dũng, *Giáo trình Bóng Đá*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 207

Học liệu tham khảo

2. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 11 người, năm 2014* Nxb TDTT.

3. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 7 người, năm 2001* Nxb TDTT.

4. Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 5 người, năm 2011* Nxb TDTT.

C. Học phần tự chọn môn Bóng rổ.

Số tín chỉ: 02 (30,0)

Mã học phần: 191034

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ. Qua đó, người học tổ chức một trận đấu, làm trọng tài các trận đấu bóng rổ;

Năng lực đạt được:

Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng rổ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.

Tài liệu tham khảo

Học liệu bắt buộc:

[1]. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, ĐHSP.

Học liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo (2003), *Giáo trình Bóng rổ*, NXB, TĐTT.

[3]. Ủy ban thể dục thể thao (2006), *Luật Bóng rổ*, NXB TĐTT.

[4]. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình bóng rổ*, NXB ĐH Thái Nguyên.

D. Học phần tự chọn môn Thể dục Aerobic

Số tín chỉ: 02 (30,0)

Mã học phần: 191032

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần tự chọn thể dục aerobic giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

Năng lực đạt được:

Có kỹ năng thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic: các động tác cơ bản, tư thế vận động, đội hình trong tập luyện và thi đấu.

Sinh viên có thái độ nghiêm túc, luôn học hỏi và sáng tạo; có khả năng tự lập kế hoạch tập luyện môn thể dục aerobic nhằm nâng cao sức khỏe, có năng lực hướng dẫn phong trào tập luyện môn thể aerobic

2. Mục tiêu học phần:

Tài liệu tham khảo:

Học liệu bắt buộc:

[1]. Đinh Khánh Thu (2014), *Giáo trình Thể dục Aerobic*, NXB TĐTT

Học liệu tham khảo:

[2]. Vũ Thanh Mai (2011), *Giáo trình Khiêu vũ thể thao*, NXB TDTT

[3]. Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, NXB TDTT

E. Học phần tự chọn môn võ Vovinam.

Số tín chỉ: 02 (30,0)

Mã học phần: 191035

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bóng – Điền kinh

Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

Nội dung học phần:

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.

Năng lực đạt được:

Sau khi học xong học phần này sinh viên thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).

Tài liệu tham khảo

Học liệu bắt buộc

[1]. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự “*Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TDTT, 2008.

Học liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

[3]. Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Nhu khí công quyền 2 - Vovinam*, NXB TDTT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

**I. Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam/
National defense and security policy of the Communist Party of Vietnam**

- Số đơn vị học trình: 03
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Chính trị
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên (SV) nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Năng lực đạt được:

+ Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

+ Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Tài liệu tham khảo:**Học liệu bắt buộc:**

1. *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

Học liệu tham khảo:

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Văn phòng Trung ương Đảng.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019. *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

II. Học phần 2: Công tác quốc phòng và an ninh/ Defense and security work

- Số đơn vị học trình: 02
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Chính trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và

phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

Năng lực đạt được:

+ Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay

+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

+ Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Tài liệu tham khảo chính:

Tài liệu bắt buộc:

1. Bộ giáo dục và Đào tạo, 2010. *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, Nxb. Giáo dục.

2. Bộ giáo dục và Đào tạo, 2012. *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, Nxb Giáo dục.

Tài liệu tham khảo:

3. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017 và 2020. *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh, 2017, 2020.*

4. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục.

III. Học phần 3: Quân sự chung/ General Military

Số đơn vị học trình: 02

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quân sự

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần:

Nội dung học phần quân sự chung: trang bị cho sinh viên nắm chắc được các chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Thành thạo về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự, biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác.

Năng lực đạt được:

Có khả năng vận dụng các chế độ trong ngày, trong tuần vào trong quá trình học tập cũng như công tác sau này.

Có khả năng nhận biết về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

Thuần thực cách sử dụng bản đồ.

Thuần thực cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.

Thuần thực về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp.

Tài liệu tham khảo chính:

Học liệu bắt buộc

1. BGD&ĐT, 2012. *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh, tập 2*. NXB giáo dục Việt Nam.

Học liệu tham khảo

2. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng. *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1* (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

3. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

4. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

IV. Học phần 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật/ Infantry fighting techniques and tactics

Số đơn vị học trình: 4

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quân sự

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần:

Nội dung học phần 4, kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác khi có tình huống xảy ra.

Năng lực đạt được:

Nhớ được tính năng tác dụng của súng tiểu liên AK, khái niệm về ngắm bắn, biết cách ngắm trúng, ngắm chụm vào mục tiêu cố định.

Có khả năng vận dụng linh hoạt vào trong quá trình công tác sau này khi có tình huống xảy ra.

Hiểu về cấu tạo, chuyển động và các tư thế, động tác ném lựu đạn.

Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu tiến công.

Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu phòng ngự.

Hiểu được nhiệm vụ chủ yếu khi làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.

Tài liệu tham khảo

Học liệu bắt buộc:

1. BGD&ĐT, 2012, *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

Học liệu tham khảo:

2. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh*, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS. TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.18. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KH VÀ THỐNG KÊ LÂM NGHIỆP/ Scientific research methods and forestry statistics

- Số tín chỉ: 3 (27;36)
- Mã học phần: 161084
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Khái niệm, phân loại về khoa học, công nghệ và nghiên cứu khoa học. Khái niệm và các phương pháp nghiên cứu khoa học. Khái niệm và phân loại đề tài nghiên cứu khoa học. Phương pháp bố trí thí nghiệm, thu thập, xử lý và phân tích số liệu trong lâm nghiệp. Các sản phẩm khoa học và đề tài khoa học, phương pháp viết văn bản khoa học. Kỹ năng thuyết trình báo cáo khoa học.

- *Năng lực đạt được:* Xây dựng đề cương nghiên cứu; bố trí thí nghiệm phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu; thu thập, xử lý số liệu, trình bày kết quả số liệu nghiên cứu; viết báo cáo khoa học và trình bày báo cáo khoa học.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Học phần trang bị cho người học các kiến thức về khoa học, công nghệ và nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, đề tài khoa học. Phương pháp bố trí thí nghiệm, thu thập, xử lý và phân tích số liệu trong lâm nghiệp. Cách viết văn bản khoa học. Kỹ năng thuyết trình báo cáo khoa học.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học để chọn đề tài nghiên cứu; xây dựng đề cương nghiên cứu. Tiến hành bố trí thí nghiệm, thu thập và xử lý số liệu. Viết báo cáo khoa học và có kỹ năng trình bày báo cáo khoa học.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHOA HỌC (3LT:4TL)

- 1.1. Khoa học
- 1.2. Công nghệ
- 1.3. Nghiên cứu khoa học

CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (4LT:4TL)

- 2.1. Khái niệm phương pháp nghiên cứu khoa học
- 2.2. Các phương pháp nghiên cứu khoa học thông dụng

CHƯƠNG 3: LỰA CHỌN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU (3LT:5TL)

- 3.1. Đề tài khoa học
- 3.2. Đề tài luận văn tốt nghiệp

CHƯƠNG 4: THU THẬP VÀ PHÂN TÍCH SỐ LIỆU TRONG LN (11LT:15TL)

- 4.1. Một số khái niệm thống kê
- 4.2. Phương pháp bố trí thí nghiệm trong lâm nghiệp
- 4.3. Sử dụng phương pháp thống kê để xử lý và phân tích số liệu

CHƯƠNG 5: VIẾT VĂN BẢN KHOA HỌC (3LT:4TL)

- 5.1. Viết tài liệu khoa học
- 5.2. Viết báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu khoa học

CHƯƠNG 6: KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH (3LT:4TL)

- 6.1. Báo cáo khoa học

6.2. Bảo vệ luận văn tốt nghiệp

4. Yêu cầu của môn học: Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra, thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối tuần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành xử lý số liệu và hướng dẫn thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Vũ Cao Đàm (2008), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nxb Giáo dục.
2. Ngô Kim Khôi (2001), *Tin học ứng dụng trong lâm nghiệp*. Nxb Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hải Tuất, Nguyễn Trọng Bình (2006), *Khai thác và sử dụng SPSS để xử lý số liệu nghiên cứu trong lâm nghiệp*. NXB Nông nghiệp.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.19. THỰC VẬT HỌC/Botany

- Số tín chỉ: 3 (21,27,21)
- Mã học phần: 165212
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học cây trồng
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Tế bào thực vật, cấu trúc và chức năng của các thành phần tế bào, sự phân chia tế bào. Mô thực vật, nguồn gốc, cấu tạo và chức năng của các loại mô. Các cơ quan sinh dưỡng và sinh sản của thực vật bậc cao, đặc điểm hình thái, cấu tạo giải phẫu và biến dạng của rễ, thân, lá, hoa, hạt và quả. Phân loại thực vật: ngành Nấm, nhóm ngành Tảo và địa y, Thực vật bậc cao. Đặc điểm các lớp, bộ, họ đại diện, hệ thống phân loại và nguồn gốc tiến hóa của chúng.

- Năng lực đạt được: Phân tích, so sánh được mối quan hệ giữa cấu trúc và chức năng của từng bộ phận, cơ quan; nhận biết và phân loại được các ngành Nấm, Tảo và nhóm ngành Thực vật bậc cao.

2. Mục tiêu học phần

Về kiến thức

- Hiểu và diễn đạt được các khái niệm, đặc điểm, cấu tạo về tế bào thực vật, mô thực vật, các cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản. Từ đó phân tích, so sánh được mối quan hệ giữa cấu trúc và chức năng của từng bộ phận, cơ quan.

- Hiểu và trình bày được đặc điểm nhận biết và đặc điểm phân loại, hệ thống phân loại các ngành Nấm, Tảo và nhóm ngành Thực vật bậc cao.

Về kỹ năng

- Thực hiện nhận biết và phân biệt được các dạng rễ, thân lá
- Thực hiện nhận biết và phân biệt được cấu tạo cơ bản của hoa, cụm hoa; xác định được hoa thức, hoa đồ cho một số loài cụ thể
- Thực hiện nhận dạng và phân loại được các loại quả bao gồm quả đơn, quả kép và quả phức.
- Thực hiện quan sát, phân tích và sắp xếp một số các loài vào các ngành, các họ.

Về thái độ

- Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp thu các kiến thức về cấu tạo giải phẫu và phân loại thực vật, là tiền đề để tiếp thu các môn học tiếp theo.

- Rèn luyện cho mình tinh thần học tập theo hướng chủ động, làm việc nghiêm túc, trung thực, cẩn thận và tỉ mỉ.

3. Nội dung chi tiết học phần

A. Lý thuyết

Chương 1: Tế bào thực vật

(2LT,1TL)

1. Đại cương về tế bào thực vật

1.1. Khái niệm chung

1.2. Hình dạng, kích thước tế bào

1.3. Các thành phần cơ bản của tế bào

2. Cấu trúc của tế bào

- 2.1. Màng sinh chất
- 2.2. Chất tế bào
- 2.3. Các bào quan
- 2.4. Nhân
- 2.5. Các vật ẩn nhập
- 2.6. Không bào và dịch tế bào
- 2.7. Vách tế bào

3. Sự phân chia tế bào

- 3.1. Trực phân
- 3.2. Gián phân

Chương 2: Mô thực vật

(2LT,2TL)

1. Khái niệm chung

2. Phân loại mô

- 2.1. Mô phân sinh
- 2.2. Mô bì
- 2.3. Mô cơ
- 2.4. Mô dẫn
- 2.5. Mô mềm
- 2.6. Mô tiết

Chương 3: Các cơ quan sinh dưỡng ở thực vật

(3LT,6TL,5TH)

1. Rễ cây

- 1.1. Chức năng
- 1.2. Hình thái của rễ
- 1.3. Sự biến dạng của rễ
- 1.4. Cấu tạo giải phẫu của rễ

2. Thân cây

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Hình thái của thân
- 2.3. Biến dạng của thân cây
- 2.4. Cấu tạo giải phẫu thân cây

3. Lá cây

- 3.1. Khái niệm
- 3.2. Hình thái của lá cây
- 3.3. Biến dạng của lá cây
- 3.4. Cách mọc lá
- 3.5. Cấu tạo giải phẫu lá cây
- 3.6. Đời sống lá và sự rụng lá

Chương 4: Các cơ quan sinh sản ở thực vật

(3LT,6TL,5TH)

1. Các hình thức sinh sản ở thực vật

1.1. Sinh sản sinh dưỡng

1.2. Sinh sản vô tính

1.3. Sinh sản hữu tính

2. Sự xen kẽ thế hệ và xen kẽ hình thái

2.1. Khái niệm

2.2. Giao thế hình thái đẳng hình ở tảo mạng

2.3. Giao thế hình thái dị hình

3. Cơ quan sinh sản và sự sinh sản của thực vật hạt kín

3.1. Hoa và cụm hoa

3.2. Cách biểu diễn một hoa

3.3. Sự thụ phấn và thụ tinh

3.4. Hạt và quả

Chương 5: Nhóm ngành Nấm

(2LT, 2LT)

1. Cấu tạo cơ thể và tế bào nấm

2. Sinh sản

3. Phân loại

Chương 6: Các ngành Tảo và địa y

(2LT, 4LT)

1. Cấu tạo cơ thể và tế bào Tảo

2. Sinh sản

3. Phân loại

Chương 7: Thực vật bậc cao

(7LT, 6LT, 11TH)

1. Ngành Rêu

1.1. Đặc điểm chung của ngành

1.2. Phân loại

2. Ngành Quyết trần và ngành Lá thông

2.1. Đặc điểm chung của ngành

2.2. Phân loại

3. Ngành Thông đất

3.1. Đặc điểm chung của ngành

3.2. Phân loại

4. Ngành Cỏ thấp bút

4.1. Đặc điểm chung của ngành

4.2. Phân loại

5. Ngành Dương xỉ

5.1. Đặc điểm chung của ngành

5.2. Phân loại

6. Ngành Hạt trần

6.1. Đặc điểm chung của ngành

6.2. Phân loại

7. Ngành Hạt kín

7.1. Đặc điểm ngành Hạt kín

7.2. Nguồn gốc ngành Hạt kín

7.3. Phân loại và hệ thống sinh ngành Hạt kín

7.3.1. Lớp Hai lá mầm

7.3.1.1. Phân lớp Ngọc lan (Magnoliidae)

7.3.1.2. Phân lớp Mao lương (Ranunculidae)

7.3.1.3. Phân lớp Sau sau (Hamamelididae)

7.3.1.4. Phân lớp Cẩm chướng (Caryophyllidae)

7.3.1.5. Phân lớp Sỗ (Dilleniidae)

7.3.1.6. Phân lớp Hoa hồng (Rosidae)

7.3.1.7. Phân lớp Cúc (Asteridae)

7.3.2. Lớp Một lá mầm (Monocotyledonae) hay lớp Hành (Liliopsida)

7.3.2.1. Phân lớp Hành hay phân lớp Huệ tây (Liliidae) (*seminar*)

7.3.2.2. (Arecidae)

B. Phần thực hành

Bài 1: Cơ quan sinh dưỡng của thực vật bậc cao

Bài 2: Cơ quan sinh sản của thực vật bậc cao

Bài 3: Phân loại thực vật

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- **Kiểm tra thường xuyên :** 4 bài, trọng số 30%.

Đánh giá nhận thức, thái độ tham gia học trên lớp và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành

+ 3 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận

+ 1 bài kiểm tra vào giờ bài tập, thảo luận trên lớp

Tiêu chí đánh giá :

+ Kiểm tra mức độ nhớ, thuộc bài (hiểu và biết) của người học (2/10)

+ Đánh giá khả năng phân tích, suy xét, nhận định của người học về vấn đề đặt ra. (3/10)

+ Đánh giá khả năng ứng dụng, giải quyết vấn đề của người học trong từng trường hợp cụ thể. (5/10)

- **Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ:** Trọng số 20%

Hình thức : kiểm tra viết 100 phút

- **Kiểm tra đánh giá cuối kỳ :** Trọng số 50%

Hình thức : Thi viết 120 phút hoặc làm bài tập lớn

Thi viết 120 phút : Nội dung trong chương trình đã học

Làm bài tập lớn: cho phép người học được tự lựa chọn 1 chủ đề (trong số các chủ đề cho sẵn).

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

*** Tài liệu bắt buộc**

1. Trần Thế Bách, Phạm Thanh Loan (2017) *Giáo trình thực vật học*. NXB ĐH Thái Nguyên.

*** Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Bá (2009) *Giáo trình thực vật: Đại cương về giải phẫu hình thái và phân loại thực vật học*. NXB giáo dục .

3. Hoàng Thị Sản, Hoàng Thị Bé (2006), *Phân loại học thực vật*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.20. SINH LÝ THỰC VẬT/Plant physiology

- Số tín chỉ: 03 (21,27,21)
- Mã học phần: 163069
- Bộ môn phụ trách học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn.
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần gồm:* cấu trúc và chức năng sinh lý tế bào thực vật, các hoạt động sinh lý cơ bản xảy ra trong cơ thể thực vật: quá trình trao đổi nước; quang hợp; hô hấp; vận chuyển và phân bố các chất hữu cơ trong cây; dinh dưỡng khoáng; sinh trưởng, phát triển và tính chống chịu sinh lý của thực vật đối với các điều kiện ngoại cảnh bất thuận. Hoạt động tổng hợp của các quá trình sinh lý cơ bản là cây sinh trưởng, phát triển từ quá trình nảy mầm, trẻ hóa, trưởng thành, ra hoa, kết quả và kết thúc chu kỳ sống thông qua quá trình già hóa, khả năng tự vệ, thích nghi, chống chịu của cây và các biện pháp nâng cao khả năng chống chịu của cây với điều kiện ngoại cảnh bất thuận.

- *Năng lực đạt được:* Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp thu các kiến thức cơ sở của sinh lý thực vật, là tiền đề để tiếp thu các môn học tiếp theo.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Về kiến thức: Trình bày được cấu trúc và chức năng của các TP cấu tế bào thực vật; các hoạt động sinh lý cơ bản xảy ra trong cơ thể thực vật bao gồm quá trình trao đổi nước, quang hợp, hô hấp, vận chuyển và phân bố các hợp chất hữu cơ và dinh dưỡng khoáng; khái niệm sinh trưởng và phát triển, cơ chế điều chỉnh quá trình sinh trưởng và phát triển của cây; ảnh hưởng của các nhân tố ngoại cảnh đến quá trình này; đặc tính chống chịu sinh lý của cây đối với các nhân tố bất thuận (chịu hạn, lạnh, nóng, mặn...) để tồn tại, sinh trưởng, phát triển và duy trì nòi giống. Phân tích được ảnh hưởng của các điều kiện ngoại cảnh (nhiệt độ, độ ẩm, các chất dinh dưỡng trong đất, sâu bệnh...) đến các hoạt động sinh lý cơ bản của cây.

2.2. Về kỹ năng:

- Áp dụng các kiến thức thu được để đề xuất một số biện pháp điều chỉnh cây trồng theo hướng có lợi cho con người.

- Phát hiện và giải thích một số hiện tượng sinh lý bất thường ở cây trồng, duy trì, phát huy các hiện tượng có lợi và khắc phục những hiện tượng có hại ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của cây trồng.

- Phát triển các kỹ năng thực hiện các thí nghiệm xác định và phân tích các chỉ số trong các hoạt động sinh lý của cây trồng (áp suất thẩm thấu của tế bào thực vật, cường độ quang hợp, cường độ hô hấp ...).

2.2. Về thái độ:

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp thu các kiến thức về sinh lý thực vật và rèn luyện cho mình tinh thần học tập theo hướng chủ động, làm việc nghiêm túc, trung thực, cần thận và tỉ mỉ.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG I. SINH LÝ TẾ BÀO THỰC VẬT

(2 LT; 3TL)

- 1.1 Cấu trúc và chức năng của tế bào thực vật
- 1.2 Thành phần hoá học của tế bào thực vật
- 1.3 Đặc tính vật lý và hoá keo của chất nguyên sinh
- 1.4 Sự trao đổi nước của tế bào thực vật

CHƯƠNG II. SỰ TRAO ĐỔI NƯỚC CỦA THỰC VẬT

(2 LT; 4TL)

- 2.1 Nước trong cây và vai trò của nước đối với đời sống của cây
- 2.2 Sự hút nước của thực vật
- 2.3 Sự thoát nước của thực vật

CHƯƠNG III. QUANG HỢP CỦA THỰC VẬT BẬC CAO

(3LT; 3TL)

- 3.1 Khái niệm chung về quang hợp
- 3.2 Bộ máy quang hợp của thực vật- cấu trúc và chức năng
- 3.3 Cơ chế của quang hợp
- 3.4 Quang hợp và ngoại cảnh
- 3.5 Quang hợp và năng suất cây trồng

CHƯƠNG IV. HÔ HẤP Ở THỰC VẬT

(4LT; 4TL)

- 4.1 Khái niệm chung về hô hấp
- 4.2 Vai trò của hô hấp đối với cơ thể thực vật
- 4.3 Ty thể và bản chất của hô hấp
- 4.4 Cường độ hô hấp và hệ số hô hấp
- 4.5 Mối quan hệ giữa hô hấp và các hoạt động sống của cây
- 4.6 Ảnh hưởng của các điều kiện ngoại cảnh đến hô hấp
- 4.7 Hô hấp và vấn đề bảo quản nông sản phẩm

CHƯƠNG V. SỰ VẬN CHUYỂN VÀ PHÂN BỐ CÁC CHẤT ĐỒNG HOÁ TRONG CÂY

(2LT; 2TL)

- 5.1 Ý nghĩa của sự vận chuyển và phân bố các chất đồng hoá trong cây
- 5.2 Sự vận chuyển các chất đồng hoá ở khoảng cách gần
- 5.3 Sự vận chuyển các chất đồng hoá ở khoảng cách xa
- 5.4 Ảnh hưởng của các nhân tố ngoại cảnh lên sự vận chuyển và phân bố các chất đồng hoá trong cây

CHƯƠNG VI. DINH DƯỠNG KHOÁNG VÀ NITƠ Ở THỰC VẬT

(3LT; 4TL)

- 6.1 Khái niệm chung
- 6.2 Sự hiện diện của các chất dinh dưỡng trong đất
- 6.3 Sự hấp thu chất khoáng của cây
- 6.4 Sự vận chuyển chất khoáng trong cây
- 6.5 Ảnh hưởng của các nhân tố ngoại cảnh đến sự hút khoáng
- 6.6 Chức năng của các nguyên tố thiết yếu đối với cây
- 6.7 Vai trò của Nitơ và sự đồng hoá Nitơ ở thực vật

CHƯƠNG VII. SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA THỰC VẬT

(3LT; 4TL)

- 7.1 Khái niệm chung
- 7.2 Các chất điều tiết sinh trưởng và phát triển của thực vật
- 7.3 Sự sinh trưởng và phân hoá tế bào thực vật
- 7.4 Sự tương quan sinh trưởng giữa các bộ phận trong cây
- 7.5 Sự nảy mầm của hạt
- 7.6 Sự hình thành hoa
- 7.7 Sự hình thành quả
- 7.8 Sinh lý về sự hoá già của thực vật
- 7.9. Trạng thái ngủ nghỉ của thực vật

CHƯƠNG VIII. TÍNH CHỐNG CHỊU SINH LÝ CỦA THỰC VẬT ĐỐI VỚI CÁC ĐIỀU KIỆN NGOẠI CẢNH BẤT THUẬN

(2LT; 3TL)

- 8.1 Khái niệm chung
- 8.2 Tính chống chịu hạn của thực vật
- 8.3 Tính chống chịu của thực vật đối với điều kiện nhiệt độ bất thuận
- 8.4 Tính chống chịu mặn của thực vật
- 8.5 Tính chống chịu úng và tính chống đổ của thực vật

THỰC HÀNH

Bài 1. Quan sát và mô tả một số hoạt động xảy ra ở tế bào thực vật (5 tiết)

Bài 2. Xác định một số chỉ tiêu liên quan đến quá trình trao đổi nước ở thực vật; Đánh giá hoạt động trao đổi nước ở thực vật (5 tiết)

Bài 3. Chiết rút, phân tách và xác định hàm lượng của diệp lục; Xác định cường độ, hiệu suất quang hợp (6 tiết)

Bài 4. Quan sát sự hình thành khí CO₂ trong quá trình hô hấp của thực vật; Xác định cường độ hô hấp (5 tiết)

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Sinh viên tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học và tiến hành các thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- | | |
|------------------------------------|--------------|
| - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: | Trọng số 30% |
| - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: | Trọng số 20% |
| - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: | Trọng số 50% |

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

* Tài liệu bắt buộc

1. Hoàng Minh Tấn, Vũ Quang Sáng, Nguyễn Kim Thanh (2004), *Giáo trình Sinh lý thực vật*. NXB Đại học Sư phạm

* Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Như Khanh, Cao Phi Bằng, Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Tấn Lê, Phan Văn Tân, Vĩ Minh Thứ- Lê Văn Trọng (2020), *Sinh lý học dinh dưỡng ở thực vật*. NXB Giáo dục.

2. Nguyễn Như Khanh, Nguyễn Lương Hùng (2003), *Giáo trình sinh lý học thực vật*. NXB Đại học Sư phạm.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.21. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN RỪNG/Forest hydro-meteorology

- Số tín chỉ: 03 (21;27;21)
- Mã học phần: 161082
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Sinh lý thực vật

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Cơ sở khí tượng và khí hậu học; các hiện tượng thời tiết cực đoan và biện pháp phòng chống trong sản xuất lâm nghiệp. Quan hệ giữa rừng với các yếu tố khí tượng, chế độ thủy văn và vấn đề quản lý lưu vực trong lâm nghiệp. Biến đổi khí hậu và một số giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong sản xuất lâm nghiệp.

- *Năng lực đạt được:* Đánh giá được những tác động và đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động có hại của thời tiết, khí hậu, biến đổi khí hậu đến sản xuất lâm nghiệp trong điều kiện sản xuất cụ thể.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Trình bày thành phần và cấu trúc của khí quyển, khái niệm, đặc điểm, tính chất của các yếu tố khí tượng cơ bản có ảnh hưởng đến đối tượng và quá trình sản xuất lâm nghiệp và biện pháp làm giảm tác hại của chúng đến sản xuất nông lâm nghiệp. Phân tích quy luật tác động qua lại giữa rừng và điều kiện khí tượng thủy văn. Phân tích tình hình, nguyên nhân và những tác động của biến đổi khí hậu. Các kịch bản biến đổi khí hậu toàn cầu và một số giải pháp quản lý tài nguyên khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Người học có khả năng sử dụng máy móc thiết bị để đo tính, thu thập số liệu khí hậu thời tiết phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Vận dụng mối quan hệ giữa rừng và các yếu tố khí hậu, thủy văn để chỉ đạo sản xuất lâm nghiệp có hiệu quả, giảm thiểu các tác hại do thời tiết cực đoan gây ra đối với cây trồng. Xây dựng các mô hình sản xuất lâm nghiệp ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Nhận thức đúng về việc bảo vệ tài nguyên khí hậu và tham gia tích cực và có hiệu quả trong công tác khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu trong sản xuất lâm nghiệp.

3. Nội dung chi tiết học phần

BÀI MỞ ĐẦU

(1LT:1TL:0TH)

1. Khí tượng học và các môn khoa học của nó.
2. Khái niệm khí tượng thủy văn rừng
3. Ý nghĩa, đối tượng, mục đích và nhiệm vụ của học phần
4. Các phương pháp nghiên cứu học phần
5. Sơ lược lịch sử phát triển ngành khí tượng thủy văn rừng

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ KHÍ TƯỢNG VÀ KHÍ HẬU HỌC

(12LT:12TL:5TH)

- 1.1. Thành phần và cấu trúc khí quyển
- 1.2. Bức xạ mặt trời
- 1.3. Chế độ nhiệt của đất
- 1.4. Chế độ nhiệt của không khí
- 1.5. Tuần hoàn nước trong tự nhiên
- 1.6. Áp suất khí quyển và gió
- 1.7. Một số đặc trưng cơ bản của khí hậu Việt nam

CHƯƠNG 2. CÁC HIỆN TƯỢNG THỜI TIẾT CỰC ĐOAN

(3LT:6TL:5TH)

- 2.1. Khái niệm về thời tiết

2.2. Một số hiện tượng thời tiết chủ yếu

2.3. Các hiện tượng thời tiết cực đoan

CHƯƠNG 3. QUAN HỆ QUA LẠI GIỮA RỪNG VÀ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN (3LT:6TL:6TH)

3.1. Ảnh hưởng của từng yếu tố khí tượng đến thực vật rừng

3.2. Thủy văn rừng

3.3. Tiểu khí hậu rừng

CHƯƠNG 4. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VỚI SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP

(2LT:2TL:5TH)

4.1. Khái quát về biến đổi khí hậu

4.2. Những nguyên nhân biến đổi khí hậu

4.3. Kịch bản biến đổi khí hậu toàn cầu

4.4. BĐKH ở Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học: Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành, hoàn thành bài báo cáo thực hành, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra, thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối tuần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học:

Tài liệu bắt buộc:

1. Vương Văn Quỳnh, Trần Thị Tuyết Hằng (1996), *Khí tượng thủy văn rừng*. NXB Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1. Đoàn Văn Điềm (2007), *Giáo trình Khí tượng Nông nghiệp*. Nxb Nông nghiệp.

2. Nguyễn Văn Viết (2017), *Ứng phó với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp Việt Nam*. Nxb Nông nghiệp, Hà nội.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

B. KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP/ Agricultural meteorology

- Số tín chỉ: 3 TC (21,27,21)

- Bộ môn quản lý: BM Khoa học đất và Môi trường

- Điều kiện tiên quyết: Sinh lý thực vật

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Các kiến thức chung về khí quyển trái đất, bức xạ mặt trời, chế độ nhiệt của đất và không khí, chu trình tuần hoàn nước trong tự nhiên, áp suất khí quyển và gió; Cơ chế hình thành khí hậu Việt Nam, một số đặc trưng cơ bản của khí hậu Việt Nam, phân vùng khí hậu Việt Nam; tác động của một số yếu tố khí tượng; biến đổi khí hậu.

Năng lực đạt được: Đánh giá được các điều kiện khí hậu và tác động của các yếu tố thời tiết khí hậu trong những điều kiện sản xuất cụ thể.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức kiến thức

- Giải thích được vai trò và những tác động của khí hậu, thời tiết.
- Trình bày được đặc điểm của các yếu tố khí tượng và các quá trình vật lý xảy ra trong khí quyển.
- Giải thích được các đặc trưng cơ bản của thời tiết khí hậu.
- Mô tả được các đặc trưng cơ bản của khí hậu Việt Nam.
- Giải thích được hiện tượng biến đổi khí hậu, các giải pháp nhằm ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Đánh giá chính xác tác động của các yếu tố thời tiết khí hậu trong những điều kiện sản xuất cụ thể.
- Đánh giá được những biến đổi của các yếu tố khí tượng nhằm ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu trong những điều kiện sản xuất cụ thể.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Hiểu và nhận thức được việc bảo vệ tài nguyên khí hậu là vấn đề cấp bách toàn cầu.
- Tham gia tích cực và có hiệu quả trong công tác khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÍ TƯỢNG ĐẠI CƯƠNG

(19 tiết; LT: 6; TL: 07, TH: 06)

1.1. Kiến thức chung về khí quyển trái đất

- 1.1.1. Thành phần và vai trò của các chất trong khí quyển
- 1.1.2. Cấu trúc theo chiều thẳng đứng của khí quyển.

1.2. Năng lượng bức xạ mặt trời

- 1.2.1. Một số đặc trưng vật lý, thiên văn của mặt trời
- 1.2.2. Quang phổ của bức xạ mặt trời
- 1.2.3. Quang chu kỳ

1.3. Chế độ nhiệt của đất

- 1.3.1. Các đặc tính nhiệt lực của đất
- 1.3.2. Cân bằng nhiệt của mặt đất
- 1.3.3. Sự diễn biến hàng ngày và hàng năm của nhiệt độ đất

1.4. Chế độ nhiệt của không khí

- 1.4.1. Quá trình nóng lên và lạnh đi của không khí
- 1.4.2. Các phương thức truyền nhiệt từ đất cho không khí:

- 1.4.3. Diễn biến hàng ngày của nhiệt độ không khí
- 1.4.4. Diễn biến hàng năm của nhiệt độ không khí
- 1.4.5. Các chỉ tiêu đánh giá nhiệt độ không khí

1.5. Tuần hoàn nước trong tự nhiên

- 1.5.1. Chu trình nước trong tự nhiên
- 1.5.2. Độ ẩm không khí
- 1.5.3. Sự bốc hơi nước
- 1.5.4. Sự ngưng kết hơi nước
- 1.5.5. Mưa
- 1.5.6. Độ ẩm đất

1.6. Áp suất khí quyển và gió

- 1.6.1. Áp suất khí quyển
- 1.6.2. Gió
- 1.6.3. Hoàn lưu khí quyển

CHƯƠNG 2. KHÍ HẬU VIỆT NAM

(15 tiết; LT: 5, TL: 05, TH: 05)

2.1. Cơ chế hình thành khí hậu Việt Nam

2.2. Một số đặc trưng cơ bản của khí hậu Việt Nam

- 2.2.1. Năng và bức xạ
- I. 2.2.2. Chế độ nhiệt
- II. 2.2.3. Chế độ mưa
- 2.2.4. Độ ẩm không khí

2.3. Phân vùng khí hậu Việt Nam

CHƯƠNG 3. TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ KHÍ HẬU VÀ THIÊN TAI KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

(19 tiết; LT: 05, TL: 09, TH: 05)

3.1. Tác động của các yếu tố khí hậu đối với sinh vật

- 3.3.1. Bức xạ mặt trời
- 3.3.2. Nhiệt độ
- 3.3.3. Chế độ mưa, ẩm
- 3.3.4. Gió

3.2. Thiên tai khí tượng nông nghiệp

- 3.2.1. Mưa đá
- 3.2.2. Lũ lụt
- 3.2.3. Sương muối
- 3.2.4. Bão và áp thấp nhiệt đới
- 3.2.5. Đông nhiệt
- 3.3.6. Hạn hán
- 3.3.7. Gió Fohn

CHƯƠNG 4. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

(16 tiết; LT: 05, TL: 06, TH: 05)

4.1. Khái quát về biến đổi khí hậu

- 4.1.1. Khái niệm
- 4.1.2. Biến đổi khí hậu thời đại địa chất
- 4.1.3. Biến đổi khí hậu thời đại lịch sử
- 4.1.4. Biến đổi khí hậu thời đại ngày nay

4.3. Biến đổi khí hậu toàn cầu

- 4.3.1. Khái quát tình hình biến đổi khí hậu toàn cầu
- 4.3.2. Kịch bản biến đổi khí hậu toàn cầu

4.4. Biến đổi khí hậu ở Việt Nam

4.4.1. Biểu hiện của biến đổi khí hậu ở Việt Nam

4.4.2. Kịch bản của BĐKH ở Việt Nam

Thực hành:

Bài 1: Tham quan trạm khí tượng: tìm hiểu các loại dụng cụ, thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm không khí; thiết bị đo bức xạ, số giờ nắng, lượng mưa, bốc hơi, áp suất khí quyển và gió tại Trạm khí tượng (5 tiết)

Bài 2: Đo nhiệt độ, độ ẩm tại khu thực hành của khoa Nông Lâm Ngư nghiệp (6 tiết)

Bài 3: Thu thập và lập biểu đồ biểu diễn sự biến đổi của các yếu tố khí tượng theo thời gian và biểu đồ phản ánh sự phân bố thời gian dựa trên sự biến đổi các yếu tố khí tượng (10 tiết)

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- | | |
|------------------------------------|--------------|
| - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: | Trọng số 30% |
| - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: | Trọng số 20% |
| - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: | Trọng số 50% |
- Thang điểm: 10

9. Học liệu

9.1. Giáo trình chính

1. Đoàn Văn Điểm, Nguyễn Thị Bích Yên (2015). *Giáo trình Khí tượng Nông nghiệp*. NXB Đại học Nông nghiệp.

9.2. Giáo trình tham khảo

1. Bộ Tài nguyên và môi trường (2016), *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam*. NXB Tài nguyên môi trường và bản đồ Việt Nam.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.22. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. SINH THÁI RỪNG/Forest ecology

- Số tín chỉ: 3 (21;27;21).
- Mã học phần: 161083
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Sinh thái môi trường

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Khái niệm hệ sinh thái rừng, quan hệ giữa quần xã thực vật rừng và môi trường; cấu trúc rừng, tái sinh rừng, sinh trưởng và phát triển của rừng, diễn thế rừng, phân loại rừng; điều tra đặc điểm cấu trúc rừng, tái sinh, diễn thế rừng.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên mô tả được cấu trúc của hệ sinh thái rừng; điều tra xác định được đặc điểm cấu trúc của rừng; nhận biết được đặc điểm từng loại rừng theo các phương pháp phân loại rừng đang được áp dụng trong lâm nghiệp.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Nhận thức vai trò của sinh thái rừng. Hiểu và mô tả được những đặc trưng cơ bản của hệ sinh thái rừng, các quy luật sinh thái cơ bản của quần xã thực vật rừng, đặc điểm cấu trúc và động thái rừng. Hiểu và giải thích được cơ sở khoa học và thực tiễn của các phương pháp phân loại rừng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Giải thích được vai trò của rừng trong phát triển kinh tế xã hội cụ thể ngoài thực tiễn. Phân biệt hệ sinh thái rừng với nhau và với các hệ sinh thái khác. Giải thích được mối quan hệ giữa quần xã thực vật rừng với môi trường và con người từ đó làm cơ sở đề xuất biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp tác động nhằm cải thiện mối quan hệ giữa các yếu tố này. Phát hiện các vấn đề trong thực tiễn. Phân tích được cấu trúc và động thái quần xã thực vật rừng. Giải thích được những hiện tượng cơ bản diễn ra trong đời sống của hệ sinh thái rừng. Mô tả, nhận biết được các trạng thái rừng ngoài thực tiễn.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Nhận thức đúng về môn học, tham gia tích cực và có hiệu quả trong công tác khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên rừng.

3. Nội dung chi tiết học phần:

A. Lý thuyết

BÀI MỞ ĐẦU

(2LT:3TL)

1. Tổng quan về sinh thái rừng
2. Một số khái niệm cơ bản trong sinh thái rừng
3. Vai trò và ý nghĩa của rừng trong phát triển kinh tế-xã hội

Chương 1. HỆ SINH THÁI RỪNG

(4LT:3TL)

- 1.1. Hệ sinh thái rừng
- 1.2. Tính đa dạng của hệ sinh thái rừng ở Việt Nam
- 1.3. Những hệ sinh thái rừng tự nhiên chủ yếu ở Việt Nam
- 1.4. Những hệ sinh thái rừng trồng chủ yếu ở Việt Nam
- 1.5. Vận dụng định nghĩa về hệ sinh thái rừng trong quản lý rừng

Chương 2. QUẦN XÃ THỰC VẬT RỪNG VÀ MÔI TRƯỜNG (5LT:7TL)

- 2.1. Một số qui luật sinh thái cơ bản và ứng dụng trong lâm nghiệp
- 2.2. Mối quan hệ qua lại giữa QXTV rừng và môi trường
- 2.3. Mối quan hệ qua lại giữa QXTV rừng và con người

Chương 3. CẤU TRÚC VÀ ĐỘNG THÁI CỦA QXTV RỪNG (7LT:8TL)

3.1. Cấu trúc rừng

3.2. Động thái rừng

Chương 4. PHÂN LOẠI RỪNG

(3LT:6TL)

4.1. Mục đích, ý nghĩa phân loại rừng

4.2. Một số hệ thống phân loại rừng (Hướng tiếp cận là phân loại theo mục tiêu quản lý rừng trên cơ sở các Tiêu chí và chỉ số phân loại đang được áp dụng trong quản lý các HST rừng nhiệt đới)

4.3. Phân loại rừng ở Việt Nam

B. Thực hành: 21 tiết

- Điều tra xác định đặc điểm cấu trúc rừng.

- Phân loại 1 số trạng thái rừng tự nhiên, rừng trồng tại cơ sở thực tập.

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), tham dự đủ 100% số giờ thực hành, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, hướng dẫn thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập, thực hành.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Hoàng Kim Ngũ, Phùng Ngọc Lan (2005), *Sinh thái rừng*. NXB Nông nghiệp, HN

Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Kim Ngũ, Phùng Ngọc Lan (1998), *Sinh thái rừng*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

2. Phạm Xuân Hoàn, Hoàng Kim Ngũ (2003), *Lâm học*, Nxb Nông nghiệp Hà Nội.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

B. SINH THÁI CẢNH QUAN/Landscape ecology

- Số tín chỉ: 3 (21,27,21)
- Mã học phần: 161012
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Sinh thái môi trường

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Giới thiệu chung về sinh thái học, cảnh quan học và sinh thái cảnh quan. Mô hình sinh thái học về cấu trúc cảnh quan. Đa chức năng, các quá trình không gian trong cảnh quan và kiến trúc phục hồi cảnh quan. Cảnh quan tự nhiên và cảnh quan văn hóa. Hành lang đa dạng sinh học và kiến trúc cảnh quan bảo tồn

- *Năng lực đạt được:* Hiểu và trình bày được những khái niệm cơ bản của sinh thái cảnh quan cũng như xác định được các vùng sinh thái cảnh quan, các chiến lược cho sinh thái và cảnh quan liên quan tới bảo tồn đa dạng sinh học cũng như hệ sinh thái. Thực hành được các bước phân tích một hệ sinh thái cảnh quan những tác động và vùng biên cũng như vùng lõi của cảnh quan, chiến lược cho phát triển vùng sinh thái cảnh quan.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Hiểu và trình bày được những khái niệm cơ bản của sinh thái cảnh quan cũng như xác định được các vùng sinh thái cảnh quan, các chiến lược cho sinh thái và cảnh quan liên quan tới bảo tồn đa dạng hệ sinh thái.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Thực hành được các bước phân tích một hệ sinh thái cảnh quan những tác động và vùng biên cũng như vùng lõi của cảnh quan, chiến lược cho phát triển vùng sinh thái cảnh quan.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Nhận thức đúng về môn học, tham gia tích cực và có hiệu quả trong công tác khai thác, sử dụng và bảo vệ sinh thái cảnh quan môi trường.

3. Nội dung chi tiết học phần:

A. Lý thuyết

Chương 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SINH THÁI HỌC, CẢNH QUAN HỌC VÀ SINH THÁI CẢNH QUAN (4LT:5TL)

- 1.1. Giới thiệu chung về sinh thái học
- 1.2. Giới thiệu chung về cảnh quan học
- 1.3. Kiến trúc cảnh quan và quy hoạch sử dụng đất
- 1.4. Khái niệm sinh thái cảnh quan
- 1.5. Lịch sử phát triển của sinh thái cảnh quan
- 1.6. Đối tượng, nội dung nghiên cứu sinh thái học cảnh quan

1.7. Vị trí môn học sinh thái cảnh quan

Chương 2: MÔ HÌNH SINH THÁI HỌC VỀ CẤU TRÚC CẢNH QUAN

(5LT:4TL)

2.1. Khái niệm và đặc điểm cấu trúc cảnh quan

2.2. Mô hình PCM về cảnh quan

2.3. Kiến trúc mảnh rời rạc và các hiệu ứng sinh thái

2.4. Kiến trúc hành lang và các hiệu ứng sinh thái

2.5. Kiến trúc thể nền và thể khảm

2.6. Metric cảnh quan

Chương 3: ĐA CHỨC NĂNG, CÁC QUÁ TRÌNH KHÔNG GIAN TRONG CẢNH QUAN VÀ KIẾN TRÚC PHỤC HỒI CẢNH QUAN

(4LT:6TL)

3.1. Hệ thống phân loại chức năng cảnh quan 3.1.1. Khái niệm

3.2. Đa chức năng, cảnh quan đa chức năng và cảnh quan đơn chức năng

3.3. Các quá trình không gian trong cảnh quan

3.4. Kiến trúc phục hồi cảnh quan dựa trên nguyên lý sinh thái cảnh quan về quá trình không gian gây biến đổi cảnh quan

Chương 4: CẢNH QUAN TỰ NHIÊN VÀ CẢNH QUAN VĂN HOÁ

(4LT:6TL)

4.1. Cảnh quan tự nhiên và kiến trúc mô phỏng cảnh quan tự nhiên

4.2. Cảnh quan văn hóa và kiến trúc bảo tồn di sản văn hóa

4.3. Các cảnh quan tự nhiên và cảnh quan văn hóa phổ biến trên Trái đất

Chương 5: HÀNH LANG ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ KIẾN TRÚC CẢNH QUAN BẢO TỒN

(4LT:6TL)

5.1. Hành lang đa dạng sinh học

5.2. Các mô hình kiến trúc hành lang đa dạng sinh học

5.3. Kiến trúc cảnh quan bảo tồn

5.4. Các nguyên tắc bảo vệ nơi sống trong cảnh quan bảo tồn

B. THỰC HÀNH: 21 tiết (7 tiết/bài) gồm:

Bài 1. Xác định các yếu tố kiến trúc cảnh quan và sinh thái bằng bản đồ

Bài 2: Định lượng đặc điểm thành phần và cấu trúc không gian của cảnh quan

Bài 3. Xây dựng đề xuất kiến trúc cảnh quan bảo tồn

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), tham dự đủ 100% số giờ thực hành, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, hướng dẫn thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập, thực hành.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học:

Tài liệu bắt buộc:

1. Đỗ Quang Huy (2006), *Bài giảng quy hoạch cảnh quan sinh thái*, Trường Đại học Lâm nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Tuyên (2001), *sinh thái và môi trường*. NXB Giáo dục

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.23. VI SINH VẬT HỌC / Microbiology

- Số tín chỉ: 02 (15;18;12)
- Mã học phần: 162025
- Bộ môn phụ trách học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Học phần cung cấp khái niệm cơ bản về vi sinh vật, vai trò của vi sinh vật trong tự nhiên; hình thái cấu tạo tế bào vi sinh vật nhân sơ, nhân thật và virus; dinh dưỡng vi sinh vật; trao đổi chất và trao đổi năng lượng của vi sinh vật; sinh trưởng, phát triển và di truyền vi sinh vật; sự phân bố vi sinh vật trong tự nhiên, ảnh hưởng điều kiện ngoại cảnh đến vi sinh vật.

- Năng lực đạt được: Trình bày tổng hợp được các kiến thức cơ bản về vi sinh vật như vai trò của vi sinh vật; cấu tạo của vi sinh vật, trao đổi chất và trao đổi năng lượng; di truyền vi sinh vật; sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên và ảnh hưởng điều kiện ngoại cảnh đến vi sinh vật. Thực hiện đúng các phương pháp làm tiêu bản vi sinh vật đồng thời có khả năng quan sát và phân loại một số nhóm vi sinh vật; thành thạo các bước pha chế môi trường nuôi cấy và các phương pháp nuôi cấy vi sinh vật.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được chính xác những đặc điểm cơ bản của vi sinh vật.
- Trình bày được vai trò của vi sinh vật trong hoạt động sống của con người và trong sản xuất nông nghiệp.
- Mô tả được hình thái và cấu tạo tế bào các vi sinh vật tiền nhân, nhân thật và virus.
- Trình bày được kiến thức cơ bản về dinh dưỡng vi sinh vật; giải thích được quá trình trao đổi chất và trao đổi năng lượng ở vi sinh vật; sinh trưởng và phát triển của vi sinh vật; di truyền vi sinh vật.
- Trình bày được ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh đến vi sinh vật và sự phân bố của chúng trong tự nhiên.

2.2 Mục tiêu về kỹ năng

- Thực hiện đúng các phương pháp làm tiêu bản vi sinh vật.
- Phân biệt được sự khác nhau giữa hai nhóm vi khuẩn gram âm và gram dương.
- Thực hiện thành thạo các bước pha chế môi trường nuôi cấy vi sinh vật.
- Thao tác thành thạo các phương pháp nuôi cấy vi sinh vật.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của vi sinh vật trong đời sống và trong nông nghiệp để góp phần xây dựng nền nông nghiệp an toàn bền vững.
- Có thái độ nghiêm túc, tác phong khoa học tỉ mỉ, cẩn thận.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Mở đầu

(3 tiết: 1 LT, 2 TL)

1.1. Sơ lược lịch sử phát triển của vi sinh vật

1.2. Đặc điểm chung của vi sinh vật

1.2.1. Kích thước

- 1.2.2. Hấp thu và chuyển hóa
- 1.2.3. Sinh trưởng và phát triển
- 1.2.4. Sự thích ứng và biến dị di truyền
- 1.2.5. Chúng loại và phân bố

1.3. Vị trí của vi sinh vật trong sinh giới

1.4. Đặc điểm của sinh vật tiền nhân và nhân thật

1.5. Vai trò của vi sinh vật trong tự nhiên và thực tiễn

Chương 2: Hình thái và cấu tạo các vi sinh vật tiền nhân (prokaryotes)

(7 tiết: 2 LT, 1 TL, 4 TH)

2.1. Vi khuẩn.

- 2.1.1. Hình thái, kích thước và nhuộm màu
- 2.1.2. Cấu tạo

2.2. Xạ khuẩn

- 2.2.1. Vị trí của xạ khuẩn trong giới vi sinh vật
- 2.2.2. Đặc điểm của xạ khuẩn
- 2.2.3. Vai trò xạ khuẩn
- 2.2.4. Khuẩn ty xạ khuẩn
- 2.2.5. Cấu tạo tế bào
- 2.2.6. Bào tử

2.3. Vi khuẩn lam

2.4. Nhóm vi khuẩn nguyên thủy

- 2.4.1. Mycoplasma
- 2.4.2. Ricketxia
- 2.4.3. Clamidia

Chương 3: Hình thái và cấu tạo tế bào các vi sinh vật nhân thật (Eukaryotes)

(7 tiết: 2 LT, 2 TL, 3 TH)

3.1. Đặc điểm chung của vi nấm

3.2. Nấm men

- 3.2.1. Hình thái và cấu trúc của tế bào nấm men
- 3.2.2. Sinh sản
- 3.2.3. Vai trò của nấm men

3.3. Nấm sợi

- 3.3.1. Hình thái và cấu trúc của sợi nấm
- 3.3.2. Sinh sản
- 3.3.3. Vai trò của nấm sợi

Chương 4: Virus

(3 tiết: 1 LT, 2 TL)

4.1. Lịch sử nghiên cứu virus

4.2. Tính chất virus

4.3. Kích thước, hình thái và cấu trúc

- 4.3.1. Kích thước
- 4.3.2. Hình thái
- 4.3.3. Cấu trúc của virus

4.4. Sinh sản của virus

Chương 5: Dinh dưỡng vi sinh vật

tiết: 2 LT, 2 TL, 5 TH)

5.1. Thành phần tế bào và dinh dưỡng của vi sinh vật

- 5.1.1. Nước và muối khoáng
- 5.1.2. Chất hữu cơ

5.2. Nguồn thức ăn các bon của vi sinh vật

5.3. Nguồn thức ăn Ni tơ của vi sinh vật

5.4. Nguồn thức ăn khoáng của vi sinh vật

5.5. Nhu cầu về chất sinh trưởng của vi sinh vật

5.6. Cơ chế vận chuyển các chất dinh dưỡng vào tế bào vi sinh vật

Chương 6: Trao đổi chất và trao đổi năng lượng ở vi sinh vật (7 tiết: 4 LT, 3 TL)

6.1. Trao đổi năng lượng

- 6.1.1. Khái niệm chung
- 6.1.2. Cơ chế tóm tắt

6.2. Trao đổi chất

- 6.2.1. Khái niệm chung
- 6.2.1. Các quá trình lên men

6.3. Phân giải các hợp chất không có Nito

- 6.3.1. Phân giải xenlulo
- 6.3.2. Sự phân giải xilan
- 6.3.3. Sự phân giải pectin
- 6.3.4. Sự phân giải ligin
- 6.3.5. Sự phân giải tinh bột

6.4. Quá trình phân giải các hợp chất chứa nito

- 6.4.1. Vòng tuần hoàn nito trong tự nhiên
- 6.4.2. Quá trình amon hóa
- 6.4.3. Quá trình nitrat hóa
- 6.4.4. Quá trình phản nitrat hóa
- 6.4.6. Quá trình cố định N_2

Chương 7: Sinh trưởng và phát triển ở vi sinh vật

(3 tiết: 1 LT, 2 TL)

7.1. Mâu lý thuyết về sinh trưởng và phát triển của vi khuẩn

7.2. Sinh trưởng và phát triển của vi khuẩn trong điều kiện nuôi cấy tĩnh.

- 7.2.1. Pha Lag
- 7.2.2. Pha Log
- 7.2.3. Pha ổn định
- 7.2.4. Pha tử vong

7.3. Sinh trưởng của vi khuẩn trong điều kiện nuôi cấy liên tục

7.4. Các phương pháp xác định sinh trưởng và phát triển của vi khuẩn

7.4.1. Các phương pháp xác định số lượng tế bào

7.4.2. Các phương pháp xác định sinh khối tế bào

Chương 8: Di truyền vi sinh vật

(3 tiết: 1 LT, 2 TL)

8.1. Di truyền ở vi sinh vật

8.1.1. Những đặc điểm trong di truyền VSV

8.1.2. Nhân tố di truyền ở VSV

8.1.3. Sơ lược về sự trao đổi di truyền ở VSV

8.2. Biến dị vi sinh vật

8.2.1. Các loại biến dị

8.2.2. Những biểu hiện của sự đột biến ở vi khuẩn

8.2.3. Nguồn gốc của thể đột biến, thể đột biến tự phát và thể đột biến cảm ứng

8.3. Ứng dụng của di truyền học vi khuẩn

Chương 9: Ảnh hưởng điều kiện ngoại cảnh đến vi sinh vật và sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên

(3 tiết: 1 LT, 2 TL)

9.1. Ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh đến vi sinh vật

9.1.1. Ảnh hưởng của yếu tố vật lý đến vi sinh vật

9.1.2. Ảnh hưởng của yếu tố hóa học đến vi sinh vật

9.1.3. Ảnh hưởng của yếu tố sinh học đến vi sinh vật

9.2. Sự phân bố vi sinh vật trong tự nhiên

9.2.1. Sự phân bố của vi sinh vật trong đất

9.2.2. Sự phân bố của vi sinh vật trong nước

9.2.3. Sự phân bố của vi sinh vật trong không khí

THỰC HÀNH

Bài 1. Thực hiện kỹ thuật làm tiêu bản vi sinh vật.

4 tiết

Bài 2: Pha chế môi trường nuôi cấy vi sinh vật

3 tiết

Bài 3: Thực hiện các phương pháp nuôi cấy vi sinh vật

5 tiết

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên qua, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 3 bài, trọng số 30%.

Đánh giá nhận thức, thái độ tham gia học trên lớp và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành

+ 1 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận

+ 1 bài kiểm tra vào giờ bài tập, thảo luận trên lớp

+ 1 bài dựa trên báo cáo kết quả thực hành

Tiêu chí đánh giá:

+ Kiểm tra mức độ nhớ, thuộc bài (hiểu và biết) của người học (2/10)

+ Đánh giá khả năng phân tích, suy xét, nhận định của người học về vấn đề đặt ra. (3/10)

+ Đánh giá khả năng ứng dụng, giải quyết vấn đề của người học (5/10)

- **Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ:** Trọng số 20%

Hình thức: kiểm tra viết 50 phút

- **Kiểm tra đánh giá cuối kỳ:** Trọng số 50%

Hình thức: Thi trắc nghiệm 30 phút hoặc làm bài tập lớn

Thi trắc nghiệm 30 phút : Nội dung trong chương trình đã học

Làm bài tập lớn: cho phép người học được tự lựa chọn 1 chủ đề (trong số các chủ đề cho sẵn).

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

9.1. Tài liệu bắt buộc

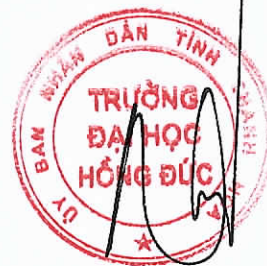
1. Nguyễn Xuân Thành (2004), *Vi sinh vật học nông nghiệp*. NXB ĐHSP

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Như Thành (2004), *Vi sinh vật học đại cương*. NXB Nông nghiệp

2. Nguyễn Xuân Thành (2005) *Giáo trình thực tập vi sinh vật*. NXB Nông nghiệp

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.24. THỔ NHƯỠNG/Soil

- Số tín chỉ: 3 (21;27;21)
- Mã học phần: 262002
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học đất
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Khái niệm cơ bản về đất; nguồn gốc và quá trình hình thành đất; hàm lượng các chất hữu cơ trong đất; các nguyên tố dinh dưỡng trong đất; thành phần cơ giới và kết cấu đất; nước trong đất; phản ứng của đất; keo đất và khả năng hấp phụ của đất. Phân loại đất; các loại đất ở Việt Nam.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên giải thích được độ phì nhiêu, thành phần, nguồn gốc, quá trình phong hóa và hình thành đất; trình bày được các đặc tính cơ bản của đất: chất hữu cơ, các nguyên tố dinh dưỡng, thành phần cơ giới và kết cấu đất, nước trong đất, phản ứng của đất, keo đất và khả năng hấp phụ của đất; Điều tra, lấy mẫu và xử lý được mẫu đất; sử dụng được các trang thiết bị hiện đại để phân tích các chỉ tiêu cơ bản về tính chất nông hóa đất; Đánh giá được các đặc tính nông hóa đất, phẫu diện đất làm cơ sở lựa chọn các đối tượng cây trồng phù hợp cho từng vùng đất.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức:

- Hiểu và giải thích được những kiến thức cơ bản về đất, độ phì nhiêu, thành phần của đất, nguồn gốc của đất, quá trình phong hóa và quá trình hình thành đất.

- Hiểu và giải thích được các đặc tính cơ bản của đất bao gồm: hàm lượng các chất hữu cơ, các nguyên tố dinh dưỡng trong đất, thành phần cơ giới và kết cấu đất, nước trong đất, phản ứng của đất, keo đất và khả năng hấp phụ của đất.

- Vận dụng được các kiến thức về đất trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá các đặc tính lý, hóa học cơ bản của đất làm cơ sở lựa chọn bố trí các đối tượng cây trồng phù hợp trên đất canh tác.

2.2. Về kỹ năng:

- Điều tra thu thập, lấy mẫu và xử lý được mẫu đất phục vụ phân tích các chỉ tiêu nông hóa đất. Nắm vững được quy trình phân tích một số các chỉ tiêu lý hóa học cơ bản của đất.

- Phân tích được một số các chỉ tiêu cơ bản về tính chất nông hóa đất, cập nhật và sử dụng được một số trang thiết bị hiện đại trong phòng thí nghiệm phục vụ phân tích các chỉ tiêu chủ yếu.

- Nhận biết được một số loại đất chủ yếu ở Việt Nam.

2.3. Về thái độ:

Nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của việc hiểu được các đặc tính nông hóa của đất trong lĩnh vực lâm nghiệp góp phần sử dụng đất lâm nghiệp hợp lý, đạt hiệu quả sản xuất cao và triển nông nghiệp bền vững.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. NGUỒN GỐC VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐẤT

(2TL,3TL, 3TH)

1.1. Khái niệm chung về đất

1.2. Sự hình thành đất

Chương 2. CHẤT HỮU CƠ VÀ MÙN TRONG ĐẤT

(3TL,3TL, 3TH)

2.1. Khái niệm, thành phần và nguồn gốc chất hữu cơ của đất

2.2. Quá trình biến hóa chất hữu cơ trong đất

2.3. Chất hữu cơ và mùn trong đất

Chương 3. THÀNH PHẦN HOÁ HỌC VÀ CÁC CHẤT DINH DƯỠNG TRONG ĐẤT

(2TL,3TL)

3.1. Silic trong đất

3.2. Nhôm trong đất

3.3. Sắt trong đất

3.4. Ca và Mg trong đất

3.5. Lưu huỳnh trong đất

3.6. Nitơ trong đất

3.7. Phốtpho trong đất

3.8. Kali trong đất

3.9. Các nguyên tố vi lượng trong đất

Chương 4. THÀNH PHẦN CƠ GIỚI VÀ KẾT CẤU ĐẤT

(3TL,3TL, 5TH)

4.1. Thành phần cơ giới đất

4.2. Kết cấu đất

Chương 5. NƯỚC, KHÔNG KHÍ VÀ MỘT SỐ TÍNH CHẤT VẬT LÝ KHÁC CỦA ĐẤT

(4LT,3TL, 3TH)

5.1. Nước trong đất

5.2. Không khí trong đất

5.3. Nhiệt trong đất

5.4. Một số tính chất vật lý và cơ lý của đất

Chương 6. KEO ĐẤT VÀ KHẢ NĂNG HẤP PHỤ CỦA ĐẤT

(2TL,4TL, 3TH)

6.1. Keo đất

6.2. Khả năng hấp phụ của đất

Chương 7. PHẢN ỨNG CỦA ĐẤT

(2TL,4TL, 4TH)

7.1. Vai trò của dung dịch đất và phản ứng đất

7.2. Phản ứng chua của đất

8.1. Phân loại đất

8.2. Các loại đất ở Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Trần Văn Chính (2006), *Giáo trình Thổ Nhưỡng học*.NXB Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1. Lê Văn Khoa (2000), *Đất và Môi trường*. NXB Giáo dục.
2. Ngô Thị Đào, Vũ Hữu Yêm (2007), *Đất và phân bón*. NXB Đại học Sư phạm

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.25. ĐO ĐẠC LÂM NGHIỆP/ Forestry geodesy

- Số tín chỉ: 3 (21,27,21)

- Mã học phần: 161112

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lâm nghiệp và phát triển nông thôn

- Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần: Kiến thức về cơ sở hình học của bản đồ, hình dạng, kích thước quả đất và cách biểu thị mặt đất, các phép chiếu trong đo đạc, sai số trong đo đạc; nắm được phương pháp sử dụng, khai thác bản đồ. Cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tác dụng của các loại máy móc, dụng cụ đo đạc; nắm được phương pháp đo góc, đo dài, đo cao. Cơ sở lưới khống chế đo đạc, phương pháp xây dựng lưới khống chế mặt bằng và lưới khống chế độ cao. Phương pháp đo vẽ bản đồ, ứng dụng GIS và GPS trong đo đạc lâm nghiệp.

- Năng lực đạt được: Khai thác, sử dụng được bản đồ, sử dụng máy móc, dụng cụ đo vẽ bản đồ, thực hiện được các bước, làm được các thao tác đo vẽ bản đồ.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Học phần trang bị cho người học các kiến thức về cơ sở hình học của bản đồ, hình dạng, kích thước quả đất và cách biểu thị mặt đất, các phép chiếu trong đo đạc, sai số trong đo đạc; nắm được phương pháp sử dụng, khai thác bản đồ. Cấu tạo, nguyên lý hoạt động, tác dụng của các loại máy móc, dụng cụ đo đạc; nắm được phương pháp đo góc, đo dài, đo cao. Cơ sở lưới khống chế đo đạc, phương pháp xây dựng lưới khống chế mặt bằng và lưới khống chế độ cao. Phương pháp đo vẽ bản đồ, ứng dụng GIS và GPS trong đo đạc lâm nghiệp.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Người học có khả năng khai thác, sử dụng được bản đồ, sử dụng máy móc, dụng cụ đo vẽ bản đồ, thực hiện được các bước, làm được các thao tác đo vẽ bản đồ.

3. Nội dung chi tiết học phần

BÀI MỞ ĐẦU

(1LT:0TL,BT)

0.1. Khái niệm về đo đạc

0.2. Đối tượng của môn học

0.3. Nhiệm vụ của môn học

0.4. Lịch sử phát triển của môn học

0.5. Đặc điểm học phần và phương pháp học tập

CHƯƠNG 1. QUẢ ĐẤT VÀ CÁCH BIỂU THỊ MẶT ĐẤT

(4LT:2TL,BT)

1.1. Hình dạng, kích thước quả đất và ảnh hưởng của độ cong quả đất đến kết quả đo

1.2. Hệ toạ độ và hệ độ cao

1.3. Phép chiếu đo vẽ bản đồ và hệ tọa độ

1.4. Bản đồ và mặt cắt

1.5. Phân mảnh và đánh số bản đồ

1.6. Hai bài toán trắc địa cơ bản

CHƯƠNG 2. SAI SỐ TRONG ĐO ĐẠC

(2LT:3TL,BT:5TH)

2.1. Khái niệm

2.2. Phân loại sai số

2.3. Đánh giá độ chính xác của đại lượng đo trực tiếp

2.4. Đánh giá độ chính xác của đại lượng đo gián tiếp

2.5. Một số đơn vị thường dùng trong đo đạc

CHƯƠNG 3. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ

(4LT:4TL,BT, 6TH)

3.1. Định hướng bản đồ

3.2. Nhận dạng địa hình trên bản đồ

3.3. Xác định vị trí một điểm trên bản đồ

3.4. Đo, tính đoạn thẳng trên bản đồ

3.5. Đo, tính diện tích trên bản đồ

3.6. Xác định đặc điểm lưu vực nước

3.7. Can vẽ và thu phóng bản đồ

CHƯƠNG 4. ĐO CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN

(4LT:4TL,BT:5TH)

4.1. Đo góc

4.2. Định hướng đường thẳng và định tuyến đo

4.3. Đo độ dài

4.4. Đo độ cao

CHƯƠNG 5. LƯỚI KHÔNG CHẾ ĐO ĐẠC

(2LT:6TL,BT)

5.1. Lưới không chế mặt bằng

5.2. Lưới không chế độ cao

CHƯƠNG 6. ĐO VẼ BẢN ĐỒ

(2LT:3TL,BT:5TH)

6.1. Đo vẽ thành lập bản đồ

6.2. Các phương pháp đo vẽ địa hình

CHƯƠNG 7. ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ TRONG LÂM NGHIỆP (2LT:5TL,BT)

7.1. Đặc điểm công tác thành lập bản đồ lâm nghiệp

7.2. Phân loại bản đồ lâm nghiệp

7.3. Vẽ bản đồ bằng phương pháp thủ công

7.4. Ứng dụng công nghệ GIS vẽ bản đồ

7.5. Hệ thống định vị toàn cầu

7.6. Đo vẽ bổ sung bản đồ, đo vẽ mặt cắt, đo vẽ đường ô tô lâm nghiệp

7.7. Quản lý bản đồ lâm nghiệp

4. Yêu cầu của môn học: Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành, hoàn thành bài báo cáo thực hành, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra, thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối tuần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Thanh Tiến, Vũ Văn Thông, Lê Văn Thơ, Đặng Thị Thu Hà, Phạm Mạnh Hà (2008), *Giáo trình đo đạc lâm nghiệp*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1. Đàm Xuân Hoàn (2005), *Giáo trình Trắc địa*. NXB Nông nghiệp Hà nội.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.26. NUÔI TRỒNG THỦY SẢN ĐẠI CƯƠNG/ BASIC AQUACULTURE

- Số tín chỉ: 2 (15,18,12)
- Mã học phần: 164110
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần Nuôi trồng thủy sản đại cương cung cấp những kiến thức: Phân loại động vật thủy sản, đặc điểm sinh học chủ yếu của một số đối tượng thủy sản nuôi phổ biến (cá, tôm, cua); Những đặc tính của môi trường nước đối với đời sống của động vật thủy sản, sự biến động các yếu tố thủy lý, thủy hóa, nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước ao nuôi thủy sản, biện pháp quản lý các yếu tố lý, hóa và sinh học trong ao nuôi thủy sản; Đặc điểm dinh dưỡng của động vật thủy sản, biện pháp tăng nguồn thức ăn tự nhiên trong thủy vực nuôi và các nguyên liệu sản xuất thức ăn nhân tạo cho động vật thủy sản; Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi một số động vật thủy sản phổ biến.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên nhận diện và mô tả được hình thái cấu tạo, xác định được vị trí nội quan của một số loài động vật thủy sản nuôi phổ biến ở Việt Nam (cá, tôm, cua). Tiến hành đo và xác định được một số yếu tố thủy lý, thủy hóa (nhiệt độ, độ trong, hàm lượng oxy hòa tan, pH,...) của môi trường nước trong ao nuôi; Thực hiện được các bước tiêm kích dục tố kích thích cá sinh sản nhân tạo cá nước ngọt, nắm vững các biện pháp kỹ thuật cơ bản trong sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số đối tượng thủy sản phổ biến (tôm, cá, cua). Vận dụng kiến thức đã học để nuôi thủy sản kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm và mô hình VAC, RAC kết hợp.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Sinh viên nắm vững kiến thức về một số đặc điểm sinh học chủ yếu của một số loài động vật thủy sản nuôi phổ biến ở Việt Nam (đặc điểm hình thái bên ngoài và cấu tạo các cơ quan, dinh dưỡng, sinh trưởng và phát triển của một số loài động vật thủy sản: cá, tôm, cua).

- Sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về một số loại thức ăn phổ biến trong nuôi trồng thủy sản, biện pháp phát triển thức ăn tự nhiên trong thủy vực nuôi trồng thủy sản, phương pháp chế biến thức ăn nhân tạo cho các loài động vật thủy sản nuôi.

- Trình bày và phân tích được một số biện pháp quản lý môi trường trong thủy vực nuôi trồng thủy sản.

- Hiểu và giải thích được các biện pháp kỹ thuật sản xuất giống, kỹ thuật nuôi thương phẩm một số loài thủy sản nuôi phổ biến. Trình bày được một số mô hình nuôi thủy sản VAC, RAC kết hợp (Cá – lúa, Cá – lợn, Cá – vịt, Lúa-cá-vịt, Ao – Cây rừng – Chuồng).

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Sinh viên định loại được một số loài thủy sản nuôi phổ biến, mô tả được hình thái cấu tạo, xác định được vị trí nội quan của một số loài động vật thủy sản nuôi phổ biến ở Việt Nam (cá, tôm, cua).

- Tiến hành đo và xác định được các chỉ số nhiệt độ, độ trong, hàm lượng oxy hòa tan DO, độ pH trong môi trường ao nuôi thủy sản, đánh giá các chỉ số môi trường đo được có ngưỡng phù hợp hay không đối với sức khỏe của động vật thủy sản nuôi trong ao, hồ.

- Thực hiện được thành thạo các bước tiêm kích dục tổ kích thích cá sinh sản nhân tạo cá nước ngọt, các thao tác kỹ thuật cơ bản trong nuôi thương phẩm các đối tượng thủy sản (Cá, tôm, cua)

- Nắm được nguyên lý thiết kế và vận hành thành thạo mô hình nuôi thủy sản VAC, RAC kết hợp.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Nhận thức đầy đủ về vai trò và tầm quan trọng của việc nuôi thủy sản kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm, vườn, rừng từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo, chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo thời khoá biểu (lý thuyết, thảo luận, seminar, thực hành), tích cực tham gia thảo luận nhóm, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ, có chất lượng.

3. Nội dung chi tiết học phần

A. LÝ THUYẾT

Chương 1: ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

(Lý thuyết: 4 tiết; Thảo luận: 5 tiết; Thực hành: 3 tiết)

1.1. Phân loại động vật thủy sản

1.1.1. Phân loại theo đặc điểm cấu tạo ngoài

1.1.2. Phân loại theo tính ăn

1.1.3. Phân loại theo môi trường sống

1.1.4. Phân loại theo khí hậu (nhiệt độ)

1.2. Đặc điểm sinh học của cá

1.2.1. Hình thái ngoài của cá

1.2.2. Hệ tiêu hóa của cá

1.2.3. Hệ hô hấp

1.2.4. Hệ tuần hoàn

1.2.5. Đặc điểm sinh sản

1.2.6. Điều tiết áp suất thẩm thấu

1.2.7. Sinh trưởng, phát triển của cá

1.2.8. Đặc điểm sinh học của một số loài cá nuôi phổ biến

1.2.8.1. Cá chép

1.2.8.2. Cá trắm cỏ

1.2.8.3. Cá rô phi

1.2.8.4. Cá mè trắng

1.2.8.5. Cá mè hoa

1.2.8.6. Cá trôi.

1.3. Đặc điểm sinh học chủ yếu của một số loài giáp xác

1.3.1. Đặc điểm sinh học của tôm he

1.3.2. Tôm càng xanh

Chương 2. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG AO NUÔI THỦY SẢN

(Lý thuyết: 3 tiết; Thảo luận: 3 tiết; Thực hành: 2 tiết)

2.1. Chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản

2.1.1. Nguồn nước trong nuôi trồng thủy sản

2.1.2. Những đặc tính của nước thuận lợi cho sự sống của thủy sinh vật

2.1.3. Một số thông số cơ bản để đánh giá chất lượng nước

2.1.3.1. Một số thông số vật lý

2.1.3.2. Một số thông số hóa học của nước

2.2. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước ao nuôi thủy sản

2.2.1. Nguyên nhân bên ngoài

2.2.2. Nguyên nhân bên trong

2.3. Biện pháp quản lý chất lượng nước trong nuôi thủy sản

2.3.1. Các phương pháp xử lý nâng cao chất lượng nước trước khi nuôi

2.3.2. Quản lý chất lượng nước trong quá trình nuôi

2.3.3. Phương pháp xử lý nước thải sau khi nuôi tôm, cá

Chương 3. DINH DƯỠNG VÀ THỨC ĂN CHO ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 0 tiết)

3.1. Những hiểu biết cơ bản về dinh dưỡng của động vật thủy sản

3.1.1. Sự tiêu hóa thức ăn

3.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tiêu hóa ở cá

3.1.3. Sự hấp thu các chất dinh dưỡng trong cơ thể động vật thủy sản

3.1.4. Một số đặc điểm về dinh dưỡng động vật thủy sản

3.2. Thức ăn tự nhiên của động vật thủy sản

3.2.1. Những hiểu biết cơ bản về thức ăn tự nhiên của động vật thủy sản

3.2.2. Biện pháp phát triển cơ sở thức ăn tự nhiên

3.3. Thức ăn nhân tạo cho cá, tôm

3.3.1. Khái niệm, thành phần thức ăn nhân tạo

3.3.2. Nguyên lý sử dụng thức ăn nhân tạo

3.3.3. Các chỉ số đánh giá giá trị dinh dưỡng của thức ăn nhân tạo

3.3.4. Các loại nguyên liệu thức ăn thường dùng nuôi cá

3.3.5. Thức ăn hỗn hợp cho cá

3.4. Quản lý chế độ cho ăn

3.4.1. Khẩu phần thức ăn

3.4.2. Số lần cho ăn hàng ngày

Chương 4. KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG VÀ NUÔI MỘT SỐ LOÀI THỦY SẢN

(Lý thuyết: 6 tiết; Thảo luận: 6 tiết; Thực hành: 7 tiết)

4.1. Kỹ thuật sản xuất giống một số loài cá nước ngọt

4.1.1. Nuôi vỗ cá bố mẹ

4.1.1.1. Điều kiện ao nuôi vỗ

4.1.1.2. Chuẩn bị ao nuôi vỗ

4.1.1.3. Chọn cá bố mẹ nuôi vỗ

4.1.1.4. Chăm sóc quản lý

4.1.2. Cho cá đẻ

4.1.2.1. Chuẩn bị bể đẻ

4.1.2.2. Chọn cá bố mẹ cho đẻ

4.1.3. Ấp trứng cá

4.1.4. Kỹ thuật ương nuôi cá giống

4.1.4.1. Kỹ thuật ương nuôi cá bột lên cá hương

4.1.4.2. Kỹ thuật ương nuôi cá hương lên cá giống

4.1.5. Phương pháp vận chuyển cá giống

4.1.5.1. Luyện cá trước khi vận chuyển

4.1.5.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến cá khi vận chuyển

4.1.5.3. Các biện pháp khắc phục các nhân tố ảnh hưởng đến cá khi vận chuyển

4.1.5.4. Các phương pháp vận chuyển cá

4.2. Kỹ thuật nuôi cá thương phẩm trong ao nước tĩnh

4.2.1. Điều kiện ao nuôi

4.2.2. Chuẩn bị ao nuôi

4.2.3. Thả cá giống

4.2.4. Quản lý và chăm sóc

4.2.5. Một số bệnh thường gặp ở cá

4.2.5.1. Bệnh do virus (bệnh xuất huyết do virút)

4.2.5.2. Bệnh do vi khuẩn

4.2.5.3. Bệnh do động vật nguyên sinh

4.2.6. Thu hoạch

4.3. Kỹ thuật nuôi thủy sản kết hợp

4.3.1. Nguyên tắc của mô hình nuôi thủy sản kết hợp

4.3.2. Các mô hình nuôi cá kết hợp

4.3.2.1. Kỹ thuật nuôi cá trong ruộng lúa

4.3.2.2. Mô hình nuôi kết hợp cá- lợn

4.3.2.3. Mô hình nuôi kết hợp cá- vịt

4.3.2.4. Mô hình nuôi kết hợp cá- gà

4.3.3. Mô hình nuôi tôm – lúa

4.3.3.1. Khái niệm các mô hình nuôi

4.3.3.2. Kỹ thuật nuôi

B. THỰC HÀNH (12 tiết)

Bài 1: Hình thái giải phẫu một số loài thủy sản phổ biến (3 tiết)

Bài 2: Kỹ thuật đo một số yếu tố lý, hóa trong nước ao nuôi thủy sản (2 tiết)

Bài 3: Kỹ thuật tiêm kích dục tố kích thích cá sinh sản (3 tiết)

Bài 4: Tham quan, khảo sát một số mô hình nuôi trồng thủy sản kết hợp (VAC, RAC) trong tỉnh (4 tiết).

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên dự học đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.

- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình; Thảo luận, Thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan.

Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu
- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ
- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- **Kiểm tra thường xuyên:** 3 bài, trọng số 30%.

Đánh giá nhận thức, thái độ tham gia học trên lớp và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phân thực hành

+ 2 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận và 1 bài kiểm tra vào giờ bài tập, thảo luận trên lớp hoặc kỹ năng thực hành. Tiêu chí đánh giá:

- + Kiểm tra mức độ nhớ, thuộc bài (hiểu và biết) của người học (2/10)
- + Đánh giá khả năng phân tích, suy xét, nhận định của người học về vấn đề đặt ra. (3/10)
- + Đánh giá khả năng ứng dụng, giải quyết vấn đề của người học trong từng trường hợp cụ thể. (5/10)

- **Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ:** Trọng số 20%

Hình thức: kiểm tra viết 50 phút (1 tiết)

- **Kiểm tra đánh giá cuối kỳ:** Trọng số 50%

Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy theo (30 phút) theo ngân hàng câu hỏi hoặc Thi viết 90 phút theo hình thức ra đề.

Thi trắc nghiệm 30 phút hoặc thi viết 90 phút: Nội dung trong chương trình đã học

Làm bài tập lớn: cho phép người học được tự lựa chọn 1 chủ đề (trong số các chủ đề cho sẵn).

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

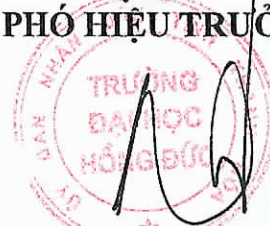
9.1. Tài liệu bắt buộc

1. Kim Văn Vạn (2009), *Giáo trình Nuôi trồng thủy sản đại cương*. NXB Nông nghiệp Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Đoàn Hiệp – Phạm Tân Tiến (2009), *Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.27. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. CÂY RỪNG/Forest plants

- Số tín chỉ: 3 (21;27;21)
- Mã học phần: 161086
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Thực vật học

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* khái niệm về thực vật rừng, vai trò thực vật rừng trong tự nhiên, Đối tượng và nội dung, hình thái và cấu trúc hình thái, hiện tượng học thực vật rừng, khu phân bố của cây rừng, một số quy luật sinh thái cơ bản, hiện tượng học và phân loại cây rừng. Đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh học, sinh thái học, phân bố và giá trị sử dụng của cây rừng thuộc ngành thực vật Hạt trần và ngành thực vật Hạt kín.

- *Năng lực đạt được:* Phân biệt được các đặc điểm hình thái của thực vật trong thiên nhiên và phân biệt được các bộ, họ thông qua các loài đại diện. Nhận biết được một số loài cây gỗ, cây bụi, dây leo, thảo tươi có giá trị sử dụng trong rừng tự nhiên ở Việt Nam. Biết cách thu hái, mô tả, ghi chép và làm tiêu bản thực vật, làm bảng tra nhận biết cây rừng.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức:

- Nắm được các khái niệm về thực vật rừng, các cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản và biết phân loại thực vật, đặc điểm các loài cây lâm nghiệp thuộc ngành Thông và ngành Ngọc lan.

2.2. Về kỹ năng:

- Phân biệt được các đặc điểm hình thái của thực vật trong thiên nhiên và phân biệt được các bộ, họ thông qua các loài đại diện.

- Nhận mặt được một số loài cây gỗ, cây bụi, dây leo, thảo tươi có giá trị sử dụng trong rừng tự nhiên ở Việt Nam.

- Biết cách thu hái, mô tả, ghi chép và làm tiêu bản thực vật, làm bảng tra nhận biết cây rừng.

2.3. Về thái độ: Xác định được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học. Yêu thích môn học và ngành học mà mình đang theo học. Biết tôn trọng thầy cô và đồng nghiệp. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung học tập, các nội quy, quy định của nhà trường và giáo viên môn học yêu cầu. Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học.

3. Nội dung chi tiết học phần

A. LÝ THUYẾT, THẢO LUẬN.

CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU

(1TL,1TL)

- 1.1. Khái niệm về thực vật rừng
- 1.2. Vai trò thực vật rừng trong tự nhiên
- 1.3. Đối tượng và nội dung
- 1.4. Vị trí và quan hệ môn học Thực vật rừng với các môn học khác
- 1.5. Phương pháp nghiên cứu thực vật rừng

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ KIẾN THỨC CƠ SỞ VỀ THỰC VẬT RỪNG (2TL,4TL)

- 2.1. Hình thái và cấu trúc hình thái cây rừng
- 2.2. Hiện tượng học thực vật rừng
- 2.3. Khu phân bố của cây rừng
- 2.4. Một số quy luật sinh thái cơ bản

2.5. Phân loại cây rừng

CHƯƠNG 3: CÂY RỪNG THUỘC NGÀNH THÔNG

(3TL,4TL, 4TH)

3.1. Cây rừng thuộc họ Thông

3.2. Cây rừng thuộc họ Kim giao

3.3. Cây rừng thuộc họ Hoàng đàn

CHƯƠNG 4: CÂY RỪNG THUỘC NGÀNH NGỌC LAN

(11TL,12TL, 12TH)

4.1. Cây rừng thuộc họ Ngọc Lan

4.2. Cây rừng thuộc họ Re

4.3. Cây rừng thuộc họ Du

4.4. Cây rừng thuộc họ Dầu tằm

4.5. Cây rừng thuộc họ Phi lao

4.6. Cây rừng thuộc họ Dẻ

4.7. Cây rừng thuộc họ Hồ đào

4.8. Cây rừng thuộc họ Dầu

4.9. Cây rừng thuộc họ Măng cụt⁴

4.10. Cây rừng thuộc họ Bồ đề

4.11. Cây rừng thuộc họ Thị

4.12. Cây rừng thuộc họ Sến

4.13. Cây rừng thuộc họ Đay

4.14. Cây rừng thuộc họ Thầu dầu

4.15. Cây rừng thuộc họ Dó (Trâm)

4.16. Cây rừng thuộc họ Trinh nữ

4.17. Cây rừng thuộc họ Vang

4.18. Cây rừng thuộc họ Đậu

4.19. Cây rừng thuộc họ Đước

4.20. Cây rừng thuộc họ Sim

4.21. Cây rừng thuộc họ Xoài

4.22. Cây rừng thuộc họ Trám

4.23. Cây rừng thuộc họ Xoan

4.24. Cây rừng thuộc họ Bồ hòn

4.25. Cây rừng thuộc họ Cà phê

4.26. Cây rừng thuộc họ Đinh

4.27. Cây rừng thuộc họ Tẻch

CHƯƠNG 5: CÂY RỪNG THUỘC LỚP HÀNH

(4TL,6TL, 5TH)

5.1. Cây rừng thuộc họ Gừng

5.2. Cây rừng thuộc họ Củ Nâu

5.3. Cây rừng thuộc họ Hòa thảo

5.4. Cây rừng thuộc họ Cau dừa

B. THỰC HÀNH

BÀI 1: Mô tả hình thái thực vật

BÀI 2: Mô tả đặc điểm hình thái của các loài thuộc ngành Thông qua các tiêu bản khô

BÀI 3: Mô tả đặc điểm hình thái của các loài thuộc ngành Ngọc Lan qua các tiêu bản khô

BÀI 4: Nhận dạng các loài thực vật ngoài thực địa.

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

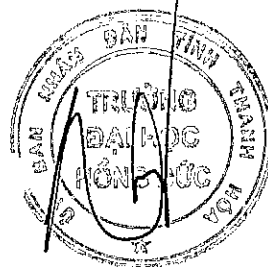
1. Lê Mộng Chân, Lê Thị Huyền (2008), *Thực vật rừng*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Tiến Bản (1997), *Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật kín ở Việt Nam*. Nxb Nông nghiệp, Hà nội.

2. Hoàng Thị Bé (2005), *Cây cỏ quanh em*, T1,2. Nxb Giáo dục.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

B. CÂY XANH ĐÔ THỊ/Urban Tree

- Số tín chỉ: 3 (21;27;21)
- Mã học phần: 161031
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Thực vật học

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Đặc điểm đô thị, đặc điểm cây xanh đô thị. Chức năng của cây xanh đô thị. Đặc điểm sinh trưởng phát triển cây thân gỗ. Quản lý, nuôi dưỡng cây xanh đô thị. Xén tỉa, chỉnh hình cây xanh đô thị. Kỹ thuật trồng cây xanh đô thị

- *Năng lực đạt được:* Phân biệt được các loài cây xanh được phép trồng, không được phép trồng, hạn chế trồng trong các đô thị. Thực hiện được các hoạt động sản xuất từ khâu thiết kế, chỉ đạo thi công: chăm sóc, quản lý và trồng cây xanh đô thị.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết và những kỹ năng về chăm sóc, quản lý và trồng cây xanh đô thị; có thể triển khai được một số nghiên cứu và ứng dụng cụ thể.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Sau khi học xong chương trình, sinh viên có khả năng tổ chức tốt các hoạt động sản xuất từ khâu thiết kế, chỉ đạo thi công: chăm sóc, quản lý và trồng cây xanh đô thị.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Sinh viên được rèn luyện tính nghiêm túc, trung thực trong nghiên cứu khoa học, yêu ngành, yêu nghề.

3. Nội dung chi tiết học phần

A. LÝ THUYẾT

Chương 1. MỞ ĐẦU

(LT: 1; TL: 5)

- 1.1. Đặc điểm khu đô thị, khu dân cư
- 1.2. Đặc điểm cây xanh đô thị
- 1.3. Yêu cầu đối với cây xanh đô thị

Chương 2. CHỨC NĂNG CỦA CÂY XANH ĐÔ THỊ

(LT: 4; TL: 6)

- 2.1. Chức năng cải thiện môi trường sống
- 2.2. Chức năng phòng hộ
- 2.3. Chức năng làm đẹp (Kiến tạo cảnh quan)
- 2.4. Chức năng sản xuất

Chương 3. ĐẶC ĐIỂM SINH TRƯỞNG CỦA CÂY XANH ĐÔ THỊ (LT: 5; TL: 5)

- 3.1. Các bộ phận của cây thân gỗ
- 3.2. Quá trình sinh trưởng và phát triển của cây thân gỗ
- 3.3. Môi trường sống của thực vật thân gỗ

Chương 4. QUẢN LÝ, NUÔI DƯỠNG CÂY XANH ĐÔ THỊ

(LT: 7; TL: 6)

- 4.1. Quản lý đất
- 4.2. Bón phân
- 4.3. Tưới nước, thoát nước
- 4.4. Các quản lý chăm sóc khác đối với cây xanh đô thị

Chương 5: XÉN TỈA, CHỈNH HÌNH CÂY XANH ĐÔ THỊ

(LT: 4; TL: 5)

- 5.1. Ý nghĩa và nguyên tắc xén tỉa chỉnh hình cây xanh đô thị
- 5.2. Kỹ thuật xén tỉa và chỉnh hình cây xanh đô thị
- 5.3. Xén tỉa chỉnh hình một số loại cây xanh đô thị

Chương 6. KỸ THUẬT TRỒNG CÂY XANH ĐÔ THỊ

(LT: 2; TL: 0)

- 6.1. Kỹ thuật đánh chuyển cây xanh đô thị
- 6.2. Kỹ thuật trồng cây xanh đô thị

B. THỰC HÀNH

21 tiết

- Điều tra thành phần loài, đặc điểm sinh trưởng, sâu bệnh hại cây; điều tra các biện pháp kỹ thuật tác động trong công tác quản lý, chăm sóc, trồng, v.v.. đối với cây xanh trên các tuyến phố.

- Đánh giá công tác quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc cây xanh đối với từng tuyến phố

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

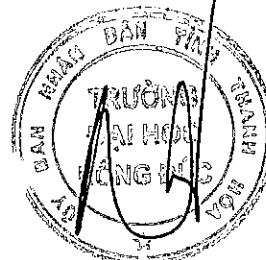
Tài liệu bắt buộc:

1. Trương Hữu Tuyên (1983). *Trồng cây xanh đô thị*. NXB NN, Hà Nội,.

Tài liệu tham khảo:

1. Lê Mộng Chân, Lê Thị Huyền, *Thực vật rừng* (2006). NXB Nông nghiệp, HN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.28. GIỐNG CÂY RỪNG/Forest breeding tree

- Số tín chỉ: 3 (21,27,21)
- Mã học phần: 161092
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Công nghệ sinh học, thực vật học.

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Cơ sở khoa học của cải thiện giống, khảo nghiệm loài và xuất xứ, các biện pháp chọn giống và tạo giống, xây dựng vườn giống và rừng giống, nhân giống sinh dưỡng, bảo tồn nguồn gen cây rừng, bố trí và thiết kế thí nghiệm giống.

- *Năng lực đạt được:* Thiết kế và thực hiện được quy trình chọn giống. Thực hiện các biện pháp nhân giống sinh dưỡng trong lâm nghiệp và quy trình xây dựng, chăm sóc rừng giống, vườn giống.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày được các khái niệm: cải thiện giống cây rừng; khảo nghiệm loài; khảo nghiệm xuất xứ; chọn lọc cây trội; khảo nghiệm hậu thế; nhân giống; vườn giống; rừng giống; bảo tồn nguồn gen, nội dung các bước trong cải thiện giống cây rừng: khảo nghiệm loài; khảo nghiệm xuất xứ; chọn lọc cây trội; gây tạo giống mới, xây dựng vườn giống, rừng giống; nhân giống; bảo tồn nguồn gen cây rừng.

- Giải thích được cơ sở khoa học khi ứng dụng khoa học kỹ thuật để cải thiện giống cây rừng.

2.2. Mục tiêu về kiến thức:

- Thực hiện được các bước khảo nghiệm loài và xuất xứ, biện pháp chọn và tạo giống mới, các bước xây dựng rừng giống và vườn giống, kỹ thuật nhân giống sinh dưỡng.

- Bố trí được thí nghiệm cải thiện giống và bảo tồn nguồn gen cây rừng.

2.3. Về thái độ: Xác định được tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác chọn giống cây rừng. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung học tập, các nội quy, quy định của nhà trường và giáo viên môn học yêu cầu.

3. Nội dung chi tiết học phần:

A. Lý thuyết

Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG CẢI THIỆN GIỐNG CÂY RỪNG. (2LT:3TL)

- 1.1. Khái niệm về cải thiện giống cây rừng
- 1.2. Vị trí của công tác giống trong sản xuất lâm nghiệp.
- 1.3. Mục tiêu của cải thiện giống cây rừng.
- 1.4. Lịch sử phát triển của cải thiện giống cây rừng.
- 1.5. Các bước chính trong một chương trình cải thiện giống cây rừng.
- 1.6. Bảo tồn nguồn gen cây rừng.

Chương 2. CƠ SỞ SINH HỌC CỦA CẢI THIỆN GIỐNG CÂY RỪNG

(2LT:2TL)

- 2.1. Cấu tạo và phân chia tế bào thực vật
- 2.2. Các quy luật di truyền
- 2.3. Cơ sở phân tử của di truyền

Chương 3. KHẢO NGHIỆM LOÀI VÀ XUẤT XỨ

(4LT:4TL)

- 3.1. Vai trò của khảo nghiệm loài và xuất xứ trong cải thiện giống cây rừng.
- 3.2. Lịch sử phát triển của khảo nghiệm loài và xuất xứ
- 3.3. Loài, xuất xứ và các khái niệm liên quan.
- 3.4. Trật tự công việc khi khảo nghiệm loài và xuất xứ.
- 3.5. Những nguyên tắc chính khi chọn loài, chọn xuất xứ và chọn cây thu hái hạt.
- 3.6. Xây dựng và đánh giá khảo nghiệm loài và xuất xứ.
- 3.7. Các bước tiến hành khảo nghiệm loài và xuất xứ.
- 3.8. Một số kết quả khảo nghiệm loài và xuất xứ ở Việt nam.

Chương 4. CHỌN LỌC CÂY TRỘI VÀ KHẢO NGHIỆM HẬU THỂ (3LT:3TL)

- 4.1. Khái niệm chung về chọn lọc.
- 4.2. Các phương pháp chọn lọc cơ bản.
- 4.3. Các nguyên tắc chung khi chọn lọc cây trội.
- 4.4. Tiêu chuẩn đánh giá cây trội.
- 4.5. Phương pháp xác định cây trội.
- 4.6. Khảo nghiệm hậu thể.

Chương 5. GÂY TẠO GIỐNG MỚI

(2LT:2TL)

- 5.1. Lai hữu tính.
- 5.2. Gây giống đa bội thể và đột biến.

Chương 6. XÂY DỰNG RỪNG GIỐNG VÀ VƯỜN GIỐNG

(2LT:3TL)

- 6.1. Khái niệm về rừng giống và vườn giống
- 6.2. Các loại rừng giống và vườn giống.
- 6.3. Xây dựng và quản lý rừng giống, vườn giống

Chương 7. NHÂN GIỐNG SINH DƯỠNG

(2LT:3TL)

- 7.1. Các phương pháp nhân giống sinh dưỡng
- 7.2. ý nghĩa của nhân giống bằng hom.
- 7.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến ra rễ của hom giâm.
- 7.4. Sử dụng các chất điều hoà sinh trưởng.
- 7.5. Các biện pháp tạo hom và yêu cầu kỹ thuật cơ bản khi giâm hom.

Chương 8. BẢO TỒN NGUỒN GEN CÂY RỪNG

(2LT:4TL)

- 8.1. Ý nghĩa của bảo tồn nguồn gen cây rừng.
- 8.2. Đặc điểm của bảo tồn nguồn gen cây rừng.
- 8.3. Những nhân tố chính làm căn cứ cho chiến lược bảo tồn
- 8.4. Những ưu tiên trong bảo tồn nguồn gen cây rừng.
- 8.5. Các phương pháp bảo tồn nguồn gen cây rừng
- 8.6. Các vấn đề liên quan

Chương 9. BỐ TRÍ VÀ THIẾT KẾ THÍ NGHIỆM TRONG CẢI THIỆN GIỐNG CÂY RỪNG

(2LT:2TL)

- 9.1. Những nguyên tắc chung
- 9.2. Phương pháp bố trí thí nghiệm
- 9.3. Một số sơ đồ bố trí thí nghiệm thông dụng

B. Phần thực hành

Bài 1: Chọn cây trội và thiết kế xây dựng rừng giống chuyển hoá. 10 tiết

Bài 2: Ghép cây và chiết cành. 11 tiết

Bài 3: Giâm hom.

Bài 4: Tham quan khu cải thiện giống cây rừng (khảo nghiệm, nuôi cấy invitro...)

4. Yêu cầu của môn học: Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm bài tập, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối tuần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Lê Đình Khả, Dương Mộng Hùng (2003), *Giống cây rừng*. NXB Nông nghiệp, HN.

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Đình Long, Mai Thạch Hoàng (1997), *Chọn giống cây trồng*. NXB NN, HN

2. Vũ Đình Hoà (2005), *Giáo trình Chọn giống cây trồng*. NXB Nông nghiệp, HN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.29. TRỒNG RỪNG/Forestation

- Số tín chỉ: 4 (30;30;30)
- Mã học phần: 161093
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Sinh thái rừng.

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Nguyên lý kỹ thuật hạt giống cây rừng, nguyên lý kỹ thuật tạo cây con, nguyên lý kỹ thuật tạo rừng, thâm canh rừng. Kỹ thuật trồng một số loài cây lâm nghiệp chủ yếu.

- *Năng lực đạt được:* Thực hiện được quy trình sản xuất cây giống lâm nghiệp: gieo ươm, chăm sóc cây con trong giai đoạn vườn ươm. Thiết kế và thực hiện biện pháp kỹ thuật trồng rừng, thâm canh rừng.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Hiểu được nguyên lý về quá trình sinh trưởng phát triển của cá thể và quần thể cây rừng, những nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển của cây rừng, thông qua đó có cơ sở đề xuất các giải pháp kinh doanh hạt giống; nguyên lý kỹ thuật gieo ươm cây con từ hạt và từ hom; nguyên lý kỹ thuật chọn loại cây trồng, xác định tổ thành rừng trồng, xác định mật độ rừng trồng và chăm sóc rừng trồng cho các mục tiêu kinh doanh.

- Nắm được phương pháp xây dựng hồ sơ thiết kế vườn ươm, thiết kế trồng rừng trong thời gian làm bài tập và thực hành.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Thực hiện được các bước, làm được các thao tác trong công tác hạt giống (thời vụ lấy hạt giống, tuổi cây lấy hạt giống, cách thu hái và bảo quản hạt giống);

- Thiết kế vườn ươm và tổ chức gieo ươm cây lâm nghiệp (xử lý hạt giống, làm đất gieo hạt, đóng bầu, cấy cây, làm cỏ phá váng, phòng trừ sâu bệnh...); Thiết kế và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác trồng rừng (xác định thời vụ trồng, mật độ trồng, loài cây trồng, kết cấu trồng rừng...).

2.3. *Về thái độ:* Xác định được tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác trồng rừng. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung học tập, các nội quy, quy định của nhà trường và giáo viên môn học yêu cầu.

3. Nội dung chi tiết học phần:

A. Lý thuyết

Chương 1. NGUYÊN LÝ KỸ THUẬT HẠT GIỐNG CÂY RỪNG (6LT:6TL)

1.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ của công tác sản xuất hạt giống cây rừng

1.2. Năng lực ra hoa kết quả của cây rừng

1.3. Các nhân tố hoàn cảnh ảnh hưởng đến ra hoa, kết quả, sản lượng hạt giống cây rừng

1.4. Xây dựng và quản lý rừng giống, vườn giống

1.5. Điều tra dự báo sản lượng hạt giống

1.6. Thu hoạch và chế biến hạt giống sau thu hoạch

1.7. Kiểm nghiệm phẩm chất hạt giống

1.8. Sinh lý hạt giống sau thu hoạch

1.9. Tuổi thọ của hạt giống và vấn đề bảo quản hạt giống

Chương 2. NGUYÊN LÝ KỸ THUẬT TẠO CÂY CON (4LT:8TL)

- 2.1. Xây dựng vườn ươm
- 2.2. Kỹ thuật sản xuất cây con thực sinh
- 2.3. Nhân giống bằng hom

Chương 3. NGUYÊN LÝ KỸ THUẬT TẠO RỪNG (7LT:6TL)

- 3.1. Phân chia khu trồng rừng và nơi trồng rừng
- 3.2. Chọn loại cây trồng
- 3.3. Kết cấu tổ thành rừng trồng
- 3.4. Kết cấu mật độ rừng trồng
- 3.5. Phối trí các điểm gieo trồng
- 3.6. Làm đất trồng rừng.
- 3.7. Phương thức và phương pháp trồng rừng
- 3.8. Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng
- 3.9. Trồng dặm

Chương 4. TRỒNG RỪNG THÂM CANH (5LT:5TL)

- 4.1. Khái niệm chung
- 4.2. Mục tiêu và điều kiện để trồng rừng thâm canh.
- 4.3. Nội dung cơ bản của thâm canh rừng trồng.
- 4.4. Hệ thống các biện pháp kỹ thuật trồng rừng thâm canh.

Chương 5. KỸ THUẬT TRỒNG MỘT SỐ LOÀI CÂY (8LT:5TL)

- 5.1. Kỹ thuật trồng Thông nhựa (*Pinus merkussi* J.et De Vries)
- 5.2. Kỹ thuật trồng Keo tại tượng (*Acacia mangium* Wild)
- 5.3. Kỹ thuật trồng Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis*)
- 5.4. Kỹ thuật trồng quế (*Cinamomum cassia* BL)
- 5.5. Kỹ thuật trồng Xoan ta (*Melia azedarach* Linn.)
- 5.6. Kỹ thuật trồng Phi lao (*Casuarina equisetifolia* Fost)
- 5.7. Kỹ thuật trồng Lát hoa (*Chukrasia tabularis* A.Juss)
- 5.8. Kỹ thuật trồng Bạch đàn trắng caman (*Eucalyptus camaldulensis* Dehnh)
- 5.9. Kỹ thuật trồng Sao đen (*Hopea odorata* Roxb).
- 5.10. Kỹ thuật trồng Tách (*Tectona grandis* L.)

C. Phần thực hành

Bài 1: Nhận mặt hạt giống cây rừng. 10 tiết.

Bài 2. Kiểm nghiệm phẩm chất hạt giống. 10 tiết.

Bài 3. Kiểm kê rừng trồng và thiết kế trồng rừng. 10 tiết.

4. Yêu cầu của môn học: Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, làm bài tập, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối tuần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Mai Quang Trường, Lương Thị Anh (2007), *Giáo trình Trồng rừng*. NXB Nông nghiệp, Hà nội.

Tài liệu tham khảo:

1. Phùng Ngọc Lan (2007), *Giáo trình kỹ thuật trồng một số loại cây rừng*. Nxb ĐHSP.
2. Chu Thị Thơm (2006), *Kỹ thuật trồng phi lao chống cát*. Nxb Lao động.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.30. ĐỘNG VẬT RỪNG/Wildlife

- Số tín chỉ: 3 (21,27,21)
- Mã học phần: 161088
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn.
- Điều kiện tiên quyết: Cây rừng

1. Mô tả học phần:

Nội dung: Tổng quan về động vật, phân loại động vật có xương sống, tài nguyên động vật rừng, các nhóm ếch, nhái, bò sát, chim, thú và Quản lý, bảo vệ động vật hoang dã (động vật rừng).

Năng lực đạt được: nắm vững những kiến thức, kỹ năng cơ bản về tổng quan động vật; phân loại động vật, tài nguyên động vật rừng, các lớp ếch, nhái, bò sát, chim, thú trên các phương diện: đặc điểm nhận biết, sinh thái, tập tính, phân bố, giá trị sử dụng, thực trạng ý nghĩa và quản lý bảo vệ động vật hoang dã.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Hiểu được vị trí và vai trò của động vật rừng trong hệ sinh thái rừng. Thực hiện tốt trách nhiệm cá nhân trong việc bảo tồn và phát triển Đa dạng sinh học. Mô tả được những đặc điểm nhận biết, sinh thái tập tính, phân bố, giá trị và nhận biết, phân loại được các loài động vật rừng. Phân biệt, lựa chọn các kỹ thuật quản lý, bảo tồn ngoại vi (Ex - situ conservation) và bảo tồn nội vi (In - situ conservation) động vật rừng. Nắm vững các bước thu thập, xử lý, phân tích thông tin, số liệu; phương pháp điều tra giám sát động vật rừng..

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Điều tra tình hình chung, lập tuyến điều tra, phỏng vấn người dân và kỹ thuật thu thập vật mẫu vật, ghi chép thông tin và làm tiêu bản động phục vụ cho việc nhận biết, đánh giá hệ động vật rừng. Phân loại và nhận biết được các loài động vật rừng phổ biến có giá trị cao trong rừng, xác định đúng mức độ nguy cấp của loài theo sách đỏ Việt Nam và sách đỏ Thế giới.

- Tham gia cứu hộ, cứu nạn động vật hoang dã. Hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng một số loài động vật rừng. Tổ chức cho cộng đồng tích cực tham gia bảo vệ động vật hoang dã và thực hiện đúng luật bảo vệ và phát triển động vật rừng.

2.3. Mục tiêu về thái độ:

Nhận thức được vai trò của động vật rừng trong hệ sinh thái rừng, ý nghĩa quan trọng của công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; có trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

3. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. TỔNG QUAN ĐỘNG VẬT

(LT: 02; TL: 02)

- 1.1. Vị trí, vai trò của môn học
- 1.2. Động vật không xương sống bậc thấp
- 1.3. Động vật không xương sống bậc cao
- 1.4. Ngành có dây sống
- 1.5. Liên lớp cá

Chương 2. LỚP ẾCH NHÁI VÀ ẾCH NHÁI RỪNG VIỆT NAM

(LT: 03; TL: 05)

- 2.1. Đặc điểm chung
- 2.2. Sinh thái học ếch nhái
- 2.3. Ếch nhái rừng Việt Nam

Chương 3. BÒ SÁT VÀ BÒ SÁT RỪNG VIỆT NAM

(LT: 4; TL: 5; TH: 5)

- 3.1. Đặc điểm chung
- 3.2. Sinh thái học Bò sát

3.3. Bò sát rừng Việt Nam

Chương 4. LỚP CHIM VÀ CHIM RỪNG VIỆT NAM (LT: 5; TL: 6; TH: 5)

4.1. Đặc điểm chung

4.2. Sinh thái học chim

4.3. Chim rừng Việt Nam

Chương 5. LỚP THÚ VÀ THÚ RỪNG VIỆT NAM (LT: 5; TL: 5; TH: 6)

5.1. Đặc điểm chung

5.2. Sinh thái học

5.3. Thú rừng Việt Nam

Chương 6: QUẢN LÝ ĐỘNG VẬT RỪNG (LT: 02; TL: 04; TH: 05)

6.1. Vai trò và giá trị của động vật rừng

6.2. Hiện trạng tài nguyên động vật rừng

6.3. Bảo vệ và phát triển động vật rừng

6.4. Điều tra giám sát động vật rừng

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Phạm Nhật, Đỗ Quang Huy(1998), *Giáo trình Động vật rừng*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Nhật (2005), *Bài giảng nuôi động vật hoang dã*. Nxb Nông nghiệp, HN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.31. SÂU BỆNH HẠI CÂY RỪNG/insects and diseases of forest trees

- Số tín chỉ: 4 (30;30;30)
- Mã học phần: 161089
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Cây rừng

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Đặc điểm hình thái, giải phẫu và các giai đoạn sinh trưởng, phát triển của côn trùng; sinh thái học côn trùng; phân loại côn trùng và đặc điểm một số bộ côn trùng có liên quan đến lâm nghiệp; điều tra dự tính, dự báo sâu hại và các biện pháp phòng trừ sâu hại. Khái quát về bệnh cây rừng, bệnh truyền nhiễm, bệnh không truyền nhiễm; quy luật phát sinh, phát triển và các phương pháp phòng trừ bệnh cây rừng; một số bệnh hại cây rừng thường gặp.

- *Năng lực đạt được:* Giải phẫu được một số loài côn trùng côn trùng. Điều tra, thu thập được các loại mẫu vật sâu bệnh hại ngoài thực địa, bảo quản và xử lý mẫu. Mô tả các triệu chứng và quá trình biến đổi của cây bị bệnh, chẩn đoán bệnh cây và biện pháp phòng trừ. Pha một số loại thuốc phòng trừ sâu bệnh hại.

Dự tính, dự báo được sự phát sinh phát triển của sâu, bệnh hại và khuyến cáo thực hiện các biện pháp hữu hiệu trong công tác phòng trừ sâu bệnh hại rừng.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Khái quát được kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, sinh thái học, quy luật phát sinh, phát triển của bệnh, ổ dịch sâu bệnh, phương pháp điều tra, theo dõi, thu thập thông tin về sâu bệnh để nhận biết và có phương hướng phòng trừ sâu bệnh hại rừng, bảo vệ tài nguyên rừng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Nhận biết được các loài sâu, loại bệnh hại, các triệu chứng, dấu hiệu và quá trình biến đổi của cây bị bệnh; điều tra, thu thập được mẫu vật sâu, bệnh hại ngoài thực địa để xử lý mẫu thành tiêu bản;
- Xây dựng hoàn chỉnh lịch phát sinh, phát triển sâu bệnh hại điển hình cho một khu vực cụ thể và triển khai thực hiện các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại một số loài cây lâm nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản rừng.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Nhận thức được vai trò của môn học, ý nghĩa quan trọng công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, có trách nhiệm, có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI VÀ GIẢI PHẪU CỦA CÔN TRÙNG

(4LT:2TL:3TH)

- 1.1. Đặc điểm hình thái của côn trùng
- 1.2. Đặc điểm giải phẫu của côn trùng
- 1.3. Thể xoang và vị trí các cơ quan trong thể xoang

CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔN TRÙNG

(4TL:0TL,BT)

- 2.1. Các phương thức sinh sản của côn trùng
- 2.2 Trứng của côn trùng

- 2.3. Các kiểu biến thái của côn trùng
- 2.4. Hiện tượng đình dục và ngủ nghỉ của côn trùng
- 2.5. Vòng đời, thể hệ và lịch phát sinh của côn trùng

CHƯƠNG 3. SINH THÁI HỌC CÔN TRÙNG

(6LT:3TL)

- 3.1. Đối tượng, nhiệm vụ và ý nghĩa của sinh thái học côn trùng
- 3.2. Quan hệ giữa côn trùng và môi trường
- 3.3. Quần thể côn trùng và sự biến động của quần thể

CHƯƠNG 4. PHÂN LOẠI CÔN TRÙNG VÀ ĐẶC ĐIỂM MỘT SỐ BỘ CÔN TRÙNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LÂM NGHIỆP

(2LT:3TL)

- 4.1 Khái niệm và nguyên tắc phân loại
- 4.2. Đơn vị phân loại của côn trùng
- 4.3. Đặc điểm một số bộ côn trùng chủ yếu có liên quan đến lâm nghiệp.

CHƯƠNG 5. ĐIỀU TRA DỰ TÍNH, DỰ BÁO SÂU HẠI

(4LT:2TL:6TH)

- 5.1. Điều tra côn trùng
- 5.2. Dự tính, dự báo sâu hại

CHƯƠNG 6. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG TRỪ SÂU HẠI RỪNG

(3LT:3TL:6TH)

- 6.1. Đặc thù của phòng trừ sâu hại trong lâm nghiệp
- 6.2. Các biện pháp phòng trừ sâu hại rừng
- 6.3. Phòng trừ một số loài sâu hại rừng chủ yếu

CHƯƠNG 7. BỆNH KHÔNG TRUYỀN NHIỄM VÀ BỆNH TRUYỀN NHIỄM

(5LT:4TL:6TH)

- 7.1. Khái quát về bệnh cây
- 7.2. Bệnh không truyền nhiễm
- 7.3. Bệnh truyền nhiễm

CHƯƠNG 8. QUY LUẬT PHÁT SINH, PHÁT TRIỂN CỦA BỆNH

(2LT:3TL)

- 8.1. Tính gây bệnh của vật gây bệnh
- 8.2. Tính chống chịu của bệnh cây rừng
- 8.3. Chuỗi xâm nhiễm và quá trình xâm nhiễm của vật gây bệnh
- 8.4. Quá trình lây lan của vật gây bệnh
- 8.5. Dịch bệnh cây rừng

CHƯƠNG 9. PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRỪ BỆNH CÂY RỪNG

(2LT:3TL:7TH)

- 9.1. Nguyên tắc phòng trừ bệnh cây
- 9.2. Phương pháp kiểm dịch
- 9.3. Phương pháp cơ giới, vật lý
- 9.4. Phương pháp kỹ thuật lâm sinh
- 9.5. Phương pháp sinh học
- 9.6. Phương pháp hóa học
- 9.7. Biện pháp phòng trừ tổng hợp IPM

CHƯƠNG 10. MỘT SỐ BỆNH HẠI CÂY RỪNG THƯỜNG GẶP

(2LT:3TL:2TH)

- 10.1. Bệnh hại lá
- 10.2. Bệnh hại thân cành
- 10.3. Bệnh hại rễ

10.4. Bệnh mục cây và gỗ

4. Yêu cầu của môn học: Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành, hoàn thành bài báo cáo thực hành, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra, thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối tuần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học:

Tài liệu bắt buộc:

Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Thế Nhã, Lê Bảo Thanh, Nguyễn Thành Tuấn, Trần Tuấn Kha (2015), *Quản lý dịch hại tổng hợp trong lâm nghiệp*. NXB Nông nghiệp, Hà nội.

2. Nguyễn Thế Nhã (2009), *Côn trùng học*. Nxb Nông nghiệp, HN.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thế Nhã, Trần Công Loanh, Trần Văn Mão (2001), *Điều tra dự tính, dự báo sâu bệnh trong lâm nghiệp*. NXB Nông nghiệp, Hà nội.

2. Nguyễn Thế Nhã (2004), *Bảo vệ thực vật*. Nxb Nông nghiệp

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.32. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ TRANG TRẠI/Farm administration

- Số tín chỉ: 03 (21, 27, 21)

- Mã học phần: 161201

- Điều kiện tiên quyết:

- Bộ môn phụ trách học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* Học phần Quản trị trang trại cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Cơ sở lý luận về kinh tế hộ nông dân. Chủ trang trại và quyết định trong quản trị trang trại, kinh tế trang trại.

- *Năng lực đạt được:* Xác định được được mục tiêu và các yếu tố ảnh hưởng đến việc đưa ra các mục tiêu, xác định được nguồn lực trong nông hộ bao gồm những nguồn lực nào, sử dụng các nguồn lực ra sao.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức

- Hiểu và trình bày được các kiến thức liên quan đến vấn đề chung về kinh tế nông hộ.

- Hiểu được được mục tiêu và các yếu tố ảnh hưởng đến việc đưa ra các mục tiêu.

- Hiểu được các nội dung về kinh tế trang trại, các thuận lợi, khó khăn trong phát triển kinh tế trang trại, các chính sách, các giải pháp cho phát triển kinh tế trang trại...

2.2. Về kỹ năng

- Đánh giá được kinh tế hộ thông qua quan sát, phỏng vấn, xếp loại kinh tế hộ. Lập kế hoạch/dự án và xác định đầu vào và đầu ra cho sản phẩm trong quản trị trang trại.

- Nhận biết và vận dụng các kỹ năng cơ bản như kỹ năng trình bày, kỹ năng làm việc theo nhóm.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của công tác lập và quản lý dự án. Có thái độ đúng đắn và tích cực trong học tập, tôn trọng thầy cô giáo, có tinh thần phấn đấu học hỏi góp phần vào công tác phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Có thái độ cởi mở, hòa nhập và luôn biết lắng nghe...

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Cơ sở lý luận về kinh tế hộ nông dân.

(9 Tiết: 3 LT; 6 TL)

1.1. Các khái niệm cơ bản về hộ - Nông dân - Kinh tế.

1.2. Vai trò của sản xuất hàng hóa và sự cần thiết phải chuyển kinh tế hộ nông dân lên sản xuất hàng hóa.

Chương 2. Các nội dung về kinh tế hộ nông dân.

(13 Tiết: 5 LT; 8 TL)

2.1. Nông dân và gia đình.

2.2. Các nguồn lực của hộ.

2.3. Các quan hệ kinh tế xã - hội bên trong nông hộ.

2.4. Những ứng xử kinh tế - xã hội của hộ nông dân.

2.5 Phân tích, đánh giá kinh tế hộ.

Chương 3. Chủ trang trại và quyết định trong quản trị trang trại

(21 Tiết: 5 LT; 6 TL; TH: 10)

3.1. Chủ trang trại.

3.2. Quyết định trong quản trị trang trại.

Chương 4. Kinh tế trang trại

(27 Tiết: 8 LT; 7 TL; TH: 11)

4.1 Một số vấn đề lý luận về kinh tế trang trại.

4.2. Kinh tế trang trại.

4.3. Quá trình hình thành và phát triển kinh tế trang trại trên thế giới và ở Việt Nam

4.4 Nội dung quản lý trang trại

4.5. Khó khăn và tiềm năng phát triển kinh tế hộ nông dân và kinh tế trang trại ở Việt Nam

4.6. Quan điểm phát triển kinh tế trang trại trong thời kỳ CNH- HĐH ở Việt Nam.

4.7. Phương hướng và giải pháp phát triển kinh tế hộ nông dân trong thời gian tới

THỰC HÀNH

Bài 1: Đánh giá kinh tế hộ (10 tiết)

- Quan sát.
- Phỏng vấn.
- Xếp loại kinh tế hộ.

Bài 2: Quản trị trang trại (11 tiết)

- Lập kế hoạch/ dự án.
- Xác định đầu vào và đầu ra cho sản phẩm.

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 4 bài, trọng số 30%.

Đánh giá nhận thức, thái độ tham gia học trên lớp và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành

+ 3 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận

+ 1 bài kiểm tra vào giờ bài tập, thảo luận trên lớp hoặc kỹ năng thực hành

Tiêu chí đánh giá:

+ Kiểm tra mức độ nhớ, thuộc bài (hiểu và biết) của người học (2/10)

+ Đánh giá khả năng phân tích, suy xét, nhận định của người học về vấn đề đặt ra. (3/10)

+ Đánh giá khả năng ứng dụng, giải quyết vấn đề của người học trong từng trường hợp cụ thể. (5/10)

- **Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ:** Trọng số 20%

Hình thức: kiểm tra viết 50 phút

- **Kiểm tra đánh giá cuối kỳ:** Trọng số 50%

Hình thức: Thi viết 120 phút hoặc làm bài tập lớn

Thi viết 120 phút : Nội dung trong chương trình đã học

Làm bài tập lớn: cho phép người học được tự lựa chọn 1 chủ đề (trong số các chủ đề cho sẵn).

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

Tài liệu bắt buộc

1. Viện kinh tế học, Quản lý trang trại, (2014). Nxb NN.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Song An (2001), Quản trị nông trại. Đại học quốc gia HCM.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.33. ĐIỀU TRA RỪNG/Forest inventory

- Số tín chỉ: 04 (30;30;30)
- Mã học phần: 161091
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: PP NCKH và thống kê LN; Cây rừng

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần*: Đo thể tích thân cây ngã, thân cây đứng, đo tán cây và vỏ cây, điều tra tầng trưởng cây rừng; các nhân tố điều tra lâm phần và phương pháp xác định, sinh trưởng và tầng trưởng lâm phần; các phương pháp điều tra tài nguyên rừng.

- *Năng lực đạt được*: Sử dụng thành thạo các dụng cụ điều tra và thực hiện chính xác các nội dung, phương pháp trong điều tra cây riêng lẻ, các nhân tố lâm phần và điều tra tài nguyên rừng.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức : Trang bị cho người học các kiến thức về các quy luật hình dạng thân cây, quy luật về kết cấu lâm phần, quy luật sinh trưởng và tầng trưởng của cây rừng và lâm phần. Phương pháp đo tính các bộ phận trên thân cây riêng lẻ. Phương pháp điều tra, xác định các nhân tố của lâm phần. Phương pháp điều tra tài nguyên rừng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Sử dụng thành thạo các dụng cụ điều tra trong đo kích thước cây ngã, cây đứng và xác định các nhân tố lâm phần. Tính được thể tích cây ngã, cây đứng và bộ phận của nó. Xác định được các nhân tố lâm phần và thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên rừng.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Có thái độ học hỏi, yêu thích môn học và ngành học. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với ngành lâm nghiệp. Có trách nhiệm với công việc.

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. ĐIỀU TRA CÂY RIÊNG LẺ

(11LT:9TL:10TH)

1.1. Thân cây và các bộ phận cần đo tính trên cây riêng lẻ

1.2. Nghiên cứu hình dạng thân cây

1.2.1. Ý nghĩa nghiên cứu hình dạng thân cây và những nhân tố ảnh hưởng đến hình dạng thân cây

1.2.2. Nghiên cứu hình dạng tiết diện ngang thân cây

1.2.3. Nghiên cứu hình dạng tiết diện dọc thân cây

1.2.4. Các chỉ tiêu biểu thị hình dạng

1.3. Đo tính thể tích thân cây ngã hoặc bộ phận của nó

1.3.1. Đặc điểm đo tính thân cây ngã và các dụng cụ cần thiết

1.3.2. Xác định thể tích thân cây ngã hoặc bộ phận của nó bằng công thức đơn

1.3.3. Xác định thể tích thân cây ngã hoặc bộ phận của nó bằng công thức kép

1.3.4. Phân chia và phân loại gỗ sản phẩm

1.4. Đo tính thể tích thân cây đứng

1.4.1. Đặc điểm đo tính cây đứng và công thức cơ bản xác định thể tích thân cây đứng

1.4.2. Kỹ thuật đo đường kính thân cây đứng

1.4.3. Kỹ thuật đo chiều cao thân cây đứng

9.33. ĐIỀU TRA RỪNG/Forest inventory

- Số tín chỉ: 04 (30;30;30)
- Mã học phần: 161091
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: PP NCKH và thống kê LN; Cây rừng

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần*: Đo thể tích thân cây ngã, thân cây đứng, đo tán cây và vỏ cây, điều tra tăng trưởng cây rừng; các nhân tố điều tra lâm phần và phương pháp xác định, sinh trưởng và tăng trưởng lâm phần; các phương pháp điều tra tài nguyên rừng.

- *Năng lực đạt được*: Sử dụng thành thạo các dụng cụ điều tra và thực hiện chính xác các nội dung, phương pháp trong điều tra cây riêng lẻ, các nhân tố lâm phần và điều tra tài nguyên rừng.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức : Trang bị cho người học các kiến thức về các quy luật hình dạng thân cây, quy luật về kết cấu lâm phần, quy luật sinh trưởng và tăng trưởng của cây rừng và lâm phần. Phương pháp đo tính các bộ phận trên thân cây riêng lẻ. Phương pháp điều tra, xác định các nhân tố của lâm phần. Phương pháp điều tra tài nguyên rừng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Sử dụng thành thạo các dụng cụ điều tra trong đo kích thước cây ngã, cây đứng và xác định các nhân tố lâm phần. Tính được thể tích cây ngã, cây đứng và bộ phận của nó. Xác định được các nhân tố lâm phần và thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên rừng.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Có thái độ học hỏi, yêu thích môn học và ngành học. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với ngành lâm nghiệp. Có trách nhiệm với công việc.

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. ĐIỀU TRA CÂY RIÊNG LẺ

(11LT:9TL:10TH)

- 1.1. Thân cây và các bộ phận cần đo tính trên cây riêng lẻ
- 1.2. Nghiên cứu hình dạng thân cây
 - 1.2.1. Ý nghĩa nghiên cứu hình dạng thân cây và những nhân tố ảnh hưởng đến hình dạng thân cây
 - 1.2.2. Nghiên cứu hình dạng tiết diện ngang thân cây
 - 1.2.3. Nghiên cứu hình dạng tiết diện dọc thân cây
 - 1.2.4. Các chỉ tiêu biểu thị hình dạng
- 1.3. Đo tính thể tích thân cây ngã hoặc bộ phận của nó
 - 1.3.1. Đặc điểm đo tính thân cây ngã và các dụng cụ cần thiết
 - 1.3.2. Xác định thể tích thân cây ngã hoặc bộ phận của nó bằng công thức đơn
 - 1.3.3. Xác định thể tích thân cây ngã hoặc bộ phận của nó bằng công thức kép
 - 1.3.4. Phân chia và phân loại gỗ sản phẩm
- 1.4. Đo tính thể tích thân cây đứng
 - 1.4.1. Đặc điểm đo tính cây đứng và công thức cơ bản xác định thể tích thân cây đứng
 - 1.4.2. Kỹ thuật đo đường kính thân cây đứng
 - 1.4.3. Kỹ thuật đo chiều cao thân cây đứng

- 1.4.4. Xác định hình số thân cây đứng
- 1.4.5. Xác định thể tích thân cây đứng hoặc bộ phận của nó
- 1.5. Đo tán cây
- 1.6. Đo vỏ cây
- 1.7. Điều tra tăng trưởng cây rừng
 - 1.7.1. Xác định tuổi cây
 - 1.7.2. Khái niệm sinh trưởng và tăng trưởng
 - 1.7.3. Một số quy luật sinh trưởng và tăng trưởng của cây rừng
 - 1.7.4. Ý nghĩa của điều tra tăng trưởng
 - 1.7.5. Xác định tăng trưởng cây ngả
 - 1.7.6. Xác định tăng trưởng cây đứng
 - 1.7.7. Kỹ thuật giải tích thân cây để nghiên cứu sinh trưởng và xác định tăng trưởng cây rừng

CHƯƠNG 2. ĐIỀU TRA LÂM PHẦN

(15LT:17TL:15TH)

- 2.1. Lâm phần đơn vị điều tra rừng
- 2.2. Một số quy luật phân bố và tương quan
 - 2.2.1. Phân bố của một số nhân tố điều tra
 - 2.2.2 Một số quy luật tương quan
- 2.3. Các nhân tố điều tra lâm phần và phương pháp xác định
 - 2.3.1. Nguồn gốc lâm phần
 - 2.3.2. Mật độ lâm phần
 - 2.3.3. Tổ thành
 - 2.3.4. Tuổi lâm phần
 - 2.3.5. Đường kính ngang ngực
 - 2.3.6. Chiều cao cây trong lâm phần
 - 2.3.7. Độ đầy lâm phần
 - 2.3.8. Trữ lượng lâm phần
 - 2.3.9. Trữ lượng sản phẩm lâm phần
- 2.4. Sinh trưởng và tăng trưởng lâm phần
 - 2.4.1. Đặc điểm sinh trưởng và tăng trưởng lâm phần
 - 2.4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và tăng trưởng lâm phần
 - 2.4.3. Xác định sinh trưởng và tăng trưởng lâm phần

CHƯƠNG 3. ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN RỪNG

(4LT:4TL:5TH)

- 3.1. Các phương pháp điều tra tài nguyên rừng
 - 3.1.1. Phương pháp điều tra từ xa
 - 3.1.2. Phương pháp điều tra trên mặt đất
- 3.2. Thống kê diện tích
- 3.3. Điều tra trữ lượng
 - 3.3.1. Điều tra tỉ mỉ
 - 3.3.2. Điều tra trên ô mẫu
- 4. Yêu cầu của môn học:** Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập, thực hành.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối tuần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học:

Tài liệu bắt buộc:

1. Vũ Tiến Hình, Phạm Ngọc Giao (1997), *Điều tra rừng*. NXB Nông nghiệp, Hà nội.

Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Sỹ Động (2006), *Phương pháp điều tra đánh giá tài nguyên rừng nhiệt đới*. Nxb KH&KT.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.34. QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP/ Forestry planning

- Số tín chỉ: 03 (21,27,21)
- Mã học phần: 161095
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Đo đạc lâm nghiệp

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Tổng quan về quy hoạch lâm nghiệp, cơ sở kinh tế và kỹ thuật của Quy hoạch lâm nghiệp (QHLN). Tổ chức không gian và thời gian rừng. Điều chỉnh sản lượng rừng. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Nội dung cơ bản của công tác QHLN và công tác QHLN ở Việt nam.

- *Năng lực đạt được:* Vận dụng cơ sở kinh tế, pháp lý, kỹ thuật, phương pháp luận trong tổ chức thực hiện quy hoạch lâm nghiệp ở các đối tượng, cấp quản lý tài nguyên rừng khác nhau phù hợp với thực tế, có tính khả thi và có tác dụng chỉ đạo sản xuất.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về QHLN. Cơ sở kinh tế, pháp lý và kỹ thuật của QHLN. Những kiến thức về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Nội dung công tác QHLN.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Vận dụng cơ sở kinh tế và pháp lý vào tổ chức kinh doanh rừng. Tổ chức thời gian, không gian rừng, điều chỉnh sản lượng rừng và xác định lượng khai thác hàng năm phù hợp với đối tượng điều chế. Thực hiện các nội dung của điều tra điều kiện cơ bản và quy hoạch phát triển lâm nghiệp.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Có thái độ học hỏi, yêu thích môn học và ngành học. Nhận thức được vai trò của môn học đối với ngành lâm nghiệp. Có trách nhiệm với công việc.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP (1LT:2TL)

1.1. Nhận thức chung về quy hoạch và các khái niệm có liên quan

1.2. Quy hoạch lâm nghiệp - điều chế rừng

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ KINH TẾ - PHÁP LÝ CỦA QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP (2LT:2TL)

2.1. Hệ thống các văn bản pháp luật của quốc gia

2.2. Thể chế, chính sách lâm nghiệp

2.3. Một số chế độ chính sách khác có liên quan đến lâm nghiệp

2.4. Mối quan hệ giữa quy hoạch lâm nghiệp và quy hoạch tổng thể, quy hoạch các ngành

2.5. Thực trạng tài nguyên rừng và định hướng phát triển lâm nghiệp

CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC THỜI GIAN VÀ KHÔNG GIAN RỪNG (4LT:5TL)

3.1. Tổ chức thời gian rừng

3.2. Tổ chức không gian rừng

CHƯƠNG 4. ĐIỀU CHỈNH SẢN LƯỢNG RỪNG (4LT:5TL)

4.1. Khái niệm, mục đích và nhiệm vụ của điều chỉnh sản lượng rừng

4.2. Các phương pháp điều chỉnh sản lượng rừng

4.3. Phương pháp tính và xác định lượng khai thác rừng ở Việt Nam

CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ CHỨNG CHỈ RỪNG (3LT:4TL)

5.1. Tổng quan về quản lý rừng bền vững

5.2. Tổng quan về chứng chỉ rừng

5.3. Tiến trình đánh giá rừng theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững

5.4. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng ở Việt Nam

CHƯƠNG 6. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÔNG TÁC QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP

(5LT:5TL:11TH)

6.1. Điều tra điều kiện cơ bản của đối tượng quy hoạch .

6.2. Quy hoạch phát triển sản xuất lâm nghiệp

6.3. Tổ chức thực hiện công tác quy hoạch lâm nghiệp

CHƯƠNG 7. CÔNG TÁC QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP Ở VIỆT NAM

(2LT:4TL:10TH)

7.1. Quy hoạch lâm nghiệp trong hệ thống quy hoạch quốc gia

7.2. Quy hoạch lâm nghiệp cho các đơn vị quản lý lãnh thổ

7.3. Xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững (kế hoạch quản lý rừng bền vững) cho các đơn vị sản xuất kinh doanh, các khu rừng phòng hộ, đặc dụng

4. Yêu cầu của môn học: Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành, hoàn thành bài báo cáo thực hành, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra, thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối tuần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học:

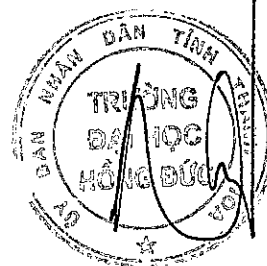
Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Minh Cảnh (2018), *Quy hoạch rừng*. Nxb Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1. Lê Sỹ Việt, Trần Hữu Viên (1999), *Quy hoạch lâm nghiệp*. NXB Nông nghiệp.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.35. KHAI THÁC LÂM SẢN/Forest products harvesting

- Số tín chỉ: 3 (21,27,21)
- Mã học phần: 161094
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Sinh thái rừng.

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Khái niệm về công nghệ sản xuất, khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ; kỹ thuật khai thác, chế biến, sử dụng hợp lý tài nguyên rừng; các khâu chủ yếu trong quá trình khai thác; công cụ và kỹ thuật khai thác lâm sản; kỹ thuật khai thác gỗ, tre nứa; thiết kế, lựa chọn loại hình vận xuất và kho bãi; kho lâm sản, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật kho lâm sản, các khâu sản xuất trên kho bãi; các phương pháp lựa chọn công nghệ khai thác; thiết kế, duy tu, bảo dưỡng đường vận chuyển lâm sản và an toàn lao động trong khâu khai thác, chế biến, vận xuất và vận chuyển lâm sản.

- *Năng lực đạt được:* Thực hiện và tổ chức hướng dẫn công tác khai thác, vận xuất, vận chuyển lâm sản. Thiết kế kho bãi và công nghệ khai thác lâm sản.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Hiểu được kiến thức về khai thác, vận chuyển lâm sản và lâm sản ngoài gỗ, các loại hình vận xuất; các bước thiết kế và lựa chọn công nghệ khai thác lâm sản, an toàn trong khai thác, vận xuất và vận chuyển lâm sản; kỹ thuật khai thác, vận chuyển và chế biến lâm sản, các loại hình vận chuyển lâm sản; tính năng và hiệu quả sử dụng các loại lâm sản.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Người học có khả năng thiết kế được kho bãi xếp, bốc dỡ lâm sản; thiết kế và lựa chọn công nghệ khai thác lâm sản. Thực hiện và tổ chức hướng dẫn công tác khai thác và sử dụng lâm sản.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Có thái độ học hỏi, yêu thích môn học và ngành học. Nhận thức được vai trò của môn học đối với ngành lâm nghiệp. Có trách nhiệm với công việc.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG

(3LT:3TL)

- 1.1. Vị trí, nhiệm vụ môn học
- 1.2. Các loại rừng và lâm sản được khai thác
- 1.3. Khái niệm chung
- 1.4. Các khâu sản xuất chủ yếu trong quá trình khai thác lâm sản
- 1.5. Các hình thức công nghệ khai thác lâm sản
- 1.6. Nguyên tắc chọn xây dựng hình thức công nghệ khai thác lâm sản

CHƯƠNG 2. CÔNG CỤ VÀ KỸ THUẬT KHAI THÁC (4LT:5TL:10TH)

- 2.1. Khái niệm chung
- 2.2. Lý thuyết cắt gỗ
- 2.3. Cắt phức tạp cưa gỗ
- 2.4. Công cụ và thiết bị chặt hạ
- 2.5. Kỹ thuật chặt hạ gỗ và tre nứa
- 2.6. Kỹ thuật khai thác nhựa thông
- 2.7. Kỹ thuật khai thác vỏ quế
- 2.8. Kỹ thuật khai thác cánh kiến đỏ

- 2.9. Cánh kiến trắng (nhựa cây Bồ đề)
- 2.10. Cọ phèn (đỏ)
- 2.11. Mây nếp
- 2.12. Hôi

CHƯƠNG 3. VẬN XUẤT VÀ KHO BÃI LÂM SẢN

(5LT:5TL:6TH)

- 3.1. Khái niệm chung
- 3.2. Vận xuất gỗ bằng súc vật
- 3.3. Máng lao gỗ
- 3.4. Vận xuất gỗ bằng máy
- 3.5. Vận xuất gỗ bằng tời
- 3.6. Vận xuất bằng cáp treo
- 3.7. Khái niệm về kho lâm sản
- 3.8. Phân loại kho lâm sản
- 3.9. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của kho lâm sản
- 3.10. Công nghệ sản xuất trên kho lâm sản
- 3.11. Thiết kế mặt bằng kho lâm sản.

CHƯƠNG 4. THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ KHAI THÁC LÂM SẢN (5LT:7TL:5TH)

- 4.1. Khái niệm chung
- 4.2. Nguyên tắc thiết kế
- 4.3. Các phương pháp lựa chọn dây chuyền công nghệ khai thác
- 4.4. Đặc điểm công nghệ khai thác rừng ở Việt Nam hiện nay
- 4.5. Nội dung thiết kế công nghệ khai thác

CHƯƠNG 5. VẬN CHUYỂN LÂM SẢN

(4LT:7TL)

- 5.1. Khái niệm về vận chuyển hàng hóa
- 5.2. Đặc điểm đường lâm nghiệp
- 5.3. Yêu cầu kỹ thuật của đường ô tô lâm nghiệp
- 5.4. Các dạng hư hỏng của đường xá
- 5.5. Duy tu bảo dưỡng đường vận chuyển
- 5.6. Công tác bốc dỡ lâm sản cho ô tô và cách phân bố tải trọng hữu ích
- 5.7. Những biện pháp nâng cao khả năng di động của lái xe
- 5.8. Nguyên tắc lựa chọn xe và công nghệ vận chuyển lâm sản
- 5.9. Công tác điều vận xe
- 5.10. Năng suất và biện pháp tăng năng suất vận chuyển
- 5.11. Tính toán nhu cầu nhiên liệu
- 5.12. Giá thành vận chuyển gỗ bằng ô tô
- 5.13. An toàn lao động trong khâu vận chuyển

4. Yêu cầu của môn học: Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành, hoàn thành bài báo cáo thực hành, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra, thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối tuần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Trịnh Hữu Trọng, Nguyễn Kim, Ngô Văn Chính (2001), *Khai thác vận chuyển lâm sản*. NXB Nông nghiệp, HN

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Mỹ Thắng (2001), *Bài giảng khai thác lâm sản*. Trường ĐHLN.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Trịnh Hữu Trọng, Nguyễn Kim, Ngô Văn Chính (2001), *Khai thác vận chuyển lâm sản*. NXB Nông nghiệp, HN

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Mỹ Thắng (2001), *Bài giảng khai thác lâm sản*. Trường ĐHLN.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.36. KỸ THUẬT LÂM SINH/Practice of silviculture

- Số tín chỉ: 04 (30, 30,30)
- Mã học phần: 161087
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Sinh thái rừng

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Nguyên lý cơ bản của kỹ thuật lâm sinh: đặc trưng cơ bản của hệ sinh thái rừng liên quan tới kỹ thuật lâm sinh, tiền đề xác định và tiêu chuẩn đánh giá phương thức lâm sinh; Khái niệm, cơ sở lý luận và khoa học của kỹ thuật nuôi dưỡng rừng, mục tiêu, tác dụng và nhiệm vụ của chặt nuôi dưỡng rừng; những vấn đề cơ bản của kỹ thuật nuôi dưỡng rừng; các loại chặt nuôi dưỡng và các chỉ tiêu kỹ thuật trong chặt nuôi dưỡng; chặt nuôi dưỡng rừng ở Việt nam; Các phương thức lâm sinh cho rừng đều tuổi, rừng khác tuổi và rừng thứ sinh nghèo.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên phân biệt được các phương thức lâm sinh, thiết kế được các biện pháp kỹ thuật lâm sinh tác động vào từng trạng thái rừng cụ thể. Đánh giá hiện trạng và lựa chọn được các phương thức lâm sinh hợp lý cho rừng đều tuổi, rừng khác tuổi và rừng thứ sinh nghèo. Thực hiện được các biện pháp kỹ thuật lâm sinh cụ thể ngoài thực địa.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Giải thích được những nguyên lý cơ bản của kỹ thuật lâm sinh (KTLS) trong chăm sóc nuôi dưỡng, khai thác tái sinh, phục hồi rừng làm cơ sở cho việc đề xuất và thực hiện các phương thức lâm sinh phù hợp nhằm quản lý, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên rừng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo các KTLS phù hợp trong quản lý, kinh doanh rừng, xây dựng các bản thiết kế kỹ thuật và triển khai thực hiện công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, phục hồi rừng, khai thác và tái sinh rừng.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Nhận thức được vai trò các biện pháp KTLS trong bảo vệ và phát triển rừng; có thái độ học tập nghiêm túc và trách nhiệm nghề nghiệp. Có phương pháp làm việc theo nhóm, cẩn thận, trung thực và chính xác trong xử lý kỹ thuật. Có thái độ học hỏi, cởi mở và tôn trọng ý kiến của người khác.

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. NGUYÊN LÝ KỸ THUẬT LÂM SINH (LT: 4; TL,BT: 5)

- 1.1. Một số khái niệm cơ bản
- 1.2. Những đặc trưng cơ bản của hệ sinh thái rừng liên quan tới kỹ thuật lâm sinh
- 1.3. Những tiền đề xác định phương thức lâm sinh
- 1.4. Tiêu chuẩn đánh giá phương thức lâm sinh
- 1.5. Lịch sử và xu hướng phát triển của kỹ thuật lâm sinh

CHƯƠNG 2. KỸ THUẬT NUÔI DƯỠNG RỪNG (LT: 8; TL,BT: 7)

- 2.1. Khái niệm chung
- 2.2. Cơ sở lý luận của chặt nuôi dưỡng rừng
- 2.3. Mục tiêu và nhiệm vụ của chặt nuôi dưỡng
- 2.4. Các loại chặt nuôi dưỡng
- 2.5. Các phương pháp chặt nuôi dưỡng
- 2.6. Các chỉ tiêu kỹ thuật trong chặt nuôi dưỡng
- 2.7. Phân cấp cây rừng trong chặt nuôi dưỡng
- 2.8. Chặt nuôi dưỡng rừng ở Việt Nam

CHƯƠNG 3. PHƯƠNG THỨC LÂM SINH CHO RỪNG ĐỀU TUỔI (LT: 6; TL,BT: 5)

- 3.1. Phương thức khai thác trắng

3.2. Phương thức khai thác dần

CHƯƠNG 4. PHƯƠNG THỨC LÂM SINH CHO RỪNG KHÁC TUỔI

(LT: 6; TL,BT: 6)

4.1. Phương thức khai thác chọn

4.2. Phương thức lâm sinh trong kinh doanh rừng chồi – hạt

4.3. Kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng chồi ở Việt Nam

CHƯƠNG 5. KỸ THUẬT LÂM SINH CHO RỪNG THỨ SINH NGHÈO

(LT: 6; TL,BT: 7)

5.1. Rừng thứ sinh và đặc điểm của rừng thứ sinh nghèo

5.2. Lịch sử hình thành và phát triển của các biện pháp xử lý lâm sinh cho rừng thứ sinh nghèo ở Việt Nam

5.3. Một số kỹ thuật lâm sinh cho rừng thứ sinh nghèo hiện nay

B. PHẦN THỰC HÀNH

30 tiết

Bài 1: Điều tra xác định hiện trạng xác định các chỉ tiêu, phân cấp cây rừng và chất nuôi dưỡng rừng ở VN. 6 tiết.

Bài 2: Điều tra, thu thập dữ liệu và báo cáo kết quả thực hiện của CSSX về phương thức khai thác dần cho rừng đều tuổi: 6 tiết.

Bài 3: Điều tra, thu thập dữ liệu và báo cáo kết quả thực hiện của CSSX về phương thức khai thác chọn cho rừng khác tuổi: 6 tiết.

Bài 4: Điều tra, thu thập dữ liệu và báo cáo kết quả thực hiện của CSSX về phương thức lâm sinh trong kinh doanh rừng chồi - hạt cho rừng khác tuổi: 6 tiết.

Bài 5: Thực hiện một số kỹ thuật lâm sinh cho rừng thứ sinh nghèo hiện nay: 6 tiết.

4. Yêu cầu của môn học: Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm bài tập, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối tuần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Phạm Xuân Hoàn, Hoàng Kim (2003), *Lâm học*. Nxb Nông nghiệp, HN.

Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Kim Ngũ, Phùng Ngọc Lan (2005), *Sinh thái rừng*. Nxb Nông nghiệp, Hà nội.

2. Phạm Xuân Hoàn (2004), *Một số vấn đề trong lâm học nhiệt đới*. Trường ĐHLN.

9.37. SẢN LƯỢNG RỪNG/ Forest yield

- Số tín chỉ: 3 (21,27,21)

- Mã học phần: 161097

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn

- Điều kiện tiên quyết: PPNCKH và thống kê LN; Điều tra rừng

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần*: Sinh trưởng cây cá thể, sinh trưởng và cấu trúc lâm phần. Quan điểm về phân chia đơn vị dự đoán sản lượng, phương pháp phân chia hạng đất và cấp đất. Khái niệm về tăng trưởng và sản lượng, các phương pháp dự đoán sản lượng và xác định thời điểm tía thưa.

- *Năng lực đạt được*: lựa chọn và xác lập được các hàm sinh trưởng phù hợp để mô tả sinh trưởng của cây rừng, tính các chỉ tiêu sản lượng, lập và sử dụng biểu cấp đất, xây dựng các mô hình dự đoán sản lượng rừng.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp các kiến thức về quy luật sinh trưởng của cây cá thể và lâm phần và các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng cây cá thể và lâm phần. Các phương pháp phân chia cấp đất và hướng dẫn sử dụng hệ thống phân chia cấp đất vào thực tế sản xuất lâm nghiệp. Các phương pháp thường dùng để dự đoán các chỉ tiêu sản lượng, xác định thời điểm tía thưa.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Lựa chọn và xác lập các hàm sinh trưởng phù hợp để mô tả sinh trưởng của cây rừng. Tính các chỉ tiêu sản lượng. Lập và sử dụng biểu cấp đất. Xây dựng các mô hình dự đoán tăng trưởng và sản lượng lâm phần.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Có lập trường tư tưởng vững vàng. Có ý thức tổ chức kỷ luật, có trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp. Có thái độ tích cực trong học tập, giúp đỡ bạn bè, tôn trọng thầy cô.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: SINH TRƯỞNG CÂY CÁ THỂ VÀ LÂM PHẦN (5LT:6TL:5TH)

1.1. Sinh trưởng cây cá thể

1.1.1. Khái niệm về sinh trưởng

1.1.2. Mô tả sinh trưởng của cây

1.1.3. Tốc độ sinh trưởng và tăng trưởng

1.1.4. Một số hàm sinh trưởng thường dùng

1.1.5. Quy luật biến đổi theo tuổi và một số loại tăng trưởng

1.1.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và hình thái của cây

1.2. Sinh trưởng lâm phần

1.2.1. Đặc điểm sinh trưởng lâm phần

1.2.2. Công thức xác định tăng trưởng trữ lượng lâm phần

1.2.3. Quá trình sinh trưởng và lợi dụng

1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng lâm phần

1.3. Cấu trúc lâm phần

1.3.1. Phân bố số cây theo đường kính

1.3.2. Đường cong chiều cao lâm phần

1.3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc hình thái của cây bình quân lâm phần

CHƯƠNG 2: PHÂN CHIA ĐƠN VỊ DỰ ĐOÁN SẢN LƯỢNG (7LT:10TL:8TH)

2.1. Quan điểm về phân chia đơn vị dự đoán sản lượng

2.2. Phân chia hạng đất

2.3. Phân chia cấp đất

2.3.1. Sự cần thiết phải phân chia cấp đất

2.3.2. Phân chia cấp đất

CHƯƠNG 3: DỰ ĐOÁN TĂNG TRƯỞNG VÀ SẢN LƯỢNG (9LT:11TL:8TH)

3.1. Khái niệm về tăng trưởng và sản lượng

3.2. Mô hình tăng trưởng và sản lượng

3.2.1. Vai trò của mô hình tăng trưởng và sản lượng

3.2.2. Mô hình tăng trưởng và sản lượng lâm phần

3.2.3. Biểu sản lượng

- 3.3. Mô hình mật độ lâm phần
 - 3.3.1. Sự biến đổi của mật độ theo thời gian
 - 3.3.2. Mô hình biến đổi của mật độ theo chiều cao lâm phần
 - 3.3.3. Mô hình biến đổi của mật độ theo đường kính bình quân lâm phần
 - 3.3.4. Mô hình mật độ tối ưu
- 3.4. Mô hình sinh trưởng cây bình quân
 - 3.4.1. Mô hình sinh trưởng cây bình quân lâm phần không tia thưa
 - 3.4.2. Mô hình sinh trưởng cây bình quân lâm phần có tia thưa
- 3.5. Mô hình tổng tiết diện ngang
 - 3.5.1. Dự đoán tổng diện ngang thông qua động thái phân bố số cây theo đường kính
 - 3.5.2. Dự đoán tổng diện ngang từ sinh trưởng đường kính
 - 3.5.3. Dự đoán tổng diện ngang thông qua chiều cao và mật độ
 - 3.5.4. Dự đoán tổng diện ngang từ trữ lượng
- 3.6. Mô hình trữ lượng lâm phần
 - 3.6.1. Dự đoán trữ lượng thông qua động thái phân bố số cây theo đường kính và đường cong chiều cao
 - 3.6.2. Dự đoán trữ lượng dựa vào sinh trưởng thể tích
 - 3.6.3. Dự đoán trữ lượng thông qua tổng tiết diện ngang
 - 3.6.4. Dự đoán trữ lượng từ mô hình sinh trưởng và mô hình tia thưa
- 3.7. Xác định thời điểm tia thưa
- 4. Yêu cầu của môn học:** Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành, hoàn thành bài báo cáo thực hành, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra, thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- 5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, làm bài tập, thực hành theo nhóm.
- 6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối tuần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.
- 7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
- 8. Phương pháp đánh giá môn học**
 - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
 - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
 - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.
- Thang điểm: 10**
- 9. Tài liệu tham khảo:**

Tài liệu bắt buộc:

 1. Vũ Tiến Hinh (2003), *Sản lượng rừng*. NXB Nông nghiệp, Hà nội

Tài liệu tham khảo:

 1. Vũ Tiến Hinh, Phạm Ngọc Giao (1997), *Điều tra rừng*. NXB Nông nghiệp, HN.


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.38. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. CHẾ PHẨM SINH HỌC TRONG NÔNG NGHIỆP/Bioproducs in agricultutre

- Số tín chỉ:03 (21-27-21)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa học cây trồng.

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* Cơ sở khoa học để sản xuất các chế phẩm sinh học trong trồng trọt; Cung cấp các kiến thức cơ bản về vai trò và ứng dụng của sinh vật có lợi trong sản xuất các chế phẩm sinh học trong trồng trọt như phân bón vi sinh, chế phẩm vi sinh dùng trong bảo vệ thực vật, chế phẩm vi sinh xử lý phế thải hữu cơ và chế phẩm sinh học kích thích sinh trưởng thực vật; cung cấp các kiến thức về quy trình sản xuất và phương pháp bón chế phẩm sinh học cho cây trồng.

- *Năng lực đạt được:* Trình bày được vai trò, nguyên lý sản xuất và cách sử dụng phân bón vi sinh trong trồng trọt; vai trò, nguyên lý sản xuất và cách sử dụng chế phẩm vi sinh trong bảo vệ thực vật; vai trò, nguyên lý sản xuất và cách sử dụng chế phẩm vi sinh vật xử lý phế thải hữu cơ và phế phụ phẩm trong trồng trọt; vai trò, nguyên lý sản xuất và cách sử dụng chế phẩm kích thích sinh trưởng cây trồng. Sản xuất được một số loại chế phẩm vi sinh bảo vệ thực vật quy mô phòng thí nghiệm. Sản xuất được một số loại phân bón hữu cơ sinh học từ nguồn phế thải trồng trọt quy mô thí nghiệm.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức

- Trình bày được vai trò, nguyên lý sản xuất và cách sử dụng phân bón vi sinh trong trồng trọt.
- Trình bày được vai trò, nguyên lý sản xuất và cách sử dụng chế phẩm vi sinh trong bảo vệ thực vật.
- Trình bày được vai trò, nguyên lý sản xuất và cách sử dụng chế phẩm vi sinh vật xử lý phế thải hữu cơ và phế phụ phẩm trong trồng trọt.
- Trình bày được vai trò, nguyên lý sản xuất và cách sử dụng chế phẩm kích thích sinh trưởng cây trồng: Giberellin.

2.2. Về kỹ năng

Dựa trên kiến thức môn học và nguyên lý về sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học trong trồng trọt, học viên có thể:

- + Sản xuất được một số loại chế phẩm vi sinh bảo vệ thực vật quy mô phòng thí nghiệm.
- + Sản xuất được một số loại phân bón hữu cơ sinh học từ nguồn phế thải trồng trọt quy mô thí nghiệm.

2.3. Về thái độ:

Nhận thức được tầm quan trọng của các chế phẩm sinh học trong trồng trọt, trong sản xuất nông sản an toàn và sản xuất các nông sản hữu cơ. Hiểu được bản chất từng loại chế phẩm sinh học, quy trình công nghệ và cách sử dụng từng loại chế phẩm trong trồng trọt và xử lý phế thải trồng trọt chống ô nhiễm môi trường.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. CHẾ PHẨM VI SINH VẬT LÀM PHÂN BÓN VÀ CẢI TẠO ĐẤT (13 Tiết: 6LT; 7TL)

1.1. Chế phẩm vi sinh vật cố định nito phân tử

- 1.1.1. Khái niệm chung quá trình cố định nitơ phân tử
- 1.1.2. Cơ chế của quá trình cố định nitơ phân tử
- 1.1.3. Vi sinh vật cố định nitơ phân tử
- 1.1.4. Chế phẩm vi sinh vật cố định nitơ phân tử.
- 1.2. Chế phẩm vi sinh phân giải hợp chất chứa photpho (lân) khó tan (Phân lân vi sinh)**
 - 1.2.1. Phân giải hợp chất chứa lân trong đất
 - 1.2.2. Phân lân vi sinh
- 1.3. Phân hữu cơ vi sinh đa chức năng**
 - 1.3.1. Định nghĩa
 - 1.3.2. Quy trình sản xuất
 - 1.3.3. Phương pháp bón phân vi sinh vật đa chức năng

CHƯƠNG 2. CHẾ PHẨM VI SINH DÙNG TRONG BẢO VỆ THỰC VẬT (25 Tiết: 7 LT; 8 TL; 10 TH)

- 2.1. Chế phẩm vi khuẩn *Bacillus thuringiensis***
 - 2.1.1. Đặc điểm của *B. thuringiensis*
 - 2.1.2. Cơ chế tác động của tinh thể độc
 - 2.1.3. Công nghệ sản xuất chế phẩm Bt
- 2.2. Chế phẩm vi nấm diệt côn trùng**
 - 2.2.1. Một số đặc điểm của nấm diệt côn trùng
 - 2.2.2. Phân lập và tuyển chọn giống nấm thuần chủng
 - 2.2.3. Công nghệ sản xuất các chế phẩm vi nấm diệt côn trùng
- 2.3. Chế phẩm sinh học phòng chống bệnh cho cây trồng**
 - 2.3.1. Khái niệm chung
 - 2.3.2. Một số bệnh phổ biến cây trồng
 - 2.3.3. Các chất kháng sinh và chế phẩm xạ khuẩn
 - 2.3.4. Chế phẩm vi nấm *Trichoderma*
- 2.4. Chế phẩm sinh học diệt ruồi hại quả**
 - 2.4.1. Sơ giản giới thiệu ruồi hại quả và ký chủ của chúng
 - 2.4.2. Các giai đoạn phát triển của ruồi hại rau quả
 - 2.4.3. Các biện pháp phòng trừ ruồi hại rau quả
 - 2.4.4. Công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học diệt ruồi hại quả
 - 2.4.5. Cách sử dụng chế phẩm diệt ruồi hại quả

CHƯƠNG 3. CHẾ PHẨM VI SINH VẬT XỬ LÝ PHẾ THẢI HỮU CƠ VÀ PHẾ PHỤ PHẨM NÔNG NGHIỆP (20Tiết: 5 LT; 5TL; 10 TH)

- 3.1. Cơ sở khoa học của việc xử lý phế thải hữu cơ trên đồng ruộng bằng chế phẩm vi sinh vật**
 - 3.1.1. Thành phần phế thải hữu cơ trên đồng ruộng
 - 3.1.2. Xenluloza và cơ chế phân hủy chuyển hóa dưới tác dụng của vi sinh vật
 - 3.1.3. Vi sinh vật phân giải xenluloza
- 3.2. Quy trình xử lý và tái chế phế phụ phẩm nông nghiệp thành phân bón hữu cơ**
- 3.3. Hiệu quả của phân bón hữu cơ tái chế từ phế phụ phẩm nông nghiệp**

CHƯƠNG 4. CHẾ PHẨM KÍCH THÍCH SINH TRƯỞNG: GIBERELLIN (6 Tiết: 4 LT; 5 TL)

- 4.1. Giới thiệu về Giberellin**

4.2. Cơ chế sinh tổng hợp Giberellin

4.3. Các giống vi sinh vật có khả năng sinh Giberellin

4.4. Lên men Giberellin

4.5. Ứng dụng của Giberellin

Thực hành:

Bài 1: Thực hành sản xuất chế phẩm Trichoderma từ nguồn nấm có sẵn quy mô phòng thí nghiệm (5 tiết)

Bài 2: Thực hành sản xuất phân bón hữu cơ từ rau, củ, quả thải hữu cơ quy mô phòng thí nghiệm (5 tiết)

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 4 bài, trọng số 30%.

Đánh giá nhận thức, thái độ tham gia học trên lớp và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành

+ 3 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận

+ 1 bài kiểm tra vào giờ bài tập, thảo luận trên lớp hoặc kỹ năng thực hành

Tiêu chí đánh giá:

+ Kiểm tra mức độ nhớ, thuộc bài (hiểu và biết) của người học (2/10)

+ Đánh giá khả năng phân tích, suy xét, nhận định của người học về vấn đề đặt ra. (3/10)

+ Đánh giá khả năng ứng dụng, giải quyết vấn đề của người học trong từng trường hợp cụ thể. (5/10)

- **Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ:** Trọng số 20%

Hình thức: kiểm tra viết 50 phút

- **Kiểm tra đánh giá cuối kỳ:** Trọng số 50%

Hình thức: Thi viết 120 phút hoặc làm bài tập lớn

Thi viết 120 phút : Nội dung trong chương trình đã học

Làm bài tập lớn: cho phép người học được tự lựa chọn 1 chủ đề (trong số các chủ đề cho sẵn).

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

9.1. Tài liệu bắt buộc

1. Lương Đức Phẩm (2011), *Giáo trình sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học trong nông nghiệp*. NXB Giáo dục.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Thành (2003), *Giáo trình công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp và xử lý ô nhiễm môi trường*. NXB Nông nghiệp.
2. Nguyễn Xuân Thành (2010), *Giáo trình công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp*. NXB Khoa học tự nhiên Hà Nội.

B. CÔNG NGHỆ VI SINH VẬT TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP / Microbiology technology in agriculture

- Số tín chỉ: 03 (21-27-21)
- Điều kiện tiên quyết:
- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa học cây trồng.

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Học phần cung cấp những nguyên lý cơ bản của công nghệ vi sinh vật. Bản chất, hiệu quả, tác dụng và cách sử dụng của các loại chế phẩm vi sinh vật. Quy trình công nghệ vi sinh vật dùng trong lĩnh vực nông nghiệp. Định hướng trong nghiên cứu và sản xuất các loại chế phẩm vi sinh vật hữu ích ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp.

- Năng lực đạt được: Hiểu những nguyên tắc cơ bản của nuôi cấy vi sinh vật nông nghiệp; cơ sở hóa sinh và di truyền học của công nghệ sinh học vi sinh vật; bản chất từng loại chế phẩm vi sinh vật, quy trình công nghệ, hiệu quả tác dụng và cách sử dụng từng loại chế phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp và xử lý phế thải nông nghiệp, công nghiệp chống ô nhiễm môi trường. Thao tác thành thạo các bước cơ bản để phân lập một số chủng vi sinh vật được sử dụng làm giống sản xuất phân vi sinh và thuốc bảo vệ thực vật. Thao tác thành thạo các bước tạo phân bón vi sinh. Phân tích, kiểm tra được chất lượng chế phẩm sinh học.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức

- Hiểu những nguyên tắc cơ bản của nuôi cấy vi sinh vật nông nghiệp
- Hiểu và trình bày được cơ sở hóa sinh và di truyền học của công nghệ sinh học vi sinh vật.
- Hiểu bản chất từng loại chế phẩm vi sinh vật, quy trình công nghệ, hiệu quả tác dụng và cách sử dụng từng loại chế phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp và xử lý phế thải nông nghiệp, công nghiệp chống ô nhiễm môi trường.

2.2. Về kỹ năng

- Thao tác thành thạo các bước cơ bản để phân lập một số chủng vi sinh vật được sử dụng làm giống sản xuất phân vi sinh và thuốc bảo vệ thực vật.
- Đánh giá các chỉ tiêu sinh học của các chủng vi sinh vật được ứng dụng trong nông nghiệp.
- Thao tác thành thạo các bước tạo phân bón vi sinh.
- Phân tích, kiểm tra chất lượng chế phẩm sinh học.

2.3. Về thái độ

Nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ vi sinh học trong nông nghiệp, trong sản xuất chế phẩm vi sinh vật học phục vụ sản xuất nông sản an toàn và bảo quản chế biến nông sản.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Mở đầu

(7 Tiết: 2 LT; 5 TL)

1.1 Lịch sử của công nghệ sinh học và chế phẩm vi sinh vật

1.2. Ứng dụng của công nghệ vi sinh vật

1.2.1. Trong lĩnh vực y tế

1.2.2. Trong lĩnh vực nông nghiệp

1.2.3. Trong lĩnh vực công nghiệp.

1.3. Vai trò chế phẩm vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp.

Chương 2: Cơ sở sinh hoá và di truyền học của công nghệ sinh học vi sinh vật

(8 Tiết: 4 LT; 4 TL)

2.1 Phân loại các sản phẩm

2.1.1. Sinh khối tế bào.

2.1.2. Sản phẩm trao đổi chất

2.1.3. Các sản phẩm của sự chuyển hóa chất

2.2. Mối quan hệ giữa sinh trưởng của vi sinh vật và sự tạo thành sản phẩm.

2.3. Những nguyên tắc điều hòa trao đổi chất.

2.3.1. Điều hòa hoạt tính enzym nhờ sự kìm hãm do liên kết ngược.

2.3.2. Sự cảm ứng và ức chế quá trình tổng hợp enzym.

2.3.3. Điều hòa tổng hợp enzym nhờ sự kiểm chế bằng sản phẩm cuối cùng

2.3.4. Điều hòa tổng hợp enzym nhờ sự kiểm chế dị hóa

2.4. Những sai hỏng di truyền của điều hòa trao đổi chất

2.5. Ý nghĩa của kỹ thuật di truyền

2.6. Những hiểu biết về chuyển tải gen

2.6.1. Những cấu trúc tham gia chuyển tải gen

2.6.2. Quá trình thuần hóa và chuyển tải gen nhờ vi sinh vật

Chương 3. Những nguyên tắc cơ bản của nuôi cấy vi sinh vật công nghiệp

(17 Tiết: 3 LT; 4 TL; 10TH)

3.1. Quy trình lên men

3.1.1 Giống vi sinh vật.

3.1.2. Nhân giống vi sinh vật

3.1.3. Lên men

3.1.4. Thu hồi sản phẩm

3.2. Dinh dưỡng của vi sinh vật và nguyên liệu nuôi cấy vi sinh vật

3.2.1. Các hợp chất cung cấp nguồn cacbon

3.2.2. Các hợp chất cung cấp nguồn nitơ

3.2.3. Các nguyên tố khoáng

3.2.4. Vitamin và chất kích thích sinh trưởng

Chương 4: Các dạng chế phẩm vi sinh vật dùng trong nông nghiệp

(6 Tiết: 4 LT; 2 TL)

4.1 Chế phẩm vi khuẩn

4.1.1. Chế phẩm nhân nuôi trên môi trường thạch bằng hoặc trên cơ chất gelatin

- 4.1.2. Chế phẩm vi sinh vật dạng dịch thể
- 4.1.3. Chế phẩm vi sinh vật dạng khô
- 4.1.4. Chế phẩm vi sinh vật dạng đông khô
- 4.1.5. Chế phẩm vi sinh vật dạng bột chất mang

4.2. Chế phẩm nấm

- 4.2.1. Chế phẩm sợi nấm
- 4.2.2. Chế phẩm bào tử

4.3. Chế phẩm virus

- 4.3.1. Chế phẩm dạng lỏng
- 4.3.2. Chế phẩm dạng bột khô

4.4. Các phương pháp sử dụng chế phẩm trong trồng trọt và bảo vệ thực vật

- 4.4.1. Phương pháp nhấm vào hạt giống
- 4.4.2. Phương pháp hồ rễ cây
- 4.4.3. Bắn chế phẩm vi sinh vật vào đất
- 4.4.4. Phun, tưới chế phẩm lên cây hoặc vào đất

Chương 5: Chế phẩm vi sinh vật làm phân bón và cải tạo đất (7 Tiết: 3 LT; 4 TL)

III. 5.1. Chế phẩm vi sinh vật cố định nitơ phân tử

- 5.1.1. Khái niệm chung quá trình cố định nitơ phân tử
- 5.1.2. Quá trình cố định nitơ phân tử và cơ chế
- 5.1.3. Chế phẩm vi sinh vật cố định nitơ phân tử.

IV. 5.2. Phân vi sinh vật phân giải photphat khó tan

- 5.2.1. Phân giải hợp chất chứa lân trong đất
- 5.2.2. Phân vi sinh vật phân giải lân

5.3. Phân hữu cơ vi sinh đa chức năng

- 5.3.1. Định nghĩa
- 5.3.2. Quy trình sản xuất
- 5.3.3. Phương pháp bón phân vi sinh vật đa chức năng
- 5.3.4. Hiệu quả của chế phẩm vi sinh vật đa chức năng

5.4. Một số dạng công nghệ sản xuất phân vi sinh vật hiện có.

- 5.4.1. Công nghệ vi sinh vật hữu hiệu EM
- 5.4.2. Công nghệ Ferment Magma 99
- 5.4.3. Công nghệ sản xuất đất sinh học Multi

Chương 6: Chế phẩm sinh vật dùng trong bảo vệ thực vật

(12 Tiết: 2 LT; 5 TL; 5TH)

6.1. Cơ chế chung của quá trình gây nhiễm bệnh cây

- 6.1.1. Đặc điểm trao đổi chất của vi sinh vật gây bệnh.
- 6.1.2. Quá trình xâm nhiễm và lây lan

6.2. Các nhóm vi sinh vật gây bệnh

- 6.2.1. Vi khuẩn gây bệnh cây

6.2.2. Virus gây bệnh cây

6.2.3. Nấm gây bệnh cây

6.2.4. Xạ khuẩn gây bệnh cây

6.3. Các biện pháp sinh học trong phòng chống bệnh cây

6.3.1. Cơ sở khoa học của việc sử dụng các biện pháp sinh học trong phòng chống bệnh cây

6.3.2. Một số biện pháp sinh học đang được sử dụng tại Việt Nam

6.3.3. Điều chế và sử dụng thuốc trừ sâu sinh học trong bảo vệ thực vật.

6.3.4. Thúc đẩy các phản ứng miễn dịch bảo vệ của cây

6.3.5. Các biện pháp đấu tranh sinh học khác.

Chương 7: Chế phẩm vi sinh vật xử lý phế thải hữu cơ và phế phụ phẩm nông nghiệp (12 Tiết: 3 LT; 3 TL; 6TH)

7.1. Cơ sở khoa học của việc xử lý phế thải hữu cơ trên đồng ruộng bằng chế phẩm vi sinh vật

7.1.1. Thành phần phế thải hữu cơ trên đồng ruộng

7.1.2. Xenluloza và cơ chế phân hủy chuyển hóa dưới tác dụng của vi sinh vật

7.1.3. Vi sinh vật phân giải xenluloza

7.2. Quy trình xử lý và tái chế phế phụ phẩm nông nghiệp thành phân bón hữu cơ

7.3. Hiệu quả của phân bón hữu cơ tái chế từ phế phụ phẩm nông nghiệp

Thực hành:

Bài 1. Chuẩn bị môi trường và lên men vi sinh vật (10 tiết)

Bài 2: Thực hành sản xuất chế phẩm Trichoderma từ nguồn nấm có sẵn quy mô phòng thí nghiệm (5 tiết)

Bài 2: Thực hành sản xuất phân bón hữu cơ từ rau, củ, quả thải hữu cơ quy mô phòng thí nghiệm (6 tiết)

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- *Kiểm tra thường xuyên:* 4 bài, trọng số 30%.

Đánh giá nhận thức, thái độ tham gia học trên lớp và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành

- + Bài 1: kiểm tra viết theo hình thức tự luận
- + Bài 2 : Đánh giá kết quả thực hiện các bài thảo luận, xemina, bài tập nhóm.
- + Bài 3 : Kiểm tra miệng trong quá trình học
- + Bài 4 : Đánh giá kỹ năng thực hành, viết bài thu hoạch

Tiêu chí đánh giá:

- + Kiểm tra mức độ nhớ, thuộc bài (hiểu và biết) của người học (2/10)
- + Đánh giá khả năng phân tích, suy xét, nhận định của người học về vấn đề đặt ra. (3/10)
- + Đánh giá khả năng ứng dụng, giải quyết vấn đề của người học trong từng trường hợp cụ thể. (5/10)

- **Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ:** Trọng số 20%

Hình thức: kiểm tra viết 50 phút

- **Kiểm tra đánh giá cuối kỳ:** Trọng số 50%

Hình thức: Thi trắc nghiệm 45 phút hoặc làm bài tập lớn

Thi trắc nghiệm 45 phút : Nội dung trong chương trình đã học

Làm bài tập lớn: cho phép người học được tự lựa chọn 1 chủ đề (trong số các chủ đề cho sẵn).

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

9.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Xuân Thành (2010), *Giáo trình công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp*. NXB Khoa học Kỹ thuật.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Chu Thị Thơm (2006), *Tìm hiểu về chế phẩm vi sinh vật*. NXB Lao động
2. Nguyễn Xuân Thành (2007), *Giáo trình vi sinh vật học công nghiệp*. NXB Giáo dục.

(Chữ ký)

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.39. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. ĐA DẠNG SINH HỌC/Biodiversity

- Số tín chỉ: 02 (15,18,12)
- Mã học phần: 161085
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Thực vật học, Sinh thái rừng.
- *Nội dung học phần*: Khái niệm cơ bản về đa dạng sinh học, sự suy thoái và các tổn thất về đa dạng sinh học hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới; sự tuyệt chủng, các nguyên nhân gây nên sự tuyệt chủng, suy thoái đa dạng sinh học của Việt Nam hiện nay. Các mức độ của đa dạng sinh học đa dạng sinh học, tính đa dạng sinh học ở các hệ sinh thái. Đặc điểm đa dạng sinh học ở nước ta; bảo tồn đa dạng sinh học, các công ước quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học. Mức độ đe dọa tuyệt chủng. Các hình thức bảo tồn và điều tra, giám sát đa dạng sinh học

- *Năng lực đạt được*: Hiểu rõ và trình bày được các khái niệm cơ bản về đa dạng sinh học. Nhận thức đầy đủ những giá trị của đa dạng sinh học mang lại cho con người. Giải thích được các nguyên nhân gây suy thoái đa dạng sinh học và các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học đang được áp dụng hiện nay. Có thể định lượng và đánh giá được mức độ đa dạng sinh học của một khu vực cụ thể.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Trình bày được các khái niệm cơ bản về đa dạng sinh học; giá trị của đa dạng sinh học đối với đời sống con người và nguyên nhân gây ra suy thoái đa dạng sinh học; phân biệt được các mức độ của đa dạng sinh học, tính đa dạng sinh học ở các hệ sinh thái khác nhau, các khu sinh học chính trên thế giới hiện nay; đánh giá được tính đa dạng sinh học ở từng khu vực theo các chỉ tiêu thông dụng và các hình thức bảo tồn đa dạng sinh học hiện nay; phân tích được các đặc điểm đa dạng sinh học ở nước ta, nguyên nhân suy thoái đa dạng sinh học và các giải pháp bảo tồn; xác định được mức độ đe dọa tuyệt chủng, thang bậc phân hạng mức đe dọa theo IUCN

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Xác định được đặc điểm đa dạng sinh học ở các hệ sinh thái khác nhau, từ đó có thể định lượng, so sánh, đánh giá mức độ đa dạng sinh học theo các chỉ tiêu thông dụng.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Nhận thức đầy đủ về vai trò và tầm quan trọng của đa dạng sinh học đối với sự sống, từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo, chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo thời khoá biểu (lý thuyết, thảo luận, seminar, thực hành), tích cực tham gia thảo luận nhóm, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ, có chất lượng.

3. Nội dung chi tiết học phần:

A. LÝ THUYẾT

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC

(4LT:6TL)

- 1.1. Sơ lược lịch sử về đa dạng sinh học
- 1.2. Định nghĩa về đa dạng sinh học
- 1.3. Phân loại đa dạng sinh học
- 1.4. Giá trị của đa dạng sinh học
- 1.5. Đánh giá đa dạng sinh học

CHƯƠNG 2: SỰ SUY THOÁI VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC (5LT:7TL)

- 2.1. Sự suy thoái đa dạng sinh học
- 2.2. Sự suy thoái đa dạng sinh học ở Việt Nam
- 2.3. Những công ước quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học
- 2.4. Phát triển bền vững và vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học

CHƯƠNG 3: ĐA DẠNG SINH HỌC Ở VIỆT NAM

(6LT:5TL)

3.1. Đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái

3.2. Bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam

3.3. Các hình thức bảo tồn đa dạng sinh học

B. THỰC HÀNH: (12 tiết)

1. Điều tra, đánh giá sự đa dạng sinh học trong các sinh cảnh. 4 tiết.

2. Tham quan, xác định các loài động thực vật quý hiếm tại khu vực. 4 tiết.

3. Xác định mức độ đe dọa tuyệt chủng của một số loài dựa trên số liệu ĐTKS. 4 tiết.

4. **Yêu cầu của môn học:** Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), tham dự đủ 100% số giờ thực hành, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, hướng dẫn thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập, thực hành.

6. **Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. **Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Lê Mạnh Dũng (2010), *Giáo trình đa dạng sinh học*. Nxb Nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1. Lê Trọng Cúc (2002), *Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên*. Nxb ĐHQGHN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

B. CHĂN NUÔI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ/ BREEDING WILD ANIMALS

- Số tín chỉ: 2 (15,18,12)
- Mã học phần: 161098
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và Phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần Chăn nuôi động vật hoang dã cung cấp kiến thức tổng quan về quản lý động vật hoang dã, cơ sở lý luận trong quản lý động vật hoang dã, kỹ thuật điều tra động vật hoang dã và sinh cảnh sống của chúng, kỹ thuật điều tra tác động của con người đến động vật hoang dã và lập kế hoạch quản lý bảo tồn động vật hoang dã.

- *Năng lực đạt được:* Xác định được cơ sở lý luận trong quản lý động vật hoang dã, kỹ thuật điều tra động vật hoang dã và sinh cảnh sống của chúng, kỹ thuật điều tra tác động của con người đến động vật hoang dã và lập kế hoạch quản lý bảo tồn động vật hoang dã.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày tổng quan về quản lý động vật hoang dã tại Việt Nam và trên Thế giới;
- Hiểu và trình bày được cơ sở lý luận trong quản lý động vật hoang dã
- Trình bày và phân tích được kỹ thuật điều tra động vật hoang dã và sinh cảnh sống của chúng
- Hiểu và giải thích được các biện pháp kỹ thuật điều tra tác động của con người đến động vật hoang dã;
- Lập kế hoạch quản lý bảo tồn động vật hoang dã.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sau khi kết thúc học phần, người học có được các kỹ năng sau:

- Vận dụng được nguyên lý để xác định vấn đề cơ bản trong quản lý loài, sinh cảnh và quản lý hành chính;
- Điều tra khu hệ, thành phần loài, quần thể, quần xã động vật hoang dã và sinh cảnh sống của chúng.
- Vận dụng kỹ thuật điều tra tác động của con người đến động vật hoang dã đánh giá được các mối đe dọa, kiến thức bản địa và thực trạng công tác quản lý động vật hoang dã.
- Lập kế hoạch với các hoạt động phù hợp trong quản lý bảo tồn các loài động vật hoang dã.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Nhận thức đầy đủ về vai trò và tầm quan trọng của công tác quản lý bảo tồn động vật hoang dã, từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo, chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo thời khoá biểu (lý thuyết, thảo luận, seminar, thực hành), tích cực tham gia thảo luận nhóm, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ, có chất lượng.

3. Nội dung chi tiết học phần (Liệt kê theo chương mục)

LÝ THUYẾT

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ (2LT:3TL)

1.1. Khái niệm "động vật hoang dã"; "quản lý động vật hoang dã", "bảo tồn động vật hoang dã"

- 1.2. Các giá trị của tài nguyên động vật hoang dã
- 1.3. Quan điểm tiếp cận trong quản lý động vật hoang dã
- 1.4. Định hướng chiến lược trong quản lý động vật hoang dã ở Việt Nam

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN TRONG QUẢN LÝ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ (2LT:3TL)

- 2.1. Nguyên lý phân loại động vật
- 2.2. Nguyên lý quản lý loài động vật hoang dã
- 2.3. Nguyên lý quản lý sinh cảnh của động vật hoang dã
- 2.4. Nguyên lý quản lý hành chính trong quản lý động vật hoang dã

CHƯƠNG 3. KỸ THUẬT ĐIỀU TRA ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ SINH CẢNH SỐNG CỦA CHÚNG (3LT:5TL)

- 3.1. Kỹ thuật điều tra khu hệ/thành phần loài động vật hoang dã
- 3.2. Kỹ thuật điều tra quần thể động vật hoang dã và sinh cảnh sống của chúng
- 3.3. Kỹ thuật điều tra quần xã động vật hoang dã và sinh cảnh sống của chúng

CHƯƠNG 4. KỸ THUẬT ĐIỀU TRA TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ (4LT:4TL)

- 4.1. Kỹ thuật điều tra đánh giá các mối đe dọa đến động vật hoang dã
- 4.2. Kỹ thuật điều tra đánh giá kiến thức bản địa liên quan đến động vật hoang dã
- 4.3. Kỹ thuật điều tra đánh giá thực trạng công tác quản lý hành chính trong quản lý động vật hoang dã

CHƯƠNG 5. LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ (4LT:3TL)

- 5.1. Trình tự giải quyết một vấn đề trong công tác quản lý động vật hoang dã
- 5.2. Đánh giá nhu cầu xây dựng kế hoạch quản lý động vật hoang dã
- 5.3. Ứng dụng phương pháp Khung logic để lập kế hoạch (phân tích vấn đề; xây dựng biểu đồ cây mục tiêu; phân tích lựa chọn mục tiêu-kết quả đầu ra và hoạt động; thiết lập khung logic; kế hoạch hoạt động và chi phí)

B. THỰC HÀNH (12 tiết)

Bài 1: Cơ sở lý luận và kỹ thuật điều tra động vật hoang dã: 4 tiết.

Bài 2: Điều tra tác động của con người đến động vật hoang dã: 4 tiết.

Bài 3: Lập kế hoạch quản lý bảo tồn động vật hoang dã: 4 tiết.

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.

- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, Thảo luận, Thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan.

Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu
- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ
- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra thường xuyên: 4 bài, trọng số 30%.

Đánh giá nhận thức, thái độ tham gia học trên lớp và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành

- + 3 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận
- + 1 bài kiểm tra vào giờ bài tập, thảo luận trên lớp hoặc kỹ năng thực hành

Tiêu chí đánh giá:

- + Kiểm tra mức độ nhớ, thuộc bài (hiểu và biết) của người học (2/10)
- + Đánh giá khả năng phân tích, suy xét, nhận định của người học về vấn đề đặt ra. (3/10)
- + Đánh giá khả năng ứng dụng, giải quyết vấn đề của người học trong từng trường hợp cụ thể. (5/10)

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

Hình thức: kiểm tra viết 50 phút

- Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Hình thức: Thi viết 120 phút hoặc làm bài tập lớn

Thi viết 120 phút : Nội dung trong chương trình đã học

Làm bài tập lớn: cho phép người học được tự lựa chọn 1 chủ đề (trong số các chủ đề cho sẵn).

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

* Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Văn Thu, Giáo trình *Chăn nuôi động vật hoang dã*, NXB Trường Đại học Cần Thơ. 2011.

* Tài liệu tham khảo

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cẩm nang ngành lâm nghiệp, Chương Bảo tồn và quản lý động vật hoang dã ở Việt Nam, NXB GTVT, 2004.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.40. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. NÔNG LÂM KẾT HỢP/ Integrated forestry and agriculture

- Số tín chỉ: 3 (21,27,21)
- Mã học phần: 161081
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Nông lâm kết hợp và xu hướng phát triển nông lâm kết hợp; kỹ thuật nông lâm kết hợp; tiếp cận bền vững trong nông lâm kết hợp; Các mô hình nông lâm kết hợp ở Việt Nam; thị trường nông lâm sản ở Việt Nam.

- Năng lực đạt được: Phân tích được nguyên lý, kỹ thuật nông lâm kết hợp. Nhận diện được các hệ thống nông lâm kết hợp. Đánh giá được thị trường nông lâm sản. Xây dựng được bản dự toán chi phí, tính toán được các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của mô hình nông lâm kết hợp

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Nhận thức vai trò của hệ thống nông lâm kết hợp trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và phát triển nông thôn. Hiểu được nguyên lý cơ bản của nông lâm kết hợp, xu hướng phát triển nông lâm kết hợp, kỹ thuật nông lâm kết hợp. Mô tả được đặc điểm các hệ thống nông lâm kết hợp.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Giải thích được nguyên lý kỹ thuật trong xây dựng mô hình nông lâm kết hợp để thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay; Phân tích được thị trường nông lâm sản hiện nay ở Việt Nam; Nhận diện một số hệ thống NLKH; thiết kế được một bản dự toán chi phí, tính toán được các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của mô hình sản xuất NLKH.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Có thái độ học hỏi, tôn trọng người dạy và người học. Tích cực trong học tập. Yêu thích môn học và ngành học. Thực hiện nghiêm túc các nội quy của lớp, khoa, Nhà trường và nơi cư trú.

3. Nội dung chi tiết học phần

A. LÝ THUYẾT

CHƯƠNG 1: NÔNG LÂM KẾT HỢP VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NLKH (3LT:5TL)

- 1.1. Tổng quan về nông lâm kết hợp
- 1.2. Xu hướng phát triển nông lâm kết hợp
- 1.3. Nông lâm kết hợp trong phát triển nông thôn

CHƯƠNG 2: KỸ THUẬT NÔNG LÂM KẾT HỢP (5LT:7TL)

- 2.1. Phương pháp áp dụng và phát triển kỹ thuật nông lâm kết hợp
- 2.2. Thiết kế kỹ thuật nông lâm kết hợp có sự tham gia
- 2.3. Quy trình áp dụng và phát triển kỹ thuật nông lâm kết hợp có sự tham gia
- 2.4. Một số kỹ thuật bảo tồn đất và nước

CHƯƠNG 3: TIẾP CẬN BỀN VỮNG TRONG NÔNG LÂM KẾT HỢP (4LT:5TL)

- 3.1. Nông nghiệp rừng
- 3.2. Cảnh quan nông lâm kết hợp

CHƯƠNG 4: CÁC MÔ HÌNH NÔNG LÂM KẾT HỢP Ở VIỆT NAM (6LT;6TL,BT)

- 4.1. Sự phân hoá điều kiện tự nhiên Việt Nam và các mô hình NLKH đặc trưng
- 4.2. Các mô hình nông lâm kết hợp truyền thống
- 4.3. Các mô hình nông lâm kết hợp cải tiến

CHƯƠNG 5: THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM SẢN Ở VIỆT NAM (3LT:4TL,BT)

5.1. Một số khái niệm về thị trường nông lâm sản

5.2. Phân tích thị trường nông lâm sản Việt Nam

B. THỰC HÀNH: (21 tiết)

Bài 1. Thực tế một số mô hình nông lâm kết hợp truyền thống và cải tiến ở CSSX.

Bài 2. Điều tra, xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của 1 đến 2 mô hình nông lâm kết hợp.

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), tham dự đủ 100% số giờ thực hành, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, hướng dẫn thảo luận nhóm, hướng dẫn làm bài tập, thực hành.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Phạm Quang Vinh, Phạm Xuân Hoàn (2005), *Nông lâm kết hợp*. NXB Nông nghiệp, HN

Tài liệu tham khảo:

1. Chu Thị Thơm (2006), *Hướng dẫn sản xuất kết hợp nông - lâm nghiệp ở vùng đồi núi*. Nxb Lao động.

2. Chu Thị Thơm (2006), *Kỹ thuật canh tác trên đất dốc*. Nxb Lao động.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

B. HỆ THỐNG NÔNG NGHIỆP/Agricultural system

- Số tín chỉ: 03 (21;27;21)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa học cây trồng.

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Khái quát về hệ thống, các khái niệm trong phân tích hệ thống, hệ sinh thái, hệ thống canh tác, hệ thống nông nghiệp; các loại hình hệ thống nông nghiệp như: nông nghiệp du canh, du mục, nông nghiệp cố định (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và các mô hình kết hợp giữa chúng), phân tích hiệu quả kinh tế của các hệ thống sản xuất; các khái niệm về nông nghiệp bền vững; khái niệm, nguyên tắc trong xây dựng nông nghiệp bền vững; nông nghiệp hữu cơ... ; những vấn đề trong nghiên cứu phát triển hệ thống nông nghiệp.

Năng lực đạt được: Trình bày và giải thích được các loại hình hệ thống nông nghiệp; nông nghiệp sinh thái; các loại mô hình nông nghiệp phổ biến hiện nay trong nước và trên thế giới; hệ thống nông nghiệp bền vững và các phương pháp nghiên cứu phát triển hệ thống nông nghiệp. Mô tả được các loại mô hình nông nghiệp phổ biến hiện nay tại Việt Nam và trên thế giới, các mô hình nông nghiệp sinh thái bền vững; Thực hiện được việc thiết kế nội dung điều tra đánh giá, phân tích tình hình thực tế về sản xuất nông nghiệp tại địa phương; Đề xuất ứng dụng được mô hình hệ thống nông nghiệp phù hợp với điều kiện khách quan tại địa phương.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Trình bày và giải thích được:

- Các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu hệ thống nông nghiệp;
- Các loại hình hệ thống nông nghiệp; nông nghiệp sinh thái; các loại mô hình nông nghiệp phổ biến hiện nay trong nước và trên thế giới;
- Hệ thống nông nghiệp bền vững và các phương pháp nghiên cứu phát triển hệ thống nông nghiệp.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Mô tả được các loại mô hình nông nghiệp phổ biến hiện nay tại Việt Nam và trên thế giới, các mô hình nông nghiệp sinh thái bền vững
- Thực hiện được việc thiết kế nội dung điều tra đánh giá, phân tích tình hình thực tế về sản xuất nông nghiệp tại địa phương
- Đề xuất ứng dụng được mô hình hệ thống nông nghiệp phù hợp với điều kiện khách quan tại địa phương

2.3. Mục tiêu về thái độ

Nhận thức đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của Hệ thống nông nghiệp đối với việc phát triển nông nghiệp nông thôn từ đó có tinh thần học tập tích cực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại nông thôn một cách nhanh chóng và bền vững

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT LÝ THUYẾT HỆ THỐNG VÀ HỆ THỐNG NÔNG NGHIỆP (9 tiết (LT: 4; BT, TL: 5))

1.1. Các khái niệm trong hệ thống nông nghiệp

1.1.1. Hệ thống

1.1.2. Hiện tượng phản hồi

1.1.3. Thành phần của hệ thống (hợp phần)

1.1.4. Môi trường của hệ thống

1.1.5. Cấu trúc của hệ thống

1.1.6. Giới hạn của hệ thống

- 1.1.7. Hệ thống thứ bậc
- 1.1.8. Các dòng vận chuyển
- 1.1.9. Các quan điểm và phương pháp nghiên cứu hệ thống
- 1.2. Hệ sinh thái và hệ sinh thái nông nghiệp
- 1.2.1. Hệ sinh thái
- 1.2.2. Hệ sinh thái nông nghiệp
- 1.2.3. Những đặc tính của hệ thống sinh thái nông nghiệp
- 1.3. Khái niệm về hệ thống canh tác và hệ thống nông nghiệp
- 1.3.1. Khái niệm về hệ thống canh tác (Farming system)
- 1.3.2. Khái niệm về hệ thống nông nghiệp (Agricultural system))
- 1.3.3. Những đặc trưng cơ bản của hệ thống nông nghiệp
- 1.3.4. Lịch sử phát triển của nông nghiệp
- 1.3.5. Môi hình nông nghiệp
- 1.3.6. Sự phát triển nông nghiệp nước ta trên quan điểm hệ thống
- 1.4. Sản xuất nông hộ trong hệ thống nông nghiệp

CHƯƠNG II: CÁC LOẠI HỆ THỐNG NÔNG NGHIỆP (14 tiết (LT: 6; BT, TL: 8))

- 2.1. Hệ thống nông nghiệp du canh
- 2.1.1. Khái niệm
- 2.1.2. Đặc điểm của nông nghiệp du canh
- 2.1.3. Đầu tư và lao động trong hệ thống nông nghiệp du canh
- 2.1.4. Những thay đổi trong hệ thống du canh hiện nay
- 2.2. Hệ thống nông nghiệp du mục
- 2.2.1. Định nghĩa
- 2.2.2. Đặc điểm của nông nghiệp du mục
- 2.2.3. Đầu tư trong hệ thống du mục
- 2.3. Hệ thống nông nghiệp cố định
- 2.3.1. Hệ thống nông nghiệp chuyên môn hóa
- 2.3.2. Hệ thống nông nghiệp hỗn hợp

CHƯƠNG III: HỆ THỐNG NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG (11 tiết (LT: 5; BT, TL: 6))

- 3.1. Quan niệm về nông nghiệp bền vững
- 3.1.1. Các định nghĩa về nông nghiệp bền vững
- 3.1.2. Cách nghiên cứu về nông nghiệp bền vững
- 3.2. Nguyên tắc để xây dựng nông nghiệp bền vững
- 3.2.1. Đảm bảo bền vững môi trường và vi sinh vật
- 3.2.2. Đảm bảo tính bền vững về kinh tế của hệ thống
- 3.2.3. Đảm bảo bền vững kinh tế - xã hội
- 3.2.4. Đảm bảo tính không gian và thời gian của hệ thống
- 3.2.5. Phân tích các ảnh hưởng đến hệ thống nông nghiệp
- 3.3. Đa dạng sinh học và tính bền vững của hệ thống nông nghiệp
- 3.3.1. Ý nghĩa của đa dạng sinh học trong nông nghiệp
- 3.3.2. Đa dạng sinh học trong hệ sinh thái nông nghiệp
- 3.4. Nông nghiệp hữu cơ
- 3.4.1. Khái niệm về nông nghiệp hữu cơ
- 3.4.2. Những nội dung chính của nông nghiệp hữu cơ
- 3.4.3. Tình hình nghiên cứu nông nghiệp hữu cơ trên thế giới

CHƯƠNG IV: ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NÔNG NGHIỆP (14 tiết (LT: 6; BT, TL: 8))

- 4.1. Đối tượng, nội dung, mục tiêu nghiên cứu của hệ thống nông nghiệp

- 4.1.1. Đối tượng nghiên cứu của hệ thống nông nghiệp
- 4.1.2. Các nội dung nghiên cứu phát triển hệ thống nông nghiệp
- 4.1.3. Mục tiêu hoạt động của nghiên cứu hệ thống nông nghiệp
- 4.1.4. Lựa chọn khu vực nghiên cứu và điểm nghiên cứu đối với hệ thống nông nghiệp
- 4.2. Phương pháp nghiên cứu phát triển hệ thống nông nghiệp
 - 4.2.1. Mô tả hệ thống nông nghiệp
 - 4.2.2. Phương pháp nghiên cứu hệ thống bằng phương pháp RRA/PRA
 - 4.2.3. Nghiên cứu trên đồng ruộng của nông dân (Các phương pháp nghiên cứu trên đồng ruộng của nông dân)
 - 4.2.4. Các phương pháp khuyến cáo kết quả nghiên cứu và chính sách phát triển kết quả nghiên cứu hệ thống nông nghiệp

Thực hành:

Bài 1. Học tập thực tế trên mô hình nông nghiệp hỗn hợp (7 tiết)

Bài 2. Học tập thực tế trên mô hình nông nghiệp chuyên canh (7 tiết)

Bài 3. Nghiên cứu trên đồng ruộng của nông dân (7 tiết)

4. Yêu cầu của học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học gồm: Phòng học, phấn, bảng, projector, màn chiếu và máy tính (cho những buổi học và Xeminar)
- Sinh viên phải lên lớp nghe giảng ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết; thảo luận, xeminar, làm việc nhóm, tham gia đầy đủ các bài thực hành, có đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên; kiểm tra giữa kỳ và bài kiểm tra cuối kỳ. Tự học những phần đã được yêu cầu; Đọc tài liệu theo hướng dẫn.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Hướng dẫn người học tìm và sử dụng các tài liệu có liên quan đến học phần; giải đáp thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Đầy đủ thiết bị dạy học: bảng, máy chiếu, ...

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- | | |
|------------------------------------|--------------|
| - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: | Trọng số 30% |
| - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: | Trọng số 20% |
| - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: | Trọng số 50% |

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học:

*** Tài liệu bắt buộc**

1. Phạm Tiến Dũng (2013), *Hệ Thống Nông nghiệp*, NXB Nông nghiệp.

*** Tài liệu tham khảo**

1. Phạm Chí Thành, Phạm Tiến Dũng (1996), *Hệ thống nông nghiệp*, NXB Nông nghiệp.

2. Trần Danh Thìn, Nguyễn huy Trí (2011), *Hệ thống nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp bền vững*, NXB Nông nghiệp.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS. TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.41. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. LỬA RỪNG/Forest fire

- Số tín chỉ: 3 (21;27;21)
- Mã học phần: 161101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Cây rừng

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Vai trò sinh thái của lửa rừng. Bản chất của sự cháy, các nhân tố ảnh hưởng đến cháy rừng, nguyên nhân gây cháy rừng, các loại cháy rừng. Dự báo cháy rừng. Phòng cháy và chữa cháy rừng.

- *Năng lực đạt được:* Thực hiện và tổ chức thực hiện một cách chính xác và linh hoạt công tác dự báo cháy rừng, phòng và chữa cháy rừng.

2. Mục tiêu học phần:

Về kiến thức:

- Hiểu được những kiến thức cơ bản về vai trò sinh thái của lửa rừng, bản chất của sự cháy, nguyên nhân gây cháy rừng, các loại hình cháy rừng.
- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp xác định mùa cháy rừng, phương pháp dự báo cháy rừng để áp dụng vào thực tế trong sản xuất ở các nông lâm trường, Ban quản lý rừng...
- Phân tích được một số chỉ tiêu kinh nghiệm để dự đoán đặc tính của đám cháy, vận dụng những kiến thức về lửa rừng để tổ chức dự báo cháy rừng.
- Phân tích được yêu cầu và các bước chủ yếu trong phòng và chữa cháy rừng, các biện pháp phòng, chữa cháy rừng, kỹ thuật an toàn khi thực hiện công tác chữa cháy rừng.
- Vận dụng được những kiến thức về biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng để xây dựng phương án phòng cháy và chữa cháy rừng.

Về kỹ năng

- Mô tả và xác định được mối quan hệ giữa lửa rừng với các yếu tố khác của hệ sinh thái rừng, bản chất sự cháy.
- Thành thạo nội dung xây dựng kế hoạch dự báo cháy rừng và xác định được mùa cháy rừng cho một địa phương trên cơ sở đặc điểm vật liệu cháy, đặc điểm khí hậu, thời tiết trong năm của khu vực.
- Rèn luyện kỹ năng thực hiện các biện pháp phòng cháy rừng, chữa cháy rừng trên đất có rừng.

Về thái độ

- Sinh viên có lập trường tư tưởng vững vàng, yêu thích môn học và ngành học nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học lửa rừng và có kế hoạch rèn luyện phẩm chất, năng lực nghề nghiệp.

- Có thái độ đúng đắn và tích cực trong học tập, tôn trọng thầy cô giáo, có tinh thần phấn đấu học hỏi góp phần vào công tác phòng cháy chữa cháy rừng, xây dựng và quản lý bảo vệ tài nguyên rừng. Có thái độ cởi mở, hòa nhập và luôn biết lắng nghe...

3. Nội dung chi tiết học phần

BÀI MỞ ĐẦU

(1LT,0 TL)

0.1. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu

0.2. Lịch sử phát triển của khoa học lửa rừng

0.3. Tình hình cháy rừng trên thế giới và Việt Nam

CHƯƠNG 1. VAI TRÒ SINH THÁI CỦA LỬA RỪNG

(4LT, 8TL)

1.1. Lửa là một nhân tố sinh thái đặc biệt

1.2. Ảnh hưởng của lửa đến thực vật rừng

1.3. Ảnh hưởng của lửa đến động vật rừng

1.4. Quan hệ giữa lửa rừng với dòng chuyển hóa vật chất và năng lượng

1.5. Lửa rừng và môi trường

1.6. Hiệu ích của lửa rừng trong hoạt động lâm sinh

1.7. Hiệu ích đa dạng của việc phòng và chữa cháy rừng

CHƯƠNG 2. BẢN CHẤT, NGUYÊN NHÂN VÀ CÁC LOẠI HÌNH CHÁY RỪNG

(6LT, 9TL)

2.1. Bản chất của sự cháy

2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến cháy rừng

2.3. Nguyên nhân gây cháy rừng

2.4. Các loại cháy rừng

CHƯƠNG 3. DỰ BÁO CHÁY RỪNG

(5LT, 4TL)

3.1. Khái niệm và lược sử nghiên cứu dự báo cháy rừng

3.2. ảnh hưởng của khí hậu và thời tiết đến cháy rừng

3.3. Mùa cháy rừng

3.4. Dự báo cháy rừng

3.5. Tổ chức dự báo cháy rừng

CHƯƠNG 4. PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG

(5TL, 6TL)

4.1. Khái niệm

4.2. Các biện pháp phòng cháy rừng

4.3. Các biện pháp chữa cháy rừng

B. Thực hành (21 tiết)

- Bài 1: Khảo sát hệ thống phòng cháy chữa cháy rừng ở cơ sở, điều tra đánh giá tình hình vệ sinh rừng có liên quan đến vật liệu cháy (VLC) (07 tiết)

- Bài 2: Chiều dài, chiều rộng, diện tích và hình thức xây dựng đường băng tại cơ sở (07 tiết)

- Bài 3: Đánh giá tình hình vệ sinh rừng, loại vật liệu cháy, mật độ và sự phân VLC. (07 tiết)

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Bế Minh Châu, Phùng Văn Khoa (2002), *Lửa rừng*. NXB Nông nghiệp, Hà nội.

Tài liệu tham khảo:

1. Vương Văn Quỳnh, Trần Tuyết Hằng (1996), *Khí tượng thủy văn rừng*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

B. DỰ BÁO TÀI NGUYÊN VÀ QUẢN LÝ THÂM HOẠ RỪNG/resources forecast and forest disaster management

- Số tín chỉ: 03 (21,27,21)
- Mã học phần: 161077
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Quản lý thiên tai thảm họa và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Lập kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thảm họa thiên tai có sự tham gia của cộng đồng; Tổng quan về lập kế hoạch có sự tham gia, nội dung của lập kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ và ứng phó thiên tai, các bước lập kế hoạch phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai, lồng ghép Quản lý thiên tai dựa vào Cộng đồng vào chương trình phát triển vùng.

- *Năng lực đạt được:* Dự báo được những rủi ro, nhận diện được những thảm họa trong quản lý tài nguyên rừng. Sử dụng phương pháp lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng vào việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa và giảm nhẹ rủi ro, thảm họa rừng nhằm thích ứng với tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức : Cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản về quản lý thảm họa và quản lý rủi ro. Lập kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thảm họa thiên tai có sự tham gia của cộng đồng; Tổng quan về lập kế hoạch có sự tham gia, nội dung của lập kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ và ứng phó thiên tai, các bước lập kế hoạch phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai, lồng ghép quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng vào chương trình phát triển vùng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: có khả năng dự báo được những rủi ro, nhận diện được những thảm họa trong quản lý tài nguyên rừng. Sử dụng phương pháp lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng vào việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa và giảm nhẹ rủi ro, thảm họa rừng nhằm thích ứng với tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Có thái độ đúng đắn và tích cực trong học tập, tôn trọng thầy cô giáo, có tinh thần phấn đấu học hỏi góp phần vào công tác phòng cháy chữa cháy rừng, xây dựng và quản lý bảo vệ tài nguyên rừng. Có thái độ cởi mở, hòa nhập và luôn biết lắng nghe...

3. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1. QUẢN LÝ THIÊN TAI THÂM HOẠ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG (6LT:8TL:5TH)

1.1. Định nghĩa các từ và khái niệm cơ bản

1.2. Quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng

1.3. Tiến trình quản lý rủi ro thảm họa dựa vào cộng đồng

CHƯƠNG 2: ĐÁNH GIÁ RỦI RO THÂM HOẠ DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ RỦI RO (8LT:9TL:5TH)

2.1. Đánh giá rủi ro dựa vào cộng đồng

2.2. Các biện pháp giảm nhẹ rủi ro trong thảm họa

2.3. Đánh giá nhanh nhu cầu

CHƯƠNG 3: LẬP KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA GIẢM NHẸ RỦI RO THẢM HỌA THIÊN TAI CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG

(7LT:10TL:11TH)

3.1. Tổng quan về lập kế hoạch có sự tham gia

3.2. Nội dung của lập kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ và ứng phó thiên tai

3.3. Các bước lập kế hoạch phòng ngừa và giảm nhẹ thiên tai

4. Yêu cầu của môn học: Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành. Dự thi đầy đủ các bài kiểm tra, thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối tuần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành xử lý số liệu và hướng dẫn thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Lê Văn Khoa, 2008. *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục.

Tài liệu tham khảo:

1. Bế Minh Châu, Phùng Văn Khoa (2002), *Lừa rừng*. NXB Nông nghiệp, Hà nội.

2. Lê Mộng Chân (1996), *Khoa học tài nguyên thiên nhiên*. Nxb Nông nghiệp.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.42. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. KINH TẾ LÂM NGHIỆP/ Forestry economy

- Số tín chỉ: 3 (21,27,21)
- Mã học phần: 161102
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Tổng quan về kinh tế lâm nghiệp. Kinh tế tài nguyên rừng; các hình thức đầu tư trong lâm nghiệp; quản lý sử dụng tài nguyên rừng. Thể chế và chính sách phát triển kinh tế lâm nghiệp.

- *Năng lực đạt được:* Phân tích được hiệu quả đầu tư, sử dụng vốn trong lâm nghiệp. Lập được một bảng dự toán kinh phí trong lâm nghiệp, tính toán và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về kinh tế lâm nghiệp. Chức năng và đặc điểm thị trường lâm sản, cung và cầu lâm sản, cơ chế hình thành giá lâm sản, các kênh thị trường trong lâm nghiệp, hiệu quả thị trường, dự báo thị trường. Các hình thức đầu tư trong lâm nghiệp, vốn đầu tư, định giá tài nguyên rừng và hạch toán tài nguyên rừng. Cơ sở sinh học của rừng, kinh tế sử dụng rừng. Nguyên nhân, các mô hình phá rừng. Nguyên tắc và tiêu chí quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ rừng. Lợi ích, chi phí, những thách thức đối với chứng chỉ rừng. Thể chế và chính sách phát triển nông lâm nghiệp.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Phân tích được hiệu quả đầu tư, sử dụng vốn trong lâm nghiệp. Lập được một bảng dự toán kinh phí trong lâm nghiệp, tính toán và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Có thái độ đúng đắn và tích cực trong học tập, tôn trọng thầy cô giáo, có tinh thần phấn đấu học hỏi góp phần vào công tác phát triển kinh tế, xây dựng và quản lý bảo vệ tài nguyên rừng. Có thái độ cởi mở, hòa nhập và luôn biết lắng nghe...

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ LÂM NGHIỆP (6LT:6TL:0TH)

- 1.1. Vai trò và đặc điểm sản xuất lâm nghiệp
- 1.2. Tài nguyên rừng Việt Nam.
- 1.3. Tổ chức quản lý lâm nghiệp Việt Nam
- 1.4. Phát triển lâm nghiệp

CHƯƠNG 2. KINH TẾ TÀI NGUYÊN RỪNG (7LT:10TL:5TH)

- 2.1. Thị trường lâm sản
- 2.2. Đầu tư trong lâm nghiệp
- 2.3. Định giá tài nguyên rừng
- 2.4. Hạch toán tài nguyên rừng

CHƯƠNG 3. QUẢN LÝ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN RỪNG (4LT:5TL:6TH)

- 3.1. Sử dụng rừng
- 3.2. Phá rừng
- 3.3. Quản lý rừng bền vững
- 3.4. Chứng chỉ rừng

CHƯƠNG 4. THỂ CHẾ VÀ CHÍNH SÁCH TRONG LÂM NGHIỆP (4LT:6TL:10TH)

- 4.1 Thể chế trong lâm nghiệp
- 4.2 Chính sách phát triển nông lâm nghiệp

- 4.3. Phân tích chính sách trong nông lâm nghiệp
4.4. Quá trình và nội dung phân tích chính sách phát triển nông lâm nghiệp
4.5. Một số chính sách chủ yếu trong lĩnh vực nông lâm nghiệp
4. Yêu cầu của môn học: Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành, hoàn thành bài báo cáo thực hành, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra, thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối tuần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Văn Đệ (2005), *Kinh tế lâm nghiệp*. Trường ĐH Lâm nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Nghĩa Biên (2017), *Kinh tế quản lý rừng và biến đổi khí hậu*. NXB Nông nghiệp.
2. Nguyễn Văn Tuấn (2002), *Quản lý doanh nghiệp lâm nghiệp*. Trường ĐH Lâm nghiệp.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

B. PHÁP LUẬT LÂM NGHIỆP/ Forestry Law

-- Số tín chỉ: 3 (21,27,21)

- Mã học phần: 161096

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Nội dung cơ bản của luật lâm nghiệp. Cơ cấu tổ chức bộ máy chuyên ngành lâm nghiệp. Quy định về giao khoán đất lâm nghiệp, giao khoán rừng. Quy chế quản lý các loại rừng. Quy định về bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng. Cơ chế CS khuyến khích phát triển rừng.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp; Phân biệt được tính hợp pháp của các hành vi trong ngành; có khả năng tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

-- Hiểu và trình bày được nội dung trong luật bảo vệ và phát triển rừng; cơ cấu tổ chức bộ máy chuyên ngành lâm nghiệp; qui định về giao đất, giao rừng cho thuê đất lâm nghiệp, khoán bảo vệ rừng; quy chế quản lý các loại rừng. Qui định về bảo vệ và sử dụng phát triển rừng; cơ chế, chính sách đầu tư khuyến khích phát triển rừng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Vận dụng linh hoạt các qui định trong luật bảo vệ phát triển rừng vào các tình huống cụ thể ngoài thực tiễn sản xuất lâm nghiệp. Thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin và giải quyết các vấn đề có liên quan đến công tác quản lý bảo vệ các loài động vật, thực vật quý hiếm.

- Phân biệt được tính hợp pháp của các hành vi trong ngành; có khả năng tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của pháp luật lâm nghiệp, có thái độ đúng đắn và tích cực trong học tập, tôn trọng thầy cô giáo, có tinh thần phấn đấu học hỏi góp phần vào công tác phát triển kinh tế, xây dựng và quản lý bảo vệ tài nguyên rừng. Có thái độ cởi mở, hòa nhập và luôn biết lắng nghe...

3. Nội dung học phần

A. LÝ THUYẾT

Chương 1. LUẬT LÂM NGHIỆP

(3LT:3TL)

1.1. Sự cần thiết phải ban hành luật

1.2. Mục đích yêu cầu đối tượng, phạm vi điều chỉnh của luật bảo vệ và phát triển rừng.

1.3. Nội dung cơ bản của luật bảo vệ và phát triển rừng

Chương 2. TỔ CHỨC BỘ MÁY CHUYÊN NGÀNH LÂM NGHIỆP

(3LT:4TL)

2.1. Khái quát tổ chức bộ máy chuyên ngành lâm nghiệp từ năm 1945 đến nay

2.2. Chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT

2.3. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Cục Lâm nghiệp

2.4. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Cục Kiểm lâm

2.5. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan quản lý lâm nghiệp ở địa phương.

Chương 3. GIAO ĐẤT GIAO RỪNG

(4LT:5TL)

3.1. Quy định về giao đất, giao rừng

3.2. Qui định về giao khoán đất lâm nghiệp

Chương 4. QUY CHẾ QUẢN LÝ CÁC LOẠI RỪNG

(3LT:4TL)

- 4.1. Quy chế quản lý rừng đặc dụng
- 4.2. Quy chế quản lý rừng phòng hộ
- 4.3. Quy chế quản lý rừng sản xuất là rừng tự nhiên

Chương 5. BẢO VỆ RỪNG

(3LT:4TL)

- 5.1. Phòng cháy chữa cháy rừng
- 5.2. Quản lý bảo vệ và phát triển thực vật, động vật rừng quý hiếm

Chương 6. QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC, VẬN CHUYỂN, CHẾ BIẾN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LÂM SẢN

(3LT:4TL)

- 6.1. Quy định về khai thác lâm sản
- 6.2. Quy định về vận chuyển lâm sản
- 6.3. Quy định về chế biến lâm sản
- 6.4. Thuế tài nguyên

Chương 7. CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN RỪNG

(2LT:3TL)

- 7.1. Cơ chế chính sách về đầu tư
 - 7.2. Cơ chế chính sách về quyền hưởng lợi và nghĩa vụ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân
- B. THỰC HÀNH (21 tiết)**

Thực hiện một số biện pháp bảo vệ rừng. Đánh giá hiệu quả một số mô hình sử dụng đất lâm nghiệp sau khi giao khoán.

4. Yêu cầu của môn học: Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), dự thi đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm bài tập, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối tuần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu bắt buộc:

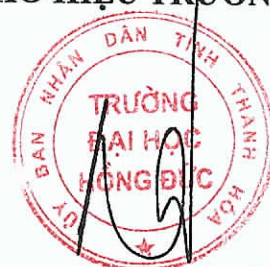
Tài liệu bắt buộc:

1. Quốc hội nước CHXHXNVN, *Luật Lâm nghiệp*. Nxb CTQGST, Hà nội. 2017

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Hồ (1995), *Bài giảng luật và hành chính lâm nghiệp*. Trường ĐHLN

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.43. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. CÂY DƯỢC LIỆU/ Medicinal plants

- Số tín chỉ: 03 (20-30-20)
- Mã học phần: 163199
- Điều kiện tiên quyết:
- Bộ môn phụ trách học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* Học phần cung cấp kiến thức đại cương về cây dược liệu như vai trò, tình hình nghiên cứu sản xuất và phân loại cây dược liệu; các thành phần hóa học và tác dụng dược liệu của chúng; cung cấp các kiến thức về kỹ thuật trồng, sơ chế và bảo quản một số loại cây dược liệu.

- *Năng lực đạt được:* Người học nhận thức được tầm quan trọng của các cây dược liệu trong sản xuất nông nghiệp, y học và đời sống. Người học hiểu được bản chất từng loại cây dược liệu, kỹ thuật trồng một số loại cây dược liệu phổ biến.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức

- Trình bày được vai trò, tình hình nghiên cứu sản xuất và phân loại cây dược liệu.
- Trình bày được thành phần hóa học và tác dụng của cây dược liệu.
- Trình bày được nguồn gốc, phân bố, đặc điểm thực vật học, yêu cầu sinh thái và kỹ thuật trồng của một số cây dược liệu.

2.2. Về kỹ năng

Nhận biết và mô tả được đặc điểm một số cây dược liệu phổ biến

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ CÂY DƯỢC LIỆU

(8 Tiết: 3 LT; 5 TL)

1.1. Vai trò của cây dược liệu

1.2. Tình hình nghiên cứu và sản xuất cây dược liệu

1.2.1. Trên thế giới

1.2.2. Tại Việt Nam

1.3. Phân loại cây dược liệu

CHƯƠNG 2. THÀNH PHẦN HÓA HỌC VÀ TÁC DỤNG DƯỢC LIỆU

(12 Tiết: 5 LT; 7 TL)

2.1. Nhóm các chất vô cơ

2.2. Nhóm các chất hữu cơ

2.2.1. Carbohydrat

2.2.2. Lipid

2.2.3. Tinh dầu

2.3.4. Glycosid

2.3.5. Acid hữu cơ

CHƯƠNG 3. KỸ THUẬT TRỒNG MỘT SỐ CÂY DƯỢC LIỆU

(50 Tiết: 12 LT; 18 TL; 20 TH)

3.1. Cây Actiso

3.1.1. Giới thiệu chung về cây Actiso

3.1.2. Thành phần và tác dụng

3.1.3. Đặc điểm thực vật học

3.1.4. Điều kiện sinh thái

- 3.1.5. Kỹ thuật trồng
- 3.1.6. Thu hái, chế biến và bảo quản

3.2. Cây Quế

- 3.2.1. Giới thiệu chung về cây Quế
- 3.2.2. Thành phần và tác dụng
- 3.2.3. Đặc điểm thực vật học
- 3.2.4. Điều kiện sinh thái
- 3.2.5. Kỹ thuật trồng
- 3.2.6. Thu hái, chế biến và bảo quản

3.3. Cây Ba kích

- 3.3.1. Giới thiệu chung về cây Ba kích
- 3.3.2. Thành phần và tác dụng
- 3.3.3. Đặc điểm thực vật học
- 3.3.4. Điều kiện sinh thái
- 3.3.5. Kỹ thuật trồng
- 3.3.6. Thu hái, chế biến và bảo quản

3.4. Cây Hồi

- 3.4.1. Giới thiệu chung về cây Hồi
- 3.4.2. Thành phần và tác dụng
- 3.4.3. Đặc điểm thực vật học
- 3.4.4. Điều kiện sinh thái
- 3.4.5. Kỹ thuật trồng
- 3.4.6. Thu hái, chế biến và bảo quản

3.5. Cây Thảo quả

- 3.5.1. Giới thiệu chung về cây Thảo quả
- 3.5.2. Thành phần và tác dụng
- 3.5.3. Đặc điểm thực vật học
- 3.5.4. Điều kiện sinh thái
- 3.5.5. Kỹ thuật trồng
- 3.5.6. Thu hái, chế biến và bảo quản

3.6. Cây Trinh nữ hoàng cung

- 3.6.1. Giới thiệu chung về cây Trinh nữ hoàng cung
- 3.6.2. Thành phần và tác dụng
- 3.6.3. Đặc điểm thực vật học
- 3.6.4. Điều kiện sinh thái
- 3.6.5. Kỹ thuật trồng
- 3.6.6. Thu hái, chế biến và bảo quản.

Thực hành:

Bài 1: Quan sát đặc điểm thực vật học và nhận biết một số loại cây dược liệu (5 tiết)

Bài 2: Chọn đất, chuẩn bị đất trồng cây dược liệu (5 tiết)

Bài 3: Kỹ thuật nhân giống, trồng và chăm sóc 1 số loại cây dược liệu (10 tiết)

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.

- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 4 bài, trọng số 30%.

Đánh giá nhận thức, thái độ tham gia học trên lớp và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành

+ 3 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận

+ 1 bài kiểm tra vào giờ bài tập, thảo luận trên lớp hoặc kỹ năng thực hành

Tiêu chí đánh giá:

+ Kiểm tra mức độ nhớ, thuộc bài (hiểu và biết) của người học (2/10)

+ Đánh giá khả năng phân tích, suy xét, nhận định của người học về vấn đề đặt ra. (3/10)

+ Đánh giá khả năng ứng dụng, giải quyết vấn đề của người học trong từng trường hợp cụ thể. (5/10)

- **Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ:** Trọng số 20%

Hình thức: kiểm tra viết 50 phút

- **Kiểm tra đánh giá cuối kỳ:** Trọng số 50%

Hình thức: Thi viết 120 phút hoặc làm bài tập lớn

Thi viết 120 phút: Nội dung trong chương trình đã học

Làm bài tập lớn: cho phép người học được tự lựa chọn 1 chủ đề (trong số các chủ đề cho sẵn).

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

*** Tài liệu bắt buộc**

1. Bộ NN&PTNT, Cục PTLN (2002). *Kỹ thuật trồng một số loài cây đặc sản rừng*. Nxb Nông nghiệp.

*** Tài liệu tham khảo**

1. Đỗ Tất Lợi (1995). *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Nxb Y học Dân tộc.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

B. CÔNG NGHỆ NUÔI TRỒNG NẤM ĂN VÀ NẤM DƯỢC LIỆU / Technology of edible and medicine mushroom cultivation

- Số tín chỉ: 03 (20-30-20)
- Mã số học phần: 163097
- Điều kiện tiên quyết:
- Bộ môn phụ trách học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử nghề trồng nấm, ý nghĩa của nấm ăn và nấm dược liệu trong đời sống con người; cơ sở khoa học, đặc điểm về hình thái cấu tạo, cách tạo giống và tồn trữ giống nấm; đặc tính sinh thái và kỹ thuật nuôi trồng một số loại nấm ăn và nấm dược liệu.

- *Năng lực đạt được:* Người học nhận thức được giá trị của các loại nấm ăn và nấm dược liệu trong đời sống. Người học hiểu được đặc tính và quy trình công nghệ nuôi trồng một số loại nấm ăn và nấm dược liệu.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức

- Trình bày được lịch sử phát triển của nghề trồng nấm, ý nghĩa của nấm ăn và nấm dược liệu trong đời sống con người.

- Trình bày được cấu tạo, sinh lý nấm và đặc điểm hình thái của một số loài nấm ăn và nấm dược liệu đang được nuôi trồng phổ biến hiện nay.

- Trình bày được cách tạo giống bằng phương pháp phân lập bào tử nấm và phương pháp nuôi cấy mô tế bào; Phương pháp làm môi trường để phân lập và giữ giống các loại nấm nuôi trồng.

- Trình bày được đặc điểm sinh học, nhu cầu dinh dưỡng, điều kiện ngoại cảnh và kỹ thuật nuôi trồng một số loại nấm ăn (nấm sò, nấm rơm, nấm hương, nấm mộc nhĩ) và nấm dược liệu (nấm linh chi, nấm đầu khỉ, nấm đông trùng hạ thảo).

2.2. Về kỹ năng

- Xây dựng được quy trình nhân giống và nuôi trồng một số loại nấm ăn và nấm dược liệu.

- Thực hiện thành thạo, chính xác các bước kỹ thuật trong quy trình công nghệ nuôi trồng một số loại nấm ăn và nấm dược liệu.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. MỞ ĐẦU

(3 Tiết: 1 LT; 2TL)

1.1. Sơ lược lịch sử nghề trồng nấm

1.2. Giới thiệu khái quát về nghề trồng nấm ở nước ta

1.3. Điều kiện thuận lợi của nghề trồng nấm

1.4. Những khó khăn của nghề trồng nấm

1.5. Một số loại nấm trồng phổ biến hiện nay

1.3. Giá trị của nấm ăn và nấm dược liệu trong đời sống con người

1.3.1. Giá trị dinh dưỡng

1.3.2. Giá trị dược liệu

1.3.3. Giá trị kinh tế

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ SINH VẬT HỌC CỦA NẤM

(7 Tiết: 3 LT; 4TL)

2.1. Đặc điểm Cấu tạo

2.2.1. Hệ sợi nấm

2.2.2. Quả thể nấm

2.2. Đặc điểm dinh dưỡng và nhu cầu sinh thái

2.2.1. Đặc điểm dinh dưỡng

2.2.2 Điều kiện sinh thái

2.3. Đặc điểm sinh sản và chu trình sống

2.3.1 Các hình thức sinh sản

2.3.2. Chu trình sống của nấm

2.3. Đặc điểm hình thái một số loài nấm trồng hiện nay

CHƯƠNG 3. TẠO GIỐNG VÀ TỒN TRỮ GIỐNG NẤM (10 Tiết: 4 LT; 6TL)

3.1. Một số thiết bị dụng cụ dùng trong tạo giống

3.1.1. Thiết bị

3.1.2. Dụng cụ

3.2. Phân lập giống gốc

3.2.1. Khái niệm giống gốc

3.2.2. Kỹ thuật phân lập giống gốc

3.3. Nhân giống nấm cấp 1

3.3.1. Khái niệm giống cấp 1

3.3.2. Kỹ thuật nhân giống nấm cấp 1

3.4. Nhân giống nấm cấp 2

3.4.1. Khái niệm giống cấp 2

3.4.2. Kỹ thuật nhân giống nấm cấp 2

3.5. Nhân giống sản xuất

3.5.1. Khái niệm giống sản xuất

3.5.2. Kỹ thuật nhân giống sản xuất

3.6. Tồn trữ giống nấm

CHƯƠNG 4. CÔNG NGHỆ NUÔI TRỒNG NẤM ĂN (25 Tiết: 6 LT; 9 TL; 10 TH)

4.1. Công nghệ trồng nấm rơm

4.1.1. Đặc điểm sinh học của nấm rơm

4.1.2. Nhu cầu dinh dưỡng và điều kiện sinh thái

4.1.3. Kỹ thuật trồng nấm rơm

4.1.4. Một số bệnh thường gặp ở nấm rơm

4.2. Công nghệ trồng nấm sò

4.2.1. Đặc điểm sinh học của nấm sò

4.2.2. Nhu cầu dinh dưỡng và điều kiện sinh thái

4.2.3. Kỹ thuật trồng nấm sò

4.2.4. Một số bệnh thường gặp ở nấm sò

4.3. Công nghệ trồng mộc nhĩ

4.3.1. Đặc điểm sinh học của mộc nhĩ

4.3.2. Nhu cầu dinh dưỡng và điều kiện ngoại cảnh

4.3.3. Kỹ thuật trồng mộc nhĩ

4.3.4. Một số bệnh thường gặp ở mộc nhĩ

4.4. Công nghệ trồng nấm hương

4.4.1. Đặc điểm sinh học của nấm hương

4.4.2. Nhu cầu dinh dưỡng và điều kiện sinh thái

4.4.3. Kỹ thuật trồng nấm hương

4.4.4. Một số bệnh thường gặp ở nấm hương

CHƯƠNG 5. CÔNG NGHỆ NUÔI TRỒNG NẤM DƯỢC LIỆU

(25 Tiết: 6 LT; 9 TL; 10TH)

5.1. Công nghệ trồng nấm linh chi

5.1.1. Đặc điểm sinh học của nấm linh chi

5.1.2. Nhu cầu dinh dưỡng và điều kiện sinh thái

5.1.3. Kỹ thuật trồng nấm linh chi

5.1.4. Một số bệnh thường gặp ở nấm linh chi

5.2. Công nghệ nuôi trồng nấm Đông trùng hạ thảo

5.2.1. Đặc điểm sinh học của nấm Đông trùng hạ thảo

5.2.2. Nhu cầu dinh dưỡng và điều kiện sinh thái

5.2.3. Kỹ thuật nuôi trồng

5.2.4. Một số bệnh thường gặp ở nấm Đông trùng hạ thảo

5.3. Công nghệ trồng nấm Đầu khỉ

5.3.1. Đặc điểm sinh học của nấm Đầu khỉ

5.3.2. Nhu cầu dinh dưỡng và điều kiện sinh thái

5.3.3. Kỹ thuật trồng nấm Đầu khỉ

5.3.4. Một số bệnh thường gặp ở nấm Đầu khỉ

Thực hành:

Bài 1: Kỹ thuật nuôi trồng nấm ăn (nấm sò/ nấm mộc nhĩ) (10 Tiết)

Bài 2: Kỹ thuật nuôi trồng nấm dược liệu (nấm linh chi/ nấm đông trùng hạ thảo) (10 Tiết)

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 4 bài, trọng số 30%.

Đánh giá nhận thức, thái độ tham gia học trên lớp và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành

+ 3 bài kiểm tra viết theo hình thức trắc nghiệm và tự luận

+ 1 bài kiểm tra vào giờ bài tập, thảo luận trên lớp hoặc kỹ năng thực hành

Tiêu chí đánh giá:

+ Kiểm tra mức độ nhớ, thuộc bài (hiểu và biết) của người học (2/10)
+ Đánh giá khả năng phân tích, suy xét, nhận định của người học về vấn đề đặt ra.
(3/10)

+ Đánh giá khả năng ứng dụng, giải quyết vấn đề của người học trong từng trường hợp cụ thể. (5/10)

- **Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ:** Trọng số 20%

Hình thức: kiểm tra viết 50 phút

- **Kiểm tra đánh giá cuối kỳ:** Trọng số 50%

Hình thức: Thi viết 120 phút

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

* Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Lâm Dũng (2002), *Công nghệ nuôi trồng nấm T1*, 2. NXB Nông nghiệp, HN.

* Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Lâm Hùng (2002), *Kỹ thuật trồng mộc nhĩ* (Tái bản lần 2). NXB Nông nghiệp, HN.

2. Nguyễn Hữu Đồng, Đinh Xuân Linh (2001), *Nấm ăn cơ sở khoa học và công nghệ nuôi trồng*. NXB Nông nghiệp, HN

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS. TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.44. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. MARKETING NÔNG NGHIỆP/ AGRICULTURAL MARKETING

- Số tín chỉ: 03 (21, 27, 21)
- Mã học phần: 163295
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Bộ môn phụ trách học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần gồm:* Học phần Marketing nông nghiệp trang bị cho sinh viên các kiến thức về những nguyên lý cơ bản của marketing, những đặc điểm và chức năng của marketing, các chiến lược marketing sản phẩm, chiến lược giá cả, chiến lược phân phối sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp.

- *Năng lực đạt được:* Người học nhận thức được tầm quan trọng của marketing nông nghiệp và trách nhiệm của cán bộ kỹ thuật nông nghiệp trong sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; marketing, tiêu thụ nông sản phẩm và các vật tư liên quan; Có năng lực xây dựng chiến lược kinh doanh, phân phối tiêu thụ sản phẩm và marketing hiệu quả.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức

- Hiểu và giải thích được những nguyên lý cơ bản của marketing; những đặc điểm và chức năng của marketing.

- Hiểu được các chiến lược trong kinh doanh bao gồm về sản phẩm, giá sản phẩm và phân phối sản phẩm.

2.2. Về kỹ năng

- Có khả năng vận dụng được các kiến thức về marketing trong sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cây trồng, vật nuôi và vật tư nông nghiệp.

- Vận dụng được các chiến lược kinh doanh về sản phẩm, giá sản phẩm, chiến lược phân phối sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động marketing trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

2.3. Về thái độ

Người học nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của công tác marketing trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần thúc đẩy sản xuất nhằm phát triển một nền nông nghiệp bền vững.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ MARKETING, ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG CỦA MARKETING NÔNG NGHIỆP (6 tiết: 2LT, 4TL)

- 1.1. Hiểu biết chung về Marketing
- 1.2. Một số khái niệm cơ bản
- 1.3. Các quan điểm định hướng kinh doanh
- 1.4. Đặc điểm và chức năng của Marketing nông nghiệp.

CHƯƠNG 2. THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN HÀNG HOÁ VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG MARKETING KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

(10 tiết: 5LT, 5TL)

- 2.1. Khái niệm, vai trò và chức năng của thị trường

- 2.2. Đặc điểm về cung – cầu thị trường nông sản hàng hoá
- 2.3. Môi trường Marketing nông nghiệp
- 2.4. Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua hàng của người tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp
- 2.5. Thị trường các doanh nghiệp nông nghiệp
- 2.6. Phân khúc thị trường- lựa chọn thị trường mục tiêu

CHƯƠNG 3. CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

(17 tiết: 4LT, 6TL, 7TH)

- 3.1. Sản phẩm hàng hoá và đặc điểm của sản phẩm hàng hoá nông nghiệp
- 3.2. Các quyết định Marketing về chiến lược sản phẩm hàng hoá trong kinh doanh nông nghiệp
- 3.3. Chu kỳ sống của sản phẩm
- 3.4. Một số chiến lược sản phẩm được áp dụng trong kinh doanh nông nghiệp

CHƯƠNG 4. CHIẾN LƯỢC GIÁ CẢ NÔNG SẢN HÀNG HOÁ TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

(18 tiết: 5LT, 6TL, 7TH)

- 4.1. Giá cả và vai trò của giá trong kinh doanh nông nghiệp
- 4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá cả hàng hoá
- 4.3. Tiến trình xác định mức giá ban đầu
- 4.4. Các kiểu chiến lược giá
- 4.5. Chủ động và phản ứng đối với sự thay đổi giá và hạn chế rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp

CHƯƠNG 5. CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI NÔNG SẢN HÀNG HOÁ

(18 tiết: 5LT, 6TL, 7TH)

- 5.1. Một số vấn đề chung
- 5.2. Cấu trúc kênh phân phối và các loại kênh phân phối
- 5.3. Quyết định lựa chọn kênh phân phối
- 5.4. Quản trị kênh phân phối sản phẩm hàng hoá nông nghiệp

Thực hành: Thăm quan, học tập trên mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 4 bài, trọng số 30%.

Đánh giá nhận thức, thái độ tham gia học trên lớp và thái độ tham gia thảo luận; đánh

giá phần thực hành

+ 3 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận

+ 1 bài kiểm tra vào giờ bài tập, thảo luận trên lớp hoặc kỹ năng thực hành

Tiêu chí đánh giá:

+ Kiểm tra mức độ nhớ, thuộc bài (hiểu và biết) của người học (2/10)

+ Đánh giá khả năng phân tích, suy xét, nhận định của người học về vấn đề đặt ra. (3/10)

+ Đánh giá khả năng ứng dụng, giải quyết vấn đề của người học trong từng trường hợp cụ thể. (5/10)

- **Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ:** Trọng số 20%

Hình thức: kiểm tra viết 50 phút

- **Kiểm tra đánh giá cuối kỳ:** Trọng số 50%

Hình thức: Thi viết 120 phút hoặc làm bài tập lớn

Thi viết 120 phút : Nội dung trong chương trình đã học

Làm bài tập lớn: cho phép người học được tự lựa chọn 1 chủ đề (trong số các chủ đề cho sẵn).

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

* Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Nguyên Cự (2008), *Giáo trình Marketing nông nghiệp*. Nxb Trường Đại học Ngoại ngữ, Hà nội.

* Tài liệu tham khảo

1. Trần Minh Đạo (2006), *Giáo trình marketing căn bản* Nxb Đại học KTQD, HN.

2. Vũ Đình Thắng (2008), *Giáo trình kinh tế nông nghiệp*. Nxb Đại học KTQD, HN.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

B. KHUYẾN NÔNG/ Agriculture extension

- Số tín chỉ: 03 (21-27-21)

- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa học cây trồng.

- Điều kiện tiên quyết: Không.

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản trong hoạt động khuyến nông; Thực hiện lập kế hoạch, triển khai và đánh giá chương trình khuyến nông; Công tác truyền thông trong khuyến nông và một số phương pháp khuyến nông; Các vấn đề về công tác đào tạo trong khuyến nông; Một số phương pháp tiếp cận trong công tác khuyến nông.

Năng lực đạt được: Hiểu và trình bày được những vấn đề cơ bản của khuyến nông như nguyên tắc cơ bản, nội dung hoạt động của khuyến nông, cơ cấu tổ chức quản lý khuyến nông và các hoạt động khuyến nông; cách lập kế hoạch triển khai đánh giá một chương trình dự án khuyến nông; công tác đào tạo và tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong khuyến nông; lập được kế hoạch khuyến nông và tham gia làm việc nhóm; đào tạo tập huấn trong các chương trình khuyến nông; Đề xuất được cách khai thác sử dụng các thiết bị truyền thông cho các hoạt động khuyến nông trong điều kiện cụ thể; lựa chọn cách tiếp cận phù hợp trong việc triển khai các hoạt động khuyến nông ở địa phương.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Hiểu và trình bày được những vấn đề cơ bản của khuyến nông bao gồm: quá trình hình thành, phát triển công tác khuyến nông, nguyên tắc cơ bản, nội dung hoạt động của khuyến nông, cơ cấu tổ chức quản lý khuyến nông và các hoạt động khuyến nông.

- Hiểu và giải thích được cách lập kế hoạch triển khai đánh giá một chương trình dự án khuyến nông; công tác đào tạo và tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong khuyến nông.

- Hiểu, giải thích và vận dụng được hoạt động của công tác truyền thông trong khuyến nông; nội dung, phương pháp khuyến nông và các cách tiếp cận trong công tác khuyến nông.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Biết cách lập kế hoạch khuyến nông và tham gia làm việc nhóm.

- Phối hợp hoặc tham gia công tác đào tạo tập huấn trong các chương trình khuyến nông.

- Đề xuất được cách khai thác sử dụng các thiết bị truyền thông cho các hoạt động khuyến nông trong điều kiện cụ thể.

- Biết lựa chọn cách tiếp cận phù hợp trong việc triển khai các hoạt động khuyến nông ở địa phương.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của công tác khuyến nông và vai trò, trách nhiệm của người cán bộ khuyến nông trong việc đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và đưa các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy sản xuất nhằm phát triển một nền nông nghiệp bền vững.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ KHUYẾN NÔNG (5 tiết (LT: 2; BT, TL: 3))

1.1. Những khái niệm cơ bản về khuyến nông

1.1.1. Lịch sử khuyến nông trên thế giới và ở Việt Nam

- 1.1.2. Khái niệm khuyến nông
- 1.1.3. Mục tiêu, chức năng và vai trò của khuyến nông
- 1.1.4. Những nguyên tắc hoạt động cơ bản của khuyến nông
- 1.1.5. Nội dung hoạt động của khuyến nông

1.2. Tổ chức, quản lý khuyến nông và hoạt động khuyến nông Việt Nam

- 1.2.1. Những nguyên tắc cơ bản
- 1.2.2. Tổ chức khuyến nông

CHƯƠNG 2: LẬP KẾ HOẠCH, TRIỂN KHAI VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG (9 tiết (LT: 4; BT,TL:5))

2.1. Lập kế hoạch

- 2.1.1. Mục đích của việc lập kế hoạch
- 2.1.2. Nội dung của kế hoạch khuyến nông
- 2.1.3. Những nguyên tắc cơ bản của lập kế hoạch khuyến nông
- 2.1.4. Các giai đoạn trong việc lập kế hoạch

2.2. Triển khai thực hiện kế hoạch

2.3. Giám sát, đánh giá

- 2.3.1. Mục đích đánh giá
- 2.3.2. Mức độ đánh giá
- 2.3.3. Nội dung đánh giá
- 2.3.4. Phương pháp thu thập thông tin để đánh giá

CHƯƠNG 3: CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG VÀ PHƯƠNG PHÁP KHUYẾN NÔNG (12 tiết (LT: 5; BT,TL:7))

3.1. Lý luận về công tác khuyến nông

3.2. Một số phương pháp khuyến nông

- 3.2.1. Phương pháp khuyến nông cá nhân
- 3.2.2. Phương pháp khuyến nông nhóm
- 3.2.3. Sử dụng phương tiện thông tin đại chúng

CHƯƠNG 4: CÔNG TÁC ĐÀO TẠO TRONG KHUYẾN NÔNG (11 tiết (LT: 5; BT,TL:6))

4.1. Đặc điểm về vấn đề đào tạo trong công tác khuyến nông

4.2. Tâm lý nông dân

4.3. Vận dụng lý luận truyền thông nâng cao hiệu quả tiếp thu trong giảng dạy

4.4. Yêu cầu của giảng viên khuyến nông

4.5. Đào tạo tiểu giáo viên khuyến nông (Training of trainer- TOT)

4.6. Đánh giá kết quả của một khóa huấn luyện khuyến nông

CHƯƠNG 5: CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG TRONG KHUYẾN NÔNG (11 tiết (LT: 5; BT,TL:6))

5.1. Tiếp cận khuyến nông truyền thông và khuyến nông có sự tham gia

- 5.1.1. Ưu điểm và hạn chế của tiếp cận khuyến nông truyền thống
- 5.1.2. Phương pháp tiếp cận khuyến nông có sự tham gia

5.1.2.1. Một số vấn đề về sự tham gia

5.2. Một số phương pháp khuyến nông có sự tham gia

5.2.1. Phương pháp tiếp cận khuyến nông PAEM

5.2.2. Phát triển kỹ thuật có sự tham gia PTD

5.2.3. Lớp học hiện trường nông dân FFS (Farmer Field school)

Thực hành:

Bài 1: Lập kế hoạch cho công tác khuyến nông trong một năm tại địa phương. (7 tiết).

Bài 2: Chuẩn bị và tham gia các chương trình giảng dạy, tập huấn về công tác khuyến nông tại địa phương (7 tiết).

Bài 3: Xây dựng một mô hình trình diễn tại một địa phương cụ thể (7 tiết).

4. Yêu cầu của học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học gồm: Phòng học, phấn, bảng, projector, màn chiếu và máy tính.

- Sinh viên phải lên lớp nghe giảng ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết; thảo luận, seminar, làm việc nhóm, tham gia đầy đủ các bài thực hành, có đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên; kiểm tra giữa kỳ và bài kiểm tra cuối kỳ. Tự học những phần đã được yêu cầu; Đọc tài liệu theo hướng dẫn.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Hướng dẫn người học tìm và sử dụng các tài liệu có liên quan đến học phần; giải đáp thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Đầy đủ thiết bị dạy học: bảng, máy chiếu, ...

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- | | |
|------------------------------------|--------------|
| - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: | Trọng số 30% |
| - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: | Trọng số 20% |
| - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: | Trọng số 50% |

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học:

*** Tài liệu bắt buộc**

1. Nguyễn Văn Long (2008), *Giáo trình khuyến nông*, NXB Đại học Nông Nghiệp Hà Nội.

*** Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Duy Hoan, Tống Khiêm, Đinh Ngọc Lan (2007), *Tài liệu tập huấn phương pháp khuyến nông*, NXB Nông nghiệp.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.45. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

A. LẬP VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN PTNT/ Establishment and management of rural development projects

- Số tín chỉ: 03 (21; 27; 21)
- Mã học phần: 163317
- Điều kiện tiên quyết: Không.
- Bộ môn phụ trách học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần gồm:* Học phần cung cấp các kiến thức về dự án và xây dựng dự án, các bước trong việc tiến hành xây dựng một dự án theo phương pháp LFA; Các khâu trong việc thẩm định, đánh giá và giám sát một dự án; một số phương pháp, công cụ trong việc điều tra, đánh giá và thu thập thông tin cho việc xây dựng, thẩm định và giám sát một dự án phát triển nông thôn.

- *Năng lực đạt được:* Tham gia công tác xây dựng và thực hiện được các dự án phát triển nông thôn tại các cộng đồng và địa phương.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức: Hiểu và trình bày được các khái niệm cơ bản về DA, các bước trong một chu trình DA cũng như trong công tác quản lý DA; Nội dung, phương pháp xây dựng, thực hiện dự án phát triển nông thôn; Nội dung phương pháp phân tích, thẩm định DA; quy trình trong việc giám sát và đánh giá một DA phát triển nông thôn.

2.2. Về kỹ năng

- Xây dựng và hoàn thiện được cây vấn đề và chuyển cây vấn đề thành cây mục tiêu cụ thể cho một cộng đồng, một địa phương cụ thể;

- Xây dựng được khung LFA hoàn chỉnh cho việc xây dựng một dự án phát triển nông thôn với qui mô nhỏ.

2.3. Mục tiêu về thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của công tác lập và quản lý dự án. Có thái độ đúng đắn và tích cực trong học tập, tôn trọng thầy cô giáo, có tinh thần phấn đấu học hỏi góp phần vào công tác phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Có thái độ cởi mở, hòa nhập và luôn biết lắng nghe...

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

(3 LT; 3 TL)

- 1.1. Các khái niệm về dự án
- 1.2. Đặc điểm của dự án và phân loại dự án
- 1.3. Chu trình của dự án
- 1.4. Quản lý dự án
- 1.5. Một số thuật ngữ dùng trong dự án

CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(7 LT; 10 TL; 10 TH)

- 2.1. Khái niệm và đặc điểm của lập kế hoạch dự án
- 2.2. Phương pháp lập kế hoạch dự án định hướng theo mục tiêu
- 2.3. Các bước lập kế hoạch dự án theo phương pháp LFA
- 2.4. Hướng dẫn cách viết các phần trong bản đề xuất dự án

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(2 LT; 4 TL)

- 3.1. Phân tích dự án
- 3.2. Thẩm định dự án

CHƯƠNG 4. THỰC HIỆN DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(5 LT; 6 TL; 11 TH)

- 4.1. Khái niệm

- 4.2. Tổ chức bộ máy để thực hiện dự án
- 4.3. Vai trò của các tổ chức trong thực hiện dự án
- 4.4. Lập kế hoạch thực hiện dự án
- 4.5. Quản lý tiến độ dự án
- 4.6. Kết quả dự án
- 4.7. Các yếu tố thành công trong quản lý dự án

CHƯƠNG 5. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(4 LT; 4 TL)

- 5.1. Khái niệm chung
- 5.2. Giám sát dự án
- 5.3. Đánh giá dự án (Project Evaluation)

Thực hành:

Bài 1: Tổ chức các hoạt động: họp cộng đồng với người dân và phỏng vấn sâu chính quyền địa phương nhằm thu thập dữ liệu, viết đề xuất cây vấn đề và cây mục tiêu của địa phương đó (10 tiết).

Bài 2: Tổ chức các hoạt động: họp cộng đồng với người dân, Ban quản lý dự án và các bên liên quan của một dự án đang thực hiện nhằm xây dựng bản kế hoạch thực hiện cho dự án đó (11 tiết).

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- | | |
|------------------------------------|--------------|
| - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: | Trọng số 30% |
| - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: | Trọng số 20% |
| - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: | Trọng số 50% |

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

*** Tài liệu bắt buộc**

1. Hoàng Mạnh Quân, (2007). *Lập dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn*, NXB NN Hà Nội

*** Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), *Giáo trình Lập dự án đầu tư*. ĐHKQTĐ.
2. ĐHKQTĐ (1996), *Lập dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn*. Nxb NN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

B. PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/ Rural development

- Số tín chỉ: 03 (21,27,21)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Bộ môn phụ trách học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn.

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Lý luận cơ bản về phát triển nông thôn; phát triển kinh tế nông thôn: nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; phát triển cơ sở hạ tầng dịch vụ xã hội và môi trường nông thôn; vai trò của nhà nước và các tổ chức trong phát triển nông thôn (chính quyền các cấp, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức kinh tế và xã hội trong nông thôn).

Năng lực đạt được: Vận dụng được những kiến thức môn học để xây dựng chiến lược phát triển cho quá trình phát triển nông thôn tại địa phương, bao gồm: phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và dịch vụ xã hội. Vận dụng được kiến để phân tích, đánh giá các chính sách phát triển nông thôn đang, thực trạng phát triển của địa phương.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Hiểu và giải thích được các khái niệm về tăng trưởng phát triển, phát triển nông thôn và phát triển bền vững.

- Hiểu được các lý luận về cơ cấu kinh tế nông thôn, các hợp phần kinh tế nông thôn, vai trò của chúng và xu thế chuyển dịch của các chúng trong quá trình phát triển nông thôn.

- Hiểu được những cơ sở lý luận về vai trò của cơ sở hạ tầng, nhà nước, các cơ quan tổ chức có liên quan và các chính sách trong quá trình phát triển nông thôn.

- Hiểu được phương pháp nghiên cứu phát triển nông thôn cơ bản.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Vận dụng được những kiến thức môn học để xây dựng chiến lược phát triển cho quá trình phát triển nông thôn tại địa phương, bao gồm: phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và dịch vụ xã hội.

Vận dụng được kiến để phân tích, đánh giá các chính sách phát triển nông thôn đang, thực trạng phát triển của địa phương.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Người học nhận thức được tầm quan trọng của phát triển nông thôn và trách nhiệm của một kỹ sư nông nghiệp trong sản xuất nông nghiệp nói riêng và phát triển các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, môi trường tại địa phương, xây dựng kinh tế địa phương phát triển bền vững.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (5 tiết (LT: 2; BT,TL:3))

1.1. Giới thiệu về môn học

1.1.1. Vai trò của phát triển nông thôn

1.1.2. Giới thiệu về môn học phát triển nông thôn

1.2. Lý luận về nông thôn

1.2.1. Khái niệm về nông thôn

1.2.2. Những hợp phần cơ bản của nông thôn

1.3. Lý luận về tăng trưởng và phát triển

1.3.1. Tăng trưởng

1.3.2. Phát triển

1.3.3. Phát triển bền vững

1.4. Lý luận về phát triển nông thôn

1.4.1. Khái niệm phát triển nông thôn

1.4.2. Lý luận về phát triển nông thôn

1.5. Hệ thống chỉ tiêu phát triển nông thôn

1.5.1. Nhóm chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế

1.5.2. Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu nền kinh tế xã hội

1.5.3. Nhóm chỉ tiêu về phát triển xã hội

CHƯƠNG II: PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN (9 tiết (LT: 4; BT,TL:5))

2.1. Tổng quan về kinh tế nông thôn

2.1.1. vai trò của phát triển nông thôn

2.1.2. Các hoạt động kinh tế trong nông thôn

2.1.3. Các thành phần kinh tế trong nông thôn

2.1.4. Mục tiêu phát triển kinh tế nông thôn

2.1.5. Những bài học phát triển kinh tế nông thôn từ các nước Châu á

2.2. Phát triển nông nghiệp

2.2.1. Vai trò của nông nghiệp trong kinh tế nông thôn FGRVB

2.2.2. Phát triển nông nghiệp bền vững

2.2.3. Những thành tựu phát triển nông nghiệp Việt Nam thời kỳ đổi mới

2.2.4. Mục tiêu và những biện pháp chủ yếu phát triển nông nghiệp

2.3. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn

2.3.1. Vai trò của phát triển công nghiệp nông thôn

2.3.2. Các nguyên tắc phát triển công nghiệp nông thôn

2.3.3. Vai trò của Nhà nước trong phát triển công nghiệp nông thôn

2.3.4. Thực trạng phát triển công nghiệp nông thôn Việt Nam.

2.3.5. Chính sách và mục tiêu phát triển công nghiệp nông thôn

2.3.6. Giải pháp phát triển các lĩnh vực chính trong công nghiệp nông thôn

2.4. Phát triển dịch vụ nông thôn

2.4.1. Vai trò của phát triển dịch vụ nông thôn

2.4.2. Phân loại các lĩnh vực dịch vụ nông thôn

2.4.3. Chính sách và giải pháp phát triển dịch vụ nông thôn

CHƯƠNG III: PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG DỊCH VỤ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN (12 tiết (LT: 5; BT,TL:7))

3.1. Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn

3.1.1. Vai trò của phát triển cơ sở hạ tầng

3.1.2. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn

3.1.3. Chính sách và giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn

3.2. Phát triển dịch vụ xã hội nông thôn

3.2.1. Vai trò của phát triển dịch vụ xã hội nông thôn

3.2.2. Thực trạng phát triển các lĩnh vực dịch vụ xã hội nông thôn

3.2.3. Chính sách và giải pháp phát triển dịch vụ xã hội học nông thôn

3.3. Phát triển môi trường nông thôn

3.3.1. Vai trò của môi trường trong phát triển nông thôn

3.3.2. Những chính sách và giải pháp phát triển môi trường nông thôn

CHƯƠNG IV: VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ CÁC TỔ CHỨC TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (11 tiết (LT: 5; BT, TL: 6))

4.1. Vai trò của Nhà nước trong phát triển nông thôn

4.1.1. Hoạch định chiến lược và phát triển nông thôn

4.1.2. Xây dựng khung pháp lý ngân sách quốc gia và tài chính

4.1.3. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và công nghệ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn

4.1.4. Phát triển nguồn nhân lực

4.1.5. Đầu tư trực tiếp vốn ngân sách cho phát triển nông thôn

4.1.6. Hỗ trợ các đối tượng chính sách trong nông thôn

4.2. Vai trò của các tổ chức trong phát triển nông thôn

4.2.1. Chính quyền tỉnh, huyện và cơ sở

4.2.2. Hợp tác xã

4.2.3. Ngân hàng và các tổ chức tín dụng

4.2.4. Các doanh nghiệp Nhà nước

4.2.5. Khu vực tư nhân

4.2.6. Các tổ chức xã hội

4.2.7. Các tổ chức phi chính phủ

CHƯƠNG V: NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (11 tiết (LT: 5; BT, TL: 6))

5.1. Tổng quan về nghiên cứu phát triển nông thôn

5.1.1. Vai trò của nghiên cứu phát triển nông thôn

5.1.2. Tổng quan về nghiên cứu phát triển nông thôn

5.2. Phương pháp nghiên cứu phát triển nông thôn

5.2.1. Tiếp cận nghiên cứu phát triển nông thôn

5.2.2. Một số phương pháp nghiên cứu phát triển nông thôn

5.3. Tổ chức nghiên cứu phát triển nông thôn

5.3.1. Phương pháp nghiên cứu phát triển nông thôn

5.3.2. Tổ chức thực hiện nghiên cứu phát triển nông thôn

Thực hành:

Bài 1: Khảo sát tình hình phát triển kinh tế nông thôn tại địa phương. (11 tiết)

Bài 2: Phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong công tác

xây dựng nông thôn mới tại địa phương. (10 tiết)

4. Yêu cầu của học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học gồm: Phòng học, phấn, bảng, projector, màn chiếu và máy tính (cho những buổi học và Xeminar)

- Sinh viên phải lên lớp nghe giảng ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết; thảo luận, xeminar, làm việc nhóm, tham gia đầy đủ các bài thực hành, có đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên; kiểm tra giữa kỳ và bài kiểm tra cuối kỳ. Tự học những phần đã được yêu cầu; Đọc tài liệu theo hướng dẫn.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Hướng dẫn người học tìm và sử dụng các tài liệu có liên quan đến học phần; giải đáp thắc mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Đầy đủ thiết bị dạy học: bảng, máy chiếu, ...

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên:	Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ:	Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ:	Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học:

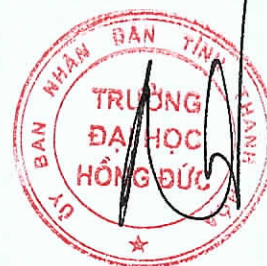
* Tài liệu bắt buộc

1. Mai Thanh Cúc (2005), Quyền Đình Hà, *Giáo trình Phát triển nông thôn*, NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo

1. Trương Huy Chinh, *Quy hoạch xây dựng nông thôn bền vững*, NXB NN. Hà Nội.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.46. RÈN NGHỀ/ Skilled practice

- Số tín chỉ: 03 (0, 0, 135)

- Mã học phần: 161106

- Bộ môn phụ trách học phần: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần cơ sở ngành và 1 số học phần chuyên ngành như giống cây rừng, đo đạc, trồng rừng, cây rừng.

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần: Sản xuất cây giống, trồng cây; đào phẫu diện đất, nhận biết cây rừng, thực nghiệm các biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng; điều tra thành phần, đánh giá mức độ sâu bệnh hại và lập lịch phát sinh sâu hại; Điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng và xây dựng cơ sở dữ liệu rừng, khai thác, chặt nuôi dưỡng và lập quy hoạch.

- Năng lực đạt được: Xây dựng được kế hoạch sản xuất cây giống, trồng cây; đào phẫu diện đất, nhận biết cây rừng, thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng; điều tra thành phần, đánh giá mức độ sâu bệnh hại và lập lịch phát sinh sâu hại; Điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng và xây dựng cơ sở dữ liệu rừng, các bước khai thác, chặt nuôi dưỡng và lập quy hoạch rừng.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu kiến thức: Xác định được kiến thức cơ bản trong khâu sản xuất cây con đến khai thác trong lâm nghiệp.

2.2. Mục tiêu kỹ năng: Hình thành kỹ năng nghề nghiệp thông qua rèn luyện các thao tác kỹ thuật cơ bản trong sản xuất lâm nghiệp.

2.3. Mục tiêu thái độ: Nhận thức được vai trò của công tác rèn nghề, nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có thái độ tôn trọng thầy cô và sinh viên trong lớp.

3. Nội dung học phần:

Nội dung 1: SẢN XUẤT CÂY GIỐNG, TRỒNG CÂY (35 tiết)

1.1. Sản xuất cây giống

1.2. Thực hành trồng cây trên đất lâm nghiệp

Nội dung 2: ĐÀO PHẪU DIỆN ĐẤT, NHẬN BIẾT CÂY RỪNG (20 tiết)

2.1. Đào phẫu diện đất lâm nghiệp

2.2. Điều tra nhận biết cây rừng

Nội dung 3: THỰC NGHIỆM CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY RỪNG (20 tiết)

3.1. Thực hiện các biện pháp phòng cháy rừng

3.2. Thực hiện các biện pháp chữa cháy rừng

Nội dung 4: ĐIỀU TRA THÀNH PHẦN, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ SÂU BỆNH HẠI VÀ LẬP LỊCH PHÁT SINH SÂU HẠI. (20 tiết)

4.1. Điều tra thành phần sâu hại

4.2. Đánh giá mức độ sâu bệnh hại

4.3. Lập lịch phát sinh sâu hại tại cơ sở, địa phương

Nội dung 5: ĐIỀU TRA, KIỂM KÊ, THEO DÕI DIỄN BIẾN RỪNG VÀ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU RỪNG (20 tiết)

- 5.1. Điều tra rừng
- 5.2. Kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng
- 5.3. Xây dựng cơ sở dữ liệu rừng

Nội dung 6: KHAI THÁC, CHẶT NUÔI DƯỠNG VÀ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG RỪNG (20 tiết)

- 6.1. Thực hành khai thác cây rừng
- 6.2. Chặt tỉa thưa, chặt cành và chặt vệ sinh
- 6.3. Lập quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp.
- 4. **Yêu cầu của môn học:** Người học phải tham dự đầy đủ số giờ rèn nghề. Sau khi kết thúc thời gian rèn nghề người học phải tham gia thi tay nghề.
- 5. **Phương pháp giảng dạy:** Hướng dẫn thực hành
- 6. **Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học thực hiện được các nội dung của học phần.
- 7. **Trang thiết bị:** Vườn ươm, rừng trồng, rừng tự nhiên.
- 8. **Phương pháp đánh giá môn học**
 - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
 - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (thi tay nghề): Trọng số 70%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

Tài liệu các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.47. CÔNG TRÌNH TỔNG HỢP/ Integrated works

- Số tín chỉ: 03 (0;0;135)
- Mã học phần: 161107
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: rèn nghề.

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần: Thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất cây giống lâm nghiệp chăm sóc cây con, hom giâm trong vườn ươm; phương án phòng và chữa cháy rừng và lập hồ sơ khai thác rừng.

- Năng lực đạt được: Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất cây giống lâm nghiệp chăm sóc cây con, hom giâm trong vườn ươm; biện pháp phòng và chữa cháy rừng và khai thác rừng.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Lựa chọn quy trình kỹ thuật sản xuất cây giống lâm nghiệp chăm sóc cây con, hom giâm trong vườn ươm; biện pháp phòng và chữa cháy rừng và khai thác rừng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Tổ chức thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất cây giống lâm nghiệp chăm sóc cây con, hom giâm trong vườn ươm; biện pháp phòng và chữa cháy rừng và khai thác rừng.

2.3. Mục tiêu thái độ: Nhận thức được vai trò tầm quan trọng của việc thực hiện 1 công trình tổng hợp nhằm nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có thái độ tôn trọng thầy cô và sinh viên trong lớp.

3. Nội dung học phần

NỘI DUNG 1. HOÀN THIỆN QUY TRÌNH SX GIỐNG, TRỒNG CÂY(45 tiết)

1.1. Tạo cây con và chăm sóc tại vườn ươm

1. 2. Kỹ thuật trồng cây

NỘI DUNG 2. LẬP PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, PHÒNG TRỪ SÂU BỆNH HẠI RỪNG (45 tiết)

2.1. Phương án phòng cháy rừng

2.2. Phương án chữa cháy rừng

NỘI DUNG 3. LẬP HỒ SƠ THIẾT KẾ KHAI THÁC RỪNG (45 tiết)

3.1. Cơ sở và thiết kế các chỉ tiêu kỹ thuật khai thác

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế trong khai thác rừng

4. Yêu cầu của môn học: Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ của học phần. Kết thúc học phần người học phải nộp báo cáo thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:Hướng dẫn thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học thực hiện được các nội dung của học phần.

7. Trang thiết bị: Vườn ươm, rừng trồng, các công cụ thiết bị tại vườn ươm, thiết bị phòng cháy chữa cháy và khai thác rừng.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (thi tay nghề): Trọng số 70%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

Tài liệu các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.48. THỰC TẬP GIÁO TRÌNH/ Academic trip

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 161108
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: rèn nghề, công trình tổng hợp, các học phần chuyên ngành.

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Điều tra đánh giá tổng hợp nhiệm vụ phát triển rừng, quản lý bảo vệ rừng tại cơ quan, đơn vị; thăm quan, đánh giá tổng hợp mô hình dịch vụ du lịch kết hợp bảo tồn ở các khu rừng đặc dụng và lập quy hoạch phát triển lâm nghiệp

- *Năng lực đạt được:* Xây dựng được báo cáo điều tra đánh giá tổng hợp nhiệm vụ phát triển rừng, quản lý bảo vệ rừng tại cơ quan, đơn vị; thăm quan; đánh giá tổng hợp mô hình dịch vụ du lịch kết hợp bảo tồn ở các khu rừng đặc dụng và lập quy hoạch phát triển lâm nghiệp

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức: củng cố kiến thức lý thuyết đã học và học tập những tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lâm nghiệp tại các cơ sở.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Có khả năng tiếp cận được với các tiến bộ kỹ thuật mới trong nghiên cứu, quản lý, sản xuất thuộc lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp; ghi nhận, mô tả, đánh giá và viết được báo cáo kết quả về các nội dung thu được từ đợt thực tập.

2.3. Mục tiêu thái độ: Nhận thức được vai trò tầm quan trọng của đợt thực tập giáo trình nhằm nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có thái độ tôn trọng thầy cô và sinh viên trong lớp.

3. Nội dung học phần

Nội dung 1: ĐIỀU TRA ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN RỪNG, QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ (45 tiết)

1.1. Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ phát triển rừng

1.2. Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng

Nội dung 2: THĂM QUAN, ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP MÔ HÌNH DỊCH VỤ DU LỊCH KẾT HỢP BẢO TỒN Ở CÁC KHU RỪNG ĐẶC DỤNG (45 tiết)

2.1. Vấn đề phát triển du lịch

2.2. Công tác bảo tồn động thực vật và tài nguyên khác

Nội dung 3: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP (45 tiết)

3.1. Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu phục vụ quy hoạch

3.2. Viết báo cáo quy hoạch các cấp phù hợp với điều kiện thực tế.

4. Yêu cầu của môn học: Người học phải tham dự đầy đủ số giờ của học phần. Kết thúc học phần người học phải nộp báo cáo thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Hướng dẫn thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học thực hiện được các nội dung của học phần.

7. Trang thiết bị:

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Sau khi kết thúc các nội dung. Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ (kết quả chấm báo cáo thực hành): Trọng số 70%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

Tài liệu các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS. TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.49. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP/graduation internship

- Số tín chỉ: 04 (0,0,180)
- Mã học phần: 161109
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các học phần với tổng số từ 122 tín chỉ trở lên.

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Sinh viên tìm hiểu cơ sở sản xuất trong một thời gian nhất định. Tham gia thực hiện các công việc tại đơn vị như một kỹ sư thực sự.

- *Năng lực đạt được:* Quan sát, tìm hiểu, nắm bắt được nguyên lý quy trình sản xuất, cách thức làm việc, tổ chức sản xuất của đơn vị. Thực hiện được một số kỹ năng nghề nghiệp như: nghiên cứu phát hiện vấn đề, thực hiện công việc được đơn vị phân công, báo cáo kết quả công việc, đặc biệt là tư duy và phát triển được phương thức làm việc trong môi trường mới, làm việc trong một tập thể. Viết được báo cáo kết quả công việc đã thực hiện trong quá trình thực tập tại cơ sở.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Kiến thức:

Sinh viên có được các kiến thức về nội quy, quy định tại cơ sở sản xuất, cách thức tổ chức công việc, phương pháp làm việc với những việc cụ thể mà người học được giao trong quá trình thực tập. Có kiến thức tư duy vào công việc cụ thể, định hình và lập kế hoạch làm việc ở thời điểm hiện tại và tương lai.

2.2. Kỹ năng:

Sinh viên có khả năng tiếp thu nhanh chóng các công việc được giao, làm việc thuần thục với tư duy chuyên môn phù hợp, có kỹ năng sắp xếp thời gian cho công việc, sắp xếp trình tự công việc và thực hiện công việc được giao một cách hoàn chỉnh. Có kỹ năng tổ chức công việc và tùy thuộc vào tình hình cụ thể trong sản xuất mà có những thay đổi phù hợp để hoàn thành tốt các công việc được giao trong quá trình thực tập.

2.3. Thái độ:

Sinh viên có thái độ tích cực với công việc được giao, luôn nhiệt tình và cầu thị trong công việc.

3. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (15 tiết)

- 1.1. Xây dựng đề cương thực tập.
- 1.2. Xây dựng kế hoạch công việc cụ thể ở mỗi địa điểm thực tập khác nhau.
- 1.3. Xây dựng và ghi chép nhật ký thực tập.
- 1.4. Học quy định nội bộ tại cơ sở thực tập.

Nội dung 2: THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (120 tiết)

- 2.1. Tiếp nhận công việc được giao tại điểm thực tập.
- 2.2. Tìm hiểu công việc được giao.
- 2.3. Đọc tài liệu có liên quan đến công việc được giao.
- 2.4. Tiếp cận và thực hiện công việc được giao dưới sự hướng dẫn của giáo viên và cán bộ tại đơn vị sinh viên thực tập.
- 2.5. Điều tra thu thập thông tin, số liệu, dữ liệu theo đề cương đã được duyệt.
- 2.6. Thống kê số liệu vào Sổ số liệu thô và số liệu tinh.

Nội dung 3: PHÂN TÍCH, VIẾT BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (45 tiết)

- 3.1. Nhập và xử lý số liệu bằng các phần mềm chuyên ngành lâm nghiệp
- 3.2. Phân tích, tổng hợp và viết báo cáo thực tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.
- 3.3. Nộp báo cáo cho bộ môn phân công giáo viên chấm.

4. Yêu cầu đối với môn học

Sinh viên có thể chủ động liên hệ cơ sở thực tập đúng chuyên môn và phù hợp với điều kiện về địa điểm, khoảng cách để thực tập. Sinh viên chuẩn bị đầy đủ các nội dung, tài liệu liên quan đến công việc được giao trong quá trình thực tập. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định nơi thực tập. Có thái độ nghiêm túc khi làm việc tại cơ sở thực tập, luôn cầu thị, học hỏi dưới sự chỉ dẫn của cán bộ tại nơi thực tập cũng như giáo viên hướng dẫn.

5. Phương pháp giảng dạy: Hướng dẫn thực hành công việc trực tiếp tại cơ sở thực tập.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình thực tập, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm kiếm tài liệu liên quan đến công việc được giao. Trao đổi thông tin về quá trình thực tập hàng tuần thông qua email hoặc điện thoại. Kiểm tra quá trình sinh viên thực tập tại cơ sở theo lịch trình đã định trước.

7. Trang thiết bị:

Phụ thuộc vào điều kiện sản xuất của đơn vị tại cơ sở.

Phòng báo cáo kết quả thực tập, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thuyết trình nội dung thực tập.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Giáo viên hướng dẫn chấm 1 con điểm: Trọng số 50%.
- Giáo viên phản biện chấm 1 con điểm: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu:

9.1. Giáo trình chính: Toàn bộ các tài liệu chính chuyên ngành ở các học phần đã học.

9.2. Tài liệu tham khảo: Các tài liệu tham khảo chuyên ngành ở các học phần đã học.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

9.50. ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP/ Diploma Project

- Số tín chỉ: 04 (0,0,450)
- Mã học phần: 161111
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lâm nghiệp và phát triển nông thôn
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành thực tập tốt nghiệp, Tính đến thời điểm ra quyết định có điểm trung bình chung tích lũy tối thiểu đạt từ 2.0 và số tín chỉ bị điểm F không quá 8%.

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Thực hiện một đề tài tại các cơ sở sản xuất, khu thí nghiệm thực hành, bao gồm các công việc như xác định vấn đề, xây dựng, bảo vệ đề cương; thực hiện các nội dung theo đề cương, viết đồ án, bảo vệ đồ án trước hội đồng chuyên môn. Đây là đề tài nghiên cứu khoa học về các lĩnh vực trong lâm nghiệp như: chọn, tạo giống cây rừng; điều tra sinh trưởng, đánh giá thực trạng rừng và đề xuất các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trong sản xuất kinh doanh rừng; quản lý bảo vệ rừng.

- *Năng lực đạt được:* Xây dựng được đề cương đề tài tốt nghiệp; bảo vệ được đề cương thực tập tốt nghiệp; thực hiện được các nội dung trong đề cương, viết được báo cáo khoa học, bảo vệ được đồ án tốt nghiệp.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức: hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành và kỹ năng nghề nghiệp đã được hình thành, phát triển qua các đợt thực hành môn học, thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Thực hiện được các nội dung nghiên cứu một đề tài khoa học: khả năng xác định vấn đề và giải quyết độc lập các vấn đề có ý nghĩa thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu. Rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản. Thuyết trình được đề cương của một đề tài khoa học trước hội đồng chuyên môn. Làm quen với công tác chỉ đạo, tổ chức sản xuất ở cơ sở, đồng thời giúp cơ sở sản xuất giải quyết một số vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo.

3. Nội dung học phần

Nội dung 1: LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU (50 tiết)

- 1.1. Xác định và lựa chọn các vấn đề cần nghiên cứu tại địa điểm thực tập
- 1.2. Xây dựng đề cương Đồ án tốt nghiệp.
- 1.3. Thu thập tài liệu, tìm hiểu xác định tổng quan vấn đề nghiên cứu
- 1.4. Xây dựng và ghi chép nhật ký thực hiện Đồ án tốt nghiệp.

Nội dung 2: THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP (350 tiết)

- 2.1. Điều tra thu thập thông tin về các điều kiện cơ bản tại địa điểm thực tập;
- 2.2. Điều tra thu thập thông tin, số liệu sơ cấp, số liệu thứ cấp, các tài liệu, dữ liệu có liên quan đến nội dung nghiên cứu theo đề cương đã được duyệt;
- 2.3. Bố trí các thí nghiệm, thực nghiệm thuộc đối tượng nghiên cứu;
- 2.4. Điều tra thu thập thông tin, số liệu, dữ liệu theo đề cương đã được duyệt;
- 2.5. Thống kê số liệu vào Sổ số liệu thô và số liệu tinh.

Nội dung 3: PHÂN TÍCH, VIẾT BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (50 tiết)

3.1. Nhập và xử lý số liệu bằng các phần mềm chuyên ngành lâm nghiệp SPSS, Mapinfor, GIS... nhằm có được kết quả nghiên cứu.

3.2. Phân tích, tổng hợp và viết báo cáo Đồ án tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.

3.3. Nộp báo cáo Đồ án tốt nghiệp cho bộ môn

3.4. Bảo vệ đồ án trước hội đồng đánh giá.

3.5. Chỉnh sửa và hoàn thiện Đồ án tốt nghiệp theo ý kiến của Hội đồng.

4. Yêu cầu của môn học: Người học phải bảo vệ được đề cương thực tập tốt nghiệp, chỉnh sửa đề cương theo các nội dung góp ý của các thành viên hội đồng. Thực hiện đầy đủ các nội dung học phần. Có số liệu thô, số liệu tinh và nhật ký thực tập đầy đủ. Đảm bảo đầy đủ các yêu cầu của đoàn kiểm tra trong 2 lần kiểm tra tiến độ. Thường xuyên báo cáo tiến độ và kết quả công việc với giáo viên hướng dẫn. Nộp đồ án đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng.

5. Phương pháp giảng dạy: Hướng dẫn thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình sinh viên thực tập, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn người học lựa chọn vấn đề nghiên cứu, viết đề cương nghiên cứu, hoàn thiện đề cương, thực hiện nội dung trong đề cương, xử lý số liệu và viết báo cáo.

7. Trang thiết bị: dụng cụ, máy móc sử dụng trong điều tra, đo đạc....

8. Phương pháp đánh giá môn học

Kết thúc thời gian thực hiện đồ án tốt nghiệp sinh viên nộp báo cáo kết quả thực tập (đồ án tốt nghiệp) theo mẫu quy định.

Đồ án tốt nghiệp được phân công cho 2 giáo viên phản biện đọc và chấm điểm.

Bộ môn thành lập hội đồng đánh giá đồ án tốt nghiệp. Điểm đồ án là điểm bình quân của 2 phản biện và các thành viên trong hội đồng.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu chính: Toàn bộ các tài liệu chính chuyên ngành ở các học phần đã học.

9.2. Tài liệu tham khảo: Toàn bộ các tài liệu tham khảo chuyên ngành ở các học

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

10. Dự kiến đơn vị giảng dạy

TT	Tên học phần	Bộ môn
1	Triết học Mac-Lênin	LL Mác-LN
2	Kinh tế chính trị Mac-Lê nin	LL Mác-LN
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL Mác-LN
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LSD-TT
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LSD-TTHCM
6	Pháp luật đại cương	Luật
7	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ KC
8	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ KC
9	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ KC
10	Xác suất - Thống kê	Toán ứng dụng
11	Tin học	Tin ứng dụng
12	Hoá học	Hoá học
13	Hoá sinh học	KH vật nuôi
14	Công nghệ sinh học	LN & PTNT
15	Sinh thái môi trường/ Khoa học môi trường	KH Đất & MT
16	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Việt Nam học du lịch
17	Tâm lý lao động	Tâm lý GD
18	PP nghiên cứu khoa học và Thống kê lâm nghiệp	LN & PTNT
19	PP nghiên cứu khoa học và Thống kê lâm nghiệp	LN & PTNT
20	Thực vật học	KHCT
21	Khí tượng thủy văn rừng/ Khí tượng nông nghiệp	LN & PTNT/ Khoa học CT
22	Sinh thái rừng/ Sinh thái cảnh quan	LN&PTNT
23	Vi sinh vật học	LN & PTNT
24	Thổ nhưỡng	KH Đất & MT
25	Đo đạc lâm nghiệp	LN & PTNT
26	Nuôi trồng thủy sản Đại cương	KH Vật nuôi
27	Cây rừng/ Cây xanh đô thị	LN&PTNT
28	Giống cây rừng	LN & PTNT
29	Trồng rừng	LN & PTNT

TT	Tên học phần	Bộ môn
30	Động vật rừng	LN & PTNT
31	Sâu bệnh hại cây rừng	LN & PTNT
32	Quản trị trang trại	LN & PTNT
33	Điều tra rừng	LN & PTNT
34	Quy hoạch lâm nghiệp	LN & PTNT
35	Khai thác lâm sản	LN & PTNT
36	Kỹ thuật lâm sinh	LN & PTNT
37	Sản lượng rừng	LN & PTNT
38	Chế phẩm sinh học trong nông nghiệp / CN vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp	KH cây trồng
39	Đa dạng sinh học/ Chăn nuôi động vật hoang dã	LN&PTNT
40	Nông lâm kết hợp/ Hệ thống nông nghiệp	LN&PTNT/KH cây trồng
41	Lửa rừng/ Dự báo tài nguyên và quản lý thảm họa rừng	LN&PTNT
42	Kinh tế lâm nghiệp/ Pháp luật lâm nghiệp	LN&PTNT
43	Cây dược liệu/CN nuôi trồng nấm ăn và nấm dược liệu.	KH cây trồng
44	Marketing nông nghiệp/ Khuyến nông	LN&PTNT/ KH cây trồng
45	Lập và quản lý dự án PTNT/ Phát triển nông thôn	LN&PTNT
46	Rèn nghề	LN&PTNT
47	Công trình tổng hợp	LN&PTNT
48	Thực tập giáo trình	LN&PTNT
49	Thực tập tốt nghiệp	LN&PTNT
50	Khoá luận tốt nghiệp	LN&PTNT

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị quan trọng

Đáp ứng đủ nhu cầu thiết bị, máy móc, dụng cụ, vật tư hoá chất cho thực hiện các bài thực hành thực tập học phần, thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp cho sinh viên trong lĩnh vực phân tích đất, nước, sinh lý, sinh hoá cây trồng, đo vẽ bản đồ, điều tra, xác định các chỉ tiêu sinh trưởng cây trồng, trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và khai thác lâm sản.

11.2. Phòng máy tính

Trang bị đủ số lượng máy tính (1 người/máy) và các phần mềm xử lý thống kê sinh học (SPSS, Excel), phục vụ thực hành, thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp của sinh viên.

11.3. Khu thí nghiệm thực hành

Xây dựng các mô hình sản xuất cây giống lâm nghiệp, nấm ăn, nấm dược liệu, phục vụ cho thực hành, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên.

11.4. Điểm liên kết đào tạo

Xây dựng một số điểm liên kết đào tạo với các cơ sở sản xuất, viện nghiên cứu trong và ngoài tỉnh, tạo địa bàn thực hành, thực tập, tham quan học tập và triển khai thực hiện các đề tài thực tập tốt nghiệp của sinh viên

11.5. Hệ thống tư liệu, thư viện, mạng internet:

- Cung cấp đủ số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo cho các học phần (theo danh mục liệt kê); trang bị thêm các đầu sách, báo, tạp chí và tài liệu tham khảo khác thuộc lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp, đáp ứng nhu cầu tham khảo, tra cứu thông tin của giảng viên và học viên.

- Đảm bảo hệ thống mạng internet thông suốt 24/24 giờ trong ngày, đáp ứng nhu cầu tra cứu, cập nhật thông tin tại thư viện và tại phòng học của sinh viên.

11.6. Giáo trình và tài liệu tham khảo cho các môn học chính

TT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc/TLTK	NXB	Năm
1	Triết học Mac-Lênin	TL bắt buộc		
		1. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin, GT Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị)	CTQG Sự Thật	2021
		2. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>	CTQG	2015
		TL tham khảo		
		1. Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin</i>	CTQG	2005
		2. Nguyễn Hữu Vui, <i>Lịch sử triết học</i>	CTQG	1997
2	Kinh tế chính trị Mac-Lênin	TL bắt buộc		
		1. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> , (dành cho bậc ĐH không chuyên Lý luận chính trị)	CTQG Sự Thật	2021
		2. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>	CTQG	2004
		TL tham khảo		
		Văn kiện đảng toàn tập tập : 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12	CTQG	1999-2002
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TL bắt buộc		
		1. Bộ GD & ĐT, <i>GT Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc ĐH không chuyên Lý luận chính trị)	CTQG Sự Thật	2021
		TL tham khảo		
		1. <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>	CTQG	2015
		2. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học.</i>	CTQG	2008
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt	TL bắt buộc		
		1. Bộ GD&ĐT, <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>	CTQGST	2021

TT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc/TLTK	NXB	Năm
	Nam	2. Bộ GD&ĐT, <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>	CTQG	2006
		TL tham khảo		
		1. Bộ GD&ĐT, <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III</i>	CTQG	2007
		Văn kiện Đảng toàn tập tập tập: I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII,IX,X,XI,XII,XIII	CTQG	1999-2002
5	Tur tưởng Hồ Chí Minh	TL bắt buộc		
		1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	CTQGST	2021
		TL tham khảo		
		1. Bộ Giáo dục và đào tạo, <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	CTQG	2019
		2. Hồ Chí Minh, <i>Biên niên tiểu sử (10 tập)</i>	CTQG	2016
		3. Hồ Chí Minh, <i>Toàn tập.</i>	CTQG	2011
6	Pháp luật đại cương	4. Võ Nguyên Giáp, <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>		2008
		TL bắt buộc		
		1. Lê Văn Minh, <i>Pháp luật đại cương</i>	Lao động	2016
		TL tham khảo		
		1. Lê Minh Toàn (chủ biên). <i>Giáo trình pháp luật đại cương (Quyển 1)</i>	CTQG	2012
7	Tiếng Anh 1	2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan, <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật (Quyển 2)</i>	CAND	2015
		TL bắt buộc		
		1. Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, <i>New English File. Elementary.</i>	Oxford University Press	2012
		2. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự. <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ A, quyển 1.</i>	Thanh Hóa	2018
		TL tham khảo		
		1. Raymond Murphy. <i>Essential Grammar In Use</i>	Thời đại	2013
8	Tiếng Anh 2	2. Cambridge ESOL. <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i>	Cambridge University Press	2011
		TL bắt buộc		
		1. . Christina Latham –Kooeing, Clive Oxenden and Paul Seligson, <i>English File. Pre-intermediate, 3rd edition</i>	VHTT	2011
		2. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự. <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B</i>	Thanh Hóa	2018
		TL tham khảo		
		1. Raymond Murphy, <i>Grammar In Use.</i> Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành	Thời đại	2013
		2. Cambridge ESOL, <i>Cambridge Preliminary English Test</i>	Cambridge University	2013

TT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc/TLTK	NXB	Năm
			Press	
		3. Cambridge ESOL, Cambridge Preliminary English Test.	Cambridge University Press	2014
		TL bắt buộc		
		1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson. <i>English File-Preintermediate 3rd edition</i>	Oxford University Press	2013
		2. Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET</i>	Richmond Publishing	
		TL tham khảo		
9	Tiếng Anh 3	1. Raymond Murphy, <i>Ngữ Pháp thông dụng tiếng Anh: English Grammar In Use</i>	HN	1997
		2. Cambridge ESOL, <i>Cambridge Preliminary English Test</i>	Cambridge University Press	2011
		3. Cambridge ESOL, <i>Cambridge Preliminary English Test</i>	Cambridge University Press	2015
		TL bắt buộc		
10	Xác xuất- Thống kê	1. Đào Hữu Hồ. <i>Xác xuất và thống kê.</i>	ĐHQG, HN	2001
		TL tham khảo		
		1. Phạm Văn Kiều, Lê Thiên Hương. <i>Xác xuất và thống kê</i>	Giáo dục	2001
		2. Tổng Đình Quỳ, <i>Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê</i>	Giáo dục	2000
		TL bắt buộc		
11	Tin học	1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang. <i>Giáo trình tin học cơ sở.</i>	ĐHSP	2015
		TL tham khảo		
		1. Lê Thị Hồng (CB) – Phạm Thế Anh - Phạm Thị Hồng. <i>Tin học căn bản</i>	KH&KT	2010
		2. Hàn Việt Thuận, <i>Giáo trình Tin học đại cương</i>	ĐHQTKD	2007
		TL bắt buộc		
12	Hóa học	1. Nguyễn Tinh Dung, <i>Hoá học phân tích phần II,III</i>	Giáo dục	2000
		2. Trần Quốc Sơn, Đặng Văn Liễu, <i>Hóa học hữu cơ.</i>	ĐHQG, HN	2005
		TL tham khảo		
		1. Nguyễn Hữu Đình. <i>Bài tập hóa hữu cơ</i>	Giáo dục	2008
		TL bắt buộc		
13	Hóa sinh học	1 Phạm T. Trần Châu, Trần Thị Áng, <i>Hoá sinh học</i>	Giáo dục.	2016
		TL tham khảo		
		1. Ngô Xuân Mạnh, Vũ Kim Bảng, Nguyễn Đặng Hùng, Vũ Kim Thư, <i>Hoá sinh thực vật.</i>	NN,HN	2006

TT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc/TLTK	NXB	Năm
		2. Trần Tổ, Cù Thị Thúy Nga, <i>Sinh hóa học động vật</i>	NN,HN	2008
14	Công nghệ sinh học	TL bắt buộc		
		1. Nguyễn Quang Thạch, Nguyễn Thị Lý Anh. <i>Giáo trình Công nghệ sinh học nông nghiệp</i>	NN,HN	2009
		TL tham khảo		
		1 Lê Đình Lương, Quyền Đình Thi, <i>Kỹ thuật di truyền ứng dụng</i>	KHTN,HN	2004
		2 Đỗ Năng Vịnh, <i>Công nghệ sinh học cây trồng.</i>	NN,HN	2002
15a	Sinh thái môi trường	TL bắt buộc		
		1. Trần Đức Viên và cs. <i>Giáo trình Sinh thái học Nông nghiệp.</i>	Giáo dục	2004
		TL tham khảo		
		1. Lê Văn Thắng, <i>Giáo trình Khoa học Môi trường đại cương.</i>	Giáo dục	1997
15b	Khoa học môi trường	TL bắt buộc		
		1. Lê Văn Khoa, <i>Khoa học môi trường.</i>	Giáo dục	2008
		TL tham khảo		
		1. Lưu Đức Hải, <i>Cơ sở khoa học môi trường</i>	ĐHQG HN.	2000
16	Cơ sở văn hóa Việt Nam	TL bắt buộc		
		1. Trần Ngọc Thêm, <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>	Giáo dục	2000
		TL tham khảo		
		1. Trần Quốc Vượng, <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>	Giáo dục	2002
		2. Đào Duy Anh, <i>Việt Nam văn hoá sử cương</i>	VH TT HN	2002
17	Tâm lý lao động	TL bắt buộc		
		1. Lê Thị Dung, <i>Tâm lý học lao động.</i>	LĐXH	2009
		2. Võ Hưng, Phạm Thị Bích Ngân, <i>Tâm lý học lao động.</i>	ĐHQG TPHCM	2007
		TL tham khảo		
		1. Đào Thị Oanh, <i>Tâm lý học lao động.</i>	ĐHQG, HN	2003
18	PP nghiên cứu KH và Thống kê lâm nghiệp	TL bắt buộc		
		1. Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>	Giáo dục	2008
		2. Ngô Kim Khôi, <i>Tin học ứng dụng trong lâm nghiệp</i>	NN,HN	2001
		TL tham khảo		
		1. Nguyễn Hải Tuất, Nguyễn Trọng Bình, <i>Khai thác và sử dụng SPSS để xử lý số liệu nghiên cứu trong lâm nghiệp.</i>	NN,HN	2006
19	Thực vật học	TL bắt buộc		
		1. Trần Thế Bách, Phạm Thanh Loan. <i>Giáo trình thực vật học</i>	ĐHSP,HN	2007
		TL tham khảo		
		1. Nguyễn Bá. <i>Giáo trình thực vật: Đại cương</i>	Giáo dục	2009

TT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc/TLTK	NXB	Năm
		<i>về giải phẫu hình thái và phân loại TV học</i>		
		2. Hoàng Thị Sản, Hoàng Thị Bé, <i>Phân loại học thực vật.</i>	Giáo dục	2006
20	Sinh lý thực vật	TL bắt buộc		
		1. Hoàng Minh Tấn, Vũ Quang Sáng, Nguyễn Kim Thanh, <i>Giáo trình Sinh lý thực vật</i>	ĐHSP	2004
		TL tham khảo		
		1. Nguyễn Như Khanh, Cao Phi Bằng, Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Tấn Lê, Phan Văn Tân, Vĩ Minh Thứ- Lê Văn Trọng, <i>Sinh lý học dinh dưỡng ở thực vật</i>	Giáo dục	2020
		2. Nguyễn Như Khanh, Nguyễn Lương Hùng, <i>Giáo trình sinh lý học thực vật</i>	Giáo dục	2003
21a	Khí tượng thủy văn rừng	TL bắt buộc		
		1. Vương Văn Quỳnh, Trần Tuyết Hằng, <i>Khí tượng thủy văn rừng.</i>	NN,HN	1996
		TL tham khảo		
		1. Đoàn Văn Điềm, <i>Giáo trình Khí tượng nông nghiệp.</i>	NN,HN	2015
		2. Nguyễn Văn Viêt, <i>Ứng phó với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp Việt Nam.</i>	NN,HN	2017
21b	Khí tượng nông nghiệp	TL bắt buộc		
		1. Đoàn Văn Điềm, Nguyễn Thị Bích Yên <i>Giáo trình Khí tượng nông nghiệp.</i>	NN,HN	2015
		TL tham khảo		
		1. Bộ Tài nguyên và môi trường (2016), <i>Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam</i>	TNMT và bản đồ VN	2015.
22a	Sinh thái rừng	TL bắt buộc		
		1. Hoàng Kim Ngũ, Phùng Ngọc Lan, <i>Sinh thái rừng</i>	NN,HN	2005
		TL tham khảo		
		1. Hoàng Kim Ngũ, Phùng Ngọc Lan, <i>Sinh thái rừng</i>	NN,HN	1998
		2. Phạm Xuân Hoàn, Hoàng Kim Ngũ, <i>Lâm học</i>	NN,HN	2003
22b	Sinh thái cảnh quan	TL bắt buộc		
		1. Đỗ Quang Huy, <i>Bài giảng quy hoạch cảnh quan sinh thái</i>	Trường ĐHLN	2006
		TL tham khảo		
		1. Nguyễn Văn Tuyên, <i>sinh thái và môi trường</i>	Giáo dục	2001
23	Vi sinh vật học	TL bắt buộc		
		1. Nguyễn Xuân Thành, <i>Vi sinh vật học nông nghiệp</i>	ĐHSP	2004
		TL tham khảo		
		1. Nguyễn Như Thành, <i>Vi sinh vật học đại cương</i>	NN,HN	2004

TT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc/TLTK	NXB	Năm
		2. Nguyễn Xuân Thành (2005), <i>Giáo trình thực tập vi sinh vật</i>	NN,HN	2005
24	Thổ nhưỡng	TL bắt buộc		
		1. Trần Văn Chính. <i>Giáo trình Thổ Nhưỡng học</i>	NN,HN	2006
		TL tham khảo		
		1. Lê Văn Khoa. <i>Đất và Môi trường</i>	Giáo dục	2000
		2. Ngô Thị Đào, Vũ Hữu Yêm, <i>Đất và phân bón.</i>	ĐHSP,HN	2007
25	Đo đạc Lâm nghiệp	TL bắt buộc		
		1. Nguyễn Thanh Tiến, Vũ Văn Thông, Lê Văn Thơ, Đặng Thị Thu Hà, Phạm Mạnh Hà, <i>Giáo trình Đo đạc lâm nghiệp</i>	NN,HN	2008
		TL tham khảo		
		1. Đàm Xuân Hoàn, <i>Giáo trình Trắc địa</i>	NN,HN	2005
26	Nuôi trồng thủy sản đại cương	TL bắt buộc		
		1. Kim Văn Vạn, <i>Giáo trình Nuôi trồng thủy sản đại cương.</i>	NN,HN	2009
		TL tham khảo		
		1. Đỗ Đoàn Hiệp, Phạm Tân Tiến, Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	GDVN	2009
27a	Cây rừng	TL bắt buộc		
		1. Lê Mộng Chân, Lê Thị Huyền, <i>Thực vật rừng</i>	NN,HN	2008
		TL tham khảo		
		1. Nguyễn Tiến Bân, <i>Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật kín ở Việt Nam</i>	NN,HN	1997
		2. Hoàng Thị Bé, <i>Cây cỏ quanh em, T1,2</i>	Giáo dục	2005
27b	Cây xanh đô thị	TL bắt buộc		
		1. Trương Hữu Tuyên, <i>Trồng cây xanh đô thị</i>	NN, HN	1983
		TL tham khảo		
		2. Lê Mộng Chân, Lê Thị Huyền, <i>Thực vật rừng.</i>	NN,HN	2006
28	Giống cây rừng	TL bắt buộc		
		1. Lê Đình Khả, Dương Mộng Hùng, <i>Giống cây rừng</i>	NN,HN	2003
		TL tham khảo		
		1. Trần Đình Long, <i>Chọn giống cây trồng</i>	NN,HN	1997
		2. Vũ Đình Hoà, <i>GT Chọn giống cây trồng</i>	NN,HN	2005
29	Trồng rừng	TL bắt buộc		
		1. Mai Quang Trường, Lương Thị Anh, <i>Giáo trình Trồng rừng.</i>	NN,HN	2007
		TL tham khảo		
		1. Phùng Ngọc Lan, <i>Giáo trình kỹ thuật trồng một số loại cây rừng</i>	ĐHSP	2007
		2. Chu Thị Thơm, <i>Kỹ thuật trồng phi lao chống cát</i>	Lao động	2006
30	Động vật rừng	TL bắt buộc		

TT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc/TLTK	NXB	Năm
		1. Phạm Nhật, Đỗ Quang Huy, <i>Động vật rừng</i>	NN,HN	1998
		TL tham khảo		
		1. Phạm Nhật (2005), <i>Bài giảng nuôi động vật hoang dã.</i>	NN,HN	2005
31	Sâu bệnh hại cây rừng	TL bắt buộc		
		1. Nguyễn Thế Nhã, Lê Bảo Thanh, Nguyễn Thành Tuấn, Trần Tuấn Kha, <i>Quản lý dịch hại tổng hợp trong lâm nghiệp.</i>	NN,HN	2015
		2. Nguyễn Thế Nhã, <i>Côn trùng học</i>	NN,HN	2009
		TL tham khảo		
		1. Nguyễn Thế Nhã, Trần Công Loanh, Trần Văn Mão, <i>Điều tra dự tính, dự báo sâu bệnh trong lâm nghiệp.</i>	NN,HN	2001
		2. Nguyễn Thế Nhã, <i>Bảo vệ thực vật</i>	NN,HN	2004
32	Quản trị trang trại	TL bắt buộc		
		1. Viện kinh tế học, <i>Quản lý trang trại</i>	NN, HN	2014
		TL tham khảo		
		1. Nguyễn Thị Song An, <i>Quản trị nông trại</i>	ĐHQGHCM	2001
33	Điều tra rừng	TL bắt buộc		
		1. Vũ Tiến Hinh, Phạm Ngọc Giao, <i>Điều tra rừng</i>	NN,HN	1997
		TL tham khảo		
		1. Hoàng Sỹ Động, <i>Phương pháp điều tra đánh giá tài nguyên rừng nhiệt đới</i>	NN,HN	2006
34	Quy hoạch lâm nghiệp	Tài liệu bắt buộc:		
		1. Nguyễn Minh Cảnh, <i>Quy hoạch rừng</i>	NN,HN	2018
		Tài liệu tham khảo:		
		1. Lê Sỹ Việt, Trần Hữu Viên, <i>Quy hoạch lâm nghiệp</i>	NN,HN	1999
35	Khai thác lâm sản	TL bắt buộc		
		1. Trịnh Hữu Trọng, Nguyễn Kim, Ngô Văn Chính, <i>GT Khai thác vận chuyển lâm sản</i>	NN,HN	2001
		TL tham khảo		
		1. Trần Mỹ Thắng, <i>BG khai thác lâm sản</i>	ĐHLN	2001
36	Kỹ thuật lâm sinh	TL bắt buộc		
		1. Phạm Xuân Hoàn, Hoàng Kim, <i>Lâm học.</i>	NN,HN	2003
		TL tham khảo		
		1. Hoàng Kim Ngũ, Phùng Ngọc Lan, <i>Sinh thái rừng.</i>	NN,HN	2005
		2. Phạm Xuân Hoàn, <i>Một số vấn đề trong lâm học nhiệt đới</i>	Trường ĐHLN	2004
37	Sản lượng rừng	TL bắt buộc		
		1. Vũ Tiến Hinh, <i>Sản lượng rừng</i>	NN,HN	2003
		TL tham khảo		
		1. Vũ Tiến Hinh, Phạm Ngọc Giao, <i>Điều tra rừng.</i>	NN,HN	1997
38a	Chế phẩm	TL bắt buộc		

TT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc/TLTK	NXB	Năm
	sinh học trong nông nghiệp	1. Lương Đức Phẩm, <i>Giáo trình sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học trong nông nghiệp.</i>	Giáo dục	2011
		TL tham khảo		
		1. Nguyễn Xuân Thành, <i>Giáo trình công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp và xử lý ô nhiễm môi trường.</i>	NN,HN	2003
		2. Nguyễn Xuân Thành, <i>Giáo trình công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp.</i>	KHKT, HN	2010
38b	Công nghệ vi sinh trong sản xuất nông nghiệp	TL bắt buộc		
		1. Nguyễn Xuân Thành, <i>Giáo trình công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp.</i>	KHKT, HN	2010
		TL tham khảo		
		1. Chu Thị Thơm, <i>Tìm hiểu về chế phẩm vi sinh vật</i>	Lao động	2006
		2. Nguyễn Xuân Thành, <i>Giáo trình vi sinh vật học công nghiệp.</i>	Giáo dục	2007
39a	Đa dạng sinh học	TL bắt buộc		
		1. Lê Mạnh Dũng, <i>Giáo trình đa dạng sinh học.</i>	NN,HN	2010
		TL tham khảo		
		1. Lê Trọng Cúc, <i>Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên.</i>	ĐHQG, HN	2002
39b	Chăn nuôi động vật hoang dã	TL bắt buộc		
		1. Nguyễn Văn Thu, <i>Giáo trình Chăn nuôi động vật hoang dã.</i>	Trường ĐH Cần Thơ	2011
		TL tham khảo		
		1. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, <i>Cảm nang ngành lâm nghiệp, Chương Bảo tồn và quản lý động vật hoang dã ở Việt Nam</i> , NXB GTVT, 2004.	GTVT	2004
40a	Nông lâm kết hợp	TL bắt buộc		
		1. Phạm Quang Vinh, Phạm Xuân Hoàn. <i>Nông lâm kết hợp.</i>	NN,HN	2005
		TL tham khảo		
		1. Chu Thị Thơm, <i>Hướng dẫn sản xuất kết hợp nông - lâm nghiệp ở vùng đồi núi</i>	Lao động	2006
		2. Chu Thị Thơm, <i>Kỹ thuật canh tác trên đất dốc</i>	Lao động	2006
40b	Hệ thống nông nghiệp	TL bắt buộc		
		1. Phạm Tiến Dũng, <i>Hệ Thống Nông nghiệp.</i>	NN,HN	2013
		TL tham khảo		
		1. Phạm Chí Thành, Phạm Tiến Dũng, <i>Hệ Thống Nông nghiệp.</i>	NN,HN	1996
		2. Trần Danh Thìn, Nguyễn Huy Trí, <i>Hệ thống nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp bền vững</i>	NN,HN	2011
41a	Lừa rừng	TL bắt buộc		

TT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc/TLTK	NXB	Năm
		1. Bế Minh Châu, Phùng Văn Khoa, <i>Lửa rừng</i> .	NN,HN	2002
		TL tham khảo		
		1. Vương Văn Quỳnh, Trần Tuyết Hằng, <i>Khí tượng thủy văn rừng</i> .	NN,HN	1996
41b	Dự báo tài nguyên và quản lý thảm họa	TL bắt buộc		
		1. Lê Văn Khoa, <i>Khoa học môi trường</i>	GD	2008
		TL tham khảo		
		1. Bế Minh Châu, Phùng Văn Khoa, <i>Lửa rừng</i> .	NN,HN	2002
		2. Lê Mộng Chân, <i>Khoa học tài nguyên thiên nhiên</i>	NN,HN	1996
42a	Kinh tế lâm nghiệp	TL bắt buộc		
		1. Nguyễn Văn Đệ (2005), <i>Kinh tế lâm nghiệp</i>	ĐHLN	2005
		2. Phạm Xuân Phương, <i>Kinh tế lâm nghiệp</i>	NN,HN	1997
		TL tham khảo		
		1. Nguyễn Nghĩa Biên, <i>Kinh tế quản lý rừng và biến đổi khí hậu</i>	NN,HN	2017
		2. Nguyễn Văn Tuấn, <i>Quản lý doanh nghiệp lâm nghiệp</i>	Trường ĐHLN	2002
42b	Pháp luật lâm nghiệp	TL bắt buộc		
		1. Quốc hội nước CHXHXNVN, <i>Luật Lâm nghiệp</i> .	CTQG ST, HN	2017
		TL tham khảo		
43a	Cây dược liệu	1. Nguyễn Văn Hồ, <i>Bài giảng luật và hành chính lâm nghiệp</i> .	ĐHQGHC M	1995
		TL bắt buộc		
		1. Bộ NN&PTNT, Cục PTLN. <i>Kỹ thuật trồng một số loài cây đặc sản rừng</i>	NN,HN	2002
		TL tham khảo		
43b	Công nghệ nuôi trồng nấm ăn và nấm dược liệu	1. Đỗ Tất Lợi. <i>Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam</i>	Y học Dân tộc	1995
		TL bắt buộc		
		1. Nguyễn Lâm Dũng, <i>Công nghệ nuôi trồng nấm T1,2</i> .	NN,HN	2002
		TL tham khảo		
		1. Nguyễn Lâm Hùng, <i>Kỹ thuật trồng mộc nhĩ</i> , (Tái bản lần 2)	NN,HN	2002
44a	Marketing nông nghiệp	2. Nguyễn Hữu Đồng, Đinh Xuân Linh, <i>Nấm ăn cơ sở khoa học và công nghệ nuôi trồng</i> .	NN,HN	2001
		TL bắt buộc		
		1. Nguyễn Nguyên Cự, <i>Giáo trình Marketing nông nghiệp</i> .	ĐHNN, HN	2008
		TL tham khảo		
		1. Trần Minh Đạo, <i>Giáo trình marketing căn bản</i> .	ĐH KTQD	2006
44b	Khuyến nông	2. Vũ Đình Thắng, <i>Giáo trình kinh tế nông nghiệp</i> .	ĐH KTQD	2008
		TL bắt buộc		
		1. Nguyễn Văn Long, <i>Giáo trình khuyến nông</i>	ĐHNNHN	2008
		TL tham khảo		

TT	Tên học phần	Tài liệu bắt buộc/TLTK	NXB	Năm
		1. Nguyễn Duy Hoan, Tống Khiêm, Đinh Ngọc Lan, <i>Tài liệu tập huấn phương pháp khuyến nông.</i>	NN, HN	2007
45a	Lập và quản lý dự án PTNT	TL bắt buộc		
		1. Hoàng Mạnh Quân. <i>Lập dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn</i>	Trường ĐHNN	2007
		TL tham khảo		
		1. Nguyễn Thị Bạch Nguyệt. <i>Giáo trình Lập dự án đầu tư</i>	ĐHKTQD	2012
		2. ĐHKTQD, <i>Lập dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn</i>	NN, HN	1996
45b	Phát triển nông thôn	TL bắt buộc		
		1. Mai Thanh Cúc, Quyền Đình Hà. <i>Giáo trình Phát triển nông thôn</i>	Trường ĐHNN	2005
		TL tham khảo		
		1. Trương Huy Chinh, <i>Quy hoạch xây dựng nông thôn bền vững</i>	NN, HN	2018

12. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình

12.1. Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số:1982/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 10 năm 2016, Quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

12.2. Thủ tướng Chính phủ. Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ.

12.3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Lâm nghiệp, 2017.

12.4. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 6 năm 2021. Thông tư Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

12.5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình giáo dục đại học ngành Lâm nghiệp.

12.6. Đại học Hồng Đức Chương trình giáo dục đại học ngành Lâm nghiệp (QĐ số 620/QĐ-ĐHHĐ ngày 15/6/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

12.7. Đại học Hồng Đức Chương trình giáo dục đại học ngành Lâm nghiệp (QĐ số 2559/QĐ-ĐHHĐ ngày 30/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

12.8. Đại học Hồng Đức Chương trình giáo dục đại học ngành Lâm nghiệp (QĐ số 756/QĐ-ĐHHĐ ngày 19/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

12.9. Đại học Hồng Đức Công văn số 157/ĐHHĐ-QLĐT ngày 24/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc cập nhật quy định theo thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT và bổ sung hồ sơ minh chứng phục vụ thẩm định chương trình đào tạo.

12.10. Đại học Lâm nghiệp. Chương trình đào tạo ngành Lâm nghiệp, (2020), Quyết định số 566/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 10/4/2020 của Hiệu trưởng trường ĐH Lâm nghiệp.

12.11. Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh. CTĐT đại học ngành Lâm nghiệp.

12.12. Đại học nông lâm Thái Nguyên (2020). Chương trình đào tạo ngành Lâm sinh.

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

13.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;
- Đào tạo hình thức giáo Vừa làm vừa học: Áp dụng theo quy định hiện hành và thời gian đào tạo kéo dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng CTĐT;
- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc Vừa làm vừa học;
- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

13.2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với CTĐT. Trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; Xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của CTĐT. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Căn cứ thực tế hiện có và yêu cầu điều kiện về phòng thực hành, thí nghiệm, tài liệu dạy học phục vụ đào tạo, Trưởng phòng QT, VT-TB, Giám đốc TT TTTV xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung trình Hiệu trưởng quyết định.

13.3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả CTĐT.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong Đề cương học phần và Đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của CTĐT.

13.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và CTĐT. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá CTĐT và điều chỉnh CTĐT.

Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

13.5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật định kỳ ít nhất một lần trong 5 năm. Trong trường hợp cần thiết phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về Nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chương trình đào tạo chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng.

Việc điều chỉnh, cập nhật bổ sung được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền